CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN "CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM"

Địa điểm: Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (nay là xã Quang Minh, thành phố Hà Nội)

Hà Nội, tháng 11 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN "CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM"

Địa điểm: Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (nay là xã Quang Minh, thành phố Hà Nội)

CHỦ DỰ ÁN	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP GALAXY VIỆT NAM	**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NGÂN SANG**

CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bình Đức

Hà Nội, tháng 11 năm 2025

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU **7**
Chương 1: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN **27**
1.1. Thông tin về dự án 28
1.1.1. Tên dự án *28*
1.1.2. Thông tin về chủ đầu tư dự án *28*
1.1.3. Vị trí địa lý *28*
1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án *30*
1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường *35*
1.1.6. Mục tiêu; quy mô; công suất; công nghệ và loại hình dự án. *36*
1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án 39
1.2.1. Các hạng mục công trình của dự án *39*
1.2.2. Các hoạt động của dự án *40*
1.2.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của dự án *40*
1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án 41
1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành 49
1.5. Biện pháp tổ chức thi công 62
1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án 62
Chương 2: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN **64**
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội 64
2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án 64
2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường *68*
2.2.2. Hiện trạng tài nguyên sinh vật *70*
2.3 Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án 71
2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án 72
Chương 3: ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG **73**
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng, lắp đặt thiết bị 73

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động 73
3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường trong giai đoạn xây dựng, lắp đặt thiết bị 81
3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành 83
3.2.1.. Đánh giá, dự báo các tác động 83
3.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.....100
3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường 131
3.3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.....132
3.3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục. 132
3.3.3. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường. 132
3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:.....133
Chương 4: PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.....134
Chương 5: CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG.....135
5.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án.....135
5.2. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án 141
Chương 6: KẾT QUẢ THAM VẤN 143
6.1. Tham vấn cộng đồng.....143
6.1.1 Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng: 143
6.1.1. 2. Tham vấn bằng văn bản.....143
6.1.2. Kết quả tham vấn 143
6.2 Tham vấn ý kiến chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức chuyên môn 146
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT.....147
TÀI LIỆU THAM KHẢO 149

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTCT:	Bê tông cốt thép
CB:	Cán bộ
KCN:	Khu công nghiệp
CTR:	Chất thải rắn
CTNH:	Chất thải nguy hại
XLNT:	Xử lý nước thải
XLKT:	Xử lý khí thải
PCCC:	Phòng cháy chữa cháy
XM:	Xi măng
VSMT:	Vệ sinh môi trường

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 0. 1 Tiêu chuẩn áp dụng 14
Bảng 0. 2. Danh sách lập báo cáo ĐTM 18

Bảng 1. 1 Tọa độ mốc giới của nhà máy 28
Bảng 1. 2. Quy mô các hạng mục công trình của nhà máy 30
Bảng 1. 3 Công suất sản xuất của nhà máy 37
Bảng 1. 4. Danh mục máy móc thi công 42
Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu 42
Bảng 1. 6. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho dây chuyền sản xuất 42
Bảng 1. 7. Nguyên vật liệu chính phục vụ cho sản xuất 44
Bảng 1. 8 Hàm lượng chỉ tiêu phân tích mẫu quặng, bùn thải 45
Bảng 1. 9. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án 47
Bảng 1. 10. Sản phẩm của dự án 48
Bảng 1. 11. Cơ cấu lao động dự kiến trong bộ máy quản lý 63

Bảng 2. 1. Giá trị quy chuẩn nước thải đầu vào của KCN Quang Minh 67
Bảng 2. 2 Thông tin về vị trí, chỉ tiêu giám sát các mẫu môi trường nền của dự án 68
Bảng 2. 3. Chất lượng môi trường không khí tại khu vực Dự án 70
Bảng 2. 4 Kết quả phân tích khí thải 70
Bảng 2. 5 Kết quả phân tích nước thải 71

Bảng 3. 1. Thành phần và tính chất NTSH (Chưa áp dụng biện pháp xử lý) 74
Bảng 3. 2. Nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận tải giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị 75
Bảng 3. 3. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn 78
Bảng 3. 4. Tổng hợp các nguồn phát sinh chất thải của Dự án 84
Bảng 3. 5. Lưu lượng nước thải 84
Bảng 3. 6. Nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt 85
Bảng 3. 7 Nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận tải giai đoạn vận hành 87
Bảng 3. 8. Hệ số ô nhiễm đối với lò điện có kiểm soát khí thải và hiệu xuất xử lý của hệ thống xử lý bụi và khí thải 89
Bảng 3. 9. Hệ số ô nhiễm đối với một số chất ô nhiễm trong khí thải lò nấu đồng 89

Bảng 3. 10. Tải lượng ô nhiễm bụi từ lò nung luyện 90
Bảng 3. 11. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh.....91
Bảng 3. 12. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh 91
Bảng 3. 13. Tiếng ồn phương tiện giao thông vận tải 92
Bảng 3. 14. Dự báo mức ồn phát sinh bên trong xưởng sản xuất giai đoạn vận hành dự án (đơn vị dBA) 93
Bảng 3. 15. Dự báo mức ồn phát sinh bên ngoài xưởng sản xuất giai đoạn vận hành .93
Bảng 3. 16. Nguyên nhân dẫn đến sự cố cháy nổ.....96
Bảng 3. 17. Phân tích nguyên nhân một trường hợp phổ biến gây sự cố vận hành hệ thống xử lý khí thải.....98
Bảng 3. 18. Thống kê các hạng mục của hệ thống thoát nước mưa chảy tràn.....101
Bảng 3. 19. Thống kê các hạng mục của hệ thống thu gom nước thải của Nhà máy .102
Bảng 3. 20 Dung tích các bể xử lý nước thải 106
Bảng 3. 21Danh mục thiết bị xử lý nước thải 106
Bảng 3. 22. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi khu vực nạp liệu xưởng bột bả tường.....110
Bảng 3. 23. Sơ đồ quy trình thu gom xử lý bụi khu vực nghiền xưởng sản xuất sơn nước 111
Bảng 3. 24. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi tại máy nghiền xưởng sơn nước 111
Bảng 3. 25. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý hơi hóa chất tại xưởng điện phân 113
Bảng 3. 26. Danh mục thiết bị trong 01 hệ thống xử lý bụi 115
Bảng 3. 27. Thùng lưu giữ CTNH.....117
Bảng 3. 28. Quy trình khắc phục sự cố hỏng thiết bị của HTXLKT 120
Bảng 3. 29. Mô tả quy trình phòng ngừa, ứng phó sự cố HTXLKT xả khí không đạt tiêu chuẩn xả thải.....122
Bảng 3. 30. Quy mô các công trình bảo vệ môi trường 132

Bảng 5. 1. Chương trình quản lý môi trường 136
Bảng 5. 2. Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu và phân tích khí thải 141

Bảng 6. 1. Kết quả tham vấn 144

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1 Vị trí Dự án trên bản đồ vệ tinh.....29
Hình 1. 2 Hiện trạng các công trình hiện có của công ty 33
Hình 1. 3. Sơ đồ cân bằng nước của Dự án.....48
Hình 1. 4 Công nghệ sản xuất sơn nước.....50
Hình 1. 5. Quy trình sản xuất bột bả tường 51
Hình 1. 6. Quy trình thủy luyện, lọc và Lọc và tái chế phế liệu và chất chứa Nickel, đồng và kim loại màu khác.....55
Hình 1. 7 Mặt bằng nhà xưởng.....57
Hình 1. 8. Bố trí mặt bằng và sơ đồ công nghệ tại nhà xưởng 1 58
Hình 1. 9 Công nghệ hỏa luyện.....61

Hình 2. 1. Sơ đồ lấy mẫu của dự án 69

Hình 3. 1. Sơ đồ mạng lưới thoát nước mưa của Nhà máy 100
Hình 3. 2. Sơ đồ thoát nước mưa và vị trí điểm xả nước mưa của Nhà máy 101
Hình 3. 3. Sơ đồ quy trình thu gom, thoát nước thải của Nhà máy.....102
Hình 3. 4. Sơ đồ thoát nước thải và vị trí điểm xả nước thải của Nhà máy 103
Hình 3. 5Công nghệ xử lý nước thải hệ thống 5 m^3/ngày đêm 105
Hình 3. 6.Sơ đồ quy trình thu gom xử lý bụi khu vực nạp liệu xưởng bột bả tường ..110
Hình 3. 7. Sơ đồ quy trình thu gom xử lý hơi hóa chất tại xưởng điện phân.....112
Hình 3. 8. Công nghệ xử lý khí thải 114
Hình 3. 9. Hệ thống lọc bụi túi vải 115
Hình 3. 10. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ 126

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1 Thông tin chung về dự án

Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 2500230333 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu 20/7/2004, đăng ký thay đổi lần 10, ngày 30/10/2023.

Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam đã tiến hành mua lại Dự án "Xây dựng Nhà máy sơn nước và bột bả tường Galaxy" của công ty TNHH Viễn Đông II tại Lô 48, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội (nay là Lô 48, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, TP Hà Nội). UBND tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) đã có Quyết định số 3167/QĐ-UB ngày 9/9/2004 về việc đổi chủ dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sơn nước và bột bả tường Galaxy tại KCN Quang Minh – Vĩnh Phú của Công ty TNHH Viễn Đông II sang Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam. Dự án "Nhà máy sơn nước và bột bả tường Galaxy" đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 3250/QĐ-CT ngày 15/9/2004. Quy mô sản xuất của nhà máy: Sản xuất sơn nước: 7.200.000 lít/năm; bột bả tường: 40.000 tấn/năm.

Ngày 30/12/2011, Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án xây dựng Nhà máy sơn nước và bột bả tường Galaxy. Các công trình BVMT đã được cấp phép gồm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m^3/ngđ; Nước thải sản xuất tái sử dụng hoàn toàn, không xả ra môi trường; lắp đặt hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp lọc bụi túi vải tại dây chuyền sản xuất bột bả và dây chuyền sản xuất sơn.

Ngày 11/3/2016, Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam đã tiến hành lập Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường", đã được Ban Quản lý các KCN và chế xuất Hà Nội (nay là Ban quản lý các khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội) cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8413630155, chứng nhận lần đầu với ngành nghề sản xuất sơn nước (công suất sản xuất: 15.000 tấn sản phẩm/năm)và bột bả tường (Công suất 10.000 tấn sản phẩm/năm); diện tích thực hiện dự án; 12.030 m^2.

Ngày 03/1/2018, UBND thành phố Hà Nội có Quyết định số 46/QĐ-UBND phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Mở rộng quy mô sản xuất nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường giai đoạn 2" với công suất sản xuất sơn nước: 15.000 tấn sp/năm; bột bả tường: công suất 10.000 tấn sản phẩm/năm; sơn dầu: 10.000 tấn sản phẩm/năm. Các công trình BVMT của nhà máy được phê duyệt: Nước thải sinh

hoạt: nước thải W.C xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn (dung tích 15 m^3); nước thải nhà bếp được xử lý qua bể tách mỡ 5 m^3 và xả thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Quang Minh và dẫn về trạm XLNT tập trung của KCN; Nước thải sản xuất: xây dựng hệ thống xử lý công suất 1,5 m^3/h tương đương 12 m3/ngđ, đảm bảo TC KCN sẽ được xả thải vào hệ thống thoát nước chung của KCN; Khí thải: giữ nguyên 02 hệ thống xử lý bụi, khí thải của xưởn sơn nước và và bột bả bằng phương pháp lọc bụi túi vải theo Giấy xác nhận bảo vệ môi trường đã được cấp; đầu tư mới hệ thống xử lý khí thải cho xưởng sơn dầu bằng phương pháp hấp phụ than hoạt tính.

Tuy nhiên, thị trường khách hàng không còn nên công ty đã không đầu tư dây chuyền sản xuất sơn dầu cũng như không lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho xưởng sơn dầu; hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 12 m^3/ngđ.

Từ năm 2019 đến năm 2024, do ảnh hưởng của dịch bệnh và suy thoái của nền kinh tế nên Công ty chỉ hoạt động gián đoạn, cầm chừng khi có đơn hàng. Nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường và định hướng phát triển theo xu thế mới, Ngày 6/6/2025, Công ty đã tiến hành lập Dự án "Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam" nhằm điều chỉnh mục tiêu sản xuất, đa dạng sản phẩm. Quy mô sản xuất của công ty như sau: sản xuất sơn nước (mã ngành 2022): công suất 15.000 tấn sản phẩm/năm; sản bột bả tường (mã ngành 2022): công suất 10.000 tấn sản phẩm/năm; thủy luyện Niken, đồng và các kim loại màu (mã ngành 2022): công suất 8.000 tấn sản phẩm/năm; Lọc, tái chế phế liệu và chất chứa Nickel, đồng và kim loại màu khác (mã ngành 3822): công suất tối đa 8.000 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất kim loại màu - Hỏa luyện Nickel, đồng và kim loại màu khác (mã ngành 3830): công suất tối đa 8.000 tấn sản phẩm/năm.

Loại hình dự án: Dự án mở rộng sản xuất. Trong đó, có tái chế phế liệu và nhập khẩu phế liệu để sản xuất thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Lí do lập ĐTM:

Dự án "Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam" có dịch vụ tái chế, nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất. Dự án thuộc số 9 , của Phụ lục I ban hành kèm theo theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Căn cứ điểm a, Khoản 1, Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường thì thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường do Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định và phê duyệt.

Phạm vi báo cáo ĐTM

Phạm vi đánh giá tác động:

- Đánh giá tác động môi trường và đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trong lắp đặt thiết bị.

- Đánh giá tác động và đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường khi toàn bộ dự án đi vào vận hành, gồm:

+ Đánh giá tác động do hoạt động sản xuất và vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

+ Đánh giá tác động do hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại dự án

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư

Cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư: Ban quản lý các khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội. Mã số dự án 8413630155, đăng ký lần đầu ngày 11/3/2016; chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 06/6/2025.

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Dự án phù hợp với các quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch phát triển của KCN bao gồm:

- Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia: Dự án phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg Ngày 08/07/204. Theo đó, tại Điều 1 của Quyết định ghi rõ "khuyến khích đầu tư, xây dựng các cơ sở tái chế hiện đại". Dự án các ngành nghề tái chế đồng, Niken với công nghệ tiên tiến, hiện đại nên phù hợp với nhiệm vụ về bảo vệ môi trường.

- Quy hoạch về phân vùng môi trường: Căn cứ vào Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, vị trí thực hiện dự án nằm trong KCN nên thuộc phân vùng bảo vệ khác (không nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và hạn chế phát thải).

- Sự phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư của Khu công nghiệp Quang Minh

Theo Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 31/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt QHCT KCN Quang Minh I tại huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc – tỷ lệ 1/2000 (nay là xã Quang Minh, TP Hà Nội), KCN Quang Minh là KCN đa ngành nghề. Do đó, mục tiêu sản xuất của Dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch

- Sự phù hợp về quy hoạch sử dụng đất

Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 228535 ngày 16/3/2005 với mục đích đất sản xuất kinh doanh tại KCN Quang Minh. Thời hạn sử dụng đất đến ngày 06/11/2052. Do đó vị trí thực hiện dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.

1.4. Dự án nằm trong Khu công nghiệp Quang Minh

Dự án "Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam" được thực hiện trong khuôn viên nhà máy hiện hữu của Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam tại KCN Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội. Dự án này thuộc loại hình dự án nâng công suất; ngành nghề đầu tư chính là sản xuất sơn nước, Bột bả tường, Sản xuất Nickel, Đồng và các kim loại màu khác bằng phương pháp thủy luyện, hỏa luyện ,Lọc, tái chế phế liệu và chất chứa Nickel, đồng và kim loại màu khác

Căn cứ theo nội dung tại Trang 7, Báo cáo đánh giá tác động môi trường: "Dự án đầu tư và phát triển hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh - giai đoạn 2" kèm theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1384/QĐ-CT ngày 29/4/2008; các ngành nghề được phép đầu tư vào KCN Quang Minh bao gồm:

- Công nghiệp lắp ráp, cơ khí, điện tử
- Công nghiệp chế biến thực phẩm
- Công nghiệp nhẹ, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng
- Công nghiệp chế tạo đồ trang sức
- Công nghiệp sản xuất linh kiện điện tử chính xác, xe máy, ô tô, đồ điện gia dụng.
- Cơ khí
- Các ngành công nghiệp khác.

Như vậy, có thể thấy, các hoạt động của dự án "Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam" thuộc các ngành nghề công nghiệp khác Các hoạt động Dự án bổ sung hoàn toàn phù hợp với ngành nghề hoạt động của KCN Quang Minh.

Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của KCN Quang Minh:

Nhà máy xử lý nước thải chung của KCN Quang Minh có công suất 6.000 m^3/ngày.đêm thiết kế 02 modun: Mô đun số 1: Công suất 2.000m^3/ngày.đêm, Mô đun số 2: Công suất 4.000m^3/ngày.đêm

Yêu cầu đấu nối nước thải đầu vào của HTXLNT của KCN: Xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

Hiện trạng xử lý nước thải của KCN Quang Minh: Theo số liệu Báo cáo công tác BVMT của KCN Quang Minh: Trung bình tổng lượng nước thải ra từ các nhà máy, xí nghiệp thuộc KCN lên tới 3700m^3/ngày;

Nước thải hiện trạng của Dự án: nước thải sinh hoạt: 1 m^3/ngày.đêm, khi Dự án nâng công suất, lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh 3,75 m^3/ngày.đêm, không xả nước thải sản xuất ra môi tường. Chủ dự án sẽ xây dựng 01 hệ thống xử lý 5 m^3/ngđ để xử lý sinh hoạt đạt quy chuẩn đấu nối của KCN trước khi thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

Như vậy, lưu lượng nước thải và tính chất nước thải của Dự án hoàn toàn phù hợp với khả năng tiếp nhận nước thải của KCN Quang Minh.

2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM.

a. Căn cứ lập ĐTM

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 16/08/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ngày 15/5/2025: Ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh (gồm QCVN 26:2025/BTNMT; QCVN 27:2025/BTNMT; QCVN 43:2025/BTNMT có hiệu lực từ ngày 14/11/2025).

- Thông tư số 02/2025/TT-BTNMT ngày 12/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người

- Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô

thị, khu dân cư tập trung (có hiệu lực từ ngày 01/9/2025).

- Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (có hiệu lực từ ngày 01/9/2025).

- Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 41/2025/TT-BTNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

- Thông tư 53/2025/TT-BTNMT ngày 27/8/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia vê công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ.

- Văn bản số 1074/BTNMT-KSONMT ngày 21/02/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật kiểm kê phát thải bụi và khí thải từ nguồn thải điểm, nguồn diện và nguồn di động.

b. Căn cứ có liên quan

** Văn bản pháp luật liên quan đến quy hoạch bảo vệ môi trường*

- Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

** Văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực xây dựng*

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;

- Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

- Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 ban hành QCVN 07:2023/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

** Văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực Bảo vệ sức khỏe*

- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 25/06/2015;

- Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn vệ sinh lao động;

- Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện quản lý vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp;

** Văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực PCCC*

- Luật Phòng cháy và Chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/06/2001 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9;

- Luật sử đổi, bổ sung một số điều Phòng cháy và Chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6;

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Luật sử đổi, bổ sung một số điều Phòng cháy và Chữa cháy;

- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Luật sử đổi, bổ sung một số điều Phòng cháy và Chữa cháy và nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Luật sử đổi, bổ sung một số điều Phòng cháy và Chữa cháy;

- Thông tư 02/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình

** Văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực Hóa chất*

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa 12, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 22/11/2007;

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị số 113/2017 ngày 09/10/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa Chất;

- Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa Chất;

- Thông tư 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

** Văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực chuyển giao công nghệ*

- Luật chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 19/6/2017;

- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ;

** Văn bản pháp luật về các lĩnh vực khác*

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XIV kỳ họp thứ 9 ban hành ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ Quy định về quản lý Khu công nghiệp và khu kinh tế;

- Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 được phê duyệt tại Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

b/ Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng

Trong báo cáo ĐTM này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam về môi trường, xây dựng được áp dụng:

Bảng 0. 1 Tiêu chuẩn áp dụng

Chỉ tiêu	Tiêu chuẩn áp dụng
Chất lượng không khí	- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí; - QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp
Ồn, rung	- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; - QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về rung; - QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (có hiệu lực từ 14/11/2025) - QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về rung (có hiệu lực từ ngày 14/11/2025)
Chất lượng nước	- QCVN 08:2023 /BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; - QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (có hiệu lực từ tháng 1/9/2025)
Chất lượng	- QCVN 03:2023 /BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường đất;

Chỉ tiêu	Tiêu chuẩn áp dụng
đất	
Các quy chuẩn khác	- QCVN 07:2016 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật
	- QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng
	- QCVN 06:2022/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.
	- TCVN 7957:2023 Thoát nước: Mạng lưới và công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế.

2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 2500230333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/07/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 30/10/2023

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8413630155 do Ban quản lý các khu công nghiệp cao và khu công nghiệp cấp chứng nhận lần đầu 11/3/2016, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 06/6/2025.

- Quyết định số 4215/QĐ-UB ngày 06/11/2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc thu hồi và giao đất cho Công ty TNHH Viễn Đông II thuê đất xây dựng Nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 228535 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 16/3/2005 cho Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PC&CC số 42/TD-PCCC ngày 16/11/2005

- Giấy phép xây dựng số 403/GPXD ngày 26/2/2025 của Ban quản lý các KCN và chế xuất Hà Nội cấp cho Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam tại lô 48, KCN Quang Minh I, được xây dựng nhà xưởng điện phân số 5, nhà điện phân số 1 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường.

- Các giấy tờ môi trường của dự án

Quyết định số 3250/QĐ-CT ngày 15/09/2004 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt báo cáo ĐTM dự án xây dựng nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường nhãn hiệu Galaxy

Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH mã số QLCTNH: 01.000179.T do Sở TNMT thành phố Hà Nội cấp ngày 17/02/2009

Giấy xác nhận số 247/STNMT-CCMT ngày 30/12/2011 về việc hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường nhãn hiệu Galaxy";

+ Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 03/1/2018 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Mở rộng quy mô sản xuất Nhà máy sản xuất sơn và bột bả tường giai đoạn 2".

- Các hợp đồng, thỏa thuận của Dự án

+ Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 68B/2024/HĐ-XLNT ngày 01/4/2024 giữa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức và Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam (Thời hạn hợp đồng đến 15/12/2027)

+ Hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải số 03.06.25/HĐ-CNX-GALAXY ngày 03/6/2025 giữa Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam và Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh

Các giấy tờ liên quan KCN Quang Minh

- Quyết định số 2108/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2003 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư KCN Quang Minh, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 31/7/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt QHCT KCN Quang Minh I tại huyện Mê Linh tỉnh Vĩnh Phúc – tỷ lệ 1/2000.

2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường.

- Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án, năm 2025.

- Thiết kế kỹ thuật hệ thống khí thải, XLNT, năm 2025.

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

3.1. Tóm tắt về việc tổ chức thực hiện ĐTM

- Nghiên cứu dự án: Quy mô dự án, phương án thi công dự án; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật; hiện trạng khu đất thực hiện dự án; hiện trạng sản xuất của công ty, các đối tượng xung quanh dự án.

- Điều tra, khảo sát đánh giá hiện trạng môi trường tại khu vực dự án:

  - ✓ Điều tra khảo sát thực địa khu vực dự án; hiện trạng sản xuất; hiện trạng các công trình BVMT của công ty
  - ✓ Lấy mẫu tại hiện trường và phân tích các thành phần môi trường trong phòng thí nghiệm.

- Dự báo các tác động môi trường và đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động

tiêu cực.

- Đề xuất chương trình quan trắc, giám sát môi trường cho dự án.
- Xây dựng báo cáo tổng hợp.
- Tham vấn cộng đồng
- Nộp báo cáo ĐTM lên Bộ NN và MT.
- Báo cáo trước hội đồng thẩm định.
- Chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo theo ý kiến của hội đồng thẩm định.

3.2. Tổ chức thực hiện lập báo cáo ĐTM

Việc thực hiện đánh giá tác động môi trường được thực hiện bởi Chủ đầu tư dưới sự tư vấn của Công ty TNHH tư vấn chuyển giao công nghệ môi trường Ngân Sang.

Chủ đầu tư

Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam

- Địa điểm trụ sở chính: Lô 48, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội (nay là Lô 48, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, TP Hà Nội)
- Người đại diện: Ông Vũ Quốc Hùng,
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Điện thoại liên hệ: 024.38182046

Đơn vị tư vấn

Công ty TNHH tư vấn chuyển giao công nghệ môi trường Ngân Sang.

- Người đại diện: Ông Nguyễn Việt Vương Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số nhà 18, nghách 41, ngõ 184, đường Hoa Bằng, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 0913545719

Bảng 0. 2. Danh sách lập báo cáo ĐTM

TT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Chuyên ngành đào tạo	Nội dung phụ trách	Ký tên
A	**Chủ đầu tư**				
1	Ông: Nguyễn Bình Đức	Tổng Giám đốc		Chịu trách nhiệm chính. Kiểm soát, tham gia ý kiến vào báo cáo ĐTM do đơn vị tư vấn lập	
B	**Công ty TNHH tư vấn chuyển giao công nghệ môi trường Ngân Sang**				
1	Nguyễn Việt Vương	Giám đốc	Môi trường	- Phân công nhiệm vụ cho nhân viên	
2	Tạ Thị Phượng	Thạc sỹ	Môi trường	- Liên hệ với chủ dự án để cung cấp toàn bộ thông tin của dự án - Viết chương 1- Tóm tắt báo cáo	
3	Phạm Thu Hà	Cử nhân	Công nghệ sinh học	Kết hợp với đơn vị phân tích mẫu, thực hiện viết báo cáo kết quả phân tích mẫu môi trường nền và các điều kiện tự nhiên - xã hội của dự án	
4	Đào Hồng Nhung	Cử nhân	Kỹ thuật môi trường	Nghiên cứu, trình bày đánh giá tác động môi trường của dự án và biện pháp giảm thiểu tác động	

4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường

4.1. Các phương pháp ĐTM

a. Phương pháp chỉ số môi trường

Phân tích các chỉ thị môi trường nền (điều kiện vị trí, chất lượng không khí,…) trước khi thực hiện dự án. Trên cơ sở các số liệu nền này, có thể đánh giá chất lượng môi trường hiện trạng tại khu vực thực hiện dự án, làm cơ sở để so sánh với chất lượng môi trường sau này, khi dự án đi vào vận hành. Phương pháp này được sử dụng tại mục 2.2, chương 2 của báo cáo.

b. Phương pháp đánh giá nhanh trên cơ sở hệ số ô nhiễm

Áp dụng các hệ số phát thải theo Văn bản số 1074/BTNMT-KSONMT ngày 21/2/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc hướng dẫn kỹ thuật kiểm kê phát thải bụi và khí thải từ nguồn thải điểm, nguồn diện và nguồn di động. Phương pháp này được sử dụng trong báo cáo ĐTM tại mục 3.1.1 và 3.2.1, chương 3.

Phương pháp này do tổ chức y tế thế giới (WHO) thiết lập. Trên cơ sở các hệ số ô nhiễm tùy theo từng ngành sản xuất và các biện pháp bảo vệ môi trường kèm theo, phương pháp cho phép dự báo tải lượng ô nhiễm về không khí, nước, chất thải rắn khi triển khai cải tạo, lắp đặt thiết bị và vận hành. Phương pháp này được sử dụng trong báo cáo ĐTM tại mục 3.2.1, chương 3.

c. Phương pháp mô hình hóa

Sử dụng công thức tính mô hình Sutton cải biên để tính toán nồng độ của các chất ô nhiễm như bụi, khí thải trong không gian và theo thời gian tại khu vực dự án tại chương tại 3.1.1 và 3.2.1, chương 3 của Báo cáo.

4.2. Phương pháp khác

a. Phương pháp khảo sát thực địa

Phương pháp khảo sát thực địa nhằm tìm hiểu các đối tượng xung quanh của dự án, vị trí thực hiện dự án, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật của khu vực dự án phục vụ cho quá trình thực hiện lập ĐTM dự án. Đồng thời trong quá trình khảo sát, chủ dự án kết hợp cùng đơn vị tư vấn và đơn vị phân tích mẫu tiến hành lấy mẫu môi trường nền tại dự án. Phương pháp này nhằm chuẩn hóa công nghệ sản xuất, công trình bảo vệ môi trường của nhà máy tại chương 1 và lấy kết quả cho đánh giá hiện trạng môi trường tại chương 2 của báo cáo.

b. Phương pháp thống kê

Phương pháp này dựa trên các kết quả đã đạt được từ các công trình nghiên cứu, các tài liệu khoa học để đưa ra những đánh giá cho các tác động môi trường; Các tài liệu

(như bản vẽ thiết kế, thuyết minh thiết kế cơ sở dự án...) của chủ đầu tư.

Phương pháp này thống kê các công trình bảo vệ môi trường của nhà máy tại chương 1, chương 3 của báo cáo.

c. Phương pháp so sánh

Các số liệu, kết quả đo đạc, quan trắc và phân tích chất lượng môi trường nền đã được so sánh với các quy chuẩn Việt Nam (QCVN) hoặc các Tiêu chuẩn nước ngoài tương đương để rút ra các nhận xét về hiện trạng chất lượng môi trường tại khu vực thực hiện dự án. Phương pháp này được sử dụng trong chương 2, chương 3.

d. Phương pháp tham vấn cộng đồng

Thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, chủ đầu tư đã thực hiện tham vấn cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án thông qua các hình thức: tham vấn trực tuyến (Trên trang web của Bộ Nông nghiệp và Môi trường); tham vấn bằng văn bản gửi Ban quản lý các KCN cao và KCN Thành phố Hà Nội; Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật KCN Quang Minh. Kết quả được thể hiện tại chương 6 của báo cáo.

5. Tóm tắt các vấn đề môi trường chính của dự án

5.1. Thông tin về dự án:

5.1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam

- Địa điểm thực hiện dự án: Lô 48, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội (nay là Lô 48, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, TP Hà Nội).

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam.

5.1.2. Quy mô, công suất

a. Phân nhóm dự án: Dự án thuộc nhóm C, theo tiêu chí Luật đầu tư công.

b. Quy mô dự án

b1. Quy mô sử dụng đất:

Tổng diện tích sử dụng 12.030 m^2 (Đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

b2. Công suất sản xuất

- Sản xuất sơn nước: công suất 15.000 tấn sản phẩm/năm;

- Sản bột bả tường: công suất 10.000 tấn sản phẩm/năm;

- Thủy luyện Niken, đồng và các kim loại màu khác: công suất 8.000 tấn sản phẩm/năm;

- Lọc, tái chế phế liệu và chất chứa Nickel, đồng và kim loại màu khác: công suất tối đa 8.000 tấn sản phẩm/năm;

- Sản xuất kim loại màu - Hỏa luyện Nickel, đồng và kim loại màu khác: công suất tối đa 8.000 tấn sản phẩm/năm.

5.1.3. Công nghệ sản xuất:

- Sản xuất sơn nước: Nước, nguyên liệu (bột, chất phân tán, thấm ướt, phá bọt) Nghiền Hoàn thiện sản phẩm Đóng thùng Sản phẩm.

- Sản xuất bột bả tường: Nguyên liệu (xi măng, bột đá, bột màu, phụ gia) Trộn Nghiền Sàng mịn Sản phẩm, đóng gói.

- Quy trình Thủy luyện Niken, đồng và các kim loại màu khác và quy trình lọc, tái chế phế liệu và chứa chất Niken, đồng và các kim loại màu khác là giống nhau: Quặng Nickel, đồng và các kim loại màu khác hoặc Chất thải công nghiệp đã được xử lý → Tách các chất vô cơ không tan trong axit → Tách các kim loại khỏi dung dịch để tạo thành dung dịch chứa một thành phần kim loại cần sản xuất → Chiết dung dịch sạch → Gia tăng nồng độ kim loại màu cần sản xuất trong dung dịch *(các công đoạn trên được thực hiện tại xưởng điện phân 1)* → Điện phân → Bóc kim loại màng → Đúc và ra sản phẩm *(được thực hiện tại các xưởng điện phân 2, 3,4, 5)*

- Quy trình sản xuất kim loại màu -Hỏa luyện Niken, đồng và các kim loại màu khác (đặt ở xưởng số 4): Nguyên liệu → Nấu chảy kim loại → Rót kim loại lỏng vào khuôn→ Làm nguội và lấy sản phẩm → Gia công và kiểm tra chất lượng.

5.1.4. Phạm vi

- Các hạng mục công trình: Tổng diện tích sử dụng 12.030 m^2. Trong đó:

+ Diện tích công trình chính (nhà xưởng): 6.419 m^2 (nhà xưởng 1: diện tích 596 m^2; Nhà xưởng điện phân số 2: diện tích 1.080 m^2; Nhà xưởng điện phân số 3: diện tích 1.200 m^2; Nhà hỏa luyện số 4: diện tích 1.080 m^2; Nhà xưởng số 5: diện tích 1.232,64 m^2; mái che 347,4 m^2; mái che: 264,96 m^2)

+ Diện tích công trình phụ trợ: 305,02m^2 (nhà phụ trợ sơn nước; Nhà bảo vệ và nhà chờ lái xe kiêm phụ trợ; trạm điện; phòng kỹ thuật điện, phòng bơm chữa cháy...)

+ Cây xanh: 2.425 m^2

+ Đất giao thông, sân bãi: 2.880,98 m^2.

- Các hoạt động của dự án

+ Giai đoạn lắp đặt thiết bị của Dự án: Hoạt động vận chuyển máy móc thiết bị, lắp đặt thiết bị...

+ Giai đoạn vận hành: hoạt động sản xuất; vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

5.1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:

a) Giai đoạn lắp đặt thiết bị

- Nước thải sinh hoạt của công nhân, nước mưa chảy tràn.

- Bụi từ quá trình đào các hạng mục công trình

- Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công.

- Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải; máy móc thi công

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông; hoạt động sản xuất.

- Chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường; chất thải nguy hại**.**

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

5.3.1. Nước thải, khí thải

a) Quy mô, tính chất của nước thải

** Giai đoạn lắp đặt thiết bị*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công, lắp đặt thiết bị khoảng 0,9 m^3/ngày đêm; Thành phần: Tổng N, Tổng P, BOD_5, TSS, Coliform…

- Nước mưa chảy tràn: Lượng nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án kéo theo một lượng các tạp chất lơ lửng và các chất ô nhiễm khác trên mặt đất.

** Giai đoạn vận hành*

Nước thải lớn nhất khoảng sinh hoạt 3,75 m^3/ngày đêm. Thành phần: Tổng N, Tổng P, Amoni, BOD_5, TSS, Coliform,…

Nước thải công nghiệp lớn nhất: 10 m^3/lần/ (trong khoảng 40 -45 ngày). Thành phần TSS, COD, TDS, pH…

b) Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

** Giai đoạn lắp đặt thiết bị*

- Hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị sản xuất gồm: bụi từ quá trình đào móng đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, bụi và khí thải từ vận chuyển máy móc thiết bị với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO_2,...

** Giai đoạn vận hành*

- Bụi, khí thải từ hoạt động giao thông, chủ yếu là các khí SO_2, CO, NO_x, bụi, …

- Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất của các nhà máy: bụi, hơi kim loại nặng (Cu, Zn, Niken), hơi axit H_2SO_4, hơi bazo…

5.3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

** Giai đoạn lắp đặt thiết bị*

+ Đất đào từ các hạng mục công trình: 24m^3.

+ CTR công nghiệp từ hoạt động lắp đặt thiết bị khoảng 1,5 tấn. Thành phần panel, thạch cao, bìa carton, nilon, xốp...

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công trên công trường khoảng 8,6 kg/ngày. Thành phần chủ yếu thức ăn thừa, giấy vụn, …

- CTNH phát sinh trong quá trình thi công xây dựng khoảng 31kg trong suốt thời gian xây dựng. Thành phần chủ yếu gồm, giẻ lau dính dầu, vỏ kim loại đựng dầu bôi trơn, que hàn thải…

** Giai đoạn vận hành*

- CTR sinh hoạt: khoảng 64,5 kg/ngđ. Thành phần chủ yếu thức ăn thừa, giấy vụn,

- Chất thải rắn thông thường: khoảng 204,5 tấn/năm. Thành phần xỉ đồng, , quần áo bảo hộ, găng tay không dính thành phần nguy hại; bao bì đựng sản phẩm không dính thành phần nguy hại,…

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 3.922.803 tấn/năm +120 m^3/năm, chủ yếu là hộp mực in thải, bùn từ quá trình sản xuất; nước thải chứa thành phần nguy hại từ quá trình điện phân, bao bì thải, bùn từ quá trình lọc dung dịch chứa kim loại màu.

5.3.3. Tiếng ồn và độ rung

** Giai đoạn thi công xây dựng:*

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thi công phát sinh tiếng ồn và độ rung.

** Giai đoạn vận hành:*

- Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông, thiết bị sản xuất của nhà máy,… phát sinh tiếng ồn và độ rung.

- Hoạt động của máy nghiền, máy trộn, quạt của hệ thống XLKT.

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

5.4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý nước thải

** Giai đoạn lắp đặt thiết bị, máy móc*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công trên công thu gom và xử lý tại 02 bể tự hoại hiện có (thể tích 3,5 m^3), sau đó dẫn vào hệ thống XLNT tập trung 5 m^3/ngày đêm của nhà máy, xử lý đạt TC KCN trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN.

- Nước mưa chảy tràn: thu gom vào hệ thống thoát nước hiện có nhà máy.

** Giai đoạn vận hành*

- Nước thải sinh hoạt: 02 bể tự hoại hiện có (thể tích 3,5 m^3), sau đó dẫn vào hệ thống XLNT tập trung 5 m^3/ngày đêm của nhà máy, xử lý đạt TC KCN trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN. Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt tại nhà máy: Nước thải sinh hoạt Ngăn điều hòa Ngăn thiếu khí Ngăn hiếu khí MBBR ngăn lắng ngăn khử trùng Đạt TC KCN.

- Nước thải sản xuất: được chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải;. Thường xuyên nạo vét, duy tu bảo dưỡng định kỳ. Tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

b) Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

** Giai đoạn lắp đặt thiết bị*

- Tất cả các xe chuyên chở nguyên vật liệu đảm bảo kỹ thuật theo yêu cầu đăng kiểm và không chở vật liệu rời quá tải.

- Vệ sinh sân đường của nhà máy.

** Giai đoạn vận hành*

- Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất bột bả tường: Lắp đặt 01 hệ thống XLKT khí thải phát sinh từ công đoạn sơn, công suất 7.000 m^3/h. Công nghệ xử lý: Bụi khí thải của công đoạn nghiền, trộn Ống dẫn khí Thiết bị lọc bụi Môi trường

- Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất sơn nước: Lắp đặt 01 hệ thống XLKT khí thải phát sinh từ công đoạn sơn, công suất 7.000 m^3/h. Công nghệ xử lý: Bụi khí thải của công đoạn nghiền Ống dẫn khí Thiết bị lọc bụi Môi trường

- Khí thải từ xưởng điện phân số 1 công suất 30.000 m^3/h: Khí thải Hệ thống thu gom Tháp hấp thụ bằng NaOH Quạt hút Ống thoát khí

- Khí thải từ khu vực hỏa luyện công suất 14.100 m^3/h: Khí thải Hệ thống thu gom Tháp hấp thụ bằng NaOH Quạt hút Ống thoát khí

Chất lượng khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2025/BTNMT cột C.

5.4.2 Công trình, biện pháp quản lý CTR, CTNH

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường

** Giai đoạn lắp đặt thiết bị*

- CTR sinh hoạt: Thực hiện phân loại CTR theo quy định, Bố trí 03 thùng có dung tích 50 lít/thùng. Cuối ngày, chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý.

- CTR công nghiệp

+ Thực hiện phân loại thành 2 loại: CTR có khả năng tái chế như túi nilon, bìa catton, palet...; và CTR không có khả năng tái chế như dây buộc...

+ Đất đào được tận dụng nèn móng và lấp công trình nên không phát sinh chất thải

+ Chất thải rắn công nghiệp được lưu giữ tại nhà kho lưu giữ 132,48 m^2 của công ty

+ Chủ đầu tư đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định

** Giai đoạn vận hành*

+ Sử dụng nhà kho CTR hiện có của công ty với diện tích 132,48 m^2

+ Chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại với đơn vị có chức năng.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

** Giai đoạn lắp đặt thiết bị*

+ Sử dụng kho CTNH có diện tích 132,48 m^2 hiện có để lưu giữ CTNH phát sinh Tại kho có bố trí thêm 03 thùng dung tích 60 -120 lít, có ghi mã, tên CTNH. Bên ngoài kho có ghi biển cảnh cáo,. Kết cấu: Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có khay chống tràn CTNH dạng lỏng cho sự cố. Bố trí thiết bị PCCC như bình xịt chữa cháy xách tay, bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định. Tần suất chuyển giao: hàng ngày

+ Chủ đầu tư ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng.

** Giai đoạn vận hành*

- Sử dụng kho CTNH có diện tích 132,48m^2 hiện có để lưu giữ CTNH phát sinh tại nhà máy. Tại kho có bố trí thùng dung tích 60 -120 lít, bao bì có ghi mã, tên CTNH. Bên ngoài kho có ghi biển cảnh cáo,. Kết cấu: Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có khay chống tràn CTNH dạng lỏng cho sự cố. Bố trí thiết bị PCCC như bình xịt chữa cháy xách tay, bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

Chủ đầu tư ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng . Tần suất chuyển giao: hàng ngày

5.4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn lắp đặt thiết bị

- Sử dụng máy móc có nguồn gốc, tình trạng vận hành tốt, thực hiện tra dầu mỡ thường xuyên, có kế hoạch vận hành máy móc hợp lý, không vận hành chồng chéo, theo dõi và tắt ngay các thiết bị trục trặc hoặc có dấu hiệu trục trặc khi hoạt động.

- Không gian thực hiện lắp đặt tại xưởng thông thoáng với đầy đủ hệ thống thông gió tự nhiên nên cũng giảm thiểu được tác động của nguồn thải này.

b) Giai đoạn vận hành

** Giảm thiểu tác động từ tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông*

Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông, công ty đang áp dụng các biện pháp sau:

Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm 5-10km/h, không bóp còi;

Không cho các xe nổ máy trong lúc chờ nhận hàng;

Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kĩ thuật tốt;

Ngoài các xe chuyên chở nguyên vật liệu, sản phẩm và thu gom chất thải, các loại phương tiện đều phải gửi xe ngoài bãi.

** Giảm thiểu tác động từ tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị*

Do dây chuyền sản xuất là các thiết bị mới, nhập ngoại có bộ phận chống rung, chống ồn nên cường độ tiếng ồn không lớn. Tuy nhiên để giảm thiểu tác động này, nhà máy đã và đang thực hiện một số biện pháp sau:

Đối với các máy gây chấn động lớn chú ý đến nền móng đặt máy và đặt máy trên các bộ phận giảm chấn bằng lò so hoặc cao su,… tất cả các thiết bị chuyển động đều được cân bằng động trong quá trình lắp đặt.

Các môtơ đều nằm trên bệ bê tông riêng biệt dưới sàn nhà, không liên kết vào khung, sàn nhà tránh rung động phát ra tiếng ồn.

Bố trí phân lập các bộ phận gây ồn trong xưởng cách xa nhau (giảm mật độ thiết bị trên một đơn vị diện tích) nhằm giảm tác động lan truyền của sóng âm. Để biện pháp phân lập có hiệu quả cao hơn cần bố trí thêm các tường ngăn giữa các bộ phận.

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

a) Giai đoạn xây dựng, lắp đặt thiết bị

- Giám sát chất thải rắn thông thường và CTNH: Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; định

kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành

** Giám sát nước thải:* Căn cứ theo Khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ

**. Quan trắc khí thải định kỳ*

TT	Nguồn thải	Vị trí	Số lượng	Chỉ tiêu	Chủ dự án đề xuất	Tiêu chuẩn so sánh
1	Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống sơn, bột bả	Tại mỗi ống thoát khí sau của hệ thống xử lý khí thải công suất 7.000m^3/h	2	Lưu lượng, bụi PM 10, PM2,5, bụi tổng	6 tháng/lần	QCVN 19:2024/BTNMT, cột C
2	Hệ thống XLKT 30.000 m^3/h	Tại mỗi ống thoát khí	1	Lưu lượng, bụi, hơi H_2S04, NaOH, NH_3, SO_2	6 tháng/lần	QCVN 19:2024/BTNMT, cột C
3	Hệ thống XLKT 14.100 m^3/h	Tại mỗi ống thoát khí	1	Lưu lượng, bụi kim loại, CO	6 tháng/lần	QCVN 19:2024/BTNMT, cột C

b. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Không thuộc đối tượng

c. Giám sát chất thải rắn

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Chương 1: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1. Thông tin về dự án

1.1.1. Tên dự án

CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM

1.1.2. Thông tin về chủ đầu tư dự án

Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam

- Địa điểm trụ sở chính: Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (nay là xã Quang Minh, TP Hà Nội).

- Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Quốc Hùng

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Điện thoại liên hệ: 024 38182046

Tiến độ thực hiện dự án:

- Theo giấy chứng nhận đầu tư: Xây dựng nhà xưởng từ quý I/2025 – quý III/2025; Thực hiện thủ tục môi trường + mua sắm máy móc thiết bị: quý IV/2025.

Lắp đặt thiết bị máy móc cho dây chuyền thủy luyện Niken, đồng và các kim loại màu khác; Lọc và tái chế phế liệu và chứa chất Niken, đồng và các kim loại màu khác; Sản xuất kim loại màu – hỏa luyện Niken, đồng và các kim loại màu khác: dự kiến thực hiện quý I/2026.

1.1.3. Vị trí địa lý

a. Vị trí địa lý

Dự án đặt tại lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, TP Hà Nội có vị trí tương đối như sau:

- Phía Đông Nam giáp nhà kho của Công ty Vĩnh Tường;
- Phía Tây Bắc giáp trục đường 24m của KCN;
- Phía Đông Bắc giáp trục đường 36m của KCN;
- Phía Tây Nam giáp trục đường 24m của KCN;

Bảng 1. 1 Tọa độ mốc giới của nhà máy

TT	Tên mốc	Tọa độ		TT	Tên mốc	Tọa độ	
		X	Y			X	Y
1	A	2345650	577844	3	C	2345618	577853
2	B	2345636	577856	4	D	2345626	577846
5	E	2345429	577686	7	G	2345619	577752
6	F	2345444	577679	8	H	2345591	577793

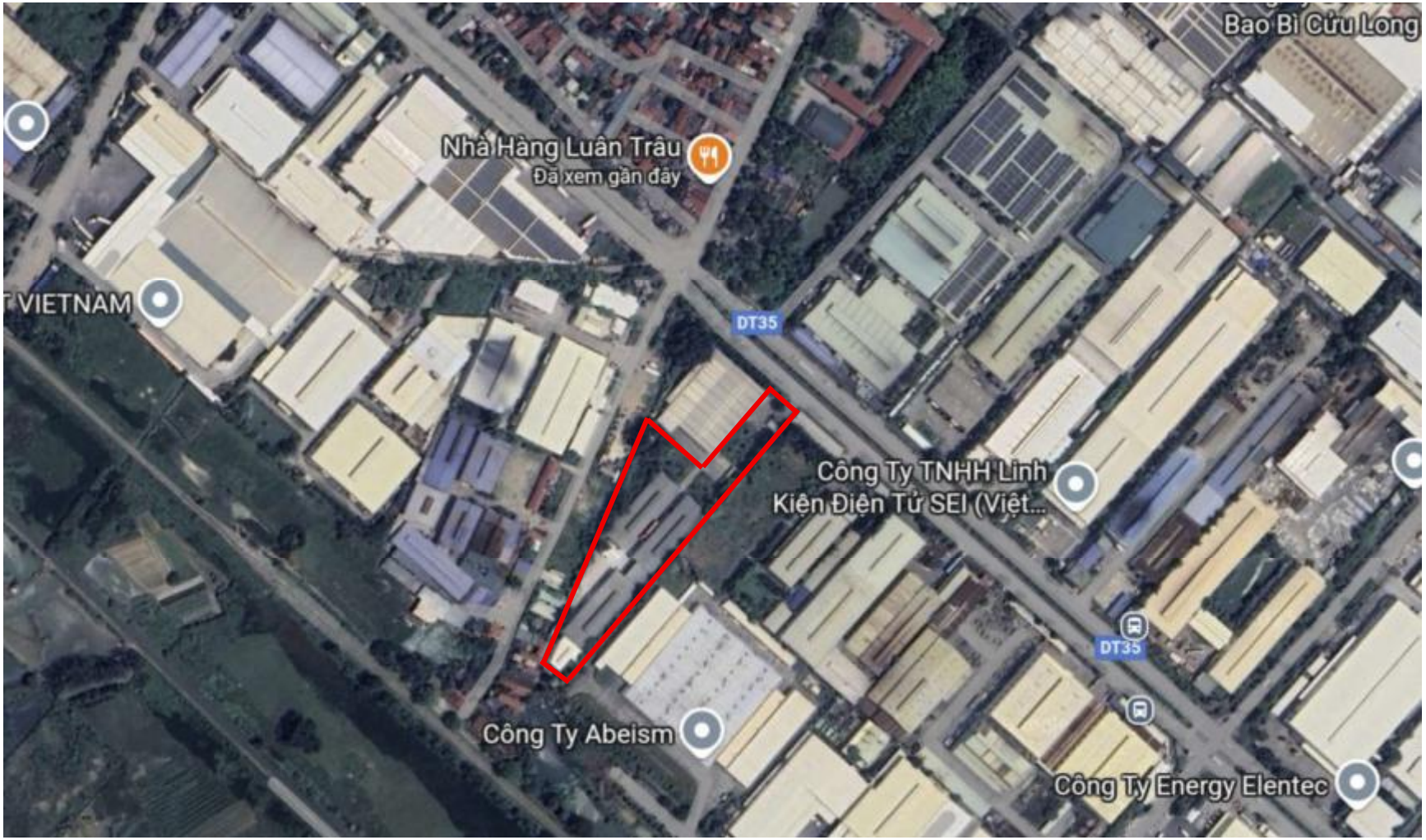

Hình 1. 1 Vị trí Dự án trên bản đồ vệ tinh

Ghi chú: Vị trí dự án

1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án

1.1.4.1. Hiện trạng sử dụng đất

Tổng diện tích đất thực hiện của Dự án 12.030 m^2. Trên khu đất thực hiện dự án đã hoàn thành xây dựng các công trình theo đúng Giấy phép xây dựng số 403/GPXD ngày 26/2/2025 của Ban quản lý các KCN và chế xuất Hà Nội

a) Quy mô

Tổng diện tích sử dụng 12.030 m^2.

- Diện tích xây dựng: 6724,02 m^2;
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 6724,02 m^2;
- Diện tích sân đường: 2.880,98 m^2;
- Diện tích cây xanh: 2425,0 m^2;
- Mật độ xây dựng: 55,89%;
- Tầng cao trung bình: 01 tầng;

Chi tiết các hạng mục công trình như sau

Bảng 1. 2. Quy mô các hạng mục công trình của nhà máy

STT	Loại đất	Kí hiệu	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Số tầng	Diện tích sàn (m^2)	Chức năng
I	Đất xây dựng công trình chính	XDCT	6.419,00	53,36	1-5	6.419,00	
1	Nhà xưởng số 5	1	1.232,64	10,25	1	1.232,64	Sẽ đặt dây chuyền thủy luyện
2	Nhà xưởng số 4	2	1.080	8,98	1	1.080	
	Khu vực đặt dây chuyền thủy luyện						
	Khu vực đặt dây chuyền hỏa luyện						
	Khu vực phế liệu						

	Khu vực lưu giữ CTR công nghiệp						
	Khu vực lưu giữ CTNH						
3	Nhà xưởng số 2	3	1.080	8,98	1	1.080	Đặt dây chuyền thủy luyện
4	Nhà xưởng số 3	4	1.200	9,98	1	1.200	Nhà điện phân 3
5	Nhà xưởng sơn nước	5	296	2,46	1	296	
6	Nhà xưởng bột	6	322	2,68	1	322,00	
7	Nhà xưởng số 1	7	596	4,95	1	596,00	Nhà điện phân 2
8	Mái che tôn (che nắng, mưa khi nhập xuất hàng)	10	347,40	2,89	1	347,40	
9	Mái che tôn (che nắng, mưa khi nhập xuất hàng)	11	264,96	2,20	1	264,96	
II	**Đất xây dựng công trình phụ trợ và HTKT**		**305.02**	**2.54**	**1**	**305,02**	
10	Nhà phụ trợ sơn nước	**5***	97,00	0,81	1	97	
11	Nhà bảo vệ và nhà chờ lái xe kiêm phụ trợ	**8**	120,72	1,00	1	120,72	
12	Trạm điện	**9**	11.23	0,09	1	11.23	
13	Phòng kỹ thuật điện 1	**12**	21,00	0,17	1	21.00	
14	Phòng kỹ thuật điện 2	**13**	42,00	0,35	1	42,00	

15	Khu vực lọc nước	**14**	2,57	0,02	1	2,57	
16	Bể nước ngầm 1	**15**					
17	Bể nước ngầm 2	**16**					
18	Phòng bơm chữa cháy	**17**	10,50	0,09	1	10,50	
III	**Đất cây xanh**		**2.425**	**20,16**	**-**	**-**	
IV	**Đất giao thông, sân bãi**		**2.880,98**	**23,95**	**-**	**-**	
Tổng			**12.030**	**100**	**1 - 2**	**6.724,02**	
Mật độ xây dựng			6.724,02/12.030.0 x 100 = **55,89 %**				
Hệ số sử dụng đất			6.724,02/12.030= 0**,56 (lần)**				

b) Kết cấu công trình nhà xưởng

Là một khối nhà xưởng 1 tầng lợp tôn chống nóng; Chiều cao khung thép đến đỉnh mái thông gió 9,10m (phần cửa trời cao 1,67m).

Kết cấu Bao che và ngăn chia: Nhà được bao quanh bằng tường xây gạch, các khu được ngăn chia bằng tường xây gạch cao từ sàn đến trần và kết hợp tường thạch cao dày 120mm đến trần.

Hoàn thiện nền: Nền / sàn nhà sàn hardener tăng cứng kết hợp các vị trí lát gạch ceramic kích thước 600x600 và gạch ceramic chống trơn kích thước 300x300 tại các khu vực WC.

Hoàn thiện trần: trần nhà trát bằng vữa XM mác 75# dày 15mm, sơn 1 nước lót và 2 nước màu theo chỉ định.

Mái công trình lợp tôn liên doanh 3 lớp màu xanh dày 0,4 ly, hệ thống xà gồ thép hộp U80x40x3, tường thu hồi xây gạch VMX 50#, có nhiệm vụ chống nóng và chống thấm cho công trình.

Cầu thang thoát hiểm được lắp dựng bằng thép tiền chế sơn chống cháy, tay vin cầu thang bằng thép ống D60

Cửa đi chính vào nhà xưởng chủ yếu sử dụng cửa mở trượt khung thép hộp kết hợp cửa mở cánh xô bên trong đảm bảo thoát nạn khi có sự cố. Cửa sổ và vách kính sử dụng bằng nhôm kính trắng an toàn loại dày 6,38 ly.

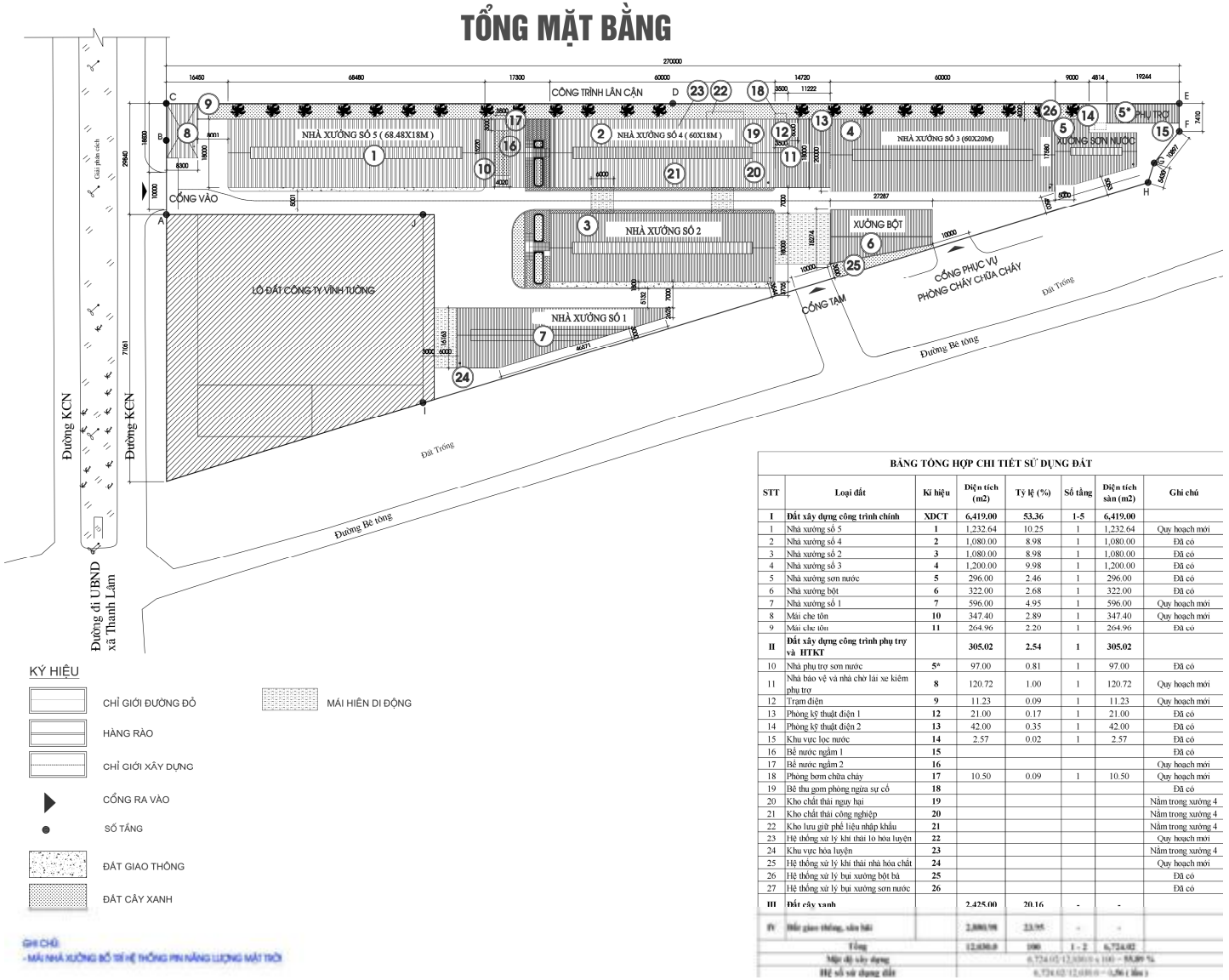

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Loại đất	Kí hiệu	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Số tầng	Diện tích sàn (m2)	Ghi chú
I	**Đất xây dựng công trình chính**	**XDCT**	**6,419.00**	**53.36**	**1-5**	**6,419.00**	
1	Nhà xưởng số 5	**1**	1,232.64	10.25	1	1,232.64	Quy hoạch mới
2	Nhà xưởng số 4	**2**	1,080.00	8.98	1	1,080.00	Đã có
3	Nhà xưởng số 2	**3**	1,080.00	8.98	1	1,080.00	Đã có
4	Nhà xưởng số 3	**4**	1,200.00	9.98	1	1,200.00	Đã có
5	Nhà xưởng sơn nước	**5**	296.00	2.46	1	296.00	Đã có
6	Nhà xưởng bột	**6**	322.00	2.68	1	322.00	Đã có
7	Nhà xưởng số 1	**7**	596.00	4.95	1	596.00	Quy hoạch mới
8	Mái che tôn	**10**	347.40	2.89	1	347.40	Quy hoạch mới
9	Mái che tôn	**11**	264.96	2.20	1	264.96	Đã có
II	**Đất xây dựng công trình phụ trợ và HTKT**		**305.02**	**2.54**	**1**	**305.02**	
10	Nhà phụ trợ sơn nước	**5***	97.00	0.81	1	97.00	Đã có
11	Nhà bảo vệ và nhà chờ lái xe kiêm phụ trợ	**8**	120.72	1.00	1	120.72	Quy hoạch mới
12	Trạm điện	**9**	11.23	0.09	1	11.23	Quy hoạch mới
13	Phòng kỹ thuật điện 1	**12**	21.00	0.17	1	21.00	Đã có
14	Phòng kỹ thuật điện 2	**13**	42.00	0.35	1	42.00	Đã có
15	Khu vực lọc nước	**14**	2.57	0.02	1	2.57	Đã có
16	Bể nước ngầm 1	**15**					Đã có
17	Bể nước ngầm 2	**16**					Quy hoạch mới
18	Phòng bơm chữa cháy	**17**	10.50	0.09	1	10.50	Quy hoạch mới
19	Bể thu gom phòng ngừa sự cố	**18**					Đã có
20	Kho chất thải nguy hại	**19**					Nằm trong xưởng 4
21	Kho chất thải công nghiệp	**20**					Nằm trong xưởng 4
22	Kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu	**21**					Nằm trong xưởng 4
23	Hệ thống xử lý khí thải lò hòa luyện	**22**					Quy hoạch mới
24	Khu vực hòa luyện	**23**					Nằm trong xưởng 4
25	Hệ thống xử lý khí thải nhà hóa chất	**24**					Quy hoạch mới
26	Hệ thống xử lý bụi xưởng bột bả	**25**					Đã có
27	Hệ thống xử lý bụi xưởng sơn nước	**26**					Đã có
III	**Đất cây xanh**		**2,425.00**	**20.16**	-	-	
IV	Đất giao thông, sân bãi		2,880.98	23.95	-	-	
	Tổng		12,030.0	100	1 - 2	6,724.02	
	Mật độ xây dựng						
	Hệ số sử dụng đất						

Hình 1. 2 Hiện trạng các công trình hiện có của công ty

Mô tả về kho phế liệu nhập khẩu

Toàn bộ nguyên liệu sản xuất được đặt trong nhà xưởng 4. Tổng diện tích sàn xây dựng nhà xưởng 2 là 2.127,5 m² (dài x rộng = 57,5 x37m), trong đó diện tích giao thông là 115 m2; diện tích kho dành cho phế liệu nhập khẩu khoảng 1063,75 m^2; diện tích kho dành cho nguyên liệu khác 948,75 m^2. Kết cấu nhà xưởng gồm móng sử dụng móng bằng bê tông cốt thép; Thân sử dụng khung thép tiền chế; Mái sử dụng kết cấu khung thép kèo thép, xà gồ, mái lợp tôn không thấm dột. Nước mưa mái thu gom theo đường ống và chảy vào hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà .Hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà được xây dựng bao quanh nhà xưởng và dẫn nước vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Thuận Thành II. Trong nhà xưởng 2 bố trí hệ thống PCCC theo đúng phương án đã được cơ quan chức năng phê duyệt.

- Đánh giá khả năng lưu chứa phế liệu nhập khẩu

Đồng phế liệu nhập về Nhà máy được ép thành khối có kích thước trung bình 30 cm x 30 cm x 30 cm có trọng lượng trung bình 1 khối khoảng 0,242 tấn. Dự án xếp chồng tối đa là 6 khối. Như vậy, 1m2 có thể lưu giữ được tối đa 16,1 tấn phê liệu. Tổng diện tích sử dụng lưu giữ phế liệu nhập khẩu khoảng 1063,75 m^2, Như vậy, tổng khối lượng phế liệu nhập khẩu có thể lưu giữ tối đa trong kho khoảng 16,1 tấn/m^2 x 1063,75 = 17.126,375 tấn. Khối lượng đồng phế liệu đề xuất nhập khẩu khi dự án đi vào hoạt động khoảng 35.425 tấn/năm. Như vậy, kho phế liệu có sức chứa khoảng 126 ngày, đảm bảo vận hành ổn định sản xuất cho dự án.

1.1.4.2. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

** Đường giao thông:*

Đường nội bộ trải bê tông có mặt cắt 7 m chạy dọc từ cổng vào đến cuối nhà máy

Bên ngoài tiếp giáp đường nội bộ của KCN.

** Hệ thống cấp nước*

Công ty đang sử dụng nước sạch do công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO cung cấp. Lượng nước sử dụng TB của nhà máy khoảng 1 -1,5 m^3/ngđ.

** Hệ thống cấp điện: sử* dụng điện lưới quốc gia. Nhà máy đã lắp đặt trạm biến áp công suất 560 KVA đáp ứng cho nhu cầu sản xuất hiện tại và khi mở rộng sản xuất. Nhà máy không lắp đặt máy phát điện dự phòng.

1.1.4.3. Hiện trạng sản xuất

- Dây chuyền sản xuất sơn nước: Theo thiết kế, công suất sản xuất: 15.000 tấn/năm. Tuy nhiên, từ năm 2019 đến nay, công suất sản xuất của nhà máy đạt được rất nhỏ khoảng 1.500 tấn sản phẩm/năm

Công nghệ sản xuất: Sản xuất sơn nước: Nước, nguyên liệu (bột, chất phân tán, thấm ướt, phá bọt) Nghiền Hoàn thiện sản phẩm Đóng thùng Sản phẩm.

- Dây chuyền sản xuất bột bả tường: Theo thiết kế, công suất sản xuất: 10.000 tấn/năm. Tuy nhiên, từ năm 2019 đến nay, công suất sản xuất của nhà máy đạt được rất nhỏ khoảng 3.000 tấn sản phẩm/năm

- Công nghệ sản xuất: Nguyên liệu (xi măng, bột đá, bột màu, phụ gia) Trộn Nghiền Sàng mịn Sản phẩm, đóng gói.

1.1.4.4. Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường

- Tại xưởng sản xuất bột bả tường: đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 7.000 m^3/h. Công nghệ xử lý: Bụi Hệ thống thu gom Thiết bị lọc bụi túi vải Ống thải.

- Tại xưởng sản xuất sơn nước: đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 7.000 m^3/h. Công nghệ xử lý: Bụi từ khu vực nghiền Hệ thống thu gom Thiết bị lọc bụi túi vải Ống thải

- Kho lưu giữ chất thải (Tại ô số 11 trên bản vẽ tổng mặt bằng, cạnh xưởng điện phân : 01 kho lưu giữ chất thải với diện tích 264,96 m^2 (chia thành 2 ngăn gồm ngăn lưu giữ chất thải công nghiệp với diện tích khoảng 132,48 m^2 và ngăn lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích khoảng 132,48 m^2). Chủ đầu tư có hợp đồng số 03.06.25/HĐ/CNX-Galaxy ngày 03/6/2025 với Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh thu gom với đơn vị có chức năng vận chuyển toàn bộ chất thải nguy hại đi xử lý theo đúng quy định.

- Hệ thống thoát nước mưa

Công ty đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải Mạng lưới thoát nước mưa (hệ thống cống, ống dẫn) được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, độ dốc cống đảm bảo cho thoát nước dễ dàng. Nước mưa trên mái nhà theo các đường ống PVC D200 chảy xuống trực tiếp vào các tuyến mương thoát nước cùng nước mưa chảy tràn bề mặt. Đường ống thoát nước mưa bao gồm: D400=110,1m; D600=57,1m; D400=41,3m; D500=33,5m. Đường ống bằng nhựa PVC được đặt ngầm. Rãnh bê tông hở thoát nước mưa có độ dốc i=0,1% bao gồm: R200=27,9m; R300=48,5m. Hố ga thoát nước mưa: số lượng 31 hố ga, kích thước 0,8mx0,8m, chiều sâu từ 0,45m-1,11m. Toàn bộ nước mưa của Nhà máy được thu gom thoát ra hệ thống thoát nước chung của KCN tại 01 điểm xả phía Đông nhà máy. Vị trí điểm xả: X = 2.345.644; Y = 577.845 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiếu 3°).

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°00′, múi chiếu 3^0)

Khi thực hiện dự án, giữ nguyên hệ thống thu gom và điểm xả nước thải hiện có.

- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải

+ Nước thải sinh hoạt

Dự án có 02 bể tự hoại có dung tích khoảng 3,5 m^3/bể (kích thước dài x rộng xcao = 1,6 x1,6 x1,5m) đặt ngầm tại khu vệ sinh cạnh xưởng điện phân số 2 và nhà vệ sinh ký hiệu 5*. Nước thải sau đó được bằng đường ống D200 về hố ga xả nước thải của KCN theo hệ thống thoát nước của KCN về trạm XLNT tập trung của KCN

Sơ đồ thu gom: Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý qua bể tự hoại) Ống HDPE D200 và hố ga Hệ thống thoát nước thải của KCN Trạm XLNT tập trung của KCN Quang Minh (công suất 6.000 m^3/ngđ đã xây dựng và vận hành).

Điểm xả nước thải vào hệ thống thoát nước của KCN: X = 2.345.622; Y = 577.856.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°00′, múi chiếu 3^0).

Khi thực hiện dự án, chủ đầu tư sẽ xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5 m^3/ngày đêm, xử lý nước thải đạt Tiêu chuẩn xả thải của KCN trước khi xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

+ Nước thải sản xuất: Hiện trạng không phát sinh.

1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Dự án đặt tại KCN Quang Minh, xung quanh là các công ty đang hoạt động sản xuất như công ty Cổ phần Cơ khí Hồ Gươm, công ty Abeism (ở phía đông); công ty Vĩnh Tường (ở phía bắc); công ty cổ phần thiết bị điện và chế tạo biến thế Hà Nội ở phía tây…

- Cách dự án khoảng 260 m là trường THCS Chi Đông; dân cư xã Quang Minh.

1.1.6. Mục tiêu; quy mô; công suất; công nghệ và loại hình dự án.

a) Phạm vi

- Các hạng mục công trình: Tổng diện tích sử dụng 12.030 m^2. Trong đó:

+ Diện tích công trình chính (nhà xưởng): 6.419 m^2 (nhà xưởng điện phân 1: diện tích 596 m^2; Nhà xưởng điện phân số 2: diện tích 1.080 m^2; Nhà xưởng điện phân số 3: diện tích 1.200 m^2; Nhà xưởng số 5 (nhà xưởng điện phân số 5): diện tích 1.232,64 m^2; nhà hỏa luyện số 4: diện tích 1.080 m^2; mái che tôn số 1: 347,4 m^2; mái che tôn số 02: 264,96 m^2)

+ Diện tích công trình phụ trợ: 305,02m^2 (nhà phụ trợ sơn nước; Nhà bảo vệ và nhà chờ lái xe kiêm phụ trợ; trạm điện; phòng kỹ thuật điện, phòng bơm chữa cháy...)

+ Cây xanh: 2425 m^2

+ Đất giao thông, sân bãi: 2.880,98 m^2.

- Các hoạt động của dự án

+ Giai đoạn lắp đặt thiết bị của Dự án: Hoạt động vận chuyển máy móc thiết bị dây chuyền điện phân, hỏa luyện; Hoạt động sinh hoạt của công nhân lắp đặt thiết bị.

+ Giai đoạn vận hành: hoạt động sản xuất; vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

b) Mục tiêu đầu tư

- Sản xuất sơn nước (mã ngành 2022)

- Sản xuất bột bả tường (mã ngành 2022)

- Thủy luyện Niken, đồng và các kim loại màu khác: (mã ngành 2420)

- Lọc, tái chế phế liệu và chất chứa Nickel, đồng và kim loại màu khác: (mã ngành 3822)

- Sản xuất kim loại màu - Hỏa luyện Nickel, đồng và kim loại màu khác (mã ngành 3830)

- Cho thuê nhà xưởng dư thừa (mã ngành 6810)

c) Quy mô của dự án

*) Tổng diện tích sử dụng 12.030 m^2

*) Công suất của dự án tổng công suất 49.000 tấn sản phẩm/năm

- Sản xuất sơn nước: công suất 15.000 tấn sản phẩm/năm;

- Sản bột bả tường: công suất 10.000 tấn sản phẩm/năm;

- Thủy luyện Niken, đồng và các kim loại màu khác: công suất 8.000 tấn sản phẩm/năm (bao gồm Nickel (Ni): 5.000 tấn/năm; Đồng (Cu): 1.000 tấn/năm; Cobalt (Co): 500 tấn/năm; Kẽm (Zn): 1.000 tấn/năm; Thiếc (Sn): 500 tấn/năm).

- Lọc, tái chế phế liệu và chất chứa Nickel, đồng và kim loại màu khác: công suất tối đa 8.000 tấn sản phẩm/năm (bao gồm Nickel (Ni): 5.000 tấn/năm; Đồng (Cu): 1.000 tấn/năm; Cobalt (Co): 500 tấn/năm; Kẽm (Zn): 1.000 tấn/năm; Thiếc (Tin): 500 tấn/năm).

- Sản xuất kim loại màu - Hỏa luyện Nickel, đồng và kim loại màu khác: công suất tối đa 8.000 tấn sản phẩm/năm (bao gồm Nickel (Ni): 5.000 tấn/năm; Đồng (Cu): 1.000 tấn/năm; Cobalt (Co): 500 tấn/năm; Kẽm (Zn): 1.000 tấn/năm; Thiếc (Sn): 500 tấn/năm).

Bảng 1. 3 Công suất sản xuất của nhà máy

TT	Nội dung	Công suất		Ghi chú
		Theo ĐTM đã được	Theo đề xuất của CĐT và Giấy chứng nhận	

		phê duyệt trước đây	**đầu tư**	
1	Sơn nước	15.000 tấn sản phẩm/năm	15.000 tấn sản phẩm/năm	Không thay đổi
2	Bột bả tường	10.000 tấn sản phẩm/năm	10.000 tấn sản phẩm/năm	Không thay đổi
3	Sơn dầu	10.000 tấn sản phẩm/năm	Không sản xuất	Không sản xuất
4	Thủy luyện Nickel, đồng và các kim loại màu khác	-	8.000 tấn sản phẩm/năm	Bổ sung mới
	Niken		*5.000 tấn/năm*	
	Đồng		*1.000 tấn/năm*	
	Coban		*500 tấn/năm*	
	Kẽm		*1.000 tấn/năm*	
	Thiếc		*500 tấn/năm*	
5	Lọc, tái chế phế liệu và chất chứa Nickel, đồng và các kim loại màu khác	-	8.000 tấn sản phẩm/năm	Bổ sung mới
	Niken		*5.000 tấn/năm*	
	Đồng		*1.000 tấn/năm*	
	Coban		*500 tấn/năm*	
	Kẽm		*1.000 tấn/năm*	
6	Hỏa luyện phế liệu và chất chứa Nickel, đồng và kim loại màu khác	-	8.000 tấn sản phẩm/năm	Bổ sung mới
	Niken		*5.000 tấn/năm*	
	Đồng		*1.000 tấn/năm*	
	Coban		*500 tấn/năm*	

	Kẽm		*1.000 tấn/năm*	
	Thiếc		*500 tấn/năm*	

*) Công nghệ sản xuất:

- Sản xuất sơn nước: Nước, nguyên liệu (bột, chất phân tán, thấm ướt, phá bọt) Nghiền Hoàn thiện sản phẩm Đóng thùng Sản phẩm.

- Sản xuất bột bả tường: Nguyên liệu (xi măng, bột đá, bột màu, phụ gia) Trộn Nghiền Sàng mịn Sản phẩm, đóng gói.

- Quy trình Thủy luyện Niken, đồng và các kim loại màu khác và quy trình lọc, tái chế phế liệu và chứa chất Niken, đồng và các kim loại màu khác là giống nhau: Quặng Nickel, đồng và các kim loại màu khác (đối với thủy luyện) hoặc Bùn chứa kim loại (đối với quá trình lọc)→ Tách các chất vô cơ không tan trong axit → Tách các kim loại khỏi dung dịch để tạo thành dung dịch chứa một thành phần kim loại cần sản xuất → Chiết dung dịch sạch → Gia tăng nồng độ kim loại màu cần sản xuất trong dung dịch *(các công đoạn trên được thực hiện tại xưởng điện phân 1)* → Điện phân → Bóc kim loại màng → Đúc và ra sản phẩm *(được thực hiện tại các xưởng điện phân 2, 3,4,5)*

- Quy trình sản xuất kim loại màu -Hỏa luyện Niken, đồng và các kim loại màu khác:Nguyên liệu (phế liệu)→ Nấu chảy kim loại → Rót kim loại lỏng vào khuôn→ Làm nguội và lấy sản phẩm → Gia công và kiểm tra chất lượng.

d. Loại hình của dự án: Xây dựng mở rộng, nâng công suất. Dự án có nhập khẩu phế liệu, tái chế phế liệu nằm trong danh mục có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

1.1.7. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không.

1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.2.1. Các hạng mục công trình của dự án: Giữ nguyên theo hiện trạng (Chi tiết đã trình bày tại mục 1.1, không xây dựng công trình mới.

- Diện tích công trình chính (nhà xưởng): 6.419 m^2 (nhà xưởng điện phân 1 + hỏa luyện: diện tích 596 m^2; Nhà xưởng điện phân số 2: diện tích 1.080 m^2; Nhà xưởng điện phân số 3: diện tích 1.200 m^2; Nhà xưởng số 5 (nhà xưởng điện phân số 5): diện tích 1.232,64 m^2; nhà điện phân số 4: diện tích 1.080 m^2; mái che tôn số 1: 347,4 m^2; kho chất thải : 264,96 m^2)

- Diện tích công trình phụ trợ: 305,02m^2 (nhà phụ trợ sơn nước: 97 m^2; Nhà bảo vệ và nhà chờ lái xe kiêm phụ trợ: 12072 m^2; trạm điện: 11,23 m^2; phòng kỹ thuật điện số 1 : 21 m^2; phòng kỹ thuật điện số 2 : 42 m^2, phòng bơm chữa cháy: 10,5 m^2)

- Công trình bảo vệ môi trường:

01 kho lưu giữ chất thải với diện tích 264,96 m^2 (chia thành 2 ngăn gồm ngăn lưu

giữ chất thải công nghiệp với diện tích khoảng 132,48 m^2 và ngăn lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích khoảng 132,48 m^2).

1.2.2. Các hoạt động của dự án

a) Giai đoạn lắp đặt thiết bị

- Hoạt động vận chuyển máy móc thiết bị sản xuất; Hoạt động sinh hoạt của công nhân lắp đặt thiết bị.

b) Giai đoạn vận hành

Hoạt động sản xuất; vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

1.2.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của dự án

a) Hệ thống thu gom nước mưa: Không thay đổi so với hiện trạng

Công ty đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải

Mạng lưới thoát nước mưa (hệ thống cống, ống dẫn) được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, độ dốc cống đảm bảo cho thoát nước dễ dàng. Nước mưa trên mái nhà theo các đường ống PVC D200 chảy xuống trực tiếp vào các tuyến mương thoát nước cùng nước mưa chảy tràn bề mặt. Đường ống thoát nước mưa bao gồm: D400=110,1m; D600=57,1m; D400=41,3m; D500=33,5m. Đường ống bằng nhựa PVC được đặt ngầm. Rãnh bê tông hở thoát nước mưa có độ dốc i=0,1% bao gồm: R200=27,9m; R300=48,5m. Hố ga thoát nước mưa: số lượng 31 hố ga, kích thước 0,8mx0,8m, chiều sâu từ 0,45m-1,11m. Toàn bộ nước mưa của Nhà máy được thu gom thoát ra hệ thống thoát nước chung của KCN tại 01 điểm xả phía Đông nhà máy. Vị trí điểm xả: X = 2.345.644; Y = 577.845 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiếu 3°).

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°00′, múi chiếu 3^0)

** Hệ thống thu gom và xử lý nước thải*

+ Nước thải sinh hoạt

Nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại (dung tích 35 m^3/ bể được thu gom bằng đường ống D200 về hệ thống XLNT công suất 5 m^3/ngày đêm xử lý đạt Tiêu chuẩn xả thải của KCN, sau đó xả nước thải vào hệ thống thoát nước của KCN về trạm XLNT tập trung của KCN

Sơ đồ thu gom: Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý qua bể tự hoại) Ống HDPE D200 và hố ga Hệ thống XLNT công suất 5 m^3/ngày đêm Hệ thống thoát nước thải của KCN Trạm XLNT tập trung của KCN Quang Minh (công suất 6.000 m^3/ngđ đã xây dựng và vận hành).

Điểm xả nước thải vào hệ thống thoát nước của KCN: X = 2.345.622; Y = 577.856.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°00′, múi chiếu 3^0).

+ Nước thải sản xuất: Sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý CTNH theo đúng quy định.

c. Hệ thống xử lý khí thải

- Giữ nguyên 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 7.000 m^3/h tại xưởng sơn nước. Công nghệ xử lý: Bụi khí thải của công đoạn nghiền Ống dẫn khí Thiết bị lọc bụi Môi trường.

Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT cột C.

- Giữ nguyên 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 7.000 m^3/h tại xưởng bột bả tường. Công nghệ xử lý: Bụi khí thải của công đoạn nghiền, trộn Ống dẫn khí Thiết bị lọc bụi Môi trường.

Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT cột C.

- Xây dựng mới 01 hệ thống xử lý khí thải tại xưởng điện phân số 01: công suất 30.000 m^3/h. Công nghệ xử lý: Hơi hóa chất Ống thu gom Tháp hấp thụ bằng NaOH Quạt hút Ống thoát khí.

Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT cột C.

- Xây dựng mới 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò nấu kim loại công suất 14.100 m^3/h. Công nghệ xử lý: Khí thải từ lò nấu và lò giữ nhiệt Chụp hút Bộ làm mát Hệ thống lọc Ống thải

d. Công trình lưu giữ chất thải rắn, CTNH:

* Công trình lưu giữ chất thải rắn, CTNH:

- Bố trí kho CTNH có diện tích 132,48 m^2 để lưu giữ CTNH phát sinh. Tại kho có bố trí thùng dung tích 60 -120 lít, có ghi mã, tên CTNH. Bên ngoài kho có ghi biển cảnh cáo,. Kết cấu: Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, rãnh thu gom và hố gom chất thải lỏng. Bố trí thiết bị PCCC như bình xịt chữa cháy xách tay, bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Bố trí kho CTRCN có diện tích 132,48 m^2 để lưu giữ CTR phát sinh. Tại kho có bố trí thùng dung tích 120 lít để lưu giữ chất thải. Bên ngoài kho có ghi biển kho. Kết cấu: Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm.

+ Chủ đầu tư ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

1.3.1. Nhu cầu lao động, nguyên, nhiên liệu cho giai đoạn thi công của dự án

a. Nhu cầu lao động

- Số lượng công nhân dự kiến sử dụng trong giai đoạn xây dựng nhà xưởng và lắp đặt thiết bị khoảng 20 người.

- Thời gian làm việc: 8h/ngày.

b. Nhu cầu sử dụng máy móc thi công

Bảng 1. 4. Danh mục máy móc thi công

STT	Danh mục	Số lượng	Tình trạng	Nguồn gốc
1	Máy khoan	05	Đã qua sử dụng, tình trạng tốt	Việt Nam
2	Máy cắt	05		
3	Máy hàn	05		
4	Máy bắn ốc vít	05		
5	Xe nâng	01		
6	Máy đào	01		
	Tổng	**22**		

c. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Nhiên liệu được sử dụng là điện, nước được sử dụng trong giai đoạn thi công.

Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu

STT	Tên nguyên, nhiên, vật liệu	Đơn vị	Khối lượng	Nguồn cung cấp
1	Điện	kW/ngày	20	Điện quốc gia
2	Nước sinh hoạt	m^3/ngày	0,9	Nước sạch KCN

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án - phần dự toán công trình, năm 2025

1.3.2. Nguyên, nhiên liệu và sản phẩm đầu ra trong giai đoạn vận hành

a. Danh mục thiết bị, máy móc sử dụng

Bảng 1. 6. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho dây chuyền sản xuất

TT	Tên máy	Số lượng (chiếc)	Nguồn gốc	Tình trạng
I	**Thiết bị máy móc sản xuất sơn nước**			
1	Máy nghiền tốc độ cao KV1000 (máy nhỏ)	02	Việt Nam	Mới 70%

2	Máy nghiền tốc độ cao KV2000 (máy to)	02	Trung Quốc	Mới 70%
3	Máy khuấy tốc độ cao	04	Trung Quốc	Mới 70%
4	Tank chứa các loại	15	Trung Quốc	Mới 70%
5	Tank + máy khuấy 5000	02	Trung Quốc	Mới 70%
6	Hệ thống bơm đóng gói bán tự động DU	02	Bỉ	Mới 70%
7	Xe nâng tay	03	Trung Quốc	Mới 70%
8	Bơm hóa chất	03	Trung Quốc	Mới 70%
9	Hệ thống xử lý bụi số 01	01	Việt Nam	Mới 70%
11	Cân 3 tấn	01	Việt Nam	Mới 70%
12	Cân điện tử 30 kg	02	Đài Loan	Mới 70%
13	Cân điện tử 60 kg	01	Đài Loan	Mới 70%
15	Thang nâng thủy lực	01	Trung Quốc	Mới 70%
16	Máy in Hitachi	01	Nhật bản	Mới 80%
17	Máy nén khí 22 Kw (sử dụng chung)	01	Đài Loan	Mới 70%
18	Bơm nước động cơ 1,1Kw	01	Việt Nam	Mới 70%
19	Bơm xịt áp 0,75 kw	01	Đài Loan	Mới 70%
20	Máy định lượng SNT	02	Việt Nam	Mới 70%
II	**Thiết bị sản xuất bột bả tường**			
1	Máy trộn bột	03	Việt Nam	Mới 70%
2	Xe nâng tay	01	Trung Quốc	Mới 70%
3	Hệ thống xử lý bụi số 02	01	Việt Nam	Mới 70%
4	Cân đĩa 60 kg	02	Việt Nam	Mới 70%
5	Cân điện tử 60 kg	01	Đài Loan	Mới 70%
6	Cân điện tử định lượng ĐB 60kg	01	Đài Loan	Mới 70%
III	**Thiết bị điện phân**			
1	Máy nghiền búa văng 2 T/h	1	Việt Nam	Mới 70%
2	Bể chứa 3m3	1	Việt Nam	Mới 100%
3	Bồn trộn 10m^3, đường kính 2.400mm	8	Việt Nam	Mới 100%
4	Bơm dẫn động từ 500 l/phút	2	Việt Nam	Mới 70%
5	Hệ thống lọc chân không	2	Việt Nam	Mới 70%
6	Máy ép khung bản	2	Việt Nam	Mới 70%

7	Bồn trộn 10m^3, đường kính 2.400mm	12	Việt Nam	Mới 100%
8	Bơm màng 500 l/phút	6	Việt Nam	Mới 70%
9	Buồng sấy	1	Việt Nam	Mới 70%
10	Máy đúc chân không	1	Trung Quốc	Mới 100%
11	Bể điện phân 3m^3	384	Việt Nam	Mới 100%
12	Cực catot	5760	Việt Nam	Mới 100%
13	Cực Anot	6144	Trung Quốc	Mới 70%
14	Túi vải lọc	5760	Việt Nam	Mới 100%
15	Bơm nước tuần hoàn	384	Việt Nam	Mới 70%
16	Máy chỉnh lưu	96	Trung Quốc	Mới 100%
17	Cẩu long môn	12	Trung Quốc	Mới 100%
18	Bồn axit chôn chìm	2	Việt Nam	Mới 100%
19	Bồn pha axit loãng	4	Việt Nam	Mới 100%
20	Bồn pha hoá chất 2m3	10	Việt Nam	Mới 100%
21	Bơm màng 10 L/phút	6	Việt Nam	Mới 100%
IV	**Thiết bị hỏa luyện kim loại**			
1	Máy cắt phế liệu	1	Trung Quốc	Mới 70%
2	Bể chứa	1	Trung Quốc	Mới 100%
3	Máy ép kiện	1	Trung Quốc	Mới 100%
4	Máy nghiền kim loại 150kW	1	Trung Quốc	Mới 100%
5	Lò nấu + Công suất nấu: 500 kg/h + Năng lượng tiêu hao: 120KVA + Kích thước thân lò: 150 x 150 x150 cm + Cân nặng: 1250 kg.	2	Trung Quốc	Mới 100%
6	Hệ thống xử lý bụi, khí thải số 03	1	Việt Nam	Mới 100%
V	**Phương tiện vận chuyển**			
1	Xe nâng Komatsu 3 Tấn	01	Nhật bản	Mới 70%

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án năm 2025

b. Nguyên vật liệu phục vụ trong giai đoạn vận hành

Bảng 1. 7. Nguyên vật liệu chính phục vụ cho sản xuất

STT	Nguyên vật liệu, hoá chất	Khối lượng (tấn/năm)
I-Nguyên vật liệu, hoá chất dùng cho sản xuất Bột bả tường		
1	Hóa chất phụ: chất kết dính dạng khoáng cement và gypsum	518,554
2	Xi măng trắng PC30	2.950,243
3	Bột đá	6.819,602
	Tổng	**10.288,399**
II-Nguyên vật liệu, hoá chất dùng cho sản xuất sơn nước		
1	Bột độn: Carbonnate calcium, kaoline, oxit titan, taclc	7.590,47
2	Keo	4.744,99
3	Màu: oxit sắt II, oxit titan	3.140
	Tổng	**15.475,46**
III-Nguyên vật liệu, hoá chất dùng cho quá trình điện phân Nickel, đồng và các kim loại màu khác		
1	Quặng	7.200
2	Bùn thải chứa kim loại	30.000
3	H_2SO_4 98%	1.440.000
4	NaOH (dạng bột)	518.400
5	NH_4HCO_3 (dạng bột)	172.800
6	H_2O_2	50.400
7	NH_3	288.000
3	Bột soda - Na_2CO_3	1.440.000
	Tổng	**3.946.800**
III-Nguyên vật liệu, hoá chất dùng cho quá trình hỏa luyện Nickel, đồng và các kim loại màu khác		
1	Phế liệu và chất chứa kim loại	8500
2	Khí trơ (Argon hoặc Helium)	1200

Dưới đây là hàm lượng chỉ tiêu phân tích mẫu quặng, bùn thải

Bảng 1. 8 Hàm lượng chỉ tiêu phân tích mẫu quặng, bùn thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hàm lượng trong mẫu quặng	Hàm lượng trong mẫu bùn
1	Al_2O_3	(%)	0,33	12,83
2	CaO		0,98	11,79
3	TFe_2O_3		0,66	3,01
4	K_2O		0,03	0,20

5	MgO		3,97	1,91
6	MnO		2,88	0,04
7	P_2O_5		0,03	0,02
8	Độ ẩm		36,26	-
9	TiO_2		0,01	0,30
10	Ag	(ppm)	< 2	11,7
11	As		42,2	< 20
12	B		< 10	297,2
13	Ba		19,8	402,2
14	Be		< 5	< 5
15	Bi		53,6	< 10
16	Cd		< 2	< 2
17	Ce		< 5	118,2
18	Co		**11.121,2 (1,11)**	53,6
19	Cr		33,7	**77.066,0 (7,71%)**
20	Cu		19,4	70.202,8 (7,02%)
21	Ga		< 10	< 10
22	Ge		< 20	< 20
23	La		< 5	10,2
24	Li		< 5	< 5
25	Mo		< 5	< 5
26	Nb		< 5	< 5
27	Ni		**265.620,1 (26,56%)**	**72.433,2 (7,24%)**
28	Pb		131,1	161,8
29	Sb		< 10	< 10
30	Sc		< 5	< 5
31	Sn		17,1	39,9
32	Sr		16,6	160,0
33	Ta		< 10	< 10
34	V		< 2	4,6
35	W		21,5	< 20
36	Y		< 5	7,8
37	Zn		369,5	13.168,7 (1,32%)

c) Nhu cầu sử dụng điện nước

Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cung cấp điện: Nhà máy sử dụng nguồn điện của KCN Quang Minh.

- Nhu cầu sử dụng: theo hoá đơn sử dụng điện thực tế của Nhà máy, nhu cầu sử dụng điện của Nhà máy hiện tại khoảng 6.000 kWh/tháng. Dự kiến trong giai đoạn điều chỉnh hoạt động sản xuất, nhu cầu sử dụng điện có thể lên khoảng 10.000 kWh/tháng.

Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cung cấp nước: Nhà máy sử dụng nguồn nước sạch do KCN Quang Minh cấp để phục vụ cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt của Nhà máy.

- Nhu cầu sử dụng nước: theo hoá đơn sử dụng nước thực tế của Nhà máy, nhu cầu sử dụng nước của Nhà máy hiện tại khoảng 45m^3/ngày đêm. Dự kiến trong giai đoạn điều chỉnh hoạt động sản xuất, nhu cầu sử dụng nước có thể lên khoảng 71 m^3/ngày đêm. Cụ thể, nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn mở rộng như sau:

+ Nước cấp phục vụ hoạt động sinh hoạt: Khi dự án đi vào hoạt động ổn định thì số lượng CBCNV khoảng 150 người (không ăn uống tại công ty), định mức cấp nước 25 lít/người/ngày đêm (Nguồn QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng). Tổng lượng nước cấp tối đa cho sinh hoạt là 25 x 150 = 3.750 lít/ngày = 3,75 m^3/ngày đêm.

+ Nước cấp làm nguyên liệu sản xuất sơn nước: Theo kinh nghiệm sản xuất thực tế cho thấy trung bình cần 0,6 lít nước để sản xuất 1kg sơn nước. Do đó lượng nước cấp cho hoạt động sản xuất sơn nước khoảng 40 m^3/ngày đêm.

+ Nước cấp cho hoạt động làm mát máy móc: Theo kinh nghiệm sản xuất thực tế cho thấy, lượng nước làm mát cho hệ thống hệ thống máy chỉnh lưu (mỗi phân xưởng gồm có 24 máy chỉnh lưu 3000A 12V, chạy 24/24) cần cung cấp bổ sung hàng ngày khoảng 5 m^3/ngày đêm.

+ Nước cấp cho hoạt động điện phân: Nước cấp bổ sung cho quá trình điện phân khoảng 5 m^3/ngày đêm.

+ Nước cấp tưới cây, rửa đường: Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, tổng lượng nước cấp tối đa phục vụ tưới cây, rửa đường là 1 m^3/ngày đêm.

+ Nước cấp PCCC: QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình, định mức nước chữa cháy bằng 20 lít/s/đám cháy, lượng nước dự trữ chữa cháy trong 1 giờ liên tục khoảng 72m^3.

Bảng 1. 9. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án

TT	Hạng mục	Đơn vị	Nhu cầu sử dụng	Lưu lượng nước thải
I	**Nước cấp sinh hoạt**	m^3/ngày đêm	**3,75**	3,75
II	**Nước cấp sản xuất**		**50**	
1	Nước cấp sản xuất sơn nước	m^3/ngày đêm	40	Đi vào nguyên liệu nên không thải

2	Nước làm mát		5	Tuần hoàn tái sử dụng 100%
3	Nước cấp quá trình điện phân		5	1
III	**Nước cấp cho tưới cây rửa đường**	m^3/ngày đêm	**1**	Hàng ngày
IV	**Nước cấp PCCC(3)**	m^3/lần	**72**	Trường hợp xảy ra sự cố
		Tổng	**126,75**	

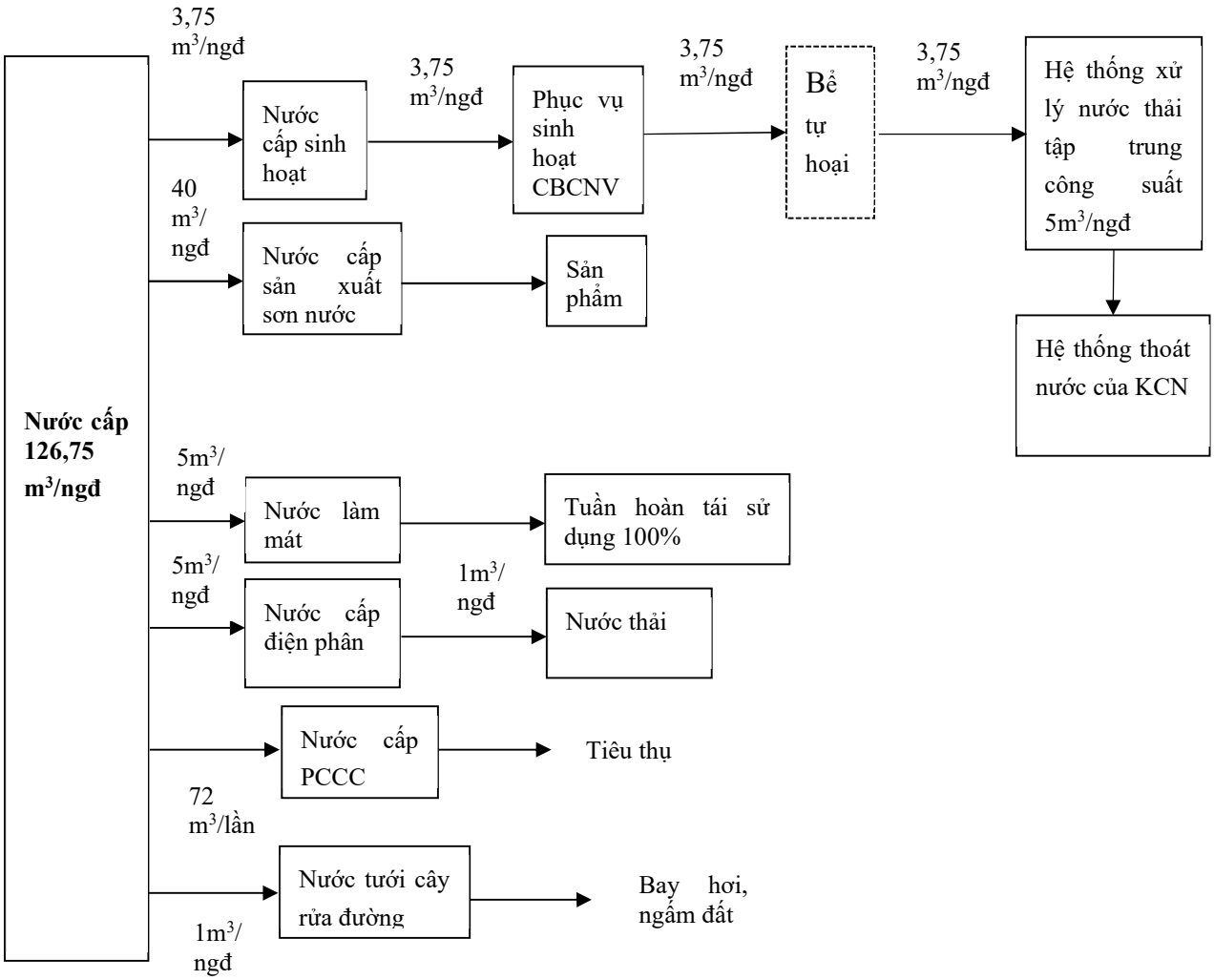

Hình 1. 3. Sơ đồ cân bằng nước của Dự án

d) Các sản phẩm của dự án

Bảng 1. 10. Sản phẩm của dự án

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Công suất
1	Sơn nước	Tấn/năm	15.000
2	Bột bả tường	Tấn/năm	10.000

3	Thủy luyện Nickel, Đồng và các kim loại màu khác	Tấn/năm	8.000
	Nickel (Ni): Đồng (Cu) Cobalt (Co) Kẽm (Zn): Thiếc (Sn)		5.000 1.000 500 1.000 500
4	Lọc và tái chế phế liệu và chất chứa Nickel, đồng và kim loại màu khác	Tấn/năm	8.000
	Nickel (Ni): Đồng (Cu) Cobalt (Co) Kẽm (Zn): Thiếc (Sn).		5.000 1.000 500 1.000 500
5	Sản xuất kim loại màu – hỏa luyện Niken, đồng và các kim loại màu khác	Tấn/năm	8.000
	Nickel (Ni): Đồng (Cu) Cobalt (Co) Kẽm (Zn): Thiếc (Sn)		5.000 1.000 500 1.000 500

1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

a) Công nghệ sản xuất sơn nước

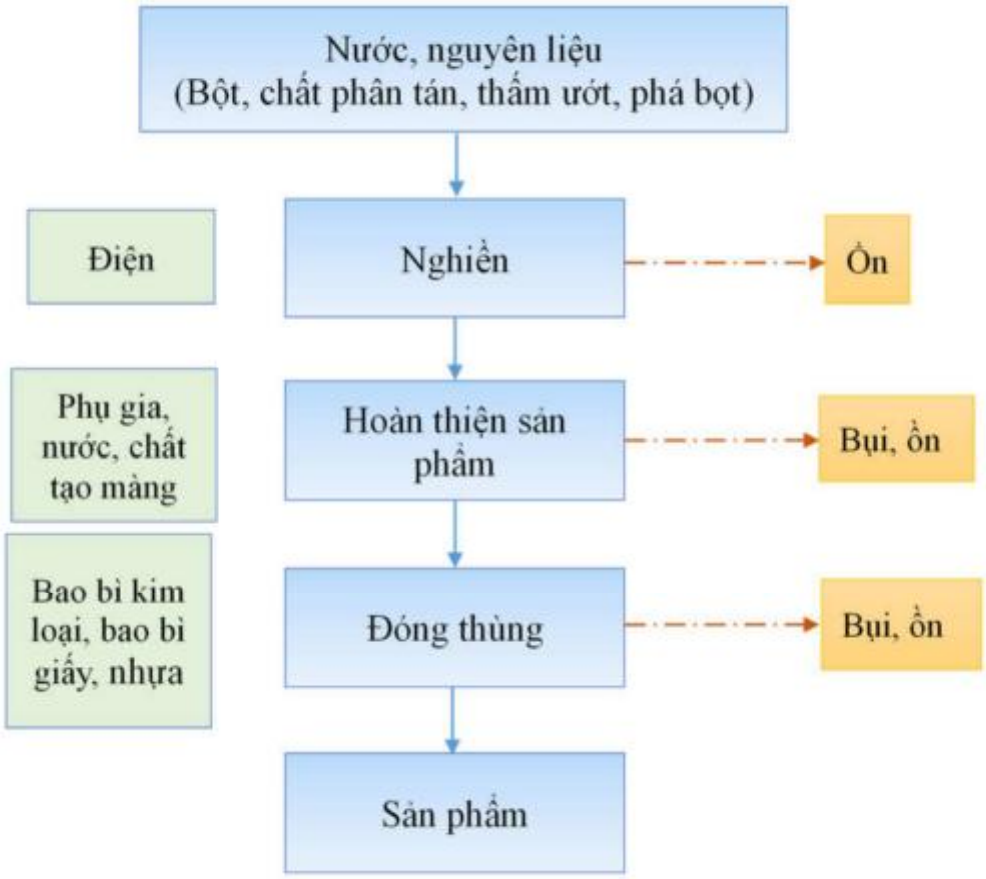

Hình 1. 4 Công nghệ sản xuất sơn nước

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu: Nguyên liệu được công nhân kho chuẩn bị theo lệnh sản xuất đưa xuống. Tổ trưởng sản xuất kiểm tra lần cuối về chủng loại, số lượng trước khi đi vào giai đoạn nghiền.

Nghiền sơn: Nguyên liệu được đưa từ từ và tank chứa theo thứ tự của lệnh sản xuất. Tại đây nguyên liệu được nghiền với tốc độ cao sơn tạo thành dung dịch dạng chất lỏng mịn, nhuyễn. Quá trình nghiền này yêu cầu thiết bị có đĩa khuấy tốt để đạt được yêu cầu cao về độ mịn của sơn. Thời gian nghiền có thể kéo dài phụ thuộc vào loại bột màu, bột độn và yêu cầu về độ mịn của sơn.

Hoàn thiện sản phẩm: Hỗn hợp sơn sau khi được nghiền đến độ mịn theo yêu cầu sẽ chuyển sang công đoạn hoàn thiện sản phẩm. Chất tạo màng và một số phụ gia, nước được đưa vào khuấy đồng nhất. Khi đã đạt độ đồng nhất thì cũng là lúc sản phẩm hoàn tất và chuyển sang công đoạn đóng thùng.

Sản phẩm sau đó đóng gói, nhập kho chờ xuất hàng.

b) Công nghệ sản xuất bột bả tường

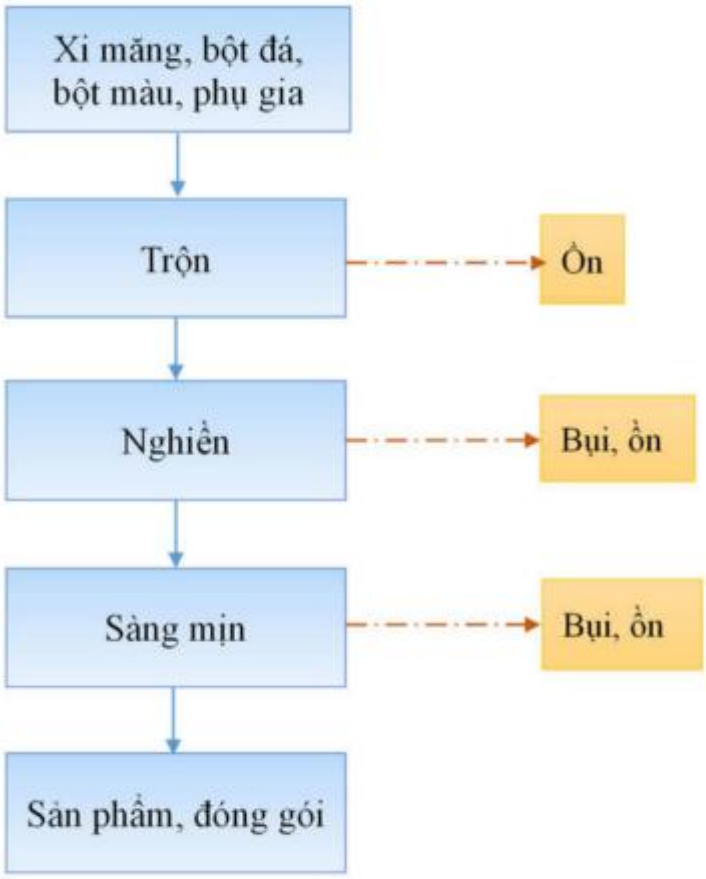

Hình 1. 5. Quy trình sản xuất bột bả tường

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu: Nguyên liệu đầu vào gồm xi măng, bột đá, bột màu và phụ gia.

Trộn: Nguyên liệu được cân theo đơn phối liệu, đưa vào thùng của máy trộn, trộn đều sau đó chuyển sang giai đoạn nghiền nhỏ và sàng mịn.

Nghiền: Nguyên liệu tiếp tục được chuyển sang công đoạn nghiền, nghiền thành những hạt bột có kích thước từ vài micron đến vài chục micron và phân loại bằng những công đoạn sàng mịn.

Sàng mịn: Bán thành phẩm được phân loại bằng cách sàng mịn bởi lưới sàng để loại những hạt to quá hoặc những hạt nhỏ quá. Sản phẩm đạt yêu cầu được đưa đi đóng bao

c) Công nghệ thủy luyện Nickel, Đồng và các kim loại màu khác và lọc, tái chế phế liệu và các chất chứa Nickel, Đồng và các kim loại khác

Dự án có 5 xưởng điện phân

Nhà xưởng điện phân 1: có nhiệm vụ xử lý hoá chất và làm sạch dung dịch điện ly trước khi được chuyển vào các bể điện phân ở các nhà xưởng điện phân 2,3,4,5.

Quy trình công nghệ thủy luyện Niken, đồng và các kim loại màu khác cũng tương tự như công nghệ l, tái chế phế liệu và các chất chứa Nickel, Đồng và các kim loại khác, chỉ khác nhau

về nguyên liệu đầu vào (thủy luyện: sử dụng quặng; lọc, tái chế phế phiệu: sử dụng bùn thải dạng ép khô), gồm 7 bước chính gồm:

Quặng Niken, đồng và các kim loại màu khác hoặc bùn mua về dạng ép khô được nghiền cùng với nước sau đó hòa cùng axit H_2SO_4 tạo thành dung dịch.

→ Tách các chất vô cơ không tan trong axit: sử dụng máy lọc ép để tách lấy phần dung dịch, phần cặn còn lại là bã thải (chứa các tạp chất đất cát) được thu gom, xử lý như CTNH

→ Tách các kim loại khỏi dung dịch để tạo thành dung dịch chứa một thành phần kim loại cần sản xuất: sử dụng các loại hóa chất lần lượt hòa tan vào dung dịch trên, sau đó cho qua máy ép lọc khung bản để lấy phần dung dịch chỉ còn chưa thành phần kim loại chính, phần bã thu được là các kim loại đã kết tủa

→ Chiết dung dịch sạch: sử dụng dầu chiết cùng axit để tách nốt Coban ra khỏi dung dịch, tạo nên dung dịch sạch có độ tinh khiết >99%

→ Gia tăng nồng độ kim loại màu cần sản xuất trong dung dịch *(các công đoạn trên được thực hiện tại nhà xưởng 1)*: sử dụng hóa chất để tăng hàm lượng kim loại màu cần, phần nước dư sau khi cô đặc sẽ được đưa về công đoạn đầu để tái sử dụng. Toàn bộ dung dịch sẽ được bơm bằng đường ống sang các nhà điện phân 2,3,4,5.

→ Điện phân: trong quá trình điện phân liên tục bổ sung hàm lượng kim loại từ dung địch đã gia tăng nồng độ bên trên, phần dung dịch chứa kim loại đã điện phân được rút ra tái tuần hoàn lại để gia tăng nồng độ. Sau thời gian từ 40-45 ngày, ngưng tuần hoàn và điện phân đến khi hết kim loại sau đó đưa dung dịch đã sạch kim loại vào bể nước thải.

→ Bóc kim loại màng: bóc tách phần kim loại bám trên các tấm cực, đưa vào bể rửa để rửa sạch dung dịch còn bám trên kim loại (phần nước rửa sau này đưa về giai đoạn nghiền tách đầu tiên để tái sử dụng). Kim loại sau khi rửa sạch được sấy khô.

→ Đúc và ra sản phẩm *(được thực hiện tại các xưởng điện phân 2,3, 4,5)*: sử dụng lò đúc chân không khép kín để đúc sản phẩm (quy trình này khép kín không có phát sinh khí thải)

07 bước chính này chia thành 24 công đoạn được thể hiện trên sơ đồ quy trình chi tiết kèm thuyết minh được thể hiện dưới hình sau:

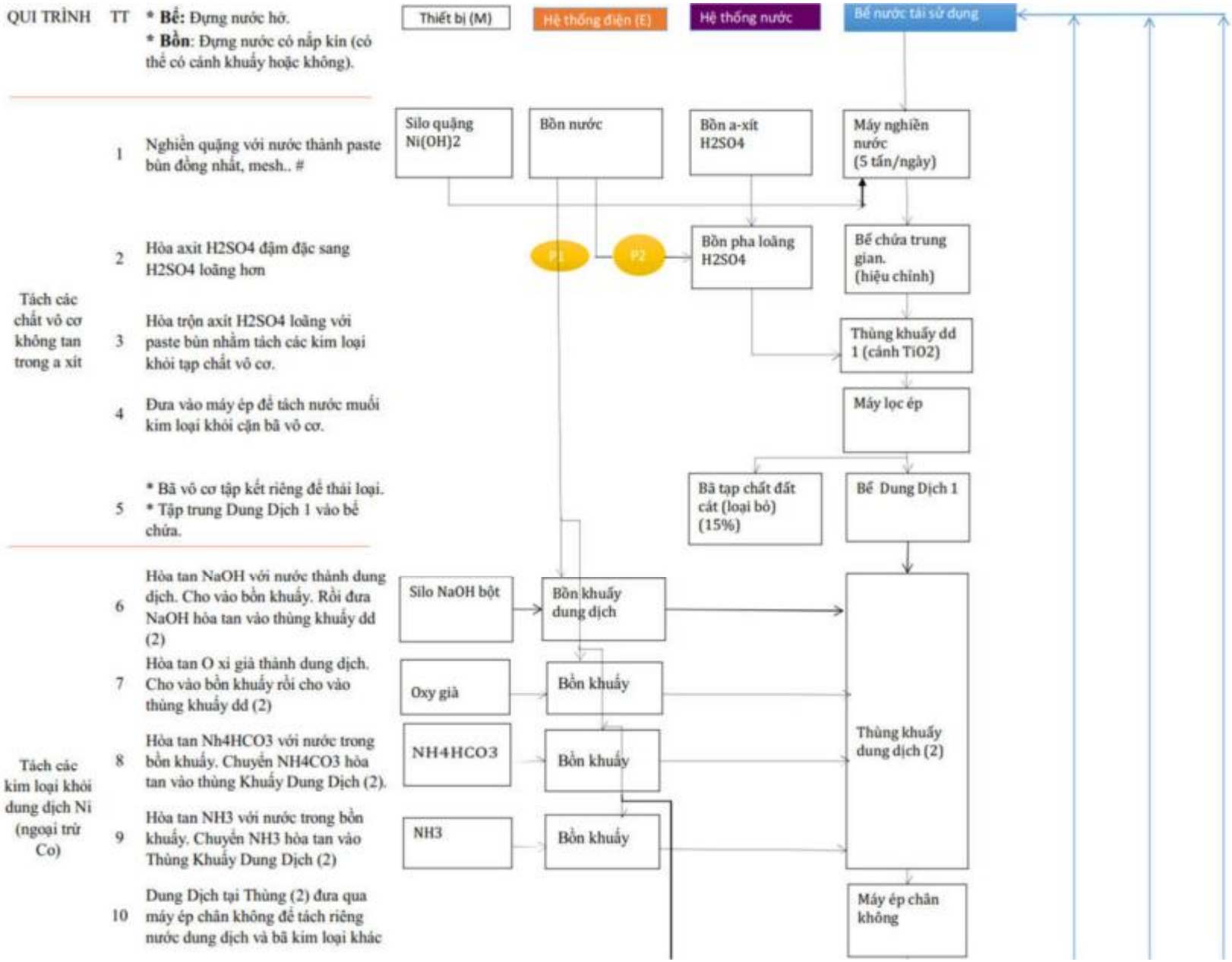
QUI TRÌNH
TT
* Bể: Đựng nước hở.
* Bồn: Đựng nước có nắp kín (có thể có cánh khuấy hoặc không).
Thiết bị (M)
Hệ thống điện (E)
Hệ thống nước
Bể nước tái sử dụng
1
Nghiền quặng với nước thành paste bùn đồng nhất, mesh.. #
Silo quặng Ni(OH)2
Bồn nước
Bồn a-xít H2SO4
Máy nghiền nước (5 tấn/ngày)
2
Hòa axit H2SO4 đậm đặc sang H2SO4 loãng hơn
P1
P2
Bồn pha loãng H2SO4
Bể chứa trung gian. (hiệu chỉnh)
Tách các chất vô cơ không tan trong a xít
3
Hòa trộn axit H2SO4 loãng với paste bùn nhằm tách các kim loại khỏi tạp chất vô cơ.
Thùng khuấy dd 1 (cánh TiO2)
4
Đưa vào máy ép để tách nước muối kim loại khỏi cặn bã vô cơ.
Máy lọc ép
5
* Bã vô cơ tập kết riêng để thải loại.
* Tập trung Dung Dịch 1 vào bể chứa.
Bã tạp chất đất cát (loại bỏ) (15%)
Bể Dung Dịch 1
6
Hòa tan NaOH với nước thành dung dịch. Cho vào bồn khuấy. Rồi đưa NaOH hòa tan vào thùng khuấy dd (2)
Silo NaOH bột
Bồn khuấy dung dịch
7
Hòa tan O xi già thành dung dịch. Cho vào bồn khuấy rồi cho vào thùng khuấy dd (2)
Oxy già
Bồn khuấy
Tách các kim loại khỏi dung dịch Ni (ngoại trừ Co)
8
Hòa tan Nh4HCO3 với nước trong bồn khuấy. Chuyển NH4CO3 hòa tan vào thùng Khuấy Dung Dịch (2).
NH4HCO3
Bồn khuấy
Thùng khuấy dung dịch (2)
9
Hòa tan NH3 với nước trong bồn khuấy. Chuyển NH3 hòa tan vào Thùng Khuấy Dung Dịch (2)
NH3
Bồn khuấy
10
Dung Dịch tại Thùng (2) đưa qua máy ép chân không để tách riêng nước dung dịch và bã kim loại khác
Máy ép chân không

	10	Dung Dịch tại Thùng (2) đưa qua máy ép chân không để tách riêng nước dung dịch và bã kim loại khác
	11	* Bã kim loại được phân loại riêng. * Nước dung dịch còn lẫn Co và Ni được đưa vào Bể 2
Chiết Dung dịch Ni sạch	12	Dung dịch ở Bể 2 đi qua hệ thống Bồn chiết dầu để lọc Co
Gia tăng nồng độ Ni trong dung dịch	13	* Na2CO3 hòa tan đưa vào làm tăng nồng độ Ni. Nước tách ra quay về Bể nước tái sử dụng
	14	H3Bo3 hòa với nước 100oC được đưa vào không thường xuyên để điều chỉnh pH cho bể dung dịch điện phân.
Điện phân	15	*Chất ổn định bề mặt được đưa vào không thường xuyên nhằm bảo đảm khả năng bám của Ni vào tấm cực. *Trong quá trình điện phân, rút bớt nước nồng độ Ni thấp trong bể đưa ngược về Bể tăng nồng độ dung dịch Ni
	16	Sau khi Ni đã bám vào cực, dùng cẩu long môn để nhấc tấm cực khỏi bể, di chuyển vào khu vực rửa.

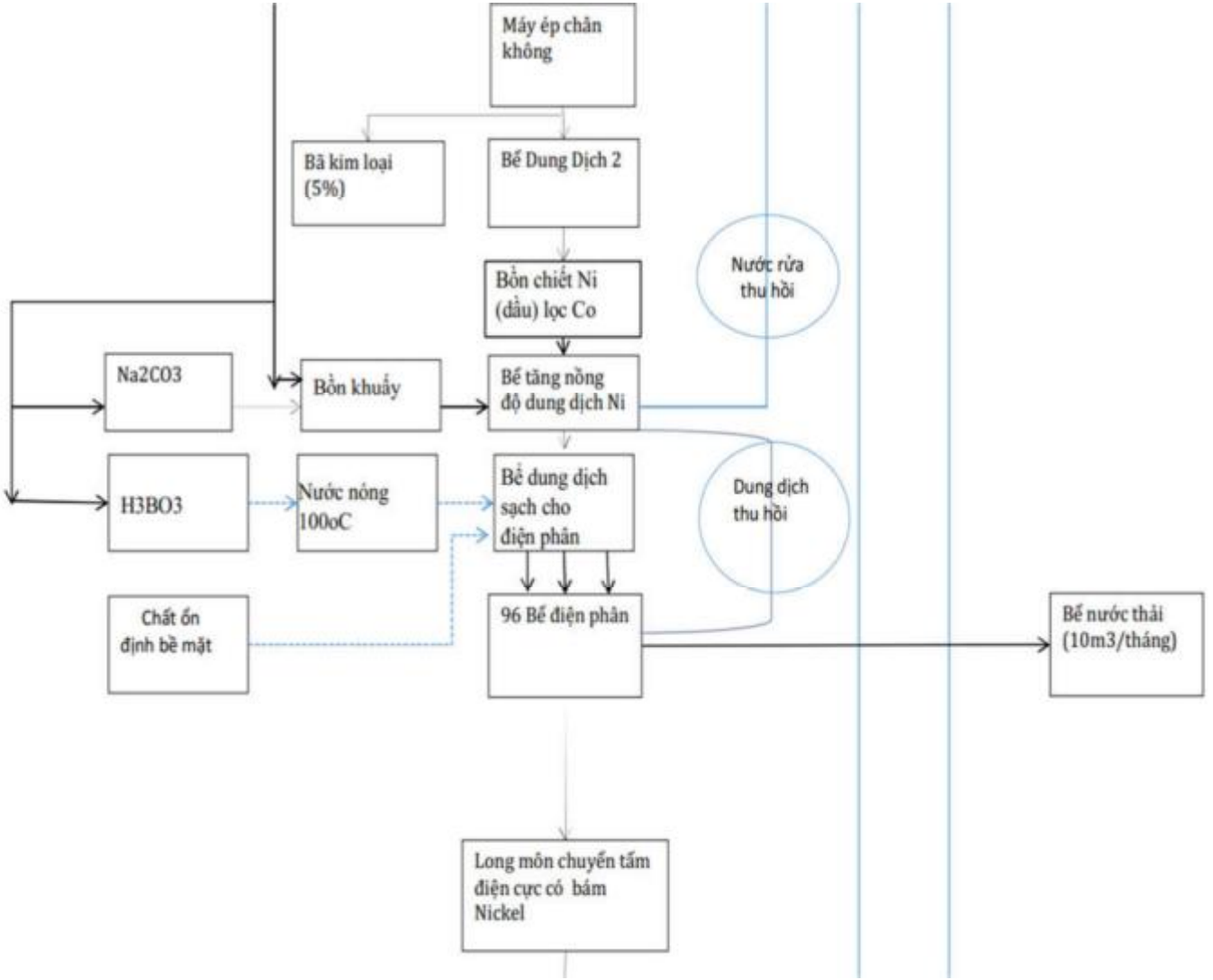

	16	Sau khi Ni đã bám vào cực, dùng cẩu long môn để nhấc tấm cực khỏi bể, di chuyển vào khu vực rửa.
	17	Nhúng tấm cực vào bể rửa để làm sạch tấm cực
	18	Long môn di chuyển tấm cực qua khu vực bản bóc Ni.
Bóc Ni màng	19	* Thu hồi nước chảy ra để chuyển lại bể rửa. * Ni tấm dạng mỏng chuyển qua bể rửa lần 2
	20	* Rửa miếng Ni và chuyển qua bước sấy. * Nước rửa Ni sẽ tuần hoàn về bể nước tái sử dụng
	21	Miếng Ni qua băng tải sấy khô
	22	Đóng bao, vào số hiệu và mã vạch, cân và chuyển vào kho bán thành phẩm.
Đúc và ra thành phẩm	23	* Bán thành phẩm vào máy đúc thành tấm. * Tấm nóng được dập tem nhãn.
	24	Chuyển vào kho Ni thành phẩm

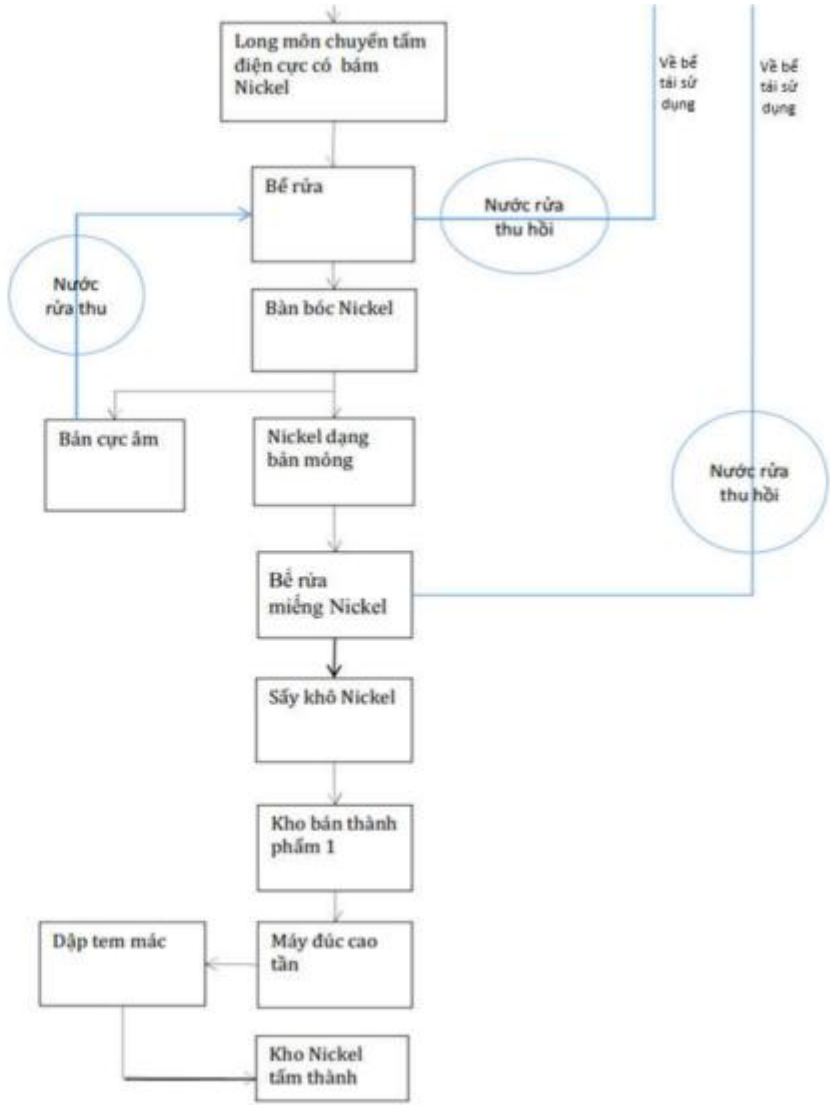

Hình 1. 6. Quy trình thủy luyện, lọc và Lọc và tái chế phế liệu và chất chứa Nickel, đồng và kim loại màu khác

Thông số, chỉ tiêu kỹ thuật hệ thống thủy luyện Ni, Cu và các kim loại màu khác

TT	Nội dung	Mô tả
1	Nguyên liệu (cacbonat bazơ niken)	Để bảo đảm mỗi dây chuyền trong 1 tháng đạt sản lượng 1 tấn Ni, Cu và các kim loại màu khác thì mỗi chu kỳ phải điện phân ra 250kg kim loại. Vậy lượng cacbonat bazơ niken cần thiết là 4-5 tấn với độ ẩm tuyệt đối khoảng 70-75% (sau khi ép khung bản) sử dụng cho mỗi dây chuyền trong chu kỳ. Chuẩn bị dung dịch điện phân: Hòa tan cacbonat bazơ Ni, Cu và các kim loại màu khác trong dung dịch axit sunfuric nồng độ 4M bằng cách rót từ từ dung dịch axit này vào thùng chứa muối cacbonat bazơ Ni, Cu và các kim loại màu khác sạch đến khi tạo thành dung dịch muối sunfat có nồng độ 35-55g Ni/lít ở độ pH = 5-6. Tiến hành lọc dịch để loại bỏ các loại cặn chứa Ca, Mn, Fe, Mg còn sót trong muối. ➔ Công đoạn trên được thực hiện tại xưởng điện phân số 1.
2	Bể điện phân	- Số lượng: 96 bể (tại mỗi phân xưởng 2,3,4,5 có 96 bể), vật tư mỗi bể: + Bể điện phân dung tích 2m^3 từ nhựa PVC thành dày 10mm; mặt thành là tấm nhựa PVC rộng 50, dày 10mm. Kích thước rộng x dài x cao: 1000x2000x1000 + Điện cực anot trơ : Titan phủ Ir-Ru, độ dày 3mm + Điện cực catot mẫu : titan nguyên chất, độ dày 1-3mm + Dẫn điện : các thanh đồng nguyên chất dày 1cm, rộng 5cm + Gối đồng - Các bể điện phân được đấu song song. - Các điện cực trong từng bể điện phân được đấu nối song song bao gồm 7 anot và 6 catot. Trong đó 6 catot được nằm xen giữa các anot với khoảng cách mỗi cặp là 10-15cm. Các anot được gắn vào gối đồng cực dương còn catot được gắn vào các gối đồng trên cực âm. → Công đoạn trên được thực hiện tại xưởng điện phân số 2,3,4,5.
3	Quá trình điện phân	Điện phân Ni, Cu và các kim loại màu khác trên catot titan (catot mẫu) ở dòng điện mật độ khoảng 3- 4A/dm2 trong khoảng 30 phút, tiếp theo nâng lên 6-7A/dm2 trong khoảng 30 phút rồi nâng lên 9-10A/dm2 để điện phân ổn định trong 24-36h tiếp theo cho đến khi

		tạo được màng Ni, Cu và các kim loại màu khác ở 2 mặt catot titan với độ dày khoảng 0.5mm. Tháo dỡ tách màng Ni, Cu và các kim loại màu khác ra khỏi catot titan thu được 2 tấm niken để làm catot mồi. ➔ Công đoạn trên được thực hiện tại xưởng điện phân số 2,3,4,5.

Thuyết minh quy trình sản xuất tại nhà xưởng 1 sẽ bao gồm hệ thống nghiền gồm: 01 máy nghiền búa văng công suất 4 tấn/h, 02 máy lọc hút chân không công suất 5m^3/h, 17 hệ thống thùng khuấy 10m^3 có cánh khuấy motor biến tần, 03 bể chứa trung gian 10m^3, và nhà chứa các loại hoá chất phục vụ sản xuất.

Tại xưởng điện phân số 1 các loại hóa chất gồm: H_2SO_4, NaOH, NH_4HCO_3, O_3, NH_3, NaOH được pha với nước theo tỷ lệ nhất định, sau đó được bổ sung vào các bể khuấy cùng với hỗn hợp silo quặng và nước tạo thành thành phẩm là dung dịch điện phân để đưa vào quy trình điện phân gồm 96 bể nối tiếp nhau tại các xưởng số 2,3,4,5.

Sơ đồ công nghệ và bố trí mặt bằng tại xưởng điện phân số 1 như sau:

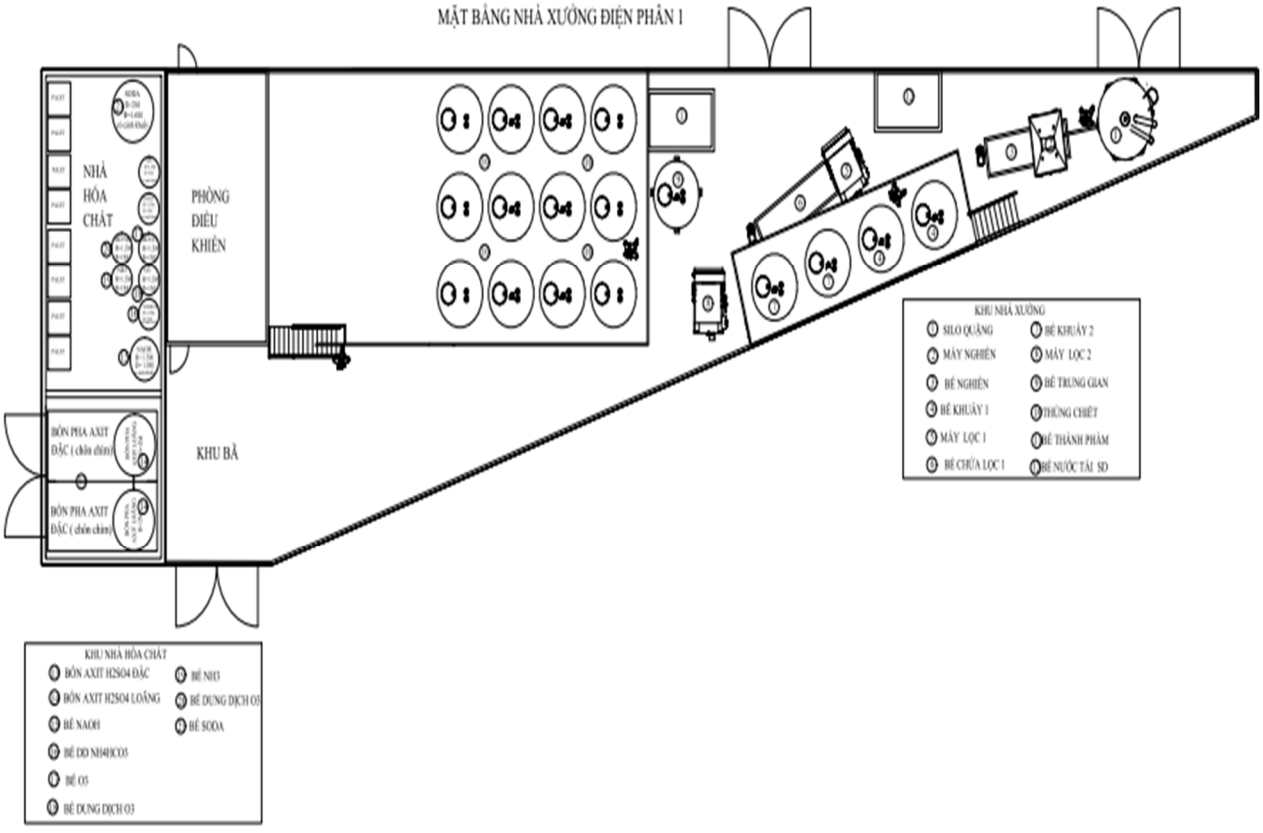

Hình 1. 7 Mặt bằng nhà xưởng

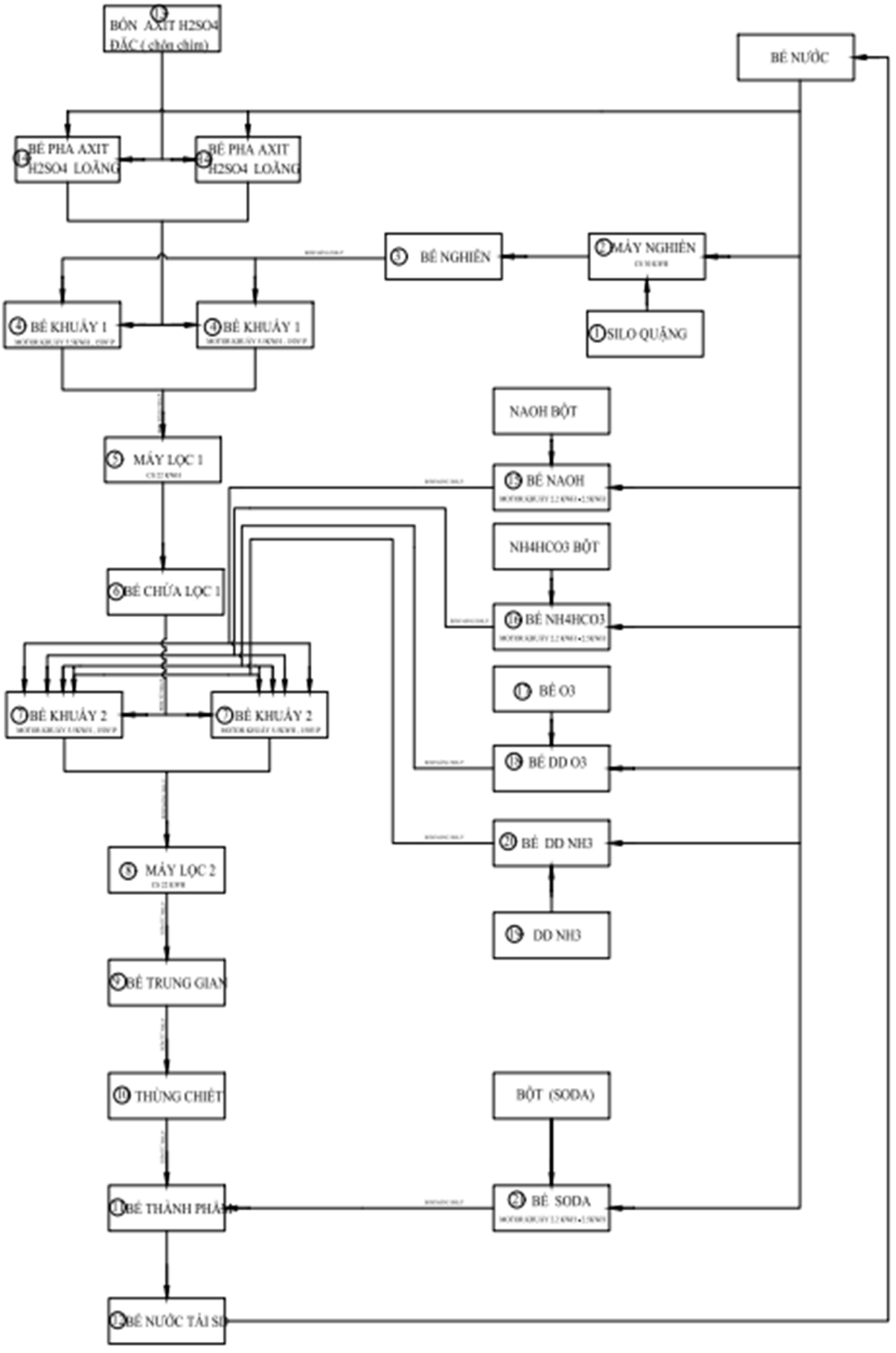

Hình 1. 8. Bố trí mặt bằng và sơ đồ công nghệ tại nhà xưởng 1

Thuyết minh quy trình sản xuất tại xưởng điện phân 1,2,3,4: Dung dịch điện ly sau khi lọc bỏ tạp chất được chứa vào bể trung gian trong phân xưởng 1 trước khi dùng bơm chuyển đến các bể điện phân. Mỗi xưởng 2,3,4,5 sẽ có 96 bể điện phân chia làm 03 dãy, mỗi dãy gồm 32 bể, và 01 bể trung gian lớn khoảng 10m^3 để cấp và tái sử dụng nước điện ly cho 96 bể. Hệ thống điện bao gồm 24 máy chỉnh lưu 3000A 12V, 96 máy bơm công suất 0.75kw/h, lưu lượng 200l/p.

- *Hệ thống bể điện phân*:

+ Các bể điện phân được đấu song song

+ Các điện cực trong từng bể điện phân được đấu nối song song bao gồm 14 anot và 15 catot. Trong đó 14 catot được nằm xen giữa các anot với khoảng cách mỗi cặp là 8-10cm. Các anot được gắn vào gối đồng cực dương còn catot được gắn vào các gối đồng trên cực âm

+ Các thanh đồng cái được gắn trên gối đồng.

+ Các điện cực được gắn thêm 2 đầu nối để lắp lên gối đồng.

- *Quy trình điện phân:*

Chuẩn bị cacbonat bazơ: Mỗi chu kỳ điện phân thông thường kéo dài liên tục

Để bảo đảm mỗi dây chuyền trong 1 tháng đạt sản lượng 1 tấn Ni, Cu và các kim loại màu khác thì mỗi chu kỹ phải điện phân ra 250kg Ni, Cu và các kim loại màu khác. Vậy lượng cacbonat bazơ kim loại cần thiết là 4-5 tấn vớiđộ ẩm tuyệt đối khoảng 70-75% (sau khi ép khung bản) sử dụng cho mỗi dâychuyền trong chu kỳ.

Chuẩn bị dịch điện phân : Hòa tan cacbonat bazơ kim loại trong dung dịch axit sunfuric nồng độ 4M bằng cách rót từ từ dung dịch axit này vào thùng chứa muối cacbonat bazơ kim loại sạch đến khi tạo thành dung dịch muối niken sunfat có nồng độ 35-55g kim loại/lít ở độ pH = 5-6. Tiến hành lọc dịch để loại bỏ các loại cặn chứa Ca, Mn, Fe, Mg còn sót trong muối.

Chuẩn bị các thiết bi điện phân :

+ Đấu nối các bể điện phân vào máy cấp dòng theo cách thức đã nêu trên.

+ Đấu nối các điện cực theo phương án song song : anot đấu vào thanh cực dương, catot đầu vào cực dương. Các điện cực được xếp song song và được định vị bởi các gối đồng gắn trên các thanh đồng cái. Khoảng cách giữa anot và catot trong khoảng 8-10 cm

+ Chuẩn bị các điện cực: anot và catot trước khi điện phân cần được làm sạch bằng giẻ hoặc cao su xốp rồi tráng qua dung dịch axit sunfuric loãng 0.5M

+ Cấp 800-900 lít dung dịch điện phân đã chuẩn bị ở trên vào bể sau khi đấu nối hệ thống điện và các điện cực vào bể điện phân. Bổ sung axit sunfuric đặc sao cho pH của dung dịch đạt 1.5-2. Bổ sung các chất phụ gia vào mỗi bể dung dịch điện phân.

+ Dung dịch điện phân được bơm tuần hoàn qua thiết bị giảm nhiệt bên ngoài để bảo đảm nhiệt độ dung dịch không vượt quá 60°C

Điện phân:

+ Điện phân Ni, Cu và các kim loại màu khác trên catot titan (catot mẫu) ở dòng điện mật độ khoảng 3- 4A/dm2 trong khoảng 30 phút, tiếp theo nâng lên 6-7A/dm2 trong khoảng 30 phút rồi nâng lên 9-10A/dm2 để điện phân ổn định trong 24-36h tiếp theo cho đến khi tạo được màng Ni, Cu và các kim loại màu khác ở 2 mặt catot titan với độ dày khoảng 0.5mm. Tháo dỡ tách màng Ni, Cu và các kim loại màu khác ra khỏi catot titan thu được 2 tấm kim loại để làm catot mồi.

+ Trong quá trình điện phân, duy trì pH của dung dịch trong khoảng 3-5 khi pH < 3 thì bổ sung cacbonat bazơ

+ Đúc Ni, Cu và các kim loại màu khác thành các tấm kim loại theo yêu cầu của đơn hàng.

- Kết quả điện phân: 1 tấm catot thu được 13 kg Niken/trong 2,5 ngày. Tổng số tấm catot: 13 x5760 x 360 x2,5/1000 =110.782 tấn/năm. Vì vậy, chủ dự án đăng kkys công suất sản xuất khoảng 10.000 tấn/năm.

d) Sản xuất kim loại màu bằng hỏa luyện

Dây chuyền sản xuất đặt tại Xưởng số 4. Cộng nghệ như sau:

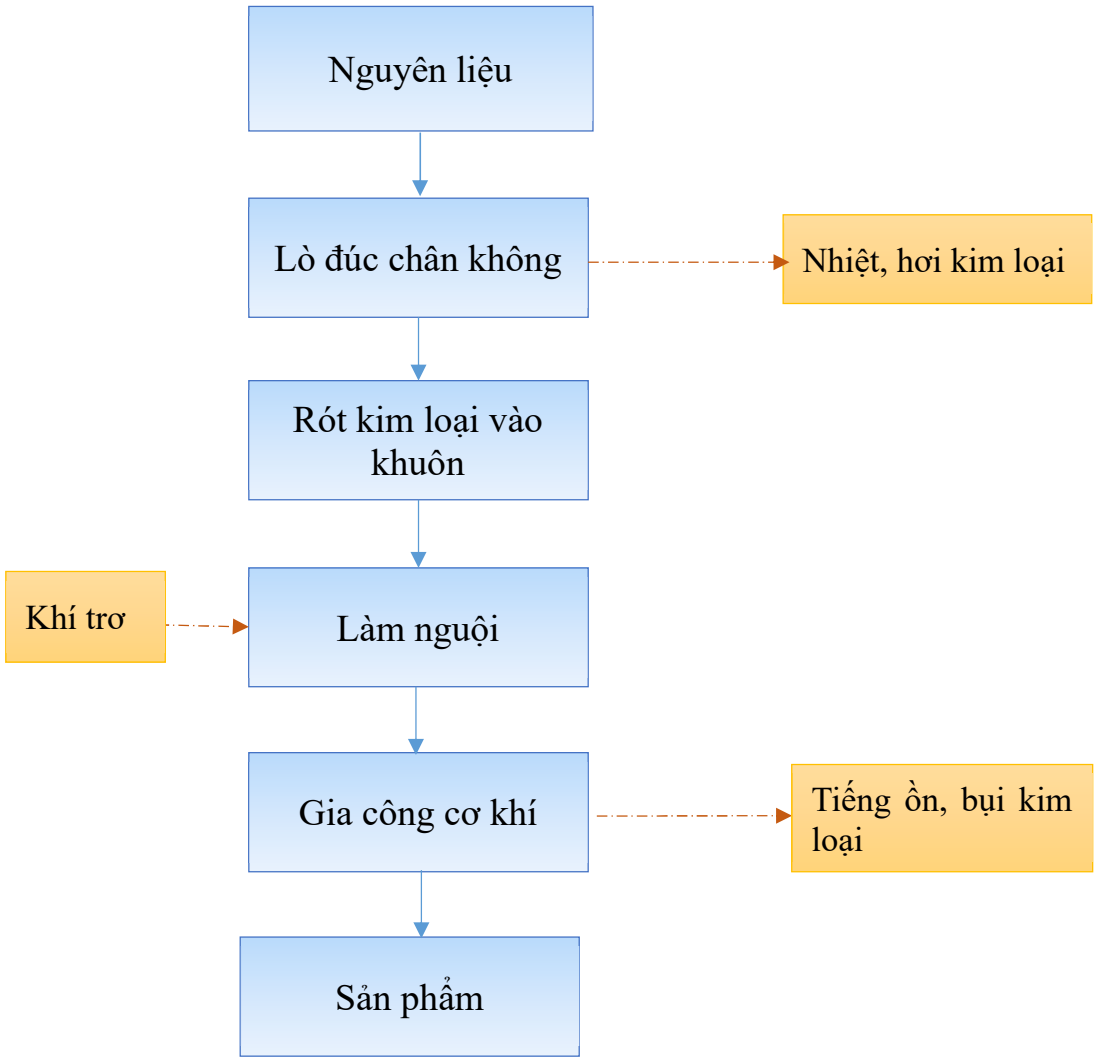

Hình 1. 9 Công nghệ hỏa luyện

Chuẩn bị vật liệu:

Kim loại dạng phế liệu: Kiểm tra nồng độ tinh khiết, phải đạt đủ tiêu chuẩn từ 99,8 trở lên.

Thiết bị phụ trợ: Kẹp gắp, hệ thống đo nhiệt độ, khí trơ (Argon hoặc Helium) để duy trì môi trường chân không.

→ Chuẩn bị lò đúc chân không

Kiểm tra và làm sạch lò để tránh nhiễm bẩn.

Đặt khuôn vào vị trí thích hợp trong lò.

Kết nối hệ thống chân không và kiểm tra độ kín để đảm bảo loại bỏ oxy và hơi nước có thể làm giảm chất lượng đúc.

→ Nấu chảy kim loại

Đưa các phế liệu kim loại vào nồi nấu.

Thiết lập nhiệt độ phù hợp (mỗi kim loại có nhiệt độ nóng chảy tương ứng khác nhau).

Kích hoạt lò và bắt đầu tăng nhiệt độ từ từ để tránh ứng suất nhiệt trong kim loại.

Duy trì môi trường chân không và bổ sung từ từ khí trơ để ngăn ngừa oxy hóa.

→Rót kim loại lỏng vào khuôn

Duy trì nhiệt độ của kim loại lỏng ở dạng nóng chảy để dễ rót.

Dùng kẹp gắp để di chuyển nồi nấu đến vị trí rót vào khuôn.

Rót kim loại lỏng một cách cẩn thận, tránh tạo bọt khí hoặc nhiễm tạp chất.

Để kim loại tự đổ đầy dần khuôn và đảm bảo hình dạng đồng nhất.

→Làm nguội và lấy sản phẩm

Để sản phẩm nguội tự nhiên trong môi trường chân không hoặc khí trơ.

Sau khi nhiệt độ giảm xuống dưới 500°C, có thể mở lò để làm nguội nhanh hơn.

Khi sản phẩm đạt nhiệt độ phòng, lấy ra khỏi khuôn và kiểm tra hình dạng, kích thước.

→Gia công và kiểm tra chất lượng

Gia công cơ khí: Nếu cần, có thể mài phẳng, đánh bóng hoặc gia công tinh.

Kiểm tra chất lượng: Kiểm tra kích thước, độ cứng, mật độ, thành phần hóa học để đảm bảo đạt tiêu chuẩn.

Xử lý bề mặt: Nếu sản phẩm cần có đặc tính bề mặt đặc biệt, có thể thực hiện các bước như phủ chống oxy hóa.

Cắt thành tấm: Sử dụng máy sấn để cắt kim loại thành từng miếng theo các kích thước phù hợp với nhu cầu sử dụng.

1.5. Biện pháp tổ chức thi công

- ***Biện pháp thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải***

- Đào hố móng bằng máy đào
- Đầm chặt hố móng
- Đặt bể xử lý, đấu nối đường ống nước
- Lấp đất và hoàn thiện

1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

a. Tiến độ thực hiện dự án

- Theo giấy chứng nhận đầu tư :

+ Thực hiện thủ tục môi trường: Quý IV/2025

- Mua sắm máy móc, thiết bị: Quý IV/2025

- Đối với mục tiêu thủy luyện Niken, đồng và các kim loại màu khác; lọc và tái chế phế liệu và chất chứa Niken, Đồng và các kim lọa khác; sản xất kim loại màu – hỏa luyện Niken, đồng và các kim loại màu khác: dự kiến quý I/2026.

b. Vốn đầu tư

- Tổng mức đầu tư của dự án: **98.000.000.000** đồng (Chín mươi tám tỷ đồng).

- Nguồn vốn: Vốn góp thực hiện dự án 60.000.000.000 VND (Sáu mươi tỷ đồng) chiếm 61,22% tổng vốn đầu tư; Vốn vay 38.000.000.000 VNĐ (Ba mươi tám tỷ đồng) chiếm 38,78% tổng vốn đầu tư đăng ký.

c. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

- **Tổ chức quản lý dự án khi đi vào hoạt động**

Số lượng cán bộ nhân viên làm việc trong nhà máy khoảng 150 người. Làm việc 3 ca/ngày. Thời gian làm việc 26 ngày/tháng.

Bảng 1. 11. Cơ cấu lao động dự kiến trong bộ máy quản lý

STT	Nội dung	Số người
1	Lãnh đạo quản lý	5
2	Nhân viên hành chính	10
3	Nhân viên kỹ thuật và KCS	10
4	Công nhân	125
	Tổng	**150**

Chương 2: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

Dự án "Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam" có vị trí: lô 48, KCN Quang Minh, xã Qang Minh, TP Hà Nội.

KCN Quang Minh đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM tại quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1384/QĐ- CT ngày 29/4/2008.Do đó, dự án thuộc đối tượng không phải thực hiện đánh giá điều kiện kinh tế - xã hội theo hướng dẫn tại mẫu số 04 phụ lục II, ban hành kèm theo thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Thông tin về KCN Quang Minh

a. Quy mô KCN

Khu công nghiệp Quang Minh thuộc thị trấn Quang Minh và thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội có diện tích 344,4 ha. Khu công nghiệp Quang Minh nằm giáp đường cao tốc Bắc Thăng Long - Nội Bài và đường sắt Hà Nội – Lào Cai, liền kề cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, ở đầu trục giao thông đường sắt và đường Quốc lộ 18 từ trung tâm miền Bắc ra Cảng Hải Phòng và Cảng nước sâu Quảng Ninh – Cái Lân rất thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hoá.

Tỷ lệ lấp đầy KCN đạt 100%. Số lượng công ty đang hoạt động 167 công ty, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệpnhư công nghiệp lắp ráp cơ khí điện tử; chế biến thực phẩm; công nghiệp nhẹ, hàng tiêu dùng; chế biến đồ trang sức; sản xuất linh kiện điện tử chính xác, xe máy, ôtô; đồ điện gia dụng; Cơ khí, sản xuất đồ gỗ,...

b. Hồ sơ môi trường của KCN

Khu công nghiệp Quang Minh được thành lập theo Quyết định số 3742/2004/QĐ-UB do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 22 tháng 10 năm 2004 về việc thành lập, phê duyệt dự án và cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội. Ngày 29/4/2008 UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã có quyết định số 1384/QĐ-CT về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh giai đoạn 2 của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức.

Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường số 3042/GPMT-BTNMT ngày 30/11/2017.

KCN Quang Minh đã được UBND thành phố Hà Nội - Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội phê duyệt xác nhận hoàn thành công trình BVMT tại quyết định số 51/GXN-STNMT-CCBVMT ngày 03/12/2020.

Hiện tại KCN Quang Minh đang thực hiện thủ tục Hồ sơ cấp Giấy phép môi trường.

c. Hạ tầng kỹ thuật của KCN

Nguồn điện:

- Nguồn điện được cung cấp liên tục và ổn định được lấy từ tuyến điện cao thế của Thành phố Hà Nội;
- Tổng công suất toàn khu khoảng 60.000 KVA;
- Mạng lưới điện được cung cấp dọc các đường giao thông nội bộ trong KCN. Doanh nghiệp đầu tư và xây dựng trạm hạ thế tuỳ theo công suất tiêu thụ;
- Điện của KCN được cung cấp từ lưới điện quốc gia, tuyến điện 22 kV;

Hệ thống cung cấp nước sạch:

Hệ thống cung cấp nước sạch được đấu nối đến tận chân tường rào từng Doanh nghiệp.

Hệ thống cấp nước khu công nghiệp Quang Minh được lấy tại nhà máy nước Quang Minh công suất là 14.000 m^3/ngày đêm, nguồn nước thô cho nhà máy nước là nước ngầm trong khu vực. Nước thô được khai thác từ 6 trạm bơm giếng và được đưa về nhà máy nước bằng các tuyến ống nước thô đường kính 160, 200, 300. Sau xử lý, nước được cấp cho các khu chức năng của khu công nghiệp thông qua các tuyến ống đường kính 100, 200. Nhà máy nước Quang Minh xử lý nước ngầm đáp ứng QCVN 01:2009/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống.

Hệ thống giao thông nội bộ trong KCN:

- Hệ thống đường giao thông nội bộ được thiết kế hợp lý để phục vụ cho việc đi lại cho các phương tiện giao thông đến từng lô đất một cách dễ dàng, thuận tiện.
- Hệ thống giao thông trục chính rộng 24m, số làn xe 2 làn.
- Hệ thống giao thông đường trục nội bộ rộng 10 – 16m, số làn xe 01 làn.
- Hệ thống đường chiếu sáng được lắp đặt dọc theo các tuyến đường.

Hệ thống cây xanh:

Hệ thống cây xanh chiếm 10-12% diện tích toàn KCN, kết hợp giữa cây xanh tập trung và cây xanh dọc các tuyến đường tạo cảnh quan chung của KCN.

Hệ thống thông tin:

Hệ thống viễn thông đạt tiêu chuẩn quốc tế và luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc. Hệ thống cáp quang ngầm được đấu nối trực tiếp đến chân hàng rào của từng Doanh nghiệp.

Hệ thống thoát nước:

Hệ thống thoát nước mưa và nước thải (nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt) được xây dựng riêng biệt. Nước mưa được thu gom qua hệ thống cống và thoát ra các sông trong khu vực. Nước thải được thu gom về Nhà máy xử lý nước thải của KCN.

Hiện trạng tiêu thoát nước mưa của KCN Quang Minh:

Cao trình khu đất thực hiện Nhà máy nằm trong KCN Quang Minh nên có cao trình giống với KCN Quang Minh là 9,8m. Hiện trạng tiêu thoát nước mưa của khu vực

dự án như sau:

- Hệ thống cống thoát nước mưa của KCN Quang Minh được xây dựng bằng BTCT có chiều rộng từ 0,8-1,2m, độ sâu từ 0,5-1m, chạy xung quanh các lô đất của KCN. Hệ thống cống thoát nước có nắp đậy bằng tấm đan BTCT nhằm hạn chế rác thải, lá cây rơi xuống cống ảnh hưởng tới sự tiêu thoát nước của KCN.

Hiện nay, hệ thống cống thoát nước mưa của KCN vẫn hoạt động tốt, chưa có tình trạng hư hỏng, ứ đọng. Vì vậy, cho tới nay chưa có hiện trạng ngập úng xảy ra đối với các Công ty trong KCN Quang Minh.

- Nguồn tiếp nhận nước thải của KCN là kênh tiêu thoát nước chung của khu vực sau đó chảy vào đầm Và tại xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Kênh Đầm Và có chiều dài 6,94km, đáy kênh rộng 10 – 30m; có chức năng cấp nước tưới cho khoảng 1032 ha đất nông nghiệp; tiêu nước co khoảng 3750 ha đất canh tác và dân cư.

Hệ thống xử lý nước thải

- Xử lý nước thải:

Nhà máy xử lý nước thải chung của KCN Quang Minh có công suất 6.000 m^3/ngày.đêm thiết kế 02 modun:

+ Mô đun số 1: Công suất 2.000m^3/ngày.đêm, công nghệ của mô đun số 1:

Nước thải Bể gom nước thải Bể tách mỡ Bể điều hòa nước thải Bể phản ứng hóa lý và lắng sơ bộ Bể Anoxic Bể Aeroten 1 Bể Anoxic 2 Bể Aerroten 2 Bể lắng thứ cấp Bể khử trùng Nước thải sau xử lý.

+ Mô đun số 2: Công suất 4.000m^3/ngày.đêm, công nghệ của mô đun số 2:

Nước thải Bể gom nước thải Bể tách mỡ Bể điều hòa nước thải Bể phản ứng hóa lý và lắng sơ bộ Bể Selector Bể Aeroten Bể lắng thứ cấp Bể khử trùng Nước thải sau xử lý.

Hiện nay, toàn bộ nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt của các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN Quang Minh được thu gom và xử lý tại Trạm XLNT tập trung của KCN công suất 6.000 m^3/ngày đêm. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt QCTĐHN02:2014/BTNMT cột A hệ số Kq=0,6; Kf=0,9.

Hiện trạng xử lý nước thải của KCN Quang Minh: Theo số liệu Báo cáo công tác BVMT của KCN Quang Minh năm 24: Trung bình tổng lượng nước thải ra từ các nhà máy, xí nghiệp thuộc KCN lên tới 3649,9 m^3/ngày; Lưu lượng nước thải lớn nhất thời điểm hiện tại của KCN khoảng 3.700m^3/ngày.

Nguồn tiếp nhận nước thải phát sau xử lý từ Trạm XLNT tập trung của KCN Quang Minh là kênh tiêu thoát nước chung của khu vực sau đó chảy vào đầm Và xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Trạm XLNT tập trung của KCN Quang Minh đã được Sở Tài Nguyên và Môi trường Xác nhận hoàn thành công trình BVMT tại quyết định số 51/GXN-STNMT-CCBVMT ngày 03/12/2020. Ngày 30/11/2017, Khu công nghiệp Quang Minh được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại số 3042/GP-BTNMT với lưu lượng nước thải lớn nhất là 6.000 m^3/ngày.đêm.

Toàn bộ nước thải công nghiệp trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom tập trung của Khu công nghiệp phải có hố ga và lưới chắn rác với mắt lưới 3cm. Chất lượng nước thải của bên thuê phải tuân thủ theo đúng Điều khoản hợp đồng dịch vụ Xử lý nước thải đã ký giữa hai bên.

Bảng 2. 1. Giá trị quy chuẩn nước thải đầu vào của KCN Quang Minh

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			Cột A	**Cột B**
1	Nhiệt độ	^oC	40	40
2	Màu	Pt/Co	50	150
3	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD_5 (20^oC)	mg/l	30	50
5	COD	mg/l	75	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100
7	Asen	mg/l	0,05	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,005	0,001
9	Chì	mg/l	0,1	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,05	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1
12	Crom (III)	mg/l	0,2	1
13	Đồng	mg/l	2	2
14	Kẽm	mg/l	3	3
15	Niken	mg/l	0,2	0,5
16	Mangan	mg/l	0,5	1
17	Sắt	mg/l	1	5
18	Tổng Xianua	mg/l	0,07	0,1
19	Tổng Phenol	mg/l	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	10
21	Sunfua	mg/l	0,2	0,5
22	Florua	mg/l	5	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10
24	Tổng nitơ	mg/l	20	40
25	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	4	6
26	Clorua	mg/l	500	1.000
27	Clo dư	mg/l	1	2
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05	0,1
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,003	0,01
31	Coliform	mg/l	3.000	5.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	mg/l	0,1	0,1

33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	mg/l	1,0	1,0

2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án

2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường

2.2.1.1. Hiện trạng môi trường

a) Tổ chức thực hiện

- Dự án lấy 03 mẫu không khí;

- Chất lượng môi trường không khí môi trường tại khu vực Dự án được khảo sát trong 1 đợt ngày12/7/2025. Trời nắng, gió nhẹ.

b) Vị trí giám sát, thông số giám sát và phương pháp thực hiện quan trắc và kết quả phân tích chất lượng môi trường nền của dự án.

Căn cứ vào vị trí của dự án; căn cứ hướng gió hiện hành, lựa chọn vị trí quan trắc như sau:

Bảng 2. 2 Thông tin về vị trí, chỉ tiêu giám sát các mẫu môi trường nền của dự án

Đối tượng giám sát	Vị trí giám sát	Chỉ tiêu giám sát	Tiêu chuẩn so sánh
Môi trường không khí	+ K1: Mẫu lấy tại cổng công ty Tọa độ VĐ=21,203285, KĐ=105,751668 + K2: Vị trí xây dựng nhà xưởng mới + Tọa độ: VĐ=21,203133, KĐ=105,751551	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, SO_2, NO_2, CO, TSP, tiếng ồn	- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn quốc gia về chất lượng môi trường không khí.
Khí thải	+ KT1: Khí thải sau hệ thống xử lý xưởng bột bả tường VĐ= 21.202273, KĐ=105.750331 + KT2: Khí thải sau hệ thống xử lý khu vực nghiền xưởng sản xuất sơn nước, VĐ=21.203133, KĐ=105.751551	Bụi chứa silic, Bụi tổng, lưu lượng, Toluen, Xylen	- QCVN 19:2024/BTNMT cột B
Nước thải	+ NT: VĐ=21.203090, KĐ=105.751823		- TC đấu nối của KCN Quang Minh

Dưới đây là vị trí quan trắc môi trường nền của dự án

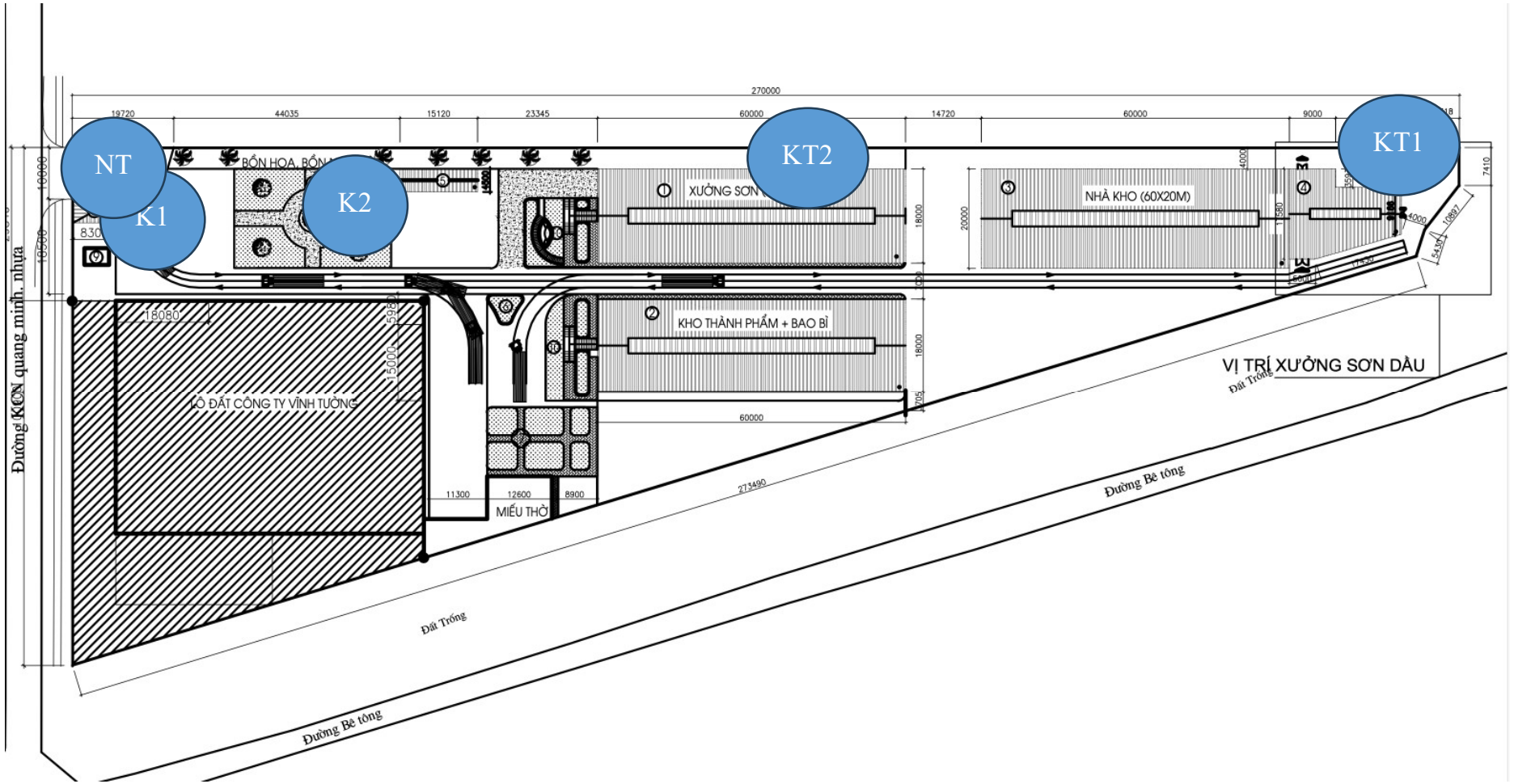

Hình 2. 1. Sơ đồ lấy mẫu của dự án

Bảng 2. 3. Chất lượng môi trường không khí tại khu vực Dự án

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT Trung bình 1 giờ
		K1	K2	
Nhiệt độ(b)	^oC	31,5	31,5	-
SO_2(b)	%	113	108	***350***
Tốc độ gió(b)	m/s	0,2	0,2	-
CO(b)	dBA	4.178	3.990	***30.000***
NO_2(b)	µg/Nm^3	100	104	***200***
Tổng bụi lơ lửng (TSP)(b)	µg/Nm^3	148	152	***300***

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn quốc gia về chất lượng môi trường không khí.

Nhận xét: Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí: Các chỉ tiêu phân tích tại bảng trên, cho thấy các chỉ tiêu quan trắc môi trường không khí đều nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép (QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí).

Bảng 2. 4 Kết quả phân tích khí thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 19: 2024/ BTNMT
			KT.01	KT.02	Cột C
1	Lưu lượng(b)	m^3/h	-	780	-
2	Bụi tổng (PM)(b)	mg/Nm^3	23,7	13,6	***≤35***
3	Bụi chứa silic(b)	mg/Nm^3	-	KPH (MDL=0,08)	-
4	Toluene(b)	mg/Nm^3	-	0,06	***≤50***
5	Xylen(b)	mg/Nm^3	-	KPH (MDL=0,02)	***≤150***

Ghi chú:

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Tại thời điểm qan trắc, 2 nhà xưởng đang hoạt động bình thường

Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp.

Nhận xét : Các chỉ tiêu quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép.

Bảng 2. 5 Kết quả phân tích nước thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	TC KCN Quang Minh
				NTSH.01	
1	pH(b)	-	TCVN 6492:2011	7,24	***5,5 ÷ 9***
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(b)	mg/L	SOP.QT.TDS	428	**-**
3	Dầu mỡ động, thực vật(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,6	**-**
4	BOD_5 (20°C)(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	15,2	***50***
5	TSS(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	39,7	***100***
6	Sunfua (H_2S)(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,14	***0,5***
7	Amoni (tính theo N)(b)	mg/L	TCVN 5988:1995	3,6	***10***
8	Nitrat (NO_3^- tính theo N)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO_3-.E:2023	6,87	**-**
9	Chất hoạt động bề mặt(b)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	1,48	**-**
10	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,09	**-**
11	Tổng Coliforms(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	$2,1\times10^3$	***5.000***

Quy chuẩn so sánh: **TC KCN Quang Minh:** Tiêu chuẩn xả thải của khu công nghiệp Quang Minh

Nhận xét: Các chỉ tiêu phân tích trong mẫu nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép của KCN Quang Minh.

2.2.2. Hiện trạng tài nguyên sinh vật

Dự án "Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam" có vị trí tại lô 48, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, TP Hà Nội.

KCN Quang Minh đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM tại quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1384/QĐ- CT ngày 29/4/2008.Do đó, dự án thuộc đối tượng không phải thực hiện đánh giá điều kiện kinh tế - xã hội theo hướng dẫn tại mẫu số 04 phụ lục II, ban hành kèm theo thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2.3 Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

- Yếu tố nhạy cảm: Không

- Nhận dạng các đối tượng bị tác động: Những đối tượng có thể bị tác động do quá trình xây dựng và hoạt động của dự án bao gồm: Môi trường đất, không khí; dân cư sinh sống dọc tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu; công nhân viên làm việc tại nhà máy; Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN;

2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án

a) Sức chịu tải của môi trường

Kết quả quan trắc môi trường nền: thành phần môi trường nên khu vực dự án chưa bị ô nhiễm. Vì vậy, khi dự án đi vào hoạt động cần vận hành hệ thống xử lý khí thải, nước thải sản xuất hiệu quả đảm bảo đều nằm trong giới hạn cho phép của các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, tránh tình tạng làm suy giảm sức chịu tải môi trường.

b) Sự phù hợp với khả năng tiếp nhận nước thải của KCN

Nước thải của các nhà máy thứ cấp sau khi xử lý đạt Tiêu chuẩn nước thải của KCN sẽ được thu gom về nhà máy xử lý nước thải của KCN. Hiện tại, theo thông tin do chủ hạ tầng KCN cung cấp, lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất khoảng 3700 m^3/ngđ. **Khi thực hiện dự án, lưu lượng nước thải phát sinh tăng thêm 3,75 m^3/ngđ.** Công suất thiết kế trạm XLNT của KCN 6.000 m^3/ngđ**.** Vậy, tổng lưu lượng nước thải của KCN, cần xử lý khoảng **3704** m^3/ngđ. Như vậy, công suất nhà máy nước thải của KCN là hoàn toàn đáp ứng nhu cầu xử lý.

Chương 3: ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng dự án

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

3.1.1.1 Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn lắp đặt thiết bị nhà xưởng

3.1.1.1.1 Đánh giá tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn lắp đặt thiết bị nhà xưởng

a) Đối với nước thải

Trong giai đoạn này, nguồn phát sinh chất ô nhiễm gây ảnh hưởng tới môi trường nước bao gồm:

- Nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án

- Nước thải sinh hoạt của công nhân chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trường.

a.1) Nước mưa chảy tràn

Việc tính toán lưu lượng nước mưa dựa theo phương pháp cường độ giới hạn.

$$Q = q.F.\beta.\psi \qquad (1)$$

(Nguồn: Mục 4.1.2 TCVN 7957:2023: Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài – Yêu cầu thiết kế)

q- Cường độ mưa tính toán (L/s.ha);

F- Diện tích lưu vực mà tuyến cống phục vụ (ha); F= 1,203 ha.

β- Hệ số phân bố mưa, xác định (theo Bảng 5, TCVN 7957:2023 chọn β = 0,24)

ψ- Hệ số dòng chảy, phụ thuộc vào loại mặt phủ và chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán P, xác định (theo Bảng 1, TCVN 7957:2023 chọn P =10 năm, Bảng 2, tính chất KCN là có công nghệ bình thường), chọn ψ = 0,81

$$q = \frac{A(1 + C\lg P)}{(t + b)^n}.K$$

Trong đó:

t- Thời gian dòng chảy mưa (phút): chọn mưa liên tục trong 30 phút;

P- Chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán (năm): chọn P=10 năm (Bảng 2, tính chất KCN là có công nghệ bình thường)

A, C, b, n - Tham số xác định theo điều kiện mưa của địa phương theo phụ lục A, đối với vùng không có thì tham khảo vùng lân cận:

A = 5950; C = 0,65, b = 20, n = 0,82 (STT 14, bảng A1, Phụ lục A).

K- Hệ số tính đến tác động của yếu tố biến đổi khí hậu đối với cường độ mưa, lấy ≥ 1, phụ thuộc vào kịch bản biến đổi khí hậu từng địa phương và theo khuyến nghị của các cơ quan chuyên môn về khí tượng thủy văn ở khu vực. Chọn K=2.

Có kết quả sau:

$q = [(5950x(1+0,65log10)/(30 + 20)^{0,82}]x2 = 857,74$ l/s.ha

Thay các giá trị trên vào công thức, xác định được lưu lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án như sau:

$Q = q.F.\beta.\psi = 857,74$ x 1,203 x 0,24x 0,81 = 200,59 l/s

Nhà máy đã lắp đặt hoàn thiện hệ thống thu gom nước mưa, sân đường được trải bê tông và thường xuyên quét dọn sạch sẽ. Vì vậy, mức độ tác động nêu trên của nguồn thải này là không lớn.

a2) Nước thải phát sinh do công nhân tham gia lắp đặt thiết bị

Số lượng công nhân trên công trường khoảng 20 người. Công nhân không ăn, nghỉ tại Dự án. Do đó, ước tính lượng nước sử dụng khoảng 45 lít/người/ngày đêm. Lượng nước cấp cho sinh hoạt của công nhân 0,9 m³/ngày đêm. Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tính bằng 100% lượng nước cấp tương đương khoảng 0,9 m³/ngày đêm.

Thành phần ô nhiễm của nước thải sinh hoạt như sau

Bảng 3. 1. Thành phần và tính chất NTSH (Chưa áp dụng biện pháp xử lý)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị (*)	Nồng độ chất ô nhiễm (mg/l)	TC KCN
1.	SS	mg/l	60÷65	444 - 481	100
2.	BOD_5	mg/l	55÷60	407 -444	50
3.	NH_4^+	mg/l	8÷10,5	59,2 – 77,8	10
4.	Tổng P	mg/l	1,1÷2,2	8,14 -16,2	6

(*) được lấy theo nguồn: TCXDVN 7957:2023)

Nhìn bảng số liệu ta thấy giá trị các thông số này đều cao hơn rất nhiều so với TC KCN. Tại công ty đã có sẵn 02 bể tự hoại 3 ngăn (3,5 m^3) phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của công nhân. Do số lượng công nhân ít nên công ty cho phép công nhân được sử dụng nhà vệ sinh này. Nhà máy sẽ ưu tiên lắp đặt hệ thống xử lý nước thải trước. Nước thải sau bể tự hoại được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 5 m3/ngày đêm, xử

lý đạt Tiêu chuẩn xả thải của KCN vào hệ thống thoát nước của KCN, sau đó xử lý hệ thống XLNT tập trung của KCN nên mức độ tác động của nguồn thải là nhỏ.

b) Bụi và khí thải

b.1) Bụi và khí thải phát sinh do phương tiện giao thông

- Nguồn phát sinh: Bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển máy móc thiết bị, chuyền sản xuất,... bằng phương tiện sử dụng nhiên liệu dầu DO hoặc xăng.

- Thành phần ô nhiễm đặc trưng gồm bụi, CO, SO_2, NOx...

- Đối tượng chịu tác động là công nhân làm việc.

- Lượng thải:

+ Tổng khối lượng nguyên vật liệu, vật tư,... cần vận chuyển là **150** tấn. Thời gian thi công khoảng 3 ngày. Số chuyến vận chuyển lớn nhất ra vào dự án khoảng 2 xe/ngày.

Quãng đường vận chuyển trung bình từ 73,3 km

+ Tải lượng và nồng độ bụi, các khí thải độc hại (SO_2, CO, NO_x, THC, muội khói…) được tính toán dựa theo mô hình khuếch tán nguồn đường dựa trên định mức thải của Tổ chức Y tế thế giới WHO đối EMEP/EEA Airpollutants emission inventory guide book, 2023 như sau:

$$C \quad 0{,}8E \frac{\exp \frac{z \quad h^2}{2 \quad {}_z^2} \quad \exp \frac{z \quad h^2}{2 \quad {}_z^2}}{{}_z u}$$ (Công thức Sutton)

(*Nguồn: Theo Môi trường không khí – Phạm Ngọc Đăng. Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật).*

Chọn điều kiện tính:

+ E: Lưu lượng nguồn thải, E = Số xe/giờ x Hệ số ô nhiễm/1000km x1h

+ z (chiều cao hít thở): 1,5m

+ h (chiều cao đường): 0,3m

+ u (tốc độ gió): 0,6 m/s

+ Hệ số khuếch tán : ${}_z \quad 0{,}53\, x^{0{,}73}$ = 0,713

+ x (khoảng cách từ tim đường đến vị trí tính toán): 1,5m

Áp dụng Công thức Sutton, dự báo nồng độ ô nhiễm như sau:

Bảng 3. 2. Nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận tải giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị

Stt	Chỉ tiêu	Hệ số ô nhiễm (g/km) (*)	Hệ số ô nhiễm = k (1 km)	E (mg/m.s)	Nồng độ ô nhiễm (mg/m^3)	QCVN 05:2023/ BTNMT
1	Bụi	0,3344	0,0030	0,0001	0,0001	**0,3**
2	NO_2	8,92	0,0389	0,0021	0,0026	**0,2**
3	CO	2,13	0,0198	0,0010	0,0014	**30**

Ghi chú: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

(*) Bảng 1.22. Công văn số 1074/BTNMT-KSONMT ngày 21/02/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường V/v hướng dẫn kỹ thuật kiểm kê phát thải bụi và khí thải từ nguồn thải điểm, nguồn diện và nguồn di động và số liệu thống kê thực tế từ các dự án tại khu vực xung quanh (xe tải nặng, dùng dầu, từ 7,5-16 tấn).

Theo bảng trên thì nồng độ bụi, khí thải ô nhiễm đều thấp hơn QCVN 05:2023/BTNMT. Ngoài ra, khu vực thực hiện dự án có cây xanh do công ty trồng và công ty sẽ thực hiện phun bụi sân đường hàng ngày nên mức độ tác động của nguồn thải này không lớn.

b2) Bụi từ quá trình đào các hạng mục công trình

Khối lượng đất đào chủ yếu phát sinh từ đào thi công bể xử lý nước thải. Ước tính lượng đất phát sinh khoảng 24 m^3 tương đương 31,2 tấn.

Theo Rapid Inventory techniques in envirnomental pollution, chapter 3 -11 thì:

+ Hệ số ô nhiễm bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển là 0,0134 kg bụi/tấn đất ;

+ Hệ số ô nhiễm bụi phát sinh từ quá trình bốc xúc trung bình 0,17 kg/tấn đất.

Lượng bụi phát sinh khoảng 210,6 x (0,17+0,0134) = 38,6 kg.

Thời gian đào 1 ngày.

Diện tích thi công khoảng 12.030 m^2.

Theo tài liệu hướng dẫn đánh giá ĐTM của ngân hàng thế giới Environmental assessment sourcebook, volume II, sectoral guidelines; environment, vorld bank, wassington D.C 8/1991 thì nồng độ bụi phát sinh được tính theo công thức

Nồng độ bụi E_1 =Tải lượng (kg/ngày) x $10^6/24/V = 38,6/15*10^6/24/(994*10)=$ $10,78(mg/m^3)$ (1)

Trong đó: V: Thể tích bị tác động trên bề mặt công trình (V = S x H (m^3) với S= 994 m^2 là diện tích mặt bằng ; H = 10m là chiều cao thông số khí tượng).

Nồng độ bụi trong môi trường nền E_0 là 150 mg/m^3

Như vậy, nồng độ bụi phát sinh do quá trình đào đất $E = E_1 + E_0 = 194,78$ mg/m^3 nằm trong giới hạn cho phép QCVN 05:2023/BTNMT.

b3) Bụi và khí thải do máy móc thi công

Trong quá trình thi công xây dựng dự án, dự án chủ yếu sử dụng nhân công, có sử dụng 01 máy đào, các máy khoan, máy bắt vít...nhưng số lượng ca máy rất ít. Chỉ có máy đào sử dụng nhiên liệu diezel nhưng thời gian đào khoảng nửa ngày. Tác động đến môi trường chủ yếu là khí SO_2, NO_x, CO tuy nhiên mức độ tác động là rất nhỏ.

b4) Tác động do bụi hoạt động tháo dỡ vật tư, vật liệu thi công

Quá trình tháo dỡ vật tư, vật liệu thi công cũng có thể phát sinh bụi do bụi bám trên bào bì đựng. Lượng bụi phát sinh không đáng kể và tác động chủ yếu đến sức khỏe công nhân tháo dỡ. Tác động này hoàn toàn có thể phòng ngừa bằng cách trang bị khẩu trang cho công nhân.

c) Đối với chất thải rắn

Nguồn phát sinh chất thải rắn gồm:

- Chất thải xây dựng từ quá trình xây dựng.

- CTR công nghiệp từ hoạt động lắp đặt thiết bị

- Chất thải sinh hoạt.

c1) Chất thải rắn sinh hoạt

- *Nguồn phát sinh*: từ hoạt động sinh hoạt của 20 công nhân cải tạo, lắp đặt máy móc thiết bị.

- *Lượng thải:* theo QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, định mức chất thải sinh hoạt phát sinh của 1 người là 1,3 kg/ngày/người (cho 24 h làm việc) ~ 0,43 kg/người/ca (cho 8 h làm việc). Do đó, lượng chất thải sinh hoạt phát sinh của 20 người là 20 x0,43 = 8,6 kg/ngày.

- *Thành phần rác sinh hoạt*: gồm vô cơ (nilon, giấy, hộp, lon,…) và hữu cơ (vỏ hoa quả, thức ăn thừa,…).

- *Tác động tiêu cực:* các chất hữu cơ trong chất thải sinh hoạt dễ phân hủy trong điều kiện nắng nóng và phát sinh nước rỉ rác có mùi hôi thối tạo điều kiện cho ruồi nhặng, sinh vật gây bệnh phát triển gây bệnh cho công nhân làm việc. Tuy nhiên, giai đoạn xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị, chủ dự án sẽ bố trí khoảng 3 thùng rác nhựa có nắp đậy 60 lít/thùng và chuyển giao hàng ngày nên mức độ tác động đến môi trường là không lớn.

c2) Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- *Nguồn phát sinh:*

+ Đất đào từ quá trình thi công hệ thống xử lý khí thải

+ Từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị với thành phần chất thải gồm thùng bìa Carton, thùng gỗ, palet thải bỏ, nilon, xốp,…

- Lượng thải:

+ Lượng đất thải từ quá trình thi công hệ thống xử lý nước thải là 24 m^3. Toàn bộ lượng đất được sử dụng để đắp công trình.

+ CTR từ hoạt động tháo dỡ kiện, đóng gói thiết bị vật tư.

- Căn cứ vào trọng lượng thiết bị và trọng lượng thùng đóng gói, tính được khối lượng bao bì phát sinh khoảng 1,5 tấn. Thành phần gồm bìa caton, nilon, dây buộc, xốp.

Nhìn chung, chất thải này gây tác động không lớn tới môi trường do:

+ Chất thải phát sinh 1 lần (khi dỡ kiện máy móc, thiết bị)

+ Sự chuyển hóa các chất thải này trong môi trường này khá chậm, khó lan truyền/phát tán trong môi trường

+ Nếu được thu gom và xử lý thì khả năng ảnh hưởng tới môi trường có thể bỏ qua.

+ Chất thải này rất dễ thu gom, xử lý.

- Nguồn phát sinh:

+ Công đoạn tra dầu bôi trơn cho máy móc cải tạo, lắp đặt máy móc thiết bị: vỏ đựng dầu bôi trơn, giẻ lau dính dầu mỡ và thành phần nguy hại, dầu mỡ thải;

- Lượng phát sinh:

+ Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại: dự báo 30 kg

+ Thùng kim loại đựng dầu bôi trơn thải: dự báo 1 kg

Như vậy, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị là **31kg/tháng** được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3. 3. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg)	Mã CTNH
1	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại	Rắn	30	18 02 01
2	Vỏ kim loại đựng dầu bôi trơn	Rắn	1	18 01 02
	Tổng		**31,5**	

- Tác động tiêu cực: trường hợp chất thải lưu chứa ngoài trời, khi gặp mưa thì các thành phần nguy hại sẽ bị cuốn theo nước mưa xuống hệ thống thu thoát nước mưa của

xưởng gây ô nhiễm nguồn nước mặt, tắc nghẽn dòng chảy của hệ thống. Tuy nhiên, Công ty sẽ sử dụng 01 kho CTNH diện tích 132,48 m^2 hiện có để lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị xử lý. Vì vậy, mức độ tác động của nguồn thải này đến môi trường là không lớn.

3.1.1.1.2 Đánh giá, dự báo các tác động không liên quan tới chất thải trong giai đoạn xây dựng, lắp đặt thiết bị

a) Tiếng ồn

- *Nguồn phát sinh:* tiếng ồn, rung động phát sinh từ lắp đặt máy móc thiết bị (máy khoan, xe vận chuyển, máy đào).

- *Dự báo lượng thải:*

Theo số liệu nghiên cứu của WHO, 1993:

+ Mức ồn trung bình của xe vận chuyển là 83 dBA;

+ Mức ồn trung bình của máy đào là 65-66 dBA dBA;

+ Mức ồn trung bình của máy khoan là 85 – 95,0 dBA;

Mức ồn cộng hưởng sinh ra tại một điểm do tất cả các máy móc gây ra được tính theo công thức: $L = 10\lg \sum_{i}^{n} 10^{0,1.Li}$ (dBA) = 95,4 dBA

Mức ồn cộng hưởng khá lớn, cao hơn tiêu chuẩn cho phép. Đối tượng chịu tác động trực tiếp là công nhân lắp đặt. Việc tiếp xúc liên tục với độ ồn quá lớn, trong nhiều giờ sẽ giảm khả năng nghe, ảnh hưởng đến thần kinh, thị giác, gây choáng váng và rất dễ xảy ra tai nạn lao động. Tuy nhiên, không gian thực hiện bên trong nhà xưởng thông thoáng, thời gian vận hành thiết bị không liên tục nên mức độ tác động có thể chấp nhận được. Ngoài ra, trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị, Công ty sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu mức ồn tại nguồn nên mức độ tác động đến công nhân được giảm thiểu.

b) Nhiệt dư

Nhiệt dư phát sinh do điều kiện thời tiết nắng nóng kết hợp với nhiệt dư phát sinh từ máy móc thiết bị hỗ trợ. Nhiệt độ cao gây mất mồ hôi, kèm theo là mất một lượng muối khoáng như các muối K, Na,…, cơ tim phải làm việc nhiều hơn. Ngoài ra, làm việc trong môi trường nóng thường dễ mắc các bệnh hơn so với các điều kiện bình thường (ví dụ bệnh tiêu hoá chiếm tới 15% trong khi điều kiện bình thường chỉ chiếm 7,5%, bệnh ngoài da là 6,3% so với 1,6%). Rối loạn sinh lý thường gặp ở một số công nhân làm việc trong môi trường nhiệt độ cao là chứng say nóng và co giật, nặng hơn là choáng nhiệt, khi đó, tiềm ẩn cao nguy cơ tai nạn lao động. Vì vậy, Công ty sẽ đưa ra biện pháp giảm thiểu đối với nguồn thải này.

c) Tác động giao thông của Khu công nghiệp Quang Minh

Quá trình vận chuyển vật tư, máy móc sản xuất phục vụ xây dựng, lắp đặt máy móc sẽ đi qua các tuyến đường giao thông khu vực gồm đường nội bộ của Khu công nghiệp Quang Minh. Hoạt động này sẽ gia tăng mật độ các phương tiện lưu thông trên các tuyến đường này, tiềm ẩn nguy cơ tắc đường, tai nạn giao thông, đặc biệt là vào giờ cao điểm. Tuy nhiên, tác động này là không lớn do Công ty sẽ yêu cầu nhà cung cấp thực hiện đúng luật giao thông, phân bổ thời gian vận chuyển phù hợp, không vận chuyển vào giờ cao điểm.

d) Tác động đến hoạt động sản xuất của công ty

Hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị sẽ phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn. Các công trình xây dựng nằm nhà xưởng trống, tách biệt với các nhà xưởng sản xuất hiện hữu nên mức độ tác động đến hoạt động hiện hữu được đánh giá là nhỏ. Tuy nhiên thể xảy ra hiện tượng trộm cắp tài sản, mâu thuẫn giữa công nhân nhà máy và công nhân lắp đặt. Do đó, nhà thầu xây dựng và công ty cần có biện pháp quản lý chặt chẽ công nhân.

e) Khả năng cháy nổ

- Nguyên nhân gây cháy nổ:

- Hệ thống điện lưới trong xưởng bị quá tải.

- Do sét đánh.

- Công nhân hút thuốc tại khu vực lắp đặt máy móc thiết bị.

Khi sự cố xảy ra sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và tính mạng của người lao động đang làm việc, hư hỏng hạ tầng đang cải tạo, lắp đặt và hạ tầng hiện có của công ty. Đám cháy lớn có thể lan sang các xưởng lân cận. Đồng thời, khi cháy sẽ làm phát sinh bụi, khí thải, mùi khét gây ô nhiễm không khí. Vì vậy, Công ty sẽ chú trọng và có biện pháp giảm thiểu cụ thể đối với sự cố này.

f) Sự cố an toàn lao động

Nguyên nhân do:

+ Do công nhân không tuân thủ nội quy an toàn cải tạo, lắp đặt máy móc thiết bị

+ Do máy móc, thiết bị hỗ trợ cải tạo, lắp đặt gặp trục trặc.

+ Ô nhiễm môi trường làm việc sẽ khiến công nhân mệt mỏi, choáng váng trong quá trình làm việc, tiềm ẩn sự cố mất an toàn lao động.

+ Do quá trình cải tạo, kết nối với hạ tầng hiện trạng chạm vào vị trí có đường dây điện sẵn có của công ty.

Khi sự cố xảy ra sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng người lao động. Vì vậy, Công ty sẽ chú trọng và có biện pháp giảm thiểu đối với sự cố này.

g) Sự cố rò rỉ điện

Khi đấu nối điện cho máy móc thiết bị sản xuất sẽ tiềm ẩn nguy cơ rò rỉ điện năng gây nguy hiểm cho công nhân trực tiếp thao tác và có thể gây chết người. Vì vậy, Công ty sẽ có biện pháp giảm thiểu cụ thể, phù hợp đối với nguồn thải này.

3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường trong giai đoạn lắp đặt thiết bị

3.1.2.1 Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu có liên quan đến chất thải

a) Giảm thiểu tác động do nước thải

- Công nhân không ăn uống, nghỉ tại tại công trường

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của 20 công nhân được thu gom, xử lý tại 02 bể tự hoại 3 ngăn sử dụng riêng của dự án (dung tích 3,5 m^3; BTCT, Dài x Rộng x Cao = 1,6 m x 1,6m x 1,4 m) do công ty đã xây dựng (Sử dụng chung với công nhân của nhà máy). Nước thải sinh hoạt sau xử lý của dự án được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy công suất 5 m^3/ngày đêm trước xả thải vào hệ thống thoát nước của KCN Quang Minh. Công nghệ xử lý nước thải:Nước thải Ngăn điều hòa ngăn thiếu khí ngăn hiếu khí MBBR ngăn lắng ngăn khử trùng Đạt Tiêu chuẩn KCN Quang Minh. Chi tiết trình bày tại phần 3.2.2. phía sau của báo cáo.

**** Nước mưa chảy tràn***

Công ty tiếp tục sử dụng riêng hệ thống thu gom, thoát nước mưa hiện hữu do công ty đã xây dựng tại dự án:

- Nước mưa chảy tràn được thu gom theo Nước mưa mái được thu gom theo đường ống D125 cùng với nước mưa chảy tràn từ sân tự chảy vào hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà do công ty đã xây dựng (D400=110,1m; D600=57,1m; D400=41,3m; D500=33,5m. Đường ống bằng nhựa PVC được đặt ngầm. Rãnh bê tông hở thoát nước mưa có độ dốc i=0,1% bao gồm: R200=27,9m; R300=48,5m), sau đó thoát vào hệ thống thoát nước mưa của KCN.

b) Giảm thiểu tác động đến môi trường không khí

- Không dùng xe tải chưa đảm bảo kỹ thuật theo yêu cầu đăng kiểm và không chở quá tải trọng

- Quét dọn sân đường hàng ngày

- Trang bị bảo hộ lao động, khẩu trang cho công nhân tháo dỡ thiết bị

c) Đối với CTR

** Chất thải rắn sinh hoạt*

- CTR sinh hoạt của công nhân lắp đặt thiết bị được thu gom cùng CTR sinh hoạt của nhà máy.

- Hàng ngày, công ty môi trường đô thị địa phương sẽ đến vận chuyển toàn bộ

rác phát sinh đi xử lý.

** Chất thải rắn xây dựng*

- Đất được tận dụng đắp nèn móng của công trình xử lý nước thải

** CTR công nghiệp*

- Đối với CTR có khả năng tái chế như nhựa, đai sắt, bìa carton, nhựa... được thu gom khu vực lưu giữ CTR công nghiệp có diện tích 50 m^2 trong nhà kho chất thải tập trung và bán cho các đơn vị tái chế.

+ Đối với CTR không có khả năng tái chế bụi, mảnh xốp, gỗ, túi nilon... được thu gom khu vực lưu giữ CTR công nghiệp với diện tích có diện tích 132,48 trong nhà kho chất thải tập trung và ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý

d) Chất thải nguy hại

CTNH thu gom vào khu vực lưu giữ CTNH có diện tích 132,48 m^2 trong nhà kho hiện có của công ty, quản lý theo đúng quy định. Tại đây đã bố trí thêm 02 thùng CTNH để thu riêng các loại CTNH phát sinh. Trên mỗi thùng ghi tên, mã CTNH theo quy định. Chủ dự án đã có hợp đồng thu gom CTNH với Công ty TNHH Môi trường công nghiệp xanh (Hợp đồng số 03.06.24/HĐ/CNX-GALAXY ký ngày 03/6/2024 đính kèm phụ lục)

3.1.2.2. Biện pháp giảm thiểu các tác động không liên quan đến chất thải

a) Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng bảo hộ lao động cho công nhân

- Không gian thực hiện lắp đặt tại xưởng thông thoáng với đầy đủ hệ thống thông gió tự nhiên nên cũng giảm thiểu được tác động của nguồn thải này.

b) Biện pháp giảm thiểu nhiệt dư

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân và yêu cầu công nhân mặc khi làm việc.

- Bố trí thời gian làm việc, nghỉ ngơi và cung cấp đầy đủ nước uống cho công nhân tại công trường.

c) Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông khu vực

Chủ dự án yêu cầu nhà cung cấp vận chuyển nguyên vật liệu và máy móc sản xuất đến dự án phải tuân thủ luật giao thông, bố trí thời gian vận chuyển phù hợp, không vận chuyển vào giờ cao điểm. Xe vận chuyển vật liệu phải che phủ kín bạt.

d) Biện pháp giảm thiểu tác động đến hoạt động hiện hữu của nhà máy

- Công nhân lắp đặt phải có thẻ ra vào công ty

- Nghiêm cấm công nhân lắp đặt ra vào khu vực nhà xưởng của nhà máy.

- Giáo dục ý thức công nhân.

e) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

** Biện pháp phòng ngừa*

- Công nhân sẽ tham gia lớp học nội quy an toàn trong quá trình cải tạo, lắp đặt máy móc thiết bị.

- Chủ dự án và công nhân phụ trách lắp đặt phải thực hiện kiểm tra đường cấp điện hiện trạng trước khi thực hiện thao tác lắp đặt đấu nối hạn chế sự cố quá tải điện gây chập cháy.

- Chủ dự án yêu cầu công nhân kiểm tra kỹ đường điện, ổ cắm trước khi sử dụng điện, và dừng lắp đặt khi phát hiện sự cố bất thường đối với đường điện hiện trạng

- Tuyệt đối không được sử dụng điện khi sấm sét lớn, tắt aptomat tổng để hạn chế sự cố chập cháy do thiên tai gây ra.

** Biện pháp khắc phục sự cố:*

- Sử dụng thiết bị bình bột chữa cháy hiện có

- Sử dụng hệ thống PCCC hiện có của công ty.

f) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Chủ dự án cam kết sử dụng máy móc có nguồn gốc, tình trạng vận hành tốt, thực hiện tra dầu mỡ thường xuyên trong 1 tháng cải tạo, lắp đặt máy móc thiết bị.

- Chủ dự án yêu cầu công nhân mặc đầy đủ bảo hộ lao động trong suốt quá trình lắp đặt; đồng thời, bố trí đầy đủ nước uống cho công nhân.

- Chủ dự án sẽ quán triệt công nhân trong việc tắt máy móc hoạt động không hiệu quả khi thấy có hiện tượng trục trặc, hỏng hóc khi vận hành

- Ngoài ra, không gian lắp đặt thông thoáng có đầy đủ thông gió tự nhiên nên tạo môi trường làm việc thoải mái cho công nhân.

g) Sự cố rò rỉ điện:

- Chủ dự án và công nhân phụ trách lắp đặt phải thực hiện kiểm tra đường cấp điện hiện trạng trước khi thực hiện thao tác lắp đặt đấu nối để hạn chế sự cố quá tải điện gây chập cháy.

- Chủ dự án yêu cầu công nhân kiểm tra kỹ đường điện, ổ cắm trước khi sử dụng điện và dừng lắp đặt khi phát hiện sự cố bất thường đối với đường điện hiện trạng.

- Thực hiện nối đất cho máy móc thiết bị sản xuất.

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

3.2.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động liên quan đến chất thải trong giai đoạn vận hành

Các nguồn phát sinh chất thải từ hoạt động sản xuất được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. 4. Tổng hợp các nguồn phát sinh chất thải của Dự án

STT	Hoạt động phát sinh	Phát sinh chất thải
1	Lò nấu kim loại	Nhiệt độ, hơi kim loại nặng, CTR (xỉ)
2	Nghiền nguyên liệu trong dây chuyền sản xuất sơn nước	Bụi, tiếng ồn
3	Phối, trộn, nghiền, sàng trong dây chuyền sản xuất bột bả tường	Bụi, tiếng ồn, CTR
4	Tách kim loại bằng hóa chất (xưởng điện phân 1)	Hơi hóa chất, nước thải, CTR công nghiệp, nguy hại
5	Sinh hoạt của công nhân viên trong nhà máy	Nước thải sinh hoạt, CTR sinh hoạt

a) Đối với nước thải

** Nguồn phát sinh nước thải*

Nước thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của dự án bao gồm:

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân các nhà máy
- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình điện phân
- Nước mưa chảy tràn

a1) Nước thải

** Lưu lượng nước thải phát sinh*

Theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP, nước thải sinh hoạt tính bằng 100% lưu lượng nước cấp; nước thải công nghiệp tính bằng 80% lượng nước cấp.

Bảng 3. 5. Lưu lượng nước thải

TT	**Đối tượng sử dụng**	**Lưu lượng nước cấp lớn nhất (m^3/ngđ) (1)**	**Lưu lượng nước cấp hàng ngày (m^3/ngđ) (1)**	**Lưu lượng nước thải lớn nhất (m^3/ngđ)**	**Lưu lượng nước thải hàng ngày (m^3/ngđ)**	**Ghi chú**
I	Sinh hoạt					
1.1	Công nhân viên	3,75	3,75	3,75	3,75	Thu gom và xử lý tại hệ thống XLNT tập trung của KCN

II	Sản xuất	10	1	10		
2.1	Nước vệ sinh tháp giải nhiệt	5	1	5	-	Vệ sinh tháp giải nhiệt 1 -2 năm/lần, chuyển giao cho đơn vị có chức năng
2.2	Cấp nước cho điện phân	5		1		Tuần hoàn, cấp bổ sung. Định kỳ khoảng 40 -45 ngày/lần chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý CTNH
	Tổng	**13,75**	**4,75**	**13,75**	**3,75**	

(1): theo bảng 1.11 (chương 1 của báo cáo).

* *Tính chất nước thải phát sinh*

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt có đặc điểm là thành phần ô nhiễm tương đối cao, nhất là từ các khu nhà vệ sinh. Thành phần nước thải chứa nhiều tạp chất khác nhau, trong đó có khoảng 52% là các chất hữu cơ, 48% là các chất vô cơ và một số vi sinh vật. Phần lớn các vi sinh vật trong nước thải sinh hoạt thường là các virus và vi khuẩn gây bệnh như tả, lị, thương hàn… Trong nước thải cũng chứa các vi khuẩn có tác dụng phân hủy các chất thải.

Bảng 3. 6. Nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị (*)	Nồng độ chất ô nhiễm (mg/l)	TC KCN
1.	SS	mg/l	60÷65	800 -867	100
2.	BOD_5	mg/l	55÷60	733 -800	50
3.	NH_4^+	mg/l	8÷10,5	106-140	10
4.	Tổng P	mg/l	1,1÷2,2	14,6 -29,3	6

Nguồn: Bảng 21 TCVN 7957:2023 – Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Yêu cầu thiết kế.

Nhìn bảng số liệu ta thấy giá trị các thông số này đều cao hơn rất nhiều so với TC KCN, Nước thải sau xử lý sẽ đấu nối nước thải đầu vào hệ thống xử lý tập trung của

KCN đã có Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý, không xả trực tiếp ra môi trường. Vì vậy, mức độ tác động của nguồn thải là nhỏ.

- Nước thải sản xuất

+ Nước thải phát sinh từ công đoạn điện phân. Thành phần pH, kim loại nặng, TSS, TDS với lưu lượng lớn nhất 1 m^3/lần. Toàn bộ nước thải được thu gom và thùng và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng về xử lý CTNH để vận chuyển đi xử lý.

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh tháp giải nhiệt: Sau khoảng 1-2 năm sử dụng, công ty sẽ tiến hành vệ sinh tháp giải nhiệt. Thành phần chính trong nước thải chủ yếu là TSS (cặn bẩn, bùn), có thể có thành phần kim loại nặng từ quá trình ăn mòn thiết bị như sắt, đồng…. Lưu lượng phát sinh khoảng 2 m^3/lần.

a2) Nước mưa chảy tràn

Việc tính toán lưu lượng nước mưa dựa theo phương pháp cường độ giới hạn.

$$Q = q.F.\beta.\psi \qquad (1)$$

(Nguồn: Mục 4.1.2 TCVN 7957:2023: Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài – Yêu cầu thiết kế)

q- Cường độ mưa tính toán (L/s.ha);

F- Diện tích lưu vực mà tuyến cống phục vụ (ha); F= 1,203 ha.

β- Hệ số phân bố mưa, xác định (theo Bảng 5, TCVN 7957:2023 chọn β = 0,24)

ψ- Hệ số dòng chảy, phụ thuộc vào loại mặt phủ và chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán P, xác định (theo Bảng 1, TCVN 7957:2023 chọn P =10 năm, Bảng 2, tính chất KCN là có công nghệ bình thường), chọn ψ = 0,81

$$q = \frac{A(1 + C\lg P)}{(t + b)^n}.K$$

Trong đó:

t- Thời gian dòng chảy mưa (phút): chọn mưa liên tục trong 30 phút;

P- Chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán (năm): chọn P=10 năm (Bảng 2, tính chất KCN là có công nghệ bình thường)

A, C, b, n - Tham số xác định theo điều kiện mưa của địa phương theo phụ lục A, đối với vùng không có thì tham khảo vùng lân cận:

A = 5950; C = 0,65, b = 20, n = 0,82 (STT 14, bảng A1, Phụ lục A).

K- Hệ số tính đến tác động của yếu tố biến đổi khí hậu đối với cường độ mưa, lấy ≥ 1, phụ thuộc vào kịch bản biến đổi khí hậu từng địa phương và theo khuyến nghị của các cơ quan chuyên môn về khí tượng thủy văn ở khu vực. Chọn K=2.

Có kết quả sau:

$q = [(5950x(1+0,55log10)/(30 + 21)^{0,82}]x2 = 857,74$ l/s.ha

Thay các giá trị trên vào công thức, xác định được lưu lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án như sau:

$Q = q.F.\beta.\psi = 857,74$ x 1,203 x 0,24x 0,81 = 200,59 l/s

Trong giai đoạn vận hành, mặt đường đã được bê tông hóa và quét dọn hàng ngày nên mức độ tác động do nước mưa chảy tràn cuốn theo bụi đất, cát vào hệ thống thu gom nước mưa được đánh giá là nhỏ.

b) Đối với bụi và khí thải

b1) Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông:

- Nguồn phát sinh: Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, thành phẩm sử dụng các loại xe tải chạy bằng dầu DO hoặc xăng

- Thành phần ô nhiễm: khi vận hành sẽ phát sinh bụi, khí thải *(CO, SO_2, NO_x,..).*

- Dự báo lượng thải:

+ Phạm vi ảnh hưởng chỉ tính từ kho chứa ra đến cổng bảo vệ của công ty, khoảng cách khoảng 500m = 0,5 km.

+ Hoạt động vận chuyển này không tập trung vào một thời điểm cố định mà phân chia theo kế hoạch sản xuất hàng tuần, hàng tháng và hàng năm. Thực tế hoạt động sản xuất của nhà máy phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như: quá trình sản xuất, thời điểm xuất hàng, thời gian nhập nguyên liệu,... Vào những ngày cao điểm, có thể hoạt động sản xuất của nhà máy vừa diễn ra hoạt động xuất hàng, vừa diễn ra hoạt động nhập nguyên liệu về để sản xuất, chuyển giao chất thải.

Tổng nguyên vật liệu, hóa chất để phục vụ sản xuất 3.981.063,86 tấn/năm; khối lượng thành phẩm: 49.000 tấn/năm; chất thải phát sinh ước tính khoảng 3.922.800 tấn/năm

Vậy tổng số chuyến vận chuyển tối đa dự báo là 110 chuyến/ngày.

- Quãng đường vận chuyển trung bình khoảng 500 m ~ 0,5 km. Khi đó, tổng số quãng đường vận chuyển là 110 chuyến/ngày x 0,5 km x 2 lượt ra vào = 5,5 km.

Áp dụng Công thức Sutton, dự báo nồng độ ô nhiễm như sau:

Bảng 3. 7 Nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận tải giai đoạn vận hành

Stt	Chỉ tiêu	Hệ số ô nhiễm (g/km) (*)	Hệ số ô nhiễm = k (3 km)	E (mg/m.s)	Nồng độ ô nhiễm (mg/m^3)	QCVN 05:2023/ BTNMT
1	Bụi	0,3344	1,003	0,00028	0,0003	**0,3**

2	NO_2	8,92	26,760	0,00743	0,0078	**0,2**
3	CO	2,13	6,390	0,00178	0,0019	**30**

Ghi chú: QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

(*) Bảng 1.22. Công văn số 1074/BTNMT-KSONMT ngày 21/02/ 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường V/v hướng dẫn kỹ thuật kiểm kê phát thải bụi và khí thải từ nguồn thải điểm, nguồn diện và nguồn di động và số liệu thống kê thực tế từ các dự án tại khu vực xung quanh (xe tải nặng, dùng dầu, từ 7,5-16 tấn)

Căn cứ theo kết quả tính toán nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải ra vào khu vực hoạt động sản xuất của dự án cho thấy: tất cả nồng độ các chất ô nhiễm đều thấp hơn tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT. Tuy nhiên, trong giai đoạn vận hành, chủ dự án sẽ có các phương án điều tiết giao thông cũng như sắp xếp kế hoạch sản xuất hợp lý để tránh trường hợp tập trung cùng lúc nhiều các phương tiện vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm ra vào khu vực dự án, đồng thời, trong suốt quá trình làm hàng hóa, động cơ dừng hoạt động. Khi đó, mức độ tác động đến môi trường không khí khu vực là không đáng kể.

b2) Bụi phát sinh từ công đoạn xử lý nguyên liệu từ xưởng điện phân 1

Theo MSDS của NaOH là một bazo có tính kiềm mạnh, hòa tan hoàn toàn trong nước, nhiệt độ sôi ở 1388^0C, trong khi đó, quá trình ăn mòn bằng kiềm được thực hiện ở nhiệt độ thường, trong khu vực kín, do vậy, trong thành phần khí thải hầu như không có thành phần bazo.

Theo MSDS của H_2SO_4 thì loại hóa chất này thì nhiệt độ sôi ở 338^0C nên khả năng bay hơi trong điều kiện nhiệt độ thường là không cao, theo kinh nghiệm sản xuất thực tế của Dự án dự kiến chỉ vào khoảng 2%.

Khối lượng H_2SO_4 có thể bay hơi là: 42kg/1 ngày *2%*10^3/16h/ngày = 52,5 g/giờ.

Áp dụng công thức tính nồng độ (*), thay số vào ta có nồng độ chất ô nhiễm trong khí thải: 9,375 mg/m^3.

Nồng độ H_2SO_4 có giá trị vượt ngưỡng giới hạn cho phép theo QCVN 03:2019/BYT (giới hạn cho phép của H_2SO_4 (trung bình 8h) là 1 mg/m^3).

Như vậy, thành phần ô nhiễm của khí thải từ quá trình mạ chủ yếu là thành phần axit H_2SO_4 và kim loại vô cơ khác với hàm lượng không đáng kể.

b4) Đối với khí thải phát sinh từ lò nấu

Dự án sử dụng lò điện cao tần, lò giữ nhiệt bằng điện. Lò điện dựa trên nguyên lý dùng dòng điện cảm ứng để sinh ra nhiệt làm nóng chảy kim loại. Việc làm nóng chảy

kim loại sẽ phát bụi, hơi nóng chứa kim loại nặng (Cu, Pb, Niken...)

Hệ số ô nhiễm do Cơ quan môi trường Châu Âu thiết lập cho quá trình sản xuất đồng từ phế liệu bằng lò điện có kiểm soát khí thải và hiệu suất xử lý của các hệ thống xử lý khí thải như sau

Bảng 3. 8. Hệ số ô nhiễm đối với lò điện có kiểm soát khí thải và hiệu xuất xử lý của hệ thống xử lý bụi và khí thải

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm có kiểm soát khí thải (g/tấn sản phẩm)	Hiệu suất xử lý TB của hệ thống xử lý bụi, khí thải (%)
1	Bụi	320	95
2	Cu	28	92
3	Pb	19	92

(Nguồn: EMEP/EEA air pollutant emission inventory guidebook 2019)

Hệ số ô nhiễm đối với lò điện khi chưa áp dụng biện pháp xử lý được tính theo công thức sau:

$$EF_{\text{có kiểm soát khí thải}} = (1\text{-}H) \times EF_{\text{chưa xử lý}}$$

(Nguồn: EMEP/EEA air pollutant emission inventory guidebook 2019)

Trong đó:

$EF_{\text{có kiểm soát khí thải}}$: hệ số ô nhiễm khi áp dụng các biện pháp kiểm soát khí thải

H: Hiệu suất xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải

$EF_{\text{chưa xử lý}}$: Hệ số ô nhiễm khi chưa áp dụng biện pháp xử lý

Áp dụng công thức trên, ta ước tính được hệ số ô nhiễm khi chưa áp dụng biện pháp xử lý đối với bụi, khí thải từ lò nấu đồng như bảng sau:

Bảng 3. 9. Hệ số ô nhiễm đối với một số chất ô nhiễm trong khí thải lò nấu đồng

trường hợp chưa áp dụng biện pháp xử lý

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm không có kiểm soát khí thải (g/tấn sản phẩm)
1	Bụi	6400
2	Cu	350
3	Pb	237,5

Dự án sử dụng 03 quạt hút (mỗi lò 1 quạt có công suất 14.100 m^3/h. Mỗi lò nấu có công suất nấu lớn nhất 80% x 2 tấn/h=1,6 tấn/h. Như vậy, nồng độ chất ô nhiễm phát sinh như bảng sau

Bảng 3. 10. Tải lượng ô nhiễm bụi từ lò nung luyện

STT	Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/h)	Nồng độ (mg/m^3)	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ((mg/m^3))
1	Bụi	10.240	726,2	200
2	Cu	560	39,7	10
3	Pb	380	27	5

So sánh với QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp=1, Kv=1), nồng độ bụi vượt QCVN khoảng 3,6 lần, nồng độ Cu vượt khoảng 2 lần; Pb vượt 5,3 lần. Dự án cần có giải pháp xử lý bụi, đồng trước khi thải ra môi trường.

c) Chất thải rắn và chất thải nguy hại

c1) Chất thải rắn sinh hoạt

Nhà máy không nấu ăn cho công nhân. Theo QCVN 01:2021/BXD, định mức rác thải sinh hoạt của 1 người là 1,3 kg/người/ngày (*24 h làm việc*) ~ 0,43 kg/người/ngày (*8h làm việc*). Với số lượng 150 công nhân (chia 3 ca), lượng CTR sinh hoạt phát sinh: 0,43 *150 = 64,5 kg/ngđ

Thành phần chủ yếu là túi nilon, vỏ hộp đựng thức ăn, hộp đựng canh, thức ăn thừa…

c2) Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chủ yếu gồm các loại sau:

- Giấy vụn, bìa carton,…phát sinh tại khu vực văn phòng. Đây là loại chất thải được xếp vào loại phế liệu tái sử dụng được.

- CTR công nghiệp từ quá trình sản xuất: xỉ từ quá trình nấu

- Bùn thải tại bể tự hoại 3 ngăn:

Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng, tiêu chuẩn lắng cặn trong bể tự hoại của một người trong 1 ngày đêm phụ thuộc vào chu kỳ hút cặn của bể. Nếu thời gian giữa 2 lần hút cặn dưới 1 năm thì b lấy bằng 0,1 lít/người/ngày đêm; nếu trên 1 năm thì b lấy bằng 0,08 lít/người/ngày đêm. Chọn b = 0,1 lít/người/ngày đêm). Số lượng lao động là 150 người. Lượng bùn thải phát sinh là 0,1 x 26 x12 x 1,05 kg/lít (tỷ trọng bùn) ~ 4914 kg/năm tương đương khoảng 4,9 tấn/năm.

Khối lượng chất thải rắn thông thường được thể hiện ở bảng sau

Bảng 3. 11. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (tấn/năm)
1	Dụng cụ bảo hộ lao động không dính thành phần nguy hại	Rắn	0,3
2	Bao bì đựng nguyên liệu không nhiễm thành phẩm nguy hại.	Rắn	0,5
3	Giấy photo, bìa catton	Rắn	0,5
4	Xỉ từ quá trình hỏa luyện		500
5	Bùn từ bể tự hoại	Lỏng	3,5
6	**Tổng**		**504,5**

c3) Chất thải nguy hại

** Nguồn phát sinh*

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của nhà máy như dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, hộp mực in thải... Ước tính lượng CTNH phát sinh từ như sau:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của công ty gồm: hoạt động sản xuất, bảo dưỡng thiết bị,…

Bùn thải phát sinh khoảng 200 tấn/năm

Xỉ từ quá trình nung quặng khoảng 200 tấn/năm

Bao bì đựng hóa chất thải khoảng 1 tấn/năm.

Các loại chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sản xuất của công ty trong giai đoạn hoạt động ổn định được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 3. 12. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	0,15
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	0,001
3	Dầu mỡ thải	Lỏng	17 02 03	0,05
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm TPNH	Rắn	18 01 03	1,2

5	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm TPNH	Rắn	18 01 02	1,2
6	Bao bì mềm thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	0,5
7	Nước thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	120 m^3
8	Bùn thải từ quá trình sản xuất	Lỏng	11 01 09	3.922.800
9	**Tổng**			3.922.803 kg +10 m^3

** Đánh giá tác động*

Trong trường hợp chất thải nguy hại không được thu gom và xử lý theo đúng quy định về chất thải nguy hại thì tác động đến các thành phần môi trường xung quanh là rất lớn, đặc biệt đối với môi trường đất, môi trường nước. Chất thải nguy hại sẽ gây tích lũy sinh học và gián tiếp gây ung thư, bệnh tật cho con người.

3.2.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn vận hành

a) Tiếng ồn, độ rung

** Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông*

Khi Dự án đi vào hoạt động sẽ có một lượng các phương tiện giao thông (các xe vận chuyển hàng hóa, xe đưa đón CBCNV, xe của cán bộ công nhân viên) ra vào nhà máy, vì vậy, cường độ tiếng ồn phát sinh tại Dự án có thể đáng kể. Tiếp xúc với tiếng ồn cao, thời gian dài sẽ ảnh hưởng đến thính giác của con người, thậm chí có thể gây rối loạn chức năng thần kinh, đau đầu chóng mặt. Tiếng ồn do xe cộ gây ra thường gây cho con người sự bực dọc, khó chịu đặc biệt là tiếng còi xe. Dưới đây là mức ồn tối đa cho phép của một số phương tiện giao thông theo QCVN 26:2025/BTNMT.

Bảng 3. 13. Tiếng ồn phương tiện giao thông vận tải

TT	Loại xe	Mức ồn (dBA)	QCVN 26:2025/BTNMT		
			Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	**Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)**	**Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)**
1	Xe máy đến 125 cm^3	80	70	65	60
2	Xe máy trên 125 cm^3	85			
3	Xe ô tô con, xe taxi, xe khách đến 12 chỗ	80			
4	Xe tải	85 - 88			

Nguồn: Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật

Nhận xét: Mức ồn của các loại xe cơ giới trong bảng trên đều cao hơn Quy chuẩn tiếng ồn cho phép theo QCVN 26:2025/BTNMT. Tuy nhiên, tác động do tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các phương tiện chỉ có tính chất gián đoạn nên không đáng kể.

* Tiếng ồn phát sinh từ bên trong nhà xưởng gồm khu vực nghiền

Bảng 3. 14. Dự báo mức ồn phát sinh bên trong xưởng sản xuất giai đoạn vận hành dự án (đơn vị dBA)

Nguồn phát sinh	Dự báo mức ồn	QCVN 24:2016/BYT	Ghi chú
- Khu vực nghiền nguyên liệu tại khu vực xưởng sản xuất sơn	80 -85	85	Tham khảo kết quả quan trắc môi trường định kỳ tại nhà máy
- Khu vực trộn nguyên liệu xưởng sản xuất bột bả	65-75	85	
- Khu vực nghiền quặng	90 - 95	85	Theo thông số thiết bị

Tiếng ồn phát sinh từ khu vực đặt máy móc nằm trong giới hạn cho phép. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, chủ dự án cần có bảo dưỡng thiết bị theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Tiếng ồn cao hơn tiêu chuẩn cho phép sẽ gây các ảnh hưởng xấu đến môi trường và trước tiên là đến sức khỏe của người công nhân trực tiếp sản xuất như mất ngủ, mệt mỏi, gây tâm lý khó chịu, giảm năng suất lao động. Tiếp xúc với tiếng ồn có cường độ trong thời gian dài sẽ làm cho thính lực giảm sút, dẫn tới bệnh điếc nghề nghiệp.

** Tiếng ồn phát sinh đối với các nguồn bên ngoài xưởng sản xuất:*

Bảng 3. 15. Dự báo mức ồn phát sinh bên ngoài xưởng sản xuất giai đoạn vận hành

Nguồn phát sinh	Dự báo mức ồn	QCVN 26:2025/BTNMT			Ghi chú
		Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	
Quạt hút tại hệ thống xử lý khí thải	66-69	**70**	**65**	**60**	Theo thông số thiết bị lắp đặt
Khu vực máy nén khí	60-62	**70**	**65**	**60**	

- Tiếng ồn tại các nguồn thải bên ngoài xưởng sản xuất đều ở mức cao và sấp xỉ ngưỡng TCCP (QCVN 26:2025/BTNMT), đây là nguồn phát sinh liên tục do phụ thuộc vào khu vực sản xuất bên trong xưởng.

Vì vậy, Công ty sẽ có biện pháp kỹ thuật đối với quạt hút, máy móc và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân vận hành hệ thống, khi đó mức độ tác động của nguồn thải được giảm thiểu.

b) Đánh giá, dự báo tác động đến kinh tế, xã hội

** Tác động tích cực*

- Đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hoá và hiện đại hoá của địa phương, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nộp thuế vào ngân sách Nhà nước, tạo công ăn việc làm với thu nhập ổn định, góp phần ổn định đời sống nhân dân, giảm áp lực của nạn thất nghiệp và các tệ nạn xã hội.

Điều chỉnh cơ cấu kinh tế, tăng tỷ lệ sản xuất công nghiệp cũng như lao động sản xuất công nghiệp, giảm tỷ lệ sản xuất và lao động nông nghiệp trong khu vực dự án

Tiết kiệm tài nguyên.

** Tác động tiêu cực.*

Cùng với những lợi ích tăng trưởng kinh tế - xã hội, dự án cũng sẽ gây ra những ảnh hưởng tiêu cực, tạo ra nhiều mâu thuẫn xã hội như:

Làm thay đổi điều kiện sinh hoạt, việc làm, thu nhập của người dân địa phương, gia tăng dân số cơ học trong khu vực gây ra nhiều vấn đề phức tạp trong hội nhập văn hoá và có thể gây ảnh hưởng trật tự trị an tại khu vực dự án.

Ngoài ra, có thể làm gia tăng tăng mật độ giao thông trên các tuyến đường từ nhà máy đến các khu vực lân cận.

c) Ô nhiễm nhiệt

Đối với các khu văn phòng, xưởng sản xuất,… có sử dụng máy điều hòa không khí sẽ gây tác động tới môi trường như: Nhiệt dư từ dàn nóng máy điều hòa thải và dây chuyền sản xuất phát sinh vào môi trường sẽ làm nhiệt độ môi trường không khí tăng cao gây ô nhiễm nhiệt.

Trong quá trình hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất phát sinh ra một lượng nhiệt (khu vực lò chân không). Lượng nhiệt này truyền qua vỏ ra môi trường nhà máy có thể là cao hơn nhiệt độ môi trường từ 2 – 3^0C và gây tác động đến môi trường lao động. Vì vậy, việc đưa ra biện pháp khống chế, giảm thiểu nhiệt độ phát sinh tại khâu gia nhiệt đã được chú ý ngay từ khi lập dự án.

Tác động của nhiệt độ (nóng) đối với cơ thể:

- Ở nhiệt độ cao cơ thể tiết ra mồ hôi để duy trì cân bằng nhiệt, từ đấy gây ra sụt cân và mất cân bằng điện giải do mất ion K, Na, Ca... và vitamin C, B. Do mất nước làm khối lượng máu, tỷ trọng, độ nhớt thay đổi, tim phải làm việc nhiều. Chức năng hoạt động của hệ thần kinh trung ương bị ảnh hưởng sẽ làm giảm tốc độ phản xạ.

- Ngoài ra còn làm rối loạn bệnh lý và kèm theo các triệu chứng chóng mặt, nhức đầu, đau thắt ngực, buồn nôn, thân nhiệt tăng nhanh, nhịp thở nhanh, trạng thái suy nhược, chống mặt thân nhiệt cao. Thở nhanh, mất tri giác và hôn mê. Chính vì vậy mà vấn đề nhiệt độ trong nhà xưởng rất quan trọng cần phải được quan tâm.

d) Tác động đến sức khỏe của công nhân trong quá trình sản xuất

Sự phát tán hơi hóa chất vào môi trường sẽ làm ô nhiễm môi trường không khí, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người lao động. Các tác động có thể gây ra như mệt mỏi, khó chịu, gây nên các bệnh nghề nghiệp. Tiếp xúc với nồng độ hóa chất cao trong thời gian dài có thể gây nên các bệnh nguy hiểm tới tính mạng của công nhân viên.

Trong quá trình thực hiện sản xuất, đặc biệt tại các công đoạn hàn, đùn ép nhựa, sơn, in là các công đoạn thực hiện các loại hóa chất độc hại, dễ bay hơi, dễ gây cháy nổ. Những rủi ro, sự cố khi xảy ra, tùy mức độ có thể gây thiệt hại về tài sản, sức khỏe và tính mạng con người, đặc biệt đối với công nhân trước tiếp vận hành và làm việc trong nhà máy. Đồng thời cũng sẽ ảnh hưởng đến quá trình sản xuất và uy tín của công ty nên chủ đầu tư sẽ có các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó và giảm thiểu các rủi ro, sự cố có thể xảy ra.

e). Tác động đến giao thông khu vực.

Dự án nằm trong KCN. Khi hoàn thành dự án đi vào hoạt động sẽ làm gia tăng mật độ xe trên tuyến đường vận chuyển trong khu vực, mặt khác còn làm xuống cấp tuyến đường và tăng khả năng xảy ra tai nạn giao thông trên các tuyến đường này.

Các tuyến đường giao thông hiện có tại khu vực Dự án rất thuận lợi cho các hoạt động của dự án. Tuy nhiên, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu sản xuất và hàng hóa đi tiêu thụ cũng như hoạt động đi lại của công nhân tại dự án sẽ làm tăng mật độ phương tiện tham gia giao thông, đặc biệt vào các giờ cao điểm, giờ tan tầm của công nhân trong các nhà máy lân cận dự án và trong KCN, gây ách tắc giao thông khu vực dự án cũng như giao thông trong KCN, tiềm ẩn tai nạn giao thông đối với người dân địa phương trên các tuyến đường sử dụng.

3.2.1.3. Đánh giá tác động gây nên bởi rủi ro, sự cố

a)Sự cố cháy nổ

Bất kì dự án nào khi đi vào hoạt động thì sự cố cháy nổ đến từ quá trình sản xuất là hoàn toàn có thể xảy ra. Các nguyên nhân có thể dẫn đến cháy nổ:

Bảng 3. 16. Nguyên nhân dẫn đến sự cố cháy nổ

STT	Khu vực	Nguyên nhân cháy nổ
1	Nhà xưởng	- Vi phạm các quy định về an toàn PCCC trong sử dụng điện, lửa trần và các loại nguồn nhiệt khác. - Để quá nhiều nguyên vật liệu, thành phẩm trong xưởng sản xuất gần các thiết bị sinh lửa, nhiệt. - Sự cố kĩ thuật của hệ thống điện. - Không thực hiện công tác vệ sinh công nghiệp PCCC để nhiều bụi, khí, hơi, chất thải có nguy hiểm cháy, nổ tồn đọng trong các phân xưởng sản xuất. - Bảo quản chung nhiều loại nguyên vật liệu, hàng hoá có tính chất nguy hiểm cháy, nổ có tác dụng phản ứng hoá học khi để gần nhau. - Lắp ráp thiết bị máy móc không đảm bảo các khoảng cách an toàn PCCC.
2	Máy nén khí	Khi phòng lắp đặt máy nén khí quá ẩm ướt, chứa lượng bụi bẩn lớn, nhiệt độ của phòng quá 40 độ C, phòng không được lắp đặt các hệ thống làm mát đều là những nguyên nhân chính gây ảnh hưởng đến hoạt động của máy nén khí. Phần bụi bẩn, hơi nước sẽ theo nguồn khí được nạp vào máy, điều này sẽ gây ra sự mài mòn, han gỉ các chi tiết bên trong máy, khiến cho thiết bị thường xuyên bị hỏng hóc và nguy hiểm hơn là đầu nén bị nóng, cộng với việc nhiệt độ của môi trường lắp đặt vượt quá giới hạn cho phép sẽ dẫn đến nguy cơ máy bị dừng hoạt động đột ngột, thậm chí có thể gây cháy nổ bất kỳ lúc nào.

b) Sự cố về tai nạn lao động

Trong quá trình hoạt động, các yếu tố môi trường, cường độ lao động, mức độ ô nhiễm môi trường có khả năng ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ người công nhân như gây mệt mỏi, choáng váng,... và có thể gây tai nạn lao động, tai nạn giao thông,...Các sự cố tai nạn điển hình có thể gặp trong giai đoạn này là:

Tai nạn về điện trong giai đoạn sản xuất như: bị điện giật, chập điện và bất cẩn khi đóng ngắt điện.

Tai nạn khi bốc dỡ hàng hóa, nguyên vật liệu: nếu có thể xảy ra sự cố hàng hóa sẽ có thể gây tai nạn nguy hiểm đến tính mạng con người.

Tai nạn khi vận hành các máy móc, thiết bị trong nhà máy cũng có thể gây ra tai nạn rất nguy hiểm cho người lao động nếu có những sơ sót.

Nguy hiểm về nguồn điện: Tại máy nén khi có những bộ phận hay bị hở điện như dây mát. Khi vận hành máy trong điều kiện ẩm ướt các bộ phận của máy dễ bị ô xi hóa sau đó điện sẽ rất dễ bị rò rỉ ra ngoài gây nguy hiểm cho người sử dụng máy.

Nguy hiểm với dòng khí nén áp suất cao: Khi khí được nén ở áp suất cao chúng đặc biệt nguy hiểm, có thể xuyên thủng nhiều vật liệu rắn khác. Bình khí là bộ phận chứa khí nén và di chuyển máy nén khí, bình khí khi chưa xả khí nén trong bình sẽ gây nguy hiểm cho người sửa chữa. Nguy cơ cháy nổ:

Nguy cơ bị bỏng khi chạm tay vào các bộ phận nóng của máy nén khí: mặt máy nén khí, xi lanh trục vít…

Tai nạn về điện trong giai đoạn sản xuất như: bị điện giật, chập điện và bất cẩn khi đóng ngắt điện.

Tai nạn khi bốc dỡ hàng hóa, nguyên vật liệu: nếu có thể xảy ra sự cố hàng hóa sẽ có thể gây tai nạn nguy hiểm đến tính mạng con người.

Tai nạn khi vận hành các máy móc, thiết bị trong nhà máy cũng có thể gây ra tai nạn rất nguy hiểm cho người lao động nếu có những sai sót.

Tất cả các khâu trong quy trình sản xuất các sản phẩm khác nhau của nhà máy đều tiềm ẩn những nguy cơ tai nạn lao động cao. Do đó việc tuân thủ quy trình an toàn cho từng công đoạn, thiết bị sản xuất phải được đảm bảo một cách nghiêm ngặt. Các trang thiết bị lao động và các quy định về an toàn lao động của công ty phải được tuân thủ. Đồng thời, cũng cần lên kế hoạch hướng dẫn, giám sát quy trình thực hiện trước khi đưa vào sản xuất.

c) Sự cố do rò rỉ hóa chất:

Dự án có sử dụng lượng rất lớn hóa chất trong quá trình sản xuất... Chính vì vậy, các sự cố về hóa chất có nguy cơ xảy ra cao trong hoạt động sản xuất của nhà máy. Các nguyên nhân gây sự cố tràn, rò rỉ hóa chất bao gồm:

- Do sự giãn nở nhiệt khi chứa đựng, xuất nhập sai quy trình,…
- Sự cố kỹ thuật: bục, vỡ các thùng chứa dung môi; sự cố do phương tiện vận chuyển khi đang xuất, nhập, vận chuyển.
- Sự cố trong quá trình định lượng, kiểm tra chất lượng nguyên liệu.
- Do các tác động từ ngoại lực khác.

Trong các nguyên nhân trên, chủ dự án sẽ tập trung vào sự cố kỹ thuật như bục, vỡ các thùng chứa. Các hóa chất của nhà máy được đóng trong các chai và can nhựa với khối lượng như sau: 1 lít/chai; 750ml/chai.

Khi có sự cố xảy ra tùy thuộc vào mức độ tiếp xúc giữa người và hóa chất, mức độ độc hại của hóa chất và các biện pháp sơ cấp cứu kịp thời mà độ ảnh hưởng của hóa

chất đến sức khỏe, tính mạng của công nhân cao hay thấp.

Khi nhiễm độc cấp tính, công nhân thường sẽ có các triệu chứng như: chóng mặt, đau đầu, khó chịu cổ gây ho liên tục, gây dị ứng, phồng rộp da, gây khó thở, nặng hơn có thể gây nôn mửa, hôn mê trong thời gian dài và tử vong. Vì vậy, chủ dự án sẽ có các biện pháp đảm bảo an toàn hóa chất cho nhà máy trong quá trình sản xuất.

c) Sự cố về vệ sinh an toàn thực phẩm:

Công ty không có bếp ăn mà đặt 100% suất ăn từ bên ngoài. Nguồn cung cấp suất ăn cho cán bộ công nhân viên là các nhà hàng đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

d) Sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải

Nguyên nhân gồm:

+ Quạt hút bị hỏng không phát hiện kịp thời, không thu gom được triệt để lượng khí ô nhiễm phát sinh.

+ Hệ thống thu gom khí bị rò rỉ nên giảm hiệu quả hút khí, đồng thời phát tán khí ô nhiễm ra ngoài môi trường.

+ Vật liệu hấp phụ bị bão hòa hoặc hệ thống xử lí làm việc không hiệu quả…

- Tổng hợp một số nguyên nhân, tác động môi trường do sự cố hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án như trong bảng sau:

Bảng 3. 17. Phân tích nguyên nhân một trường hợp phổ biến gây sự cố vận hành hệ thống xử lý khí thải

STT	Mô tả trường hợp cụ thể	Nguyên nhân
1	Xả khí thải vượt tiêu chuẩn do vật liệu hấp phụ không đảm bảo	- Không tuân thủ quy trình thay than hoạt tính. - Sử dụng than hoạt tính kém chất lượng; - Bị nhiễm ẩm dẫn đến bão hòa, làm giảm khả năng hấp phụ than hoạt tính. - Lưu lượng khí thải đến hệ thống vượt khả năng xử lý của hệ thống. - Không kiểm tra lại nồng độ khí thải sau khi sửa chữa/ thay thế/ bảo dưỡng.
2	Xả khí thải vượt tiêu chuẩn do lỗi thiết bị (quạt hút, ống dẫn khí)	- Cửa chỉnh gió bị lỗi. - Động cơ quạt bị lỗi không đảm bảo lưu lượng thu gom khí thải.
3	Nồng độ khí thải vượt tiêu chuẩn do áp suất dòng thải khí không ổn định.	- Bộ điều chỉnh bị lỗi dẫn tới áp suất khí thải trong hệ thống không đảm bảo.

- Khi xảy ra sự cố không hoạt động của hệ thống thu gom khí thải tập trung, toàn bộ lượng khí thải từ các công đoạn sản xuất phân tán trong phạm vi nhà xưởng sản xuất gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân lao động ở mức cao.

- Khi xảy ra sự cố không đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý thì toàn bộ khí thải độc hại phát tán vào môi trường, gây ô nhiễm đối với môi trường không khí xung quanh khu vực dự án. Các tác động này có cường độ trung bình, ngắn hạn và có thể khắc phục khi trang bị đầy đủ thiết bị thay thế và tuân thủ quy trình quản lý, kỹ thuật vận hành công trình.

e) Sự cố rủi ro do sét

Do năng lượng của một cú sét lớn nên sức phá hoại của nó rất lớn khi một công trình bị sét đánh trực tiếp có thể bị ảnh hưởng đến độ bền cơ khí, cơ học của các thiết bị trong công trình, nó có thể phá hủy công trình, gây cháy nổ…trong đó :

+ Biên độ dòng sét ảnh hưởng vấn đề quá điện áp xung và ảnh hưởng đến độ bền cơ khí của các thiết bị trong công trình.
+ Thời gian xung sét ảnh hưởng đến vấn đề quá điện áp xung trên các thiết bị.
+ Thời gian tồn tại của xung sét thì ảnh hưởng đến độ bền cơ học của các thiết bị hay công trình bị sét đánh.
+ Ngoài ra, khả năng cháy nổ cũng xảy ra rất cao đôi với công trình bị sét đánh trực tiếp.

f) Sự cố từ máy nén khí

Ngoài nguy cơ cháy nổ đã nêu ở trên thì máy nén khí còn có thể phát sinh các sự cố như sau:

Nguy hiểm về nguồn điện: Tại máy nén khi có những bộ phận hay bị hở điện như dây mát. Khi vận hành máy trong điều kiện ẩm ướt các bộ phận của máy dễ bị ô xi hóa sau đó điện sẽ rất dễ bị rò rỉ ra ngoài gây nguy hiểm cho người sử dụng máy.

Nguy hiểm với dòng khí nén áp suất cao:Khi khí được nén ở áp suất cao chúng đặc biệt nguy hiểm, có thể xuyên thủng nhiều vật liệu rắn khác. Bình khí là bộ phận chứa khí nén và di chuyển máy nén khí, bình khí khi chưa xả khí nén trong bình sẽ gây nguy hiểm cho người sửa chữa. Nguy cơ cháy nổ:

Nguy cơ bị bỏng khi chạm tay vào các bộ phận nóng của máy nén khí: mặt máy nén khí, xi lanh trục vít…

g) Sự cố tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

Chủ dự án sẽ đầu tư 01 HTXLNT với công suất thiết kế 5 m^3/ngày để xử lý nước thải sinh hoạt . Quá trình vận hành HTXLNT này có thể xảy ra sự cố làm cho hệ thống ngừng hoạt động thì khả năng tràn nước gây ngập và ô nhiễm là khá cao. Các sự cố liên quan đến HTXLNT của cơ sở như hư máy bơm nước thải, máy bơm hóa chất, máy thổi khí, bơm bùn, tắc nghẽn bùn trong đường ống, bể xử lý bị bể,….

Vì vậy, để hạn chế các sự cố xảy ra cho hệ thống xử lý nước thải, công ty phối hợp với đơn vị tư vấn để lên phương án thiết kế, xây dựng đúng theo các tiêu chuẩn về xây dựng và môi trường, thường xuyên kiểm tra các công trình trong giai đoạn vận hành để có biện pháp khắc phục kịp thời, cụ thể các biện pháp như được đề xuất tại phần biện pháp của báo cáo.

3.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

3.2.2.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm liên quan đến chất thải trong giai đoạn vận hành của dự án

a) Biện pháp giảm thiểu nước thải

a1) Hệ thống thu gom và thoát nước mưa

Hệ thống thu gom nước mưa của Nhà máy được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước thải. Sơ đồ hệ thống thu gom tiêu thoát nước mưa của Nhà máy như sau:

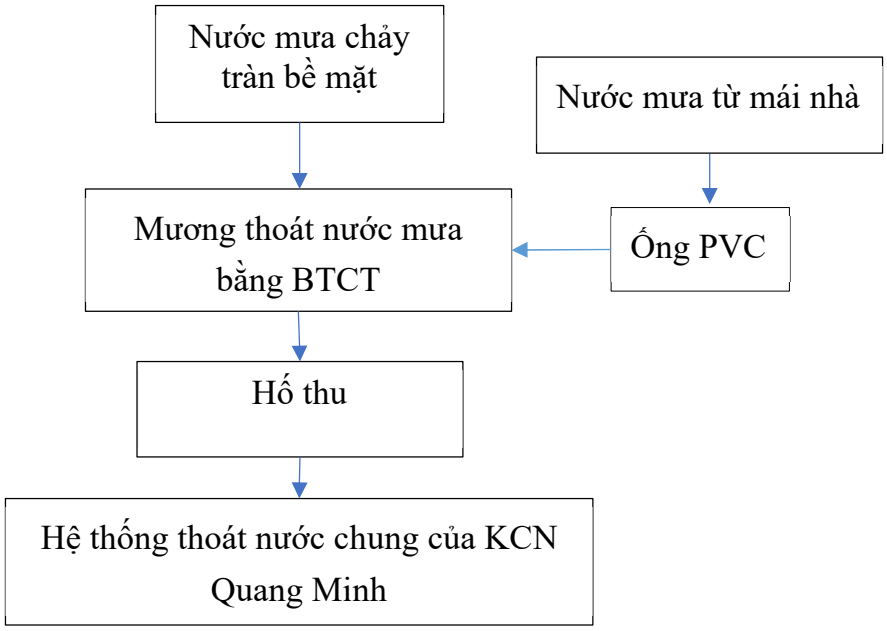

Hình 3. 1. Sơ đồ mạng lưới thoát nước mưa của Nhà máy

Mạng lưới thoát nước mưa (hệ thống cống, ống dẫn) được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, độ dốc cống đảm bảo cho thoát nước dễ dàng. Nước mưa trên mái nhà theo các đường ống PVC D200 chảy xuống trực tiếp vào các tuyến mương thoát nước cùng nước mưa chảy tràn bề mặt. Đường ống thoát nước mưa bao gồm: D400=110,1m; D600=57,1m; D400=41,3m; D500=33,5m. Đường ống bằng nhựa PVC được đặt ngầm. Rãnh bê tông hở thoát nước mưa có độ dốc i=0,1% bao gồm: R200=27,9m; R300=48,5m.

Hố ga thoát nước mưa: số lượng 31 hố ga, kích thước 0,8mx0,8m, chiều sâu từ 0,45m-1,11m.

Khối lượng các hạng mục của mạng lưới thu gom, thoát nước mưa chảy tràn được thống kê trong bảng sau:

Bảng 3. 18. Thống kê các hạng mục của hệ thống thoát nước mưa chảy tràn

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Đường ống D200	m	110,1
2	Đường ống D300	m	57,1
3	Đường ống D400	m	41,3
4	Đường ống D500	m	33,5
5	Rãnh thoát nước mưa R200, độ dốc 0,1%	m	27,9
6	Rãnh thoát nước mưa R300, độ dốc 0,1%	m	48,5

Toàn bộ nước mưa của Nhà máy được thu gom thoát ra hệ thống thoát nước chung của KCN tại 01 điểm xả phía Đông nhà máy.

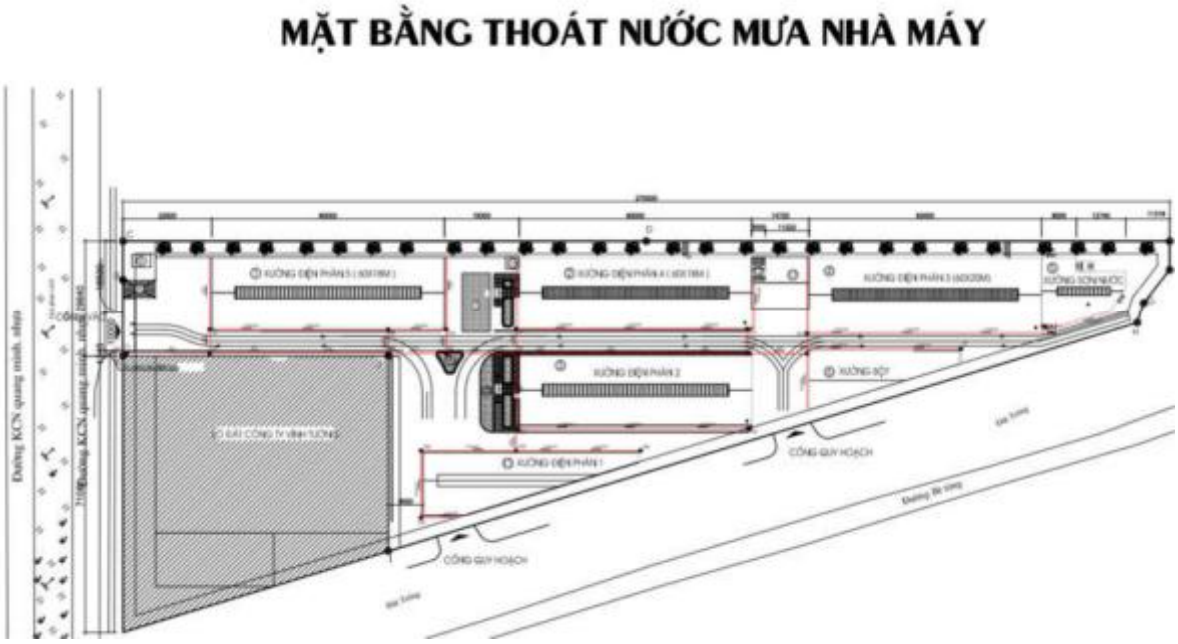

Hình 3. 2. Sơ đồ thoát nước mưa và vị trí điểm xả nước mưa của Nhà máy

Vị trí điểm xả: X = 2.345.644; Y = 577.845 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiếu 3°).

Phương thức xả: tự chảy.

a2) Thu gom và xử lý nước thải

Nước thải Nhà máy gồm nước thải sinh hoạt và nước tuần hoàn. Trong đó nước thải sinh hoạt gồm nước thải nhà vệ sinh và nước thải nhà bếp, nước tuần hoàn là nước làm mát. Tổng cộng gồm 03 nguồn, được thu gom đến hệ thống xử lý như sau:

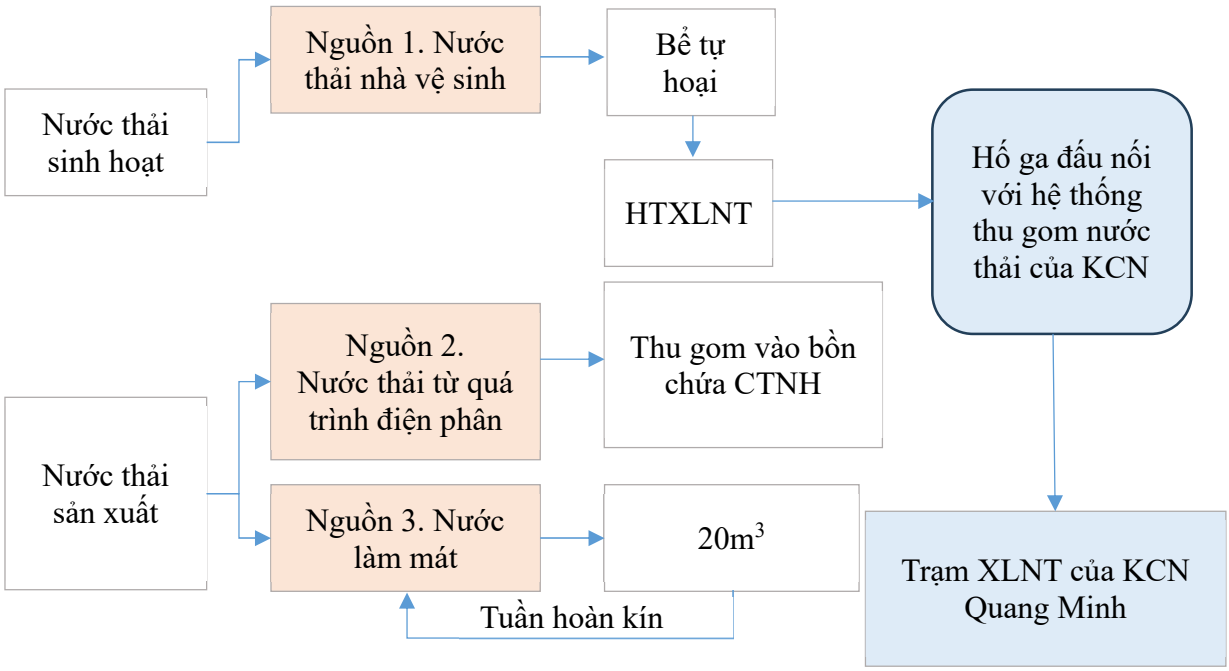

Hình 3. 3. Sơ đồ quy trình thu gom, thoát nước thải của Nhà máy

Thuyết minh quy trình thu gom:

- Nguồn số 1 - Nước thải từ các nhà vệ sinh: nước thải phát sinh từ các bệ xí, ấu tiểu và chậu rửa từ các nhà vệ sinh, chủ yếu do hoạt động của các cán bộ công nhân viên nhà máy, theo đường ống PVC 100A và 150A dẫn về bể phốt dung tích 15m^3.

- Nguồn số 2- Nước thải từ khu vực các xưởng điện phân: có lượng thải lớn nhất khoảng 1m^3/ngày đêm/xưởng. Toàn bộ lượng nước thải này được chứa vào 04 bồn chứa dung tích 10m^3 /bồn/xưởng. Công ty sẽ thu gom, lưu trữ và thuê đơn vị có chức năng đến bơm hút vận chuyển đem đi xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Nguồn số 3 - Nước làm mát cho hệ thống hệ thống máy chỉnh lưu (mỗi phân xưởng gồm có 24 máy chỉnh lưu 3000A 12V, chạy 24/24), nước sau làm mát được dẫn về bể chứa dung tích 20m^3 để hạ nhiệt độ rồi tuần hoàn tái sử dụng không thải ra ngoài môi trường.

Dọc theo tuyến đường ống, có các hố ga thu thăm có dung tích 0,5 m^3, bố trí cách nhau khoảng 10m.

Bảng 3. 19. Thống kê các hạng mục của hệ thống thu gom nước thải của Nhà máy

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Ống thoát nước PVC 100A	m	82
2	Ống thoát nước PVC 150A	m	140
3	Ống thoát nước PVC 200A	m	41
4	Hố ga thu - thăm	Cái	20
5	Bồn gom nước thải xưởng điện phân	Bồn	04

	10m^3 /bồn/xưởng		

Như vậy, trong quá trình sản xuất Nhà máy không xả thải nước thải sản xuất ra ngoài môi trường. Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại và bể tách mỡ sẽ được gộp lại thành 01 dòng và theo đường ống PVC 200A xả ra ngoài hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Quang Minh.

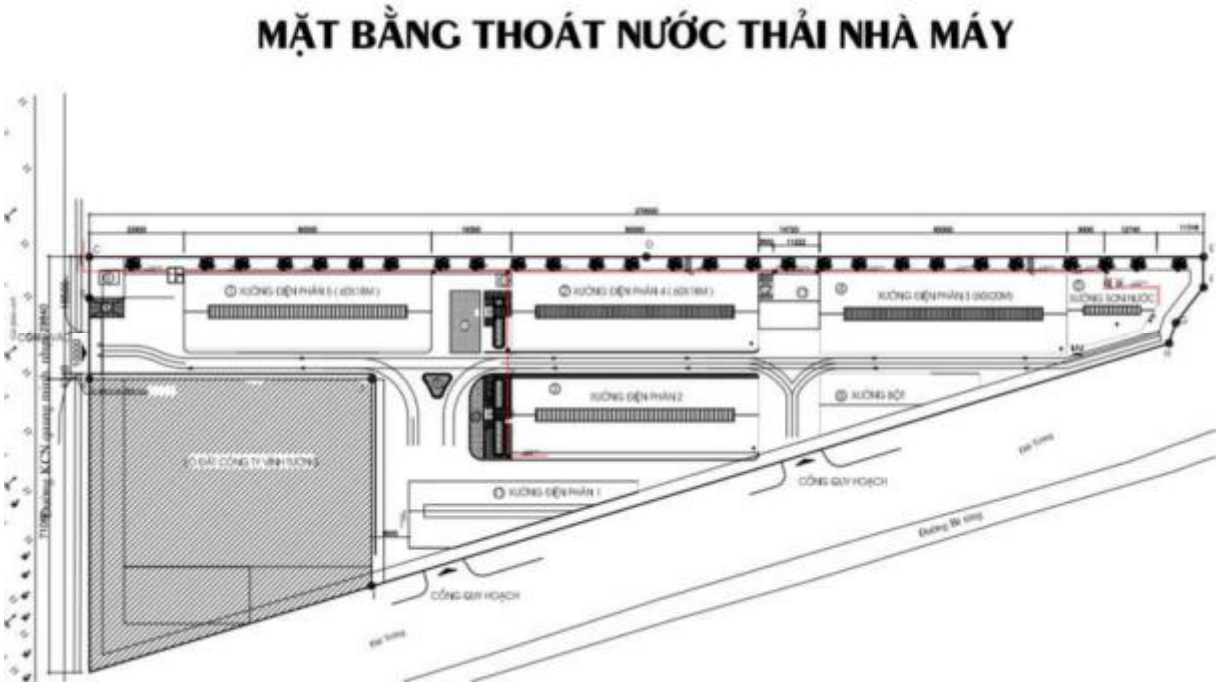

Hình 3. 4. Sơ đồ thoát nước thải và vị trí điểm xả nước thải của Nhà máy

Thông tin điểm xả thải:

- Nguồn tiếp nhận: hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Quang Minh.
- Tọa độ điểm thoát nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°): X = 2.345.622; Y = 577.856.

  (Theo Giấy phép xả thải số 270/GP-UBND của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 28/01/2008)
- Lưu lượng xả lớn nhất: **3,75** m^3/ngày đêm (làm tròn 4 m^3/ngđ)
- Phương thức xả thải: Tự chảy.
- Chế độ xả thải: xả liên tục 24h/ngày.
- Quy chuẩn áp dụng: Tiêu chuẩn KCN Quang Minh

** Bể tự hoại*

Chủ đầu tư đã xây dựng 02 bể tự hoại, mỗi bể 3,5 m^3/bể đặt ngầm gần nhà phụ trợ và xưởng điện phân số 01. Kích thước mỗi bể: dài x rộng x cao = 1,6m x 1,6m x 1,4m.

Bể tự hoại đồng thời làm hai chức năng lắng và phân hủy, lên men cặn lắng. Quá trình xử lý chủ yếu trong bể tự hoại là quá trình phân hủy kỵ khí. Các chất rắn lơ lửng sau khi được lắng xuống đáy được hệ vi sinh vật kị khí ở đây lên men, phân hủy tạo thành NH_4, H_2S... Với đặc tính của nước thải này chứa hàm lượng các hợp chất hữu cơ cao tạo môi trường hoạt động cho các loại vi sinh vật phân hủy kị khí.

Nước thải sau xử lý ở các bể tự hoại được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

** Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt*

Công nghệ xử lý nước thải như bảng sau:

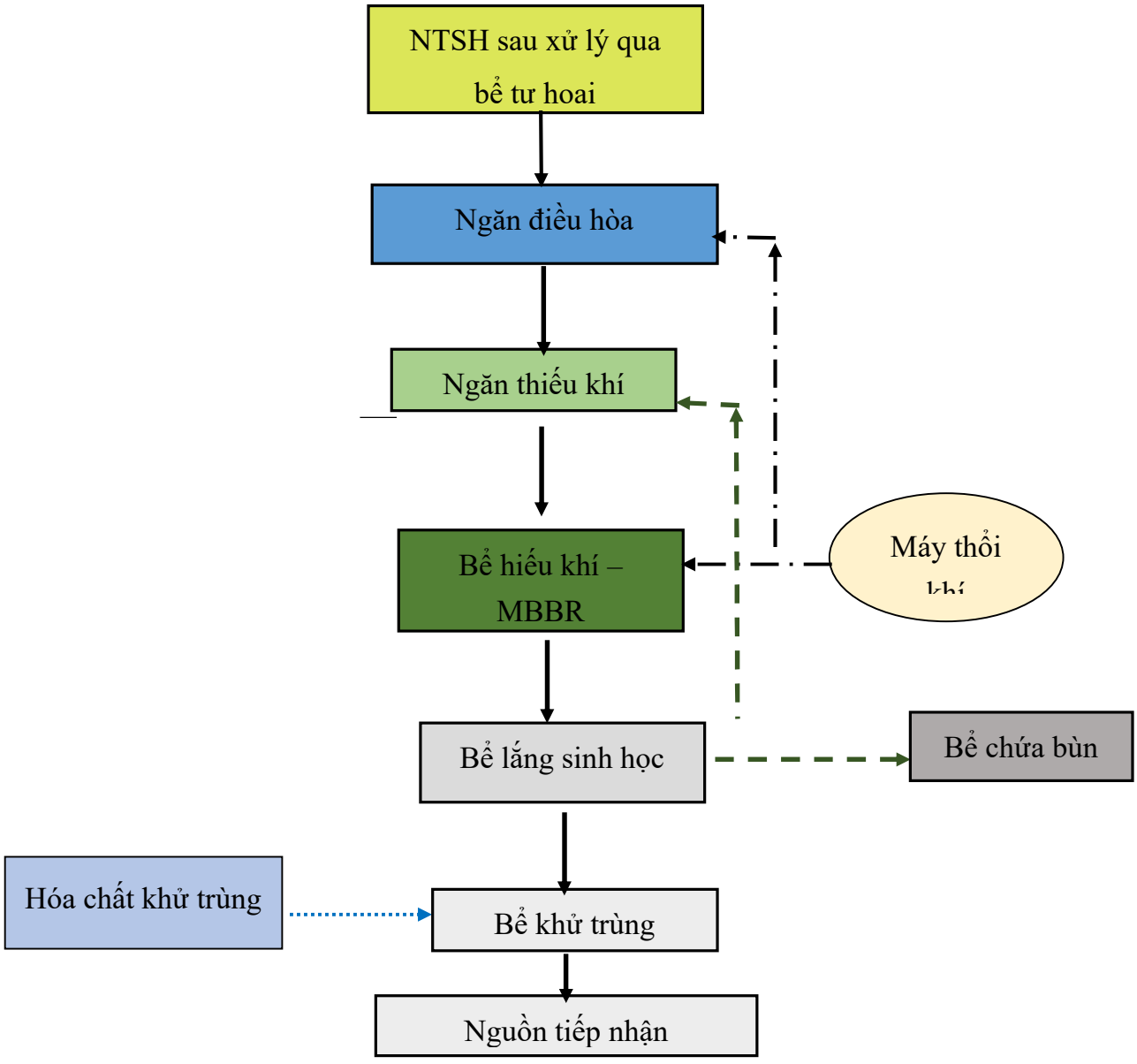

Hình 3. 5Công nghệ xử lý nước thải hệ thống 5 m^3/ngày đêm

Thuyết minh công nghệ:

Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sẽ được dẫn vào ngăn điều hòa. Ngăn điều hòa được thiết kế nhằm cân bằng lưu lượng cũng như nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải. Bể điều hòa được cấp khí khuấy trộn thông qua hệ thống máy thổi khí, ống và đĩa phân phối khí. Việc cấp khí giúp nước thải được khuấy trộn đều, làm ổn định nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải giúp hệ thống xử lý phía sau vận hành ổn định mà không cần phải điều chỉnh nhiều. Nước thải tiếp tục được đưa sang ngăn thiếu khí. Ngăn thiếu khí được trang bị các máy khuấy chìm nhằm khuấy trộn đều bùn và nước thải, kích thích quá trình phản ứng khử nitrát. Tại ngăn thiếu khí có bổ sung thêm cơ chất để tăng cường khả năng khử nitrat. Ngăn sinh học hiếu khí (MBBR) được thiết kế nhằm loại bỏ các chất hữu cơ (phần lớn ở dạng hòa tan) trong điều kiện hiếu khí (giàu oxy). Các vi sinh hiếu khí sử dụng oxy sẽ tiến hành phân hủy các chất hữu cơ tạo khí CO_2 giúp quá trình sinh trưởng, phát triển và tạo năng lượng. Phương trình phản ứng tổng quát cho quá trình phản ứng này được diễn tả như sau:

Chất hữu cơ + O_2 $\rightarrow$ CO_2 + tế bào mới + năng lượng + H_2O

Ngoài việc chuyển hóa các chất hữu cơ thành CO_2 và H_2O, các vi sinh hiếu khí này cũng giúp chuyển hóa Nitơ thành Nitrát (NO_3^-) nhờ vi khuẩn có tên là vi khuẩn Nitrát hóa (Nitrifyinng micro-organisms). Phương trình phản ứng diễn tả quá trình này được trình bày ở dưới:

Nitrát hóa: $NH4+ + 2O2 + 2HCO_3^- \rightarrow NO_3^- + 2CO_2$ (khí) + $3H_2O$ (1)

Nitrát sinh ra ở bể hiếu khí được bơm tuần hoàn lại bể thiếu khí phía trước nhằm tiến hành quá trình khử NO_3^- theo phương trình phản ứng sau:

Khử NO_3^-: Chất hữu cơ + $NO_3^- \rightarrow N_2$ (khí) + CO_2 (khí) + H_2O + OH^- (2)

Chất hữu cơ cấp cho phản ứng (2) có sẵn trong dòng vào của nước thải

Oxy được cấp vào bể hiếu khí nhờ hệ thống máy thổi khí, ống khí được bố trí đều dưới đáy bể.

Ngoài ra, nhằm duy trì lượng bùn lớn trong các ngăn hiếu khí và thiếu khí và giảm lượng bùn thừa sinh ra, bể hiếu khí sẽ được bổ sung thêm các vật liệu đệm sinh học di động (hay còn gọi là giá thể di động). Các vật liệu này là môi trường cho các vi sinh vật sinh bám để phân hủy các chất hữu cơ. Các vật liệu đệm này làm bằng nhựa, có diện tích bề mặt lớn giúp tăng cường khả năng tiếp xúc và nhẹ nên hoàn toàn có thể lơ lửng trong nước thải khi cấp khí vào bể.

Các vật liệu này giúp tăng hàm lượng vi sinh bên trong bể cao hơn so với công nghệ xử lý sinh học cổ điển) giúp tăng cường khả năng chịu "sốc" tải của bể khi chất lượng nước thải thay đổi đột ngột và cũng giúp giảm lượng bùn thừa sinh ra trong quá trình xử lý do phần lớn bùn đã dính bám trên bề mặt vật liệu bên trong bể.

Để đảm bảo hiệu quả của quá trình xử lý. Nồng độ oxy hòa tan của nước thải trong bể hiếu khí cần được luôn luôn duy trì ở giá trị lớn hơn 2 mg/l bằng cách bố trí hệ thống phân phối khí đều khắp mặt đáy bể.

Nước thải sau ngăn hiếu khí MBBR được đưa sang ngăn lắng.

Bằng cơ chế của quá trình lắng trọng lực, bể lắng có nhiệm vụ tách cặn vi sinh từ bể xử lý sinh học hiếu khí lơ lửng dính bám mang sang. Nước thải ra khỏi bể lắng có hàm lượng cặn (SS) giảm đến hơn 80%. Bùn lắng ở đáy ngăn lắng sẽ được bơm bùn bơm tuần hoàn về bể xử lý sinh học thiếu khí để bổ sung lượng bùn theo nước đi qua ngăn lắng. Phần bùn dư sẽ được bơm về ngăn chứa bùn. Nước sau lọc được chảy qua bể khử trùng. Tại ngăn khử trùng, dưới tác dụng của hóa chất khử trùng, các vi khuẩn độc hại có trong nước thải ban đầu, các vi khuẩn, vi sinh vật có trong nước thải sẽ được xử lý triệt để. Nước thải sau xử lý đạt Tiêu chuẩn đấu nối của KCN Quang Minh.

Bảng 3. 20 Dung tích các bể xử lý nước thải

TT	Tên hạng mục	Kích thước	Số lượng
1	Ngăn điều hòa	1,5 x 2 (m)	01 bể
2	Bể thiếu khí Anoxic	1,0 x 2 (m)	01 bể
3	Bể MBBR	1,4 x 2 (m)	01 bể
4	Bể lắng	1,0 x 2 (m)	01 bể
5	Bể khử trùng	1,0 x 1,0 x 2 (m)	01 bể
6	Bể chứa bùn	1,0 x 1,0 x 2 (m)	01 bể
7	Nhà vận hành	2,5 x 2,72 (m)	01 nhà

Bảng 3. 21Danh mục thiết bị xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Thân vỏ Composite FRP/	Hệ/ System	1
	- Hệ thống bao gồm 01 module có kích thước/ L(m) x D(m) = 6,2(m) x D2.0(m)		
	- Vật liệu: Nhựa cốt sợi thủy tinh (FRP)/ Material: Fiberglass reinforced plastic (FRP)		
2	Giá thể vi sinh sử dụng cho ngăn thiếu khí/ - Vật liệu/ Material: PP. - Diện tích bề mặt/ Surface area : ≥ 220m2/m3.	Hệ/System	1

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
	- Độ rỗng/ Porosity: ≥ 86%.		
3	Hệ thống ống bể MBBR	Hệ/ System	1
	- Vật liệu/ Material: PVC.		
	- Đĩa phân phối khí bể MBBR		
	+ Công suất sục/ Aeration capacity : 0 - 5m3/h		
	+ Vật liệu/ Material : EPDM		
	+ Van bi: PVC/ Ball valve: PVC		
4	Giá thể vi sinh di động sử dụng chobể MBBR/	Hệ/ System	1
	- Vật liệu/ Material: HDPE.		
	- Diện tích bề mặt/ Surface area : 510m2/m3.		
	- Độ rỗng/ Porosity: ≥ 95%.		
5	Vật liệu lọc sử dụng cho bể lọc	Hệ/ System	1
	- Vật liệu/ Material : HDPE/PVC		
	- Diện tích bề mặt/ Surface area : ≥ 85 m2/m3.		
	- Độ rỗng/ Porosity : ≥ 62%.		
	- Lưới chắn / Barrier net: inox sus304		
6	Hệ thống ống bể điều hòa, bể thiếu khí, bể chứa bùn, bể lọc hạt mang/ - Vật liệu/ Material: PVC + Van bi: PVC/ Ball valve: PVC	Hệ/ System	1
7	Máy thổi khí đặt cạn/	Cái/ Piece	2
	- Lưu lượng/ Flow rate : Q = 300l/min		

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
	- Cột áp/: H = 20kPa		
	- Động cơ/ : P = 0.298kW/1phase/220V/50Hz		
8	Van điện từ điều khiển khí nén	Cái/ Piece	1
	- Loại: Van thường đóng		
	- Vật liệu: Đồng		
	- Áp xuất làm việc/: 0 - 10kgf/cm2.		
	- Điện áp/: 1phase/220V/50Hz		
9	Bồn hóa chất	Cái/Piece	3
	- Dung tích/ Volume : 300l		
	- Vật liệu/ Material: LLDPE		
10	Bơm định lượng	Cái/ Piece	3
	- Công suất/ : 30ml/min		
	- Điện áp/: 15W/1phase/220V/50Hz		
	Khuấy hóa chất/ - Công suất/ : 90rpm - Điện áp/: 0.2kW/3phase/380V/50Hz - Bao gồm trục cánh khuấy bằng SUS 304	Cái/ Piece	1

b.3). Hệ thống xử lý nước thải sản xuất

Dự án không đầu tư hệ thống xử lý nước thải sản xuất. Toàn bộ nước thải sản xuất từ quá trình điện phân được chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại

b) Đối với bụi và khí thải

(i) Biện pháp giảm thiểu tác động do hoạt động giao thông

Chỉ sử dụng các phương tiện giao thông vận tải đã đăng kiểm theo đúng quy định, đảm bảo tiêu chuẩn.

Quy định chở đúng tải trọng của xe và đi đúng tốc độ quy định, tối đa 10km/h

Đối với phương tiện chở hàng hóa, nguyên liệu và chất thải phải che đậy kín thùng xe.

(ii) Giảm thiểu tác động của bụi, khí thải từ quá trình sản xuất

** Thông gió nhà xưởng*

- Nhà xưởng được thiết kế có cửa mái và cửa chớp trên tường. Gió tươi sẽ được cấp vào từ các cửa chớp, khí nóng sẽ được thoát ra ngoài qua hệ thống cửa mái.

- Thông gió cưỡng bức: Công ty lắp đặt mới:

+ Điều hòa âm trần: 02 cái, 3HP-26.000 Btu/cái

+ Điều hòa treo tường: 01 cái, 2,5HP-22.000 Btu/cái

+ Điều hòa treo tường: 03 cái, 1,5HP-12.000 Btu/cái..

* Bụi từ dây chuyền sản xuất

Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường nhãn hiệu Galaxy" đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt theo QĐ số 1384/QĐ-CT ngày 29/014/2008 và Giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT số 247/STNMT-CCMT ngày 30/12/2011 cho Dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường nhãn hiệu Galaxy"; Bụi và khí thải phát sinh từ khu vực nạp liệu xưởng bột bả và từ máy nghiền của xưởng sơn nước sẽ được đưa qua 02 hệ thống xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường.

Trong giai đoạn mở rộng, điều chỉnh hoạt động sản xuất sắp tới. Dự án có bổ sung thêm hoạt động điện phân sản xuất Ni, Cu và các kim loại màu khác nên sẽ làm phát sinh hơi hóa chất từ hoạt động pha chế hóa chất tại xưởng điện phân số 01. Do đó, Công ty sẽ thực hiện lắp thêm 01 hệ thống thu gom và xử lý hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động pha chế hóa chất tại xưởng điện phân số 1.

Tại các xưởng điện phân 2,3,4,5: Hóa chất ổn định bề mặt cùng với dung dịch Ni, Cu và các kim loại màu khác và nước sạch được đưa vào các bể điện phân. Nhiệt độ của quá trình điện phân khoảng 30-35°C → Nồng độ hơi hóa chất tại các bể điện phân rất thấp. Do đó, hơi hóa chất từ các bể điện phân được xử lý qua hệ thống thông gió kết hợp hút xả lẫn thổi khí trong khu vực xưởng sản xuất nên không cần xử lý, được thu gom thải trực tiếp ra môi trường theo các quạt thoáng khí.

Cụ thể, các công trình, biện pháp xử lý bụi và khí thải trong quá trình hoạt động của Dự án như sau:

** Hệ thống thu gom và xử lý bụi khu vực nạp liệu xưởng bột bả tường*

Công ty đã lắp đặt hệ thống chụp hút thu gom bụi phát sinh từ khu vực nạp liệu xưởng bột bả tường, sau đó dẫn dòng khí qua hệ thống lọc bụi túi vải để thu gom lại toàn bộ lượng bụi phát sinh trong quá trình nạp liệu như sau:

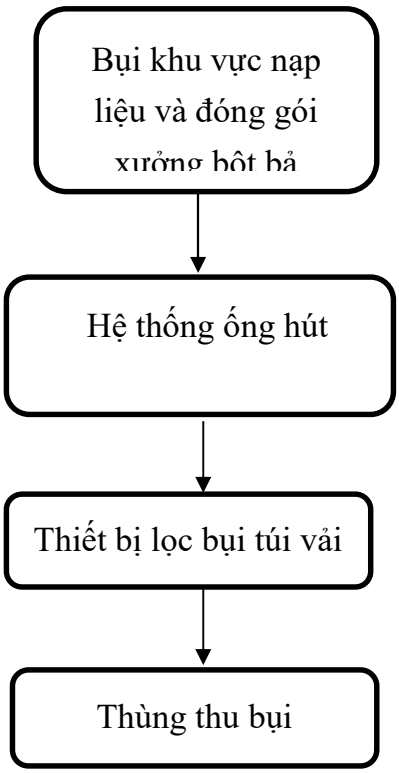

Hình 3. 6.Sơ đồ quy trình thu gom xử lý bụi khu vực nạp liệu xưởng bột bả tường

Thuyết minh quy trình:

Trên khu vực nạp liệu và đóng gói lắp miệng ống hút. Quạt hút sẽ đưa bụi phát sinh tại khu vực nạp liệu qua thiết bị lọc bụi túi vải. Tại đây các hạt bụi trong dòng khí sẽ được thu giữ lại trên bề mặt túi vải và được thu xuống các thùng thu bụi, sau đó được tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất.

Thông số kỹ thuật của hệ thống thu bụi xưởng bột bả tường:

Bảng 3. 22. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi khu vực nạp liệu xưởng bột bả tường

STT	Nội dung	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Hệ thống lọc bụi túi vải tại máy sanding thủ công	01 hệ thống	Công suất quạt hút: 7.000 m^3/h Kích thước khoang lọc: L 1,5cm x W 1,5cm x H 4,2cm Số lượng túi lọc: 64 Đường kính 130mm, cao 3.000m, chất liệu FMS.
2	01 đường ống thu gom bụi	01	Chất liêu: kẽm Kích thước D150-230-300 Dài 80m
3	Ống thoát khí	01	Chất liêu: kẽm Kích thước D550 Dài 5,5m

** Hệ thống thu gom và xử lý bụi khu vực nghiền xưởng sản xuất sơn nước*

Công ty đã lắp đặt hệ thống chụp hút thu gom bụi phát sinh từ khu vực nạp liệu xưởng bột bả tường, sau đó dẫn dòng khí qua hệ thống lọc bụi túi vải để thu gom lại toàn bộ lượng bụi phát sinh trong quá trình nạp liệu như sau:

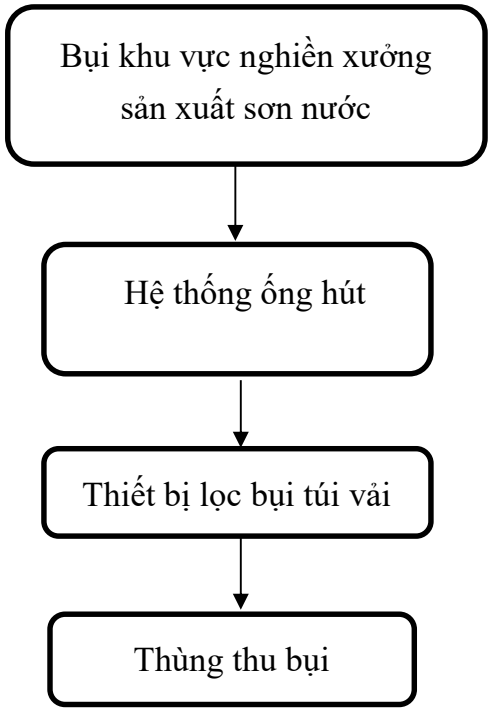

Bảng 3. 23. Sơ đồ quy trình thu gom xử lý bụi khu vực nghiền xưởng sản xuất sơn nước

Thuyết minh quy trình:

Trên máy nghiền tại xưởng sản xuất sơn nước lắp đặt các ống hút. Quạt hút sẽ đưa bụi phát sinh tại khu vực này qua thiết bị lọc bụi túi vải. Tại đây các hạt bụi trong dòng khí sẽ được thu giữ lại trên bề mặt túi vải và được thu xuống các thùng thu bụi, sau đó được tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất.

Thông số kỹ thuật của hệ thống thu bụi xưởng sản xuất sơn nước:

Bảng 3. 24. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi tại máy nghiền xưởng sơn nước

STT	Nội dung	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Hệ thống lọc bụi túi vải tại máy sanding thủ công	01 hệ thống	Công suất quạt hút: 7.000 m^3/h Kích thước khoang lọc: L 1,5cm x W 1,5cm x H 4,2cm Số lượng túi lọc: 64 Đường kính 130mm, cao 3.000m, chất liệu FMS.
2	01 đường ống thu gom bụi	01	Chất liêu: kẽm Kích thước D250-300

			Dài 80m
3	Ống thoát khí	01	Chất liêu: kẽm Kích thước D550 Dài 5,5m

** Hệ thống thu gom và xử lý hơi hóa chất tại xưởng điện phân*

Chủ đầu tư sẽ lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý hơi hóa chất từ các bồn pha hóa chất tại xưởng điện phân số 01 theo quy trình xử lý như sau:

(Hình ảnh các bồn pha hóa chất)

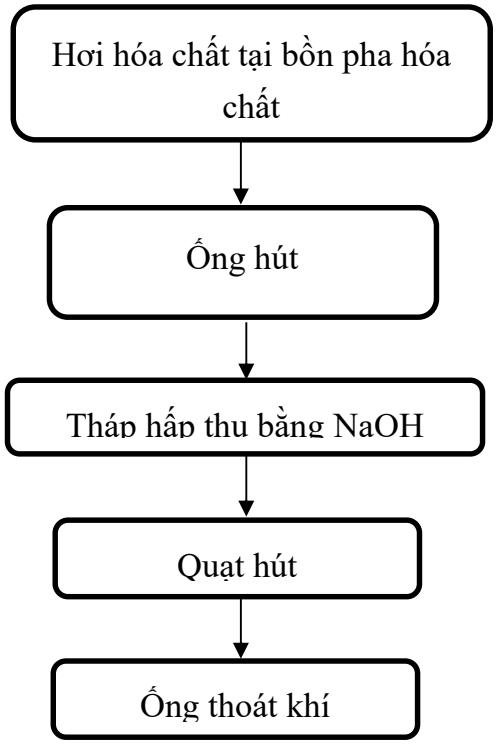

Hình 3. 7. Sơ đồ quy trình thu gom xử lý hơi hóa chất tại xưởng điện phân

Thuyết minh quy trình:

Dòng khí thải có chứa hơi axit từ các bồn pha hóa chất tại xưởng điện phân số 01 sẽ được hút vào tháp hấp thụ bằng NaOH. Tháp xử lý khí được thiết kế theo hệ thống phun giàn mưa. Khi khí ô nhiễm được đưa vào trong tháp xử lý khí, dung dịch hấp thụ (Dung dịch NaOH được pha trộn với nước) từ trên các giàn mưa phun xuống, khi tiếp xúc, dung dịch nước có chứa NaOH sẽ thẩm thấu các bụi và xử lý các chất độc hại làm sạch khí thoát ra ngoài. NaOH dễ dàng tan trong nước có khả năng tẩy rửa khí thải bẩn và tạo kết tủa đối với khí thải có lẫn axit. Khi axit được trung hòa sẽ tạo kết tủa rơi xuống dưới. Sau quá trình, khí được xử lý sạch và đi ra ngoài qua cột ống khói còn dung dịch nước có chứa NaOH được tuần hoàn bởi bơm. Sau quá trình tuần hoàn hóa chất NaOH được bơm hóa chất cấp tự động dựa theo thiết bị kiểm soát pH. Và nước có chứa NaOH sau một thời gian khoảng 1 tuần sẽ được xả đến bể chứa hóa chất thải của Nhà máy và thay bằng dung dịch nước chứa NaOH mới. Trong giai đoạn vận hành NaOH (25%) sử dụng để xử lý khí thải khoảng 206,55 tấn/năm.

Bảng 3. 25. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý hơi hóa chất tại xưởng điện phân

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Đường ống chụp hút	- Vật liệu: nhựa PVC - D110	Cái	12
2	Thiết bị xử lý hơi axit, kích thước (DxH)	Công suất: 30.000m^3/h Chất liệu: nhựa FRP Kích thước (DxH) = 2800*6670mm	Cái	01
4	Quạt hút	+ Áp suất: 280 mmAq + Động cơ điện: 380V*3P*60HP + Công suất hút: 33.000m^3/h/quạt	Bộ	02
5	Bơm tuần hoàn	+ Áp suất: 15mH_2O + Công suất: 66m^3/h + Động cơ điện: 11kW	thiết bị	2
6	Bồn chứa hóa chất	Dung tích 2000L	bồn	1
7	Máy khuấy	+ Số vòng quay: 145 RPM + Động cơ điện 0,75kW	máy	1
8	Ống thoát khí	- Inox 304 - Ø 16 - Cao 10m	Cái	01
9	Sàn thao tác	Kích thước: 5mx1,5mx5m		

**) Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò chân không*

(i) Hệ thống xử lý bụi và khí thải từ lò hỏa luyện

Dự án sẽ đầu tư thiết bị xử lý bụi phát sinh từ lò chân không. Như vậy, dự án sẽ lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải với tổng công suất hệ thống xử lý khí thải 14.100 m^3/h.

Công nghệ xử lý của hệ thống xử lý khí thải như nhau. Chi tiết công nghệ xử lý như sau

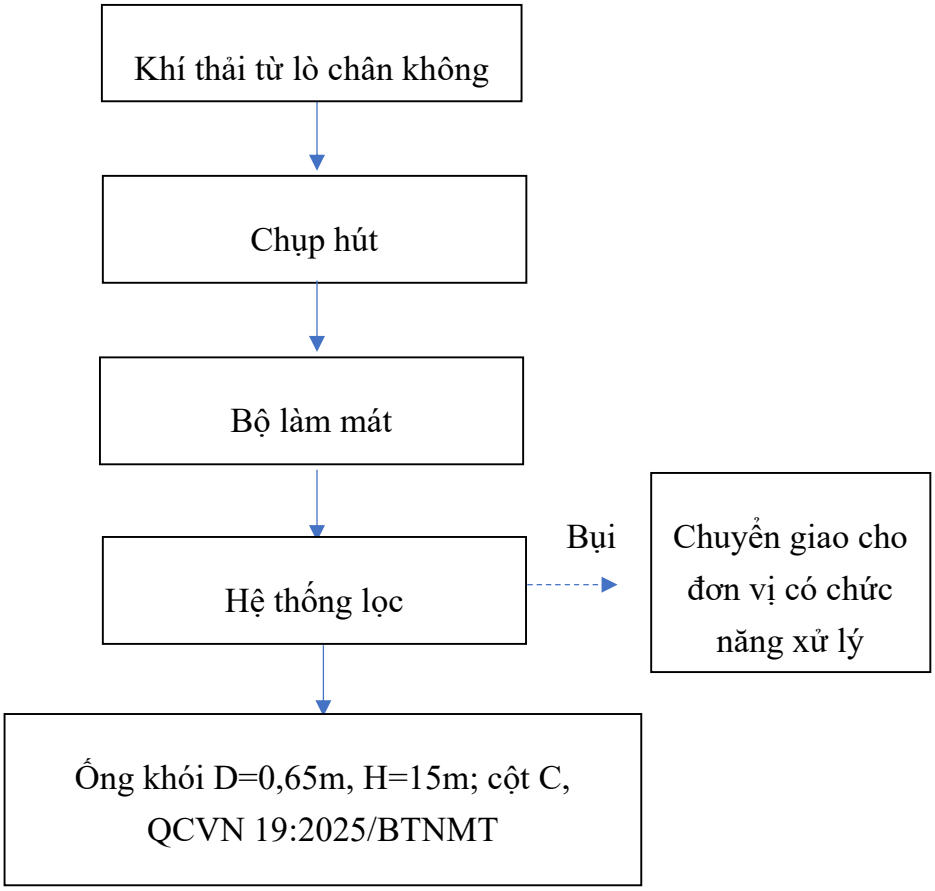

Hình 3. 8. Công nghệ xử lý khí thải

Thuyết minh công nghệ:

Dự án sử dụng lò điện cao tần nên không phát sinh khí ô nhiễm (SO_2; NOx...). Khí thải phát sinh có nhiệt độ cao và hơi kim loại được thu gom bởi các chụp hút đặt phía trên các lò.

Dòng khí được theo ống thu khí D550 bộ làm mát có kích thước 6000 x 2300 x3000mm. Tại đây, dòng khí được đi theo hình ziczac giảm nhiệt độ. Dòng khí tiếp tục được dẫn qua hệ thống lọc để thu các hạt bụi kích thước nhỏ. Tại đây bụi bẩn sẽ bám dích trên bề mặt túi vải, không khí sạch đi qua miệng túi vào buồng khí sạch được quạt gió thổi ra ngoài qua ống khói D=0,55m; H=15m. Khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp=1, Kv=1). Bụi thu được từ hệ thống xử lý của các lò nấu đồng được công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng hành nghề thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH.

Dưới đây là hình mô phỏng hệ thống lọc bụi

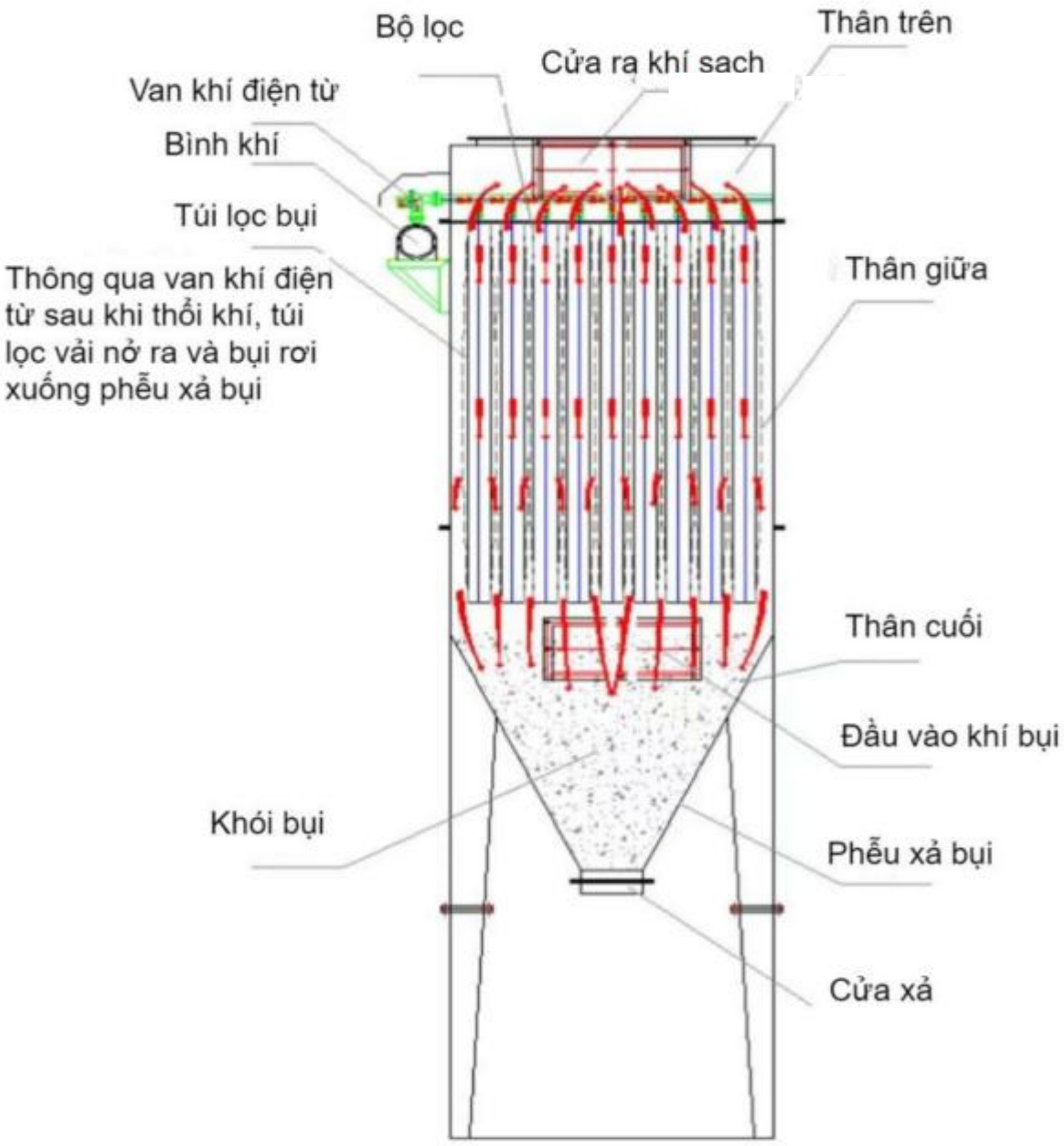

Hình 3. 9. Hệ thống lọc bụi túi vải

Hiện tại Khu công nghiệp Quang Minh có nhiều doanh nghiệp đã đi vào hoạt động. Tuy nhiên, trong phạm vi xung quanh dự án của công ty, không có nhà máy nào có ống khói phát thải khí thải có tính chất tương tự để đánh giá tác động tương hỗ đến toàn khu vực.

Bảng 3. 26. Danh mục thiết bị trong 01 hệ thống xử lý bụi

STT	Nội dung	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Lắp chụp hút khí lò nấu	01	Thép SS400
	Ống dẫn khí	01	Chất liêu: kẽm

			Kích thước D550
	Bộ làm mát	01	Chất liệu: Thép SS400. Kích thước: 6000 x 2300 x 3000 mm
	Hệ thống lọc bụi túi vải	01 hệ thống	Công suất quạt hút: 14.100 m3/h Kích thước khoang lọc: 2300 x 1520 x 3000 mm Số lượng túi lọc: 64 đường kính 130mm, cao 3.000m, chất liệu FMS.
3	Ống thoát khí	01	Chất liệu: kẽm Kích thước: D550 Dài: 15m

c) Công trình, biện pháp giảm thiểu các tác động từ chất thải rắn

c1) CTR sinh hoạt

Thực hiện thu gom chất thải sinh hoạt vào thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng đặt tại khu vực ăn tại nhà xưởng và thực hiện chuyển giao hàng ngày. Tổng số thùng 3 thùng. Chủ dự án không bố trí kho rác lưu giữ CTR sinh hoạt tập trung.

- Yêu cầu công nhân vứt rác vào thùng chứa theo đúng màu sắc quy định.

- Thực hiện chuyển chất thải vào cuối ngày.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyển giao chất thải theo đúng quy định.

c2) Chất thải rắn thông thường

Tiếp tục sử dụng kho lưu giữ chất thải có diện tích 10 m^2 bên trong nhà xưởng. Bố trí các thùng có dung tích 120 lít/thùng tại kho để lưu giữ chất thải.

- Chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyển giao chất thải theo đúng quy định.

- Bùn thải tại bể tự hoại 3 ngăn sẽ hút trực tiếp vào xe bồn của đơn vị chức năng và chở đi xử lý, không lưu chứa trong kho chứa CTCN (khoảng 6 - 12 tháng/lần).

Xỉ từ qua trình hỏa luyện sau khi làm nguội được lưu giữ trong bì và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý

- Bố trí nhân viên môi trường giám sát quá trình thu gom, phân loại và tập kết chất thải sản xuất hàng ngày, chủ động liên hệ với đơn vị chức năng chuyển giao chất thải định kỳ.

c2) Chất thải nguy hại

- Bố trí kho CTNH có diện tích 10 m^2 bên trong nhà xưởng để lưu giữ CTNH phát sinh. Tại kho có bố trí các thùng dung tích 60 -120 lít, có ghi mã, tên CTNH. Bên

ngoài kho có ghi biển cảnh cáo. Kết cấu: Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có khay chống tràn CTNH dạng lỏng cho sự cố. Bố trí thiết bị PCCC như bình xịt chữa cháy xách tay, bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

Bảng 3. 27. Thùng lưu giữ CTNH

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng tấn/năm)	Thùng lưu giữ
1	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	0,15	120 lít
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	0,001	60 lít
3	Dầu mỡ thải	Lỏng	17 02 03	0,05	60 lít
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm TPNH	Rắn	18 01 03	0,6	Xếp trực tiếp trong kho
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm TPNH	Rắn	18 01 02	0,2	Xếp trực tiếp trong kho
6	Bao bì mềm thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	0,2	Xếp trực tiếp trong kho
7	Nước thải chứa chất thải nguy hại	Rắn	18 02 01	12 m^3	Thu gom vào thùng
8	Bùn thải từ quá trình sản xuất	Rắn (*)	11 01 09	3.922.800	Thu gom vào bao

(*) Sau khi hòa tan quặng, bùn bằng hóa chất, phần bã thải từ quá trình chuẩn bị dung dịch điện phân được đưa sang máy ép bùn. Bùn được đóng vào bao. Phần nước từ quá trình ép được hồi lưu vào dung dịch điện phân để bơm sang các nhà điện phân 2,3,4,5

Chủ đầu tư ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý nguy hại với đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định.

3.2.2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu các tác động không liên quan đến chất thải

a). Biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung.

** Giảm thiểu tác động từ tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông*

Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông, công ty đang áp dụng các biện pháp sau:

Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm 5-10km/h, không bóp còi;

Không cho các xe nổ máy trong lúc chờ nhận hàng;

Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kĩ thuật tốt;

Ngoài các xe chuyên chở nguyên vật liệu, sản phẩm và thu gom chất thải, các loại phương tiện đều phải gửi xe ngoài bãi.

** Giảm thiểu tác động từ tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị*

Do dây chuyền sản xuất là các thiết bị mới, nhập ngoại có bộ phận chống rung, chống ồn nên cường độ tiếng ồn không lớn. Tuy nhiên để giảm thiểu tác động này, nhà máy đã và đang thực hiện một số biện pháp sau:

Đối với các máy gây chấn động lớn chú ý đến nền móng đặt máy và đặt máy trên các bộ phận giảm chấn bằng lò so hoặc cao su,… tất cả các thiết bị chuyển động đều được cân bằng động trong quá trình lắp đặt.

Các môtơ đều nằm trên bệ bê tông riêng biệt dưới sàn nhà, không liên kết vào khung, sàn nhà tránh rung động phát ra tiếng ồn.

Bố trí phân lập các bộ phận gây ồn trong xưởng cách xa nhau (giảm mật độ thiết bị trên một đơn vị diện tích) nhằm giảm tác động lan truyền của sóng âm. Để biện pháp phân lập có hiệu quả cao hơn cần bố trí thêm các tường ngăn giữa các bộ phận.

b) Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư

Hệ thống máy móc được trang bị đồng bộ, dây chuyền khép kín, do vậy lượng nhiệt sinh ra hầu hết không phát tán ra ngoài.

Tại các khu vực văn phòng làm việc cũng như trong nhà xưởng sản xuất đều được thiết kế hệ thống điều hoà và thông gió để tạo điều kiện môi trường tốt nhất cho cán bộ công nhân làm việc.

Điều hoà lắp đặt cho công trình dùng các loại như: Điều hòa cục bộ đặt sàn, điều hòa loại hệ thống VRF, và ống gió.

Ngoài ra, Chủ dự án đảm bảo nhà xưởng thoáng mát sạch sẽ, đảm bảo đủ các điều kiện cần thiết cho quy trình lao động của công nhân (ánh sáng, thông khí,…).

c) Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội

- Tăng cường sử dụng nguồn lao động tại chỗ: Các lao động tại địa phương có đầy đủ năng lực theo yêu cầu và có mong muốn được tuyển dụng được công ty tuyển dụng tối đa.

- Kết hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan tổ

chức các chương trình: Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý địa phương có liên quan thực hiện công tác quản lý công nhân nhập cư lưu trú tại địa bàn để triển khai thực hiện xây dựng dự án (thực hiện khai báo tạm vắng tạm trú với địa phương theo đúng quy định của pháp luật).

d) Giảm thiểu bụi, khí thải do hoạt động của các phương tiện giao thông

- Trên đường giao thông nội bộ, quy định giảm tốc độ của các phương tiện vận tải, thường xuyên quét sân, đường, tưới nước xung quanh tạo độ ẩm để giảm lượng bụi vào không khí trong những ngày nắng to, gió nhiều.

- Bố trí các loại xe ra vào bãi đỗ xe hợp lý, phương tiện ra vào phải theo đúng quy định hướng dẫn của phòng bảo vệ.

- Tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an toàn và vệ sinh môi trường đối với các phương tiện giao thông.

- Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ cán bộ nhân viên trong Công ty để họ ý thức được lợi ích và trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường.

3.2.2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu các rủi ro, sự cố

a. Phòng ngừa ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải

** Phát hiện sự cố:*

- Bố trí 01 kỹ thuật quản lý, vận hành các hệ thống xử lý khí thải, giám sát vận hành hàng ngày, tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho các hệ thống xử lý khí thải ghi đầy đủ nhật ký vận hành để theo dõi tình trạng hoạt động ổn định của hệ thống và làm căn cứ để phát hiện sự cố sớm nhất và kịp thời.

- Có thể phát hiện bằng mắt thường đối với sự cố liên quan đến đường ống nứt vỡ, đai neo tuột ống,...

- Tại sổ nhật ký vận hành có ghi chép nội dung phát hiện sự cố như: mùi bất thường của khí thải đầu ra, âm thanh quạt.

- Theo dõi đồng hồ đo chênh áp bố trí tại tháp xử lý để đánh giá tình trạng của than hoạt tính.

** Phòng ngừa sự cố:*

- Tuân thủ quy trình vận hành của từng công đoạn và các yêu cầu kỹ thuật của các thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải, kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng khoảng 1 tháng/lần.

- Định kỳ kiểm tra đường ống thu gom, quạt hút, tháp hấp phụ than hoạt tính (thực hiện hàng ngày).

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ khoảng 3 tháng/lần.

- Thực hiện thay thế hoạt tính để đảm bảo hiệu quả xử lý (khoảng 2 lần/năm).

- Trường hợp khí thải vượt quy chuẩn đầu ra cho phép và gặp sự cố thì sẽ dừng hoạt động sản xuất tại các vị trí phát sinh khí thải để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

- Xây dựng quy trình định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa các hư hỏng của các thiết bị xử lý.

- Các biện pháp khắc phục sự cố được lưu ở dạng văn bản và được hướng dẫn cho cán bộ phụ trách và cán bộ nhân viên trong Công ty.

- Công ty không lắp đặt bổ sung quạt dự phòng đối với hệ thống xử lý khí thải, cam kết sẽ có phương án bố trí sẵn quạt hút để sẵn sàng thay thế khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố.

** Biện pháp xử lý khi xảy ra sự cố:*

- Quy trình xử lý sự cố gồm các bước cơ bản: Hệ thống xảy ra sự cố → Phát hiện sự cố → Báo cáo cấp thẩm quyền → Điều tra nguyên nhân sự cố → Nguyên nhân được xác định là có → Khắc phục nguyên nhân sự cố → Vận hành trở lại:

+ Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động, liên hệ đơn vị thi công lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng chuyên môn để khắc phục và đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

+ Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

- Đối với sự cố HTXLKT bị hỏng thiết bị:

Bảng 3. 28. Quy trình khắc phục sự cố hỏng thiết bị của HTXLKT

Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
Ấn nút khởi động nhưng quạt không chạy	Điện cung cấp không đảm bảo	Kiểm tra cầu chì/bộ ngắt mạch.
		Kiểm tra các thiết bị tắt chuyển mạch hoặc ngắt kết nối. Kiểm tra chính xác điện áp cung cấp.
	Bộ truyền động chưa hoạt động	Kiểm tra dây đai bị quá lỏng dẫn đến trượt đai hoàn toàn. Then (Cavet) của puli và mayơ guồng cánh bị hỏng.
		Có thể bị gãy vỡ hoặc chưa lắp các chi tiết trung gian của nối trục.
	Động cơ	Động cơ có thể quá nhỏ và quá tải.

Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
	Van điều khiển quạt bị hỏng	Kiểm tra lại hoạt động của van đảm bảo đóng mở được.
Tiếng ồn quá lớn	Guồng cánh bị cọ sát	Điều chỉnh guồng cánh hay đầu vào của côn hút.
		Xiết chặt lại bu lông mayơ guồng cánh hay các đệm vòng bi trên trục.
	Hư hỏng bộ Truyền động đai	Xiết lại puli trên động cơ/trục quạt. Điều chỉnh căng đai. Sự thẳng hàng của puli(xem phần truyền động đai).Thay thế dây đai hay puli.
	Hư hỏng vòng bi	Bôi trơn vòng bi. Xiết chặt các vòng hãm, chặn trục v.v.
	Guồng cánh mất cân bằng	Làm sạch tất cả bụi bẩn trên guồng cánh. Kiểm tra cân bằng guồng cánh, cân bằng động lại cho guồng cánh nếu cần thiết.
	Sai sót trong lắp đặt	Còn vật thừa trên hệ thống đường ống và trong quạt trong quá trình lắp đặt.
	Nhiệt độ dòng khí quá cao	Các chi tiết của quạt bị giãn nở gây va chạm. Cần kiểm tra xác định lại nhiệt độ làm việc của quạt so với yêu cầu.
Động cơ bị nóng quá và quá dòng định mức	Đối với quạt: Chiều quay chưa đúng, tốc độ chưa đúng	Kiểm tra chiều quay của guồng cánh, giảm tốc độ của quạt.
	Trở lực hệ thống ống dẫn chưa phù hợp. Các cửa vệ sinh bị hở	Thay đổi giảm kích thước ống. Kiểm tra, đóng lại các cửa vệ sinh trên quạt và đường ống.
		Dòng khí có quá nhiều bụi cần kiểm tra các thiết bị thu hồi bụi trước quạt.
		Nhiệt độ dòng khí quá thấp so với tính toán cần kiểm tra lại.

Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
	Hệ thống điện có sai lệch	Kiểm tra lại độ tin cậy của các thiết bị bảo vệ, dòng điện có thể bị mất pha, sụt áp v.v...
Độ rung lớn	Nhiệt độ dòng khí quá cao	Kiểm tra lại nhiệt độ dòng khí đi qua quạt.
	Bộ truyền đai không lắp đúng	Đai bị quá căng hoặc quá trùng dẫn đến tốc độ quạt không ổn định.
	Đai sai chủng loại	Thay thế dây đai phù hợp.
	Hệ thống mất cân bằng	Kiểm tra độ thẳng của trục, động cơ và puli. Guồng cánh bị bụi bẩn hoặc bị mòn, gỉ không đều cần bảo dưỡng và gửi về hãng để cân bằng động lại.
	Vòng bi/khớp nối không thẳng hàng	Kiểm tra sự liên kết giữa động cơ, khớp nối và trục quạt. Bất kì sự điều chỉnh nào thực hiện cho khớp nối phải được sự hướng dẫn của nhà sản xuất.
		Miếng căn ở dưới động cơ có thể bị lỏng.
	Giá bệ quạt không đủ cứng vững hoặc các đệm giảm rung mất tác dụng	Gia cố lại bệ đỡ quạt, xiết chặt lại các bu lông móng, kiểm tra bộ giảm rung.
	Rung động do lan truyền từ các máy bên cạnh	Tắt quạt và xem xét lại sự rung động của nền móng.

- Khắc phục sự cố HTXLKT xả khí không đạt tiêu chuẩn xả thải:

Bảng 3. 29. Mô tả quy trình phòng ngừa, ứng phó sự cố HTXLKT xả khí không đạt tiêu chuẩn xả thải

Mô tả trường hợp cụ thể	Nguyên nhân	Cách thức phòng ngừa	Cách thức ứng phó
- Xả khí thải vượt tiêu chuẩn do vật liệu hấp phụ không đảm	- Không tuân thủ quy trình thay than hoạt tính. - Sử dụng than	- Tuân thủ theo quy trình kiểm tra và thay than định kỳ. - Nhập than hoạt	- Dừng hoạt động sản xuất phát sinh khí thải. - Tiến hành thay than hoạt tính khi hấp phụ

Mô tả trường hợp cụ thể	Nguyên nhân	Cách thức phòng ngừa	Cách thức ứng phó
bảo	hoạt tính kém chất lượng; - Bị nhiễm ẩm dẫn đến bão hòa, làm giảm khả năng hấp phụ than hoạt tính. - Lưu lượng khí thải đến hệ thống vượt khả năng xử lý của hệ thống. - Không kiểm tra lại nồng độ khí thải sau khi sửa chữa/ thay thế/ bảo dưỡng.	tính có chất lượng và xuất xứ rõ ràng. - Định kỳ kiểm tra mẫu than hoạt tính trước khi sử dụng. - Dự trữ than hoạt tính để sẵn sàng thay thế đột xuất khi xảy ra sự cố. - Lấy mẫu, kiểm tra kiểm tra lại nồng độ khí thải sau mỗi lần sửa chữa, thay than,...	bão hòa, có độ ẩm vượt giới hạn cho phép,... - Lấy mẫu, kiểm tra chất lượng khí thải xả vào môi trường trước khi chính thức vận hành trở lại.
- Xả khí thải vượt tiêu chuẩn do lỗi thiết bị (quạt hút, ống dẫn khí)	- Cửa chỉnh gió bị lỗi. - Động cơ quạt bị lỗi không đảm bảo lưu lượng thu gom khí thải.	- Kiểm tra hoạt động thiết bị hàng ngày theo check list. - Thực hiện kế hoạch bảo dưỡng, vệ sinh thiết bị định kỳ. - Trang bị quạt dự phòng thiết bị dự phòng. - Tuân thủ quy trình thay thế thiết bị.	- Dừng hoạt động sản xuất phát sinh khí thải rồi xác định nguyên nhân. - Chỉnh sửa bảo dưỡng thiết bị theo công việc tiêu chuẩn hoặc sử dụng thiết bị dự phòng để thay thế rồi mới vận hành thử lại. - Đo lại thông số vượt tiêu chuẩn trước khi vận hành như bình thường.
- Nồng độ khí thải vượt tiêu chuẩn do áp suất	- Bộ điều chỉnh bị lỗi dẫn tới áp suất khí thải	- Kiểm tra bằng đồng hồ hiện thị trên bộ chênh áp (hàng	- Dừng hoạt động sản xuất phát sinh khí thải rồi xác định nguyên

Mô tả trường hợp cụ thể	Nguyên nhân	Cách thức phòng ngừa	Cách thức ứng phó
dòng thải khí không ổn định.	trong hệ thống không đảm bảo. - Không kiểm tra lại nồng độ khí thải sau khi sửa chữa/ thay thế/ bảo dưỡng.	ngày). - Kiểm tra hoạt động thiết bị hàng ngày theo check list. - Định kỳ vệ sinh và bảo dưỡng thiết bị hàng tháng. - Trang bị thiết bị dự phòng. Tuân thủ quy trình thay thế thiết bị. - Kiểm tra lại nồng độ ô nhiễm khí thải sau mỗi lần sửa chữa, thay thế thiết bị của hệ thống.	nhân. - Chỉnh sửa bảo dưỡng thiết bị theo công việc tiêu chuẩn hoặc Sử dụng thiết bị dự phòng để thay thế rồi mới vận hành thử lại. - Đo lại thông số vượt tiêu chuẩn trước khi vận hành như bình thường. - Thực hiện theo hướng dẫn vận hành thiết bị. Quy trình xử lý sự cố hệ thống khí thải vượt tiêu chuẩn.

- Dừng hoạt động sản xuất để khắc phục, sửa chữa, chỉ được phép xả khí thải đạt TCCP ra ngoài môi trường.

c) Phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ

- Công ty cam kết lắp đặt bổ sung thiết bị PCCC, sử dụng hệ thống PCCC của công ty lắp đặt.

- Công ty sẽ thành lập đội ứng phó sự cố môi trường với các biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 1 Điều 109 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Những yêu cầu chung về PCCC

+ Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về phòng cháy chữa cháy.

+ Chấp hành các tiêu chuẩn, quy định hiện hành về PCCC.

+ Luôn luôn đảm bảo về khoảng cách an toàn PCCC, bậc chịu lửa, các cấu kiện ngăn cháy, giải pháp chống cháy lan; không sử dụng vật liệu dễ cháy làm trần, vách ngăn, cách nhiệt trong kho và ở nơi sản xuất.

+ Công ty bố trí sắp xếp vật tư nguy hiểm dễ cháy với nguồn gây cháy và các hàng hóa vật tư khác.

- Đối với hệ thống điện và thiết bị điện:

+ Kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của thiết bị điện và hệ thống tải, cấp điện. Kiểm tra thường xuyên nhiệt độ bề mặt của động cơ điện hoặc bộ phận truyền lực và phải ngừng hoạt động để xem xét khi nhiệt độ đó trên 150^0C.

+ Tách riêng nguồn điện sản xuất, nguồn điện bảo vệ, chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn lối thoát nạn và điện phục vụ hệ thống PCCC. Dây điện, cáp điện được đi trong máng

+ Trang bị đèn chiếu sáng sự cố trên lối thoát (EXIT) tại các cửa ra vào và đèn chỉ dẫn lối thoát nạn.

- Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó:

+ Công ty sẽ ban hành, niêm yết nội quy về an toàn PCCC, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về PCCC tại các khu vực sản xuất, kho, văn phòng.

+ Ngoài hệ thống PCCC do công ty đã lắp đặt, Công ty sẽ lắp đặt thêm có hệ thống báo cháy, PCCC bao gồm hệ thống cấp nước cứu hỏa, hệ thống đường ống dẫn nước, vòi phun nước và các thiết bị chữa cháy cầm tay theo Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5760-1993 Hệ thống chữa cháy – Yêu cầu chung về thiết kế và lắp đặt.

+ Công ty bố trí phân khu chức năng cho từng khu vực sản xuất trong nhà máy để đảm bảo phòng cháy chữa cháy kịp thời, hạn chế mức tối đa khi có sự cố xảy ra và phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường.

+ Công ty đã có hệ thống chống sét và được công ty kiểm tra định kỳ.

+ Xây dựng kế hoạch phòng cháy chữa cháy, thực hiện diễn tập kế hoạch PCCC hàng năm theo đúng quy định.

- Thiết bị phòng cháy chữa cháy: Tại khu vực dễ xảy ra cháy nổ công ty đã bố trí các bình bột chứa cháy. Hệ thống phòng cháy chữa cháy được lắp đặt xung quanh nhà xưởng và khu vực văn phòng. Đồng thời dán bảng cảnh báo phòng cháy chữa cháy khi có sự cố xảy ra có thể ứng phó kịp thời. Nguồn lực ứng phó phòng cháy chữa cháy của công ty bao gồm các nội dung sau:

- Định kỳ hàng năm, Công ty phối hợp với đơn vị có chức năng bảo dưỡng bình bột chữa cháy, hệ thống PCCC để khắc phục kịp thời.

- Định kỳ 1 lần/năm, Công ty sẽ phối hợp với cơ quan phòng cháy có chức năng thực hiện diễn tập PCCC tại Nhà máy, đồng thời, cử cán bộ tại cơ sở đi tập huấn các lớp về phòng cháy chữa cháy.

- Chủ dự án cam kết sẽ mua bảo hiểm PCCC cho công trình cơ sở theo đúng quy định.

- Niêm yết tên, đơn vị phòng cháy chữa cháy của UBND xã, Cảnh sát PCCC để liên lạc trong trường hợp sự cố xảy ra.

- Quy định khu vực hút thuốc tại Nhà máy, tránh xa các khu vực chứa nhiên liệu dễ bắt cháy.

- Máy móc sản xuất sử dụng điện của Công ty đều có hệ thống tiếp đất riêng, do đó, đảm bảo an toàn, hạn chế sự cố cháy nổ trong vận hành.

***Biện pháp ứng phó:**

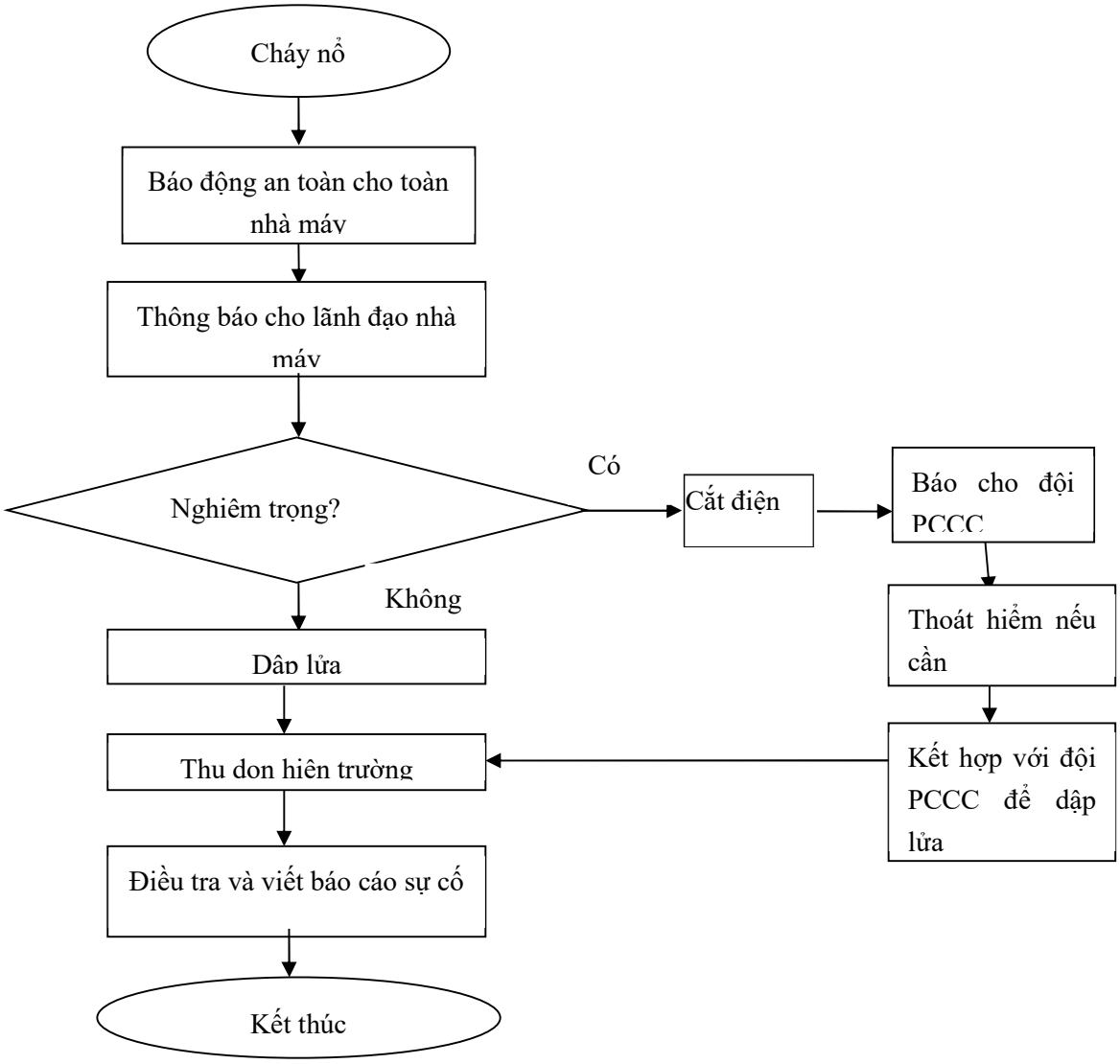

Hình 3. 10. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

- Thông báo: khi phát hiện ra sự cố thì tất cả công nhân viên hay là khách hàng đều có thể biết và thông báo qua điện thoại, báo động qua kẻng, chuông báo động, trực tiếp báo cho đội phòng cháy, chữa cháy thành phố.

- Dập lửa: Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại chỗ và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như bình chữa cháy, cát và nước để dập lửa. Trường hợp cháy ở mức độ nghiêm trọng thì đội PCCC sẽ liên hệ với cơ quan PCCC địa phương để phối hợp chữa cháy, dập cháy nhanh chóng, giảm thiểu các thiệt hại về người và tài sản.

- Thu dọn hiện trường: Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

- Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm: Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó chủ đầu tư sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra, Chủ đầu tư sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

d) Sự cố tai nạn lao động:

- Chủ dự án sẽ thiết lập nội quy Nhà máy và yêu cầu công nhân chấp hành nghiêm túc.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc như khẩu trang, quần áo bảo hộ...

- Niêm yết quy trình vận hành của dây chuyền sản xuất để công nhân được biết, hạn chế tình trạng vận hành sai gây sự cố đáng tiếc.

- Nhà xưởng thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn công nghiệp về mức độ thông gió, điều kiện chiếu sáng... tạo môi trường làm việc tốt cho công nhân.

- Nhà máy sẽ thực hiện bảo dưỡng động cơ dây chuyền sản xuất định kỳ, tần suất dự kiến 3 tháng/lần nhằm đảm bảo thiết bị vận hành ổn định trong suốt thời gian hoạt động.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu nguồn thải đã nêu trong hồ sơ môi trường đồng thời vận hành thường xuyên công trình bảo vệ môi trường tại cơ sở.

- Công ty yêu cầu tổ trưởng sản xuất nhắc nhở công nhân chú ý an toàn khi thực hiện công đoạn vận chuyển, xếp dỡ nguyên liệu, sản phẩm trong kho chứa.

- Quy trình bảo dưỡng động cơ máy móc phải có kế hoạch và thông báo cho các tổ sản xuất được biết, tránh tình trạng đang bảo dưỡng thì đóng điện vận hành máy gây sự cố tai nạn đáng tiếc xảy ra;

- Công ty ký hợp đồng huấn luyện an toàn lao động cho công nhân viên Nhà máy.

f) Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với kho chứa chất thải

- Kịch bản 1: Diện tích các kho không đáp ứng được khả năng lưu giữ chất thải trong thời gian dài.

Biện pháp phòng ngừa sự cố: Tăng cường tần suất thu gom, vận chuyển đi xử lý.

- Kịch bản 2: Các chất thải lưu giữ lẫn lộn

Khu vực giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với

khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ; các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

h) Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

(i) ***Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ xảy ra sự cố***

Kế hoạch kiểm tra giám sát nguy cơ xảy ra sự cố tại khu vực sản xuất

- Công nhân vận hành hệ thống cần kiểm tra nguồn điện cung cấp cho máy hoạt động, kiểm tra cảm quan khu vực làm việc, hệ thống trước khi vận hành máy.

- Người phụ trách phải có trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình vận hành hệ thống mỗi ngày. Kiểm tra, giám sát khu vực xung quanh nơi làm việc, kiểm tra đường ống cấp hóa chất, tủ điện điều khiển hệ thống, kiểm tra đầy đủ trang bị PCCC...

- Người phụ trách chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình vận hành nhằm phát hiện kịp thời sai xót, sự cố có thể xảy ra. Kiểm tra, giám sát thường xuyên các thiết bị phòng cháy chữa cháy trong xưởng, đảm bảo toàn bộ lực lượng sản xuất có trong nhà máy thực hiện tốt các quy định an toàn hóa chất, cháy nổ trong lúc làm việc.

- Người phụ trách về an toàn môi trường – hóa chất của công ty tiến hành kiểm tra đột xuất các vị trí, các thao tác sử dụng và bảo quản hóa chất trong quá trình sản xuất, đảm bảo an toàn hóa chất ở mức cao nhất.

Kế hoạch kiểm tra giám sát nguy cơ xảy ra sự cố tại khu vực khu vực chứa nguyên liệu, hóa chất

- Khu vực này tập trung hóa chất dễ cháy nổ với lượng lớn, công tác phòng ngừa cháy nổ là rất cần thiết và đặc biệt chú trọng.

- Khi tiến hành nhập hóa chất, chủ quản bộ phận sẽ kiểm tra kĩ lưỡng tình trạng các bao chứa hóa chất, đảm bảo các bao chứa không bị rách, hư hỏng hoặc có dấu hiệu không an toàn được nhập vào kho. Các thao tác đưa hóa chất vào kho của lái xe nâng được thực hiện an toàn và cẩn trọng. Các bao hóa chất được đảm bảo xếp đúng vị trí, có dán cảnh báo dễ thấy.

- Hóa chất trong kho chứa cần được bảo quản một cách chặt chẽ, kho chứa phải được chuyên dùng cho chứa hóa chất, giám sát và quy định việc ra vào khu vực chứa hóa chất. Kiểm tra các thông số kĩ thuật thiết bị tủ chữa cháy, bình chữa cháy, kiểm tra chiều cao.

Hoạt động của Dự án hầu như sử dụng nhiều loại hóa chất khác nhau nên các tác động tới môi trường. Tuy nhiên trong quá trình hoạt động, chủ Dự án đã bố trí kho chứa hóa chất đúng theo quy định để phòng ngừa sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất.

Hóa chất sử dụng tại dự án bao gồm nhiều loại được mua trong nước hoặc nhập khẩu có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và không thuộc danh mục hóa chất cấm sử dụng tại

Việt Nam. Tất cả các hoá chất sử dụng ở dự án đều có phiếu an toàn hoá chất (MSDS) và nhãn hoá chất đúng theo quy định tại Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 và thông tư 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022. Hóa chất được chứa trong can/chai/lọ đậy kín nắp.

Lưu trữ hóa chất trong bao bì kín, bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa các nguồn nhiệt hoặc nguồn đánh lửa.

Nghiêm cấm hút thuốc và các hoạt động tạo ra tia lửa hoặc nguồn nhiệt cao (va đập, ma sát thùng chứa, hàn xì, …).

Không lưu trữ hóa chất dễ cháy với các loại hóa chất có tính chất ăn mòn và ô xi hóa.

Trong kho bảo quản hóa chất Công ty đảm bảo bóng đèn phòng cháy nổ, cầu dao, cầu chì, ổ cắm điện được bố trí ngay cửa ra vào (nếu có). Nếu xảy ra sự cố, cầu dao sẽ được đóng ngay lập tức để tránh hiện tượng chập điện cháy nổ.

Kiểm soát nhiệt độ kho lưu trữ hóa chất dễ cháy.

Trang bị hệ thống báo cháy tự động ở kho hóa chất dễ cháy nhằm đảm bảo chữa cháy kịp thời khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

Không lưu trữ nhiều hóa chất tại kho công ty bằng cách ký hợp đồng với các đơn vị bán hoá chất giao hàng theo yêu cầu của công ty, các hoá chất khi mua về được đưa thẳng vào công đoạn sản xuất để sử dụng ngay và chỉ tồn một lượng hoá chất rất nhỏ trong kho.

Huấn luyện định kì cho nhân viên làm việc trong khu vực kho hóa chất dễ cháy về an toàn hóa chất và quy định và xử lý khi xảy ra sự cố cháy nổ hoặc tràn đổ hóa chất.

Bao bì, thùng chứa đúng thiết kế của nhà cung cấp; thường xuyên kiểm tra chất lượng bao bì, thùng chứa trong kho chứa. Nếu tình trạng bao bì không đạt yêu cầu cần nhanh chóng xử lý hợp lý.

Thiết kế kho chứa hoá chất hợp lý nhằm tránh những tác hại khi xảy ra các sự cố về rò rỉ và tràn hoá chất. Tạo rãnh xung quanh kho chứa nhằm tránh tình trạng chảy hoá chất ra khu vực xung quanh khi xảy ra sự cố tràn hoá chất.

Để tránh hiện tượng tràn đổ rò rỉ hóa chất, trong kho bảo quản phải sắp xếp các lô hóa chất ngay ngắn và theo từng khu vực riêng. hông có hiện tượng xếp chồng lên nhau có thể gây nghiêng đổ. Từng loại hóa chất được thông tin về thành phần, an toàn hóa chất đầy đủ và rõ ràng để thuận tiện cho việc kiểm tra và giám sát.

Trong quá trình nhập kho, cần kiểm tra kỹ bao bì, phuy can chứa đựng hóa chất để đảm bảo không có hiện tượng nứt vỡ thùng chứa, rách thủng bao bì. Nếu phát hiện có hiện tượng nứt vỡ, rách thủng thì phải để riêng và xử lý trước khi cho nhập kho.

Trang bị biển cảnh báo gồm kết hợp những biểu tượng, màu sắc, các thông tin về hóa chất rõ ràng, dễ nhận biết.

Nhắc nhở mọi người thực hiện yêu cầu an toàn khi tiếp cận với hóa chất hoặc chỉ dẫn những thông tin cần thiết khác đọợc quy định để phòng tránh các rủi ro, tai nạn cho con người và môi trường.

Phương án xử lý sự cố rò rỉ

Lực lượng ứng phó sự cố hóa chất gồm:

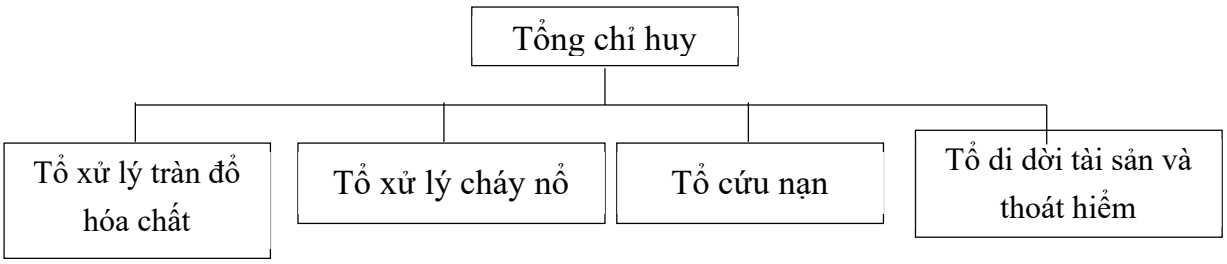

- *Tổng chỉ huy:* Do đại diện ban giám đốc chịu trách nhiệm.

+ Chỉ huy và lãnh đạo cao nhất trong sự cố tràn đổ hóa chất.

+ Đề xuất quyết định quan trọng trong tình huống khẩn cấp.

+ Liên hệ với ban quản lý khu công nghiệp, chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng khác có liên quan.

+ Thông báo tin cháy trong nội bộ cơ sở, báo cháy cho lực lượng PCCC chuyên nghiệp và báo cháy cho cơ quan Công an nơi gần nhất.

+ Chỉ đạo việc thực thi, tuân thủ theo các quy định của công ty và quy định của Pháp luật.

+ Đánh giá và sửa đổi các kế hoạch.

- *Tổ xử lý tràn đổ hóa chất:* Do phòng an toàn và phòng sử dụng hóa chất chịu trách nhiệm.

+ Đề nghị xây dựng các chương trình huấn luyện.

+ Ngăn ngừa và xử lý các tình trạng khẩn cấp khi đổ tràn hóa chất.

+ Hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị cần thiết cho toàn bộ nhân viên.

+ Ngăn chặn từ nguồn chảy tràn hóa chất các nguyên nhân gây ra sự cố.

+ Cô lập các khu vực đổ tràn hóa chất.

+ Xử lý hóa chất đổ tràn bằng các phương pháp thấm bằng bao cát, sớ da, ...

- *Tổ xử lý cháy nổ*: Do đội phòng cháy chữa cháy cơ sở chịu trách nhiệm.

+ Ngăn chặn từ nguồn cháy có khả năng gây cháy.

+ Chuẩn bị các phương tiện chữa cháy tại chỗ như: Bình chữa cháy, họng nước để kịp thời ngăn ngừa nếu có sự cố cháy xảy ra.

- *Tổ xử lý cứu nạn*: Do đội chữa cháy cơ sở, đội sơ cấp cứu và nhân viên y tế chịu trách nhiệm.

+ Tổ chức cấp cứu tại chỗ.

+ Giúp đỡ và đưa người bị nạn tới khu vực an toàn hay xe cứu thương để chuyển đến bệnh viện.

*Tổ di tản tài sản và thoát hiểm***:** Do nhóm trưởng của các bộ phận không làm việc với hóa chất chịu trách nhiệm.

- Bố trí cho công nhân thoát nạn theo sơ đồ thoát nạn cụ thể đã lập để ra khu vực tập kết và an toàn nhất.
- Kiểm tra số lượng và vị trí người còn kẹt lại trong sự cố để tìm biện pháp tiếp cận nhanh nhất.
- Phụ trách di tản tài sản của khu vực xảy ra sự cố, hướng dẫn thoát hiểm an toàn.
- Di chuyển tài sản tới khu vực an toàn.
- Tổ chức canh gác bảo vệ khu vực cổng, khu vực hàng hoá để phòng kẻ gian lợi dụng.

Biện pháp đối phó sự cố khẩn cấp khi hóa chất cháy

- Chuông báo khẩn cấp. Ngắt điện toàn bộ khu vực có liên quan đến đám cháy, đóng mọi van khí từ đầu nguồn, đồng thời ngắt các đường có thể dẫn đến sự rò rỉ hóa chất tại khu vực cháy.
- Ưu tiên sơ tán con người ra khỏi khu vực nguy hiểm theo phương án sơ tán.
- Luôn luôn có lối vào rộng rãi và không bị tắt nghẽn để có thể thoát ra an toàn.
- Người chữa cháy không bao giờ làm việc một mình.
- Lựa chọn các phương pháp dập cháy thích hợp để khống chế ảnh hưởng của đám cháy và đảm bảo an toàn. Đánh giá khả năng lan rộng của đám cháy, nếu cần thiết kêu gọi sự giúp đỡ từ bên ngoài để cùng phối hợp dập tắt.

(ii) Quy trình ứng phó sự cố hóa chất như sau:

Bước 1: Khi phát hiện sự cố hóa chất thông báo cho bộ phận sản xuất và trưởng ban an toàn môi trường của nhà máy.

Bước 2: Tắt bơm hóa chất, đóng van chặn không cho hóa chất tiếp tục tràn ra ngoài.

Bước 3: Đánh giá sơ bộ lượng hóa chất chảy ra.

Bước 4: Bộ phận Bảo vệ căng dây làm hàng rào khoanh vùng xảy ra sự cố theo khoảng cách an toàn;

Bước 5: Huy động phượng tiện: xô, thùng phuy, can nhựa, cát, giẻ lau để thu gom hóa chất ra ngoài;

Bước 6: Dùng bơm phun nước xả khu vực sự cố, thu gom nước nhiễm hóa chất vào thùng chứa để đưa về khu vực tập kết chất thải để xử lý.

Bước 7: Nghiệm thu và lập biên bản sự cố.

3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

Bảng 3. 30. Quy mô các công trình bảo vệ môi trường

TT	Công trình BVMT	Quy mô
I	**Trong giai đoạn xây dựng**	
1	Thùng chứa rác sinh hoạt	3 thùng, mỗi thùng 50 lít/thùng
II	**Trong giai đoạn vận hành**	
1	Thùng đựng CTNH	6 thùng, dung tích 60- 120 lít/thùng
2	Thùng đựng chất thải sinh hoạt	10 thùng, dung tích 10-20 lít/thùng; 03 thùng 120 lít/thùng để lưu giữ chất thải
3	Thùng đựng CTCN tại nhà kho	6 thùng dung tích 120 lít/thùng
4	Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường	01 kho diện tích 132,48 m^2
5	Kho lưu giữ CTNH	01 kho diện tích 132,48 m^2
6	Hệ thống xử lý khí thải	04 hệ thống xử lý khí thải (02 hệ thống công suất lần lượt là 7.000 m^3/h/hệ thống và 01 hệ thống công suất 30.000 m^3/h; 01 hệ thống xử lý khí 14.100 m^3/h)
7	Hệ thống xử lý nước thải	01 hệ thống, công suất 05 m^3/ngđ

3.3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

- Quá trình lắp đặt máy móc thiết bị sản xuất và công trình bảo vệ môi trường (02 hệ thống XLKT công suất 30.000 m3/h và 14.100 m^3/h- 01 hệ thống XLNT công suất 5 m^3/ngđ). Thời gian thực hiện khoảng tháng quý I /2026.

** Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác.*

Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án dự kiến:

- Thời gian dự kiến bắt đầu: Trong vòng 3 tháng kể từ ngày được cấp GPMT.

- Công trình vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống XLKT sản xuất công suất 30.000 m^3/h.

3.3.3. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

a) Giai đoạn thi công lắp đặt thiết bị

Chủ dự án tổ chức các khóa tập huấn để nâng cao kiến thức và kinh nghiệm trong quản lý, giám sát môi trường để thực hiện công tác đảm bảo vệ sinh môi trường được hiệu quả.

Đối tượng tham gia các khóa tập huấn các cán bộ điều phối các gói thầu, các cán bộ phụ trách môi trường, tư vấn giám sát thi công, các đơn vị nhà thầu xây lắp.

b) Giai đoạn vận hành

Nhà máy có 1 cán bộ quản lý chuyên trách về các vấn đề môi trường, an toàn, trình độ Đại học chuyên ngành môi trường.

Ngoài ra, còn có đội ngũ kĩ thuật làm việc, vận hành trực tiếp các công trình bảo vệ môi trường và xử lý chất thải: 01 người

3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

a) Mức độ chi tiết của các đánh giá

Việc thực hiện các đánh giá tác động tới môi trường của dự án tới mỗi đối tượng trong báo cáo đều tuân theo trình tự như sau:

- Xác định và định lượng (nếu có thể) nguồn gây tác động dựa theo từng hoạt động(từng thành phần của hoạt động) gây tác động

- Xác định quy mô không gian và thời gian của đối tượng bị tác động

- Đánh giá tác động dựa trên quy mô nguồn gây tác động, quy mô không gian thời gian và tính nhạy cảm của đối tượng chịu tác động.

- Các đánh giá không chỉ xem xét tới các tác động trực tiếp từ mỗi hoạt động của Dự án mà còn xét tới những tác động gián tiếp như là hậu quả của những biến đổi yếu tố môi trường trước mỗi hành động này. Có thể nói các đánh giá về tác động của Dự án khá chi tiết.

b) Độ tin cậy

Các phương pháp ĐTM áp dụng trong quá trình ĐTM có độ tin cậy cao. Hiện đang được áp dụng rộng rãi ở Việt Nam. Việc định lượng các nguồn gây ô nhiễm từ đó so sánh kết quả tính toán với các Tiêu chuẩn cho phép là phương pháp thường được áp dụng trong quá trình ĐTM.

Chương 4: PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng cải tạo, phục hồi môi trường

Chương 5: CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ dự án

Mục tiêu của chương trình quản lý môi trường của Dự án là quản lý các vấn đề về bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, thi công xây dựng các công trình của Dự án và trong quá trình Dự án đi vào hoạt động. Chương trình quản lý giám sát môi trường của Dự án còn đảm bảo phù hợp với các tác động môi trường, các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đã đề ra trong báo cáo ĐTM, đảm bảo chương trình quản lý đúng đắn và các chức năng quản lý chất thải, đưa ra được cơ cấu phản ứng nhanh các vấn đề và sự cố môi trường không lường trước được. Nội dung cơ bản của chương trình quản lý môi trường của Dự án bao gồm:

- Các hoạt động của Dự án trong quá trình thi lắp đặt thiết bị và trong quá trình hoạt động;

- Các tác động môi trường Dự án trong quá trình lắp đặt thiết bị và hoạt động;

- Các biện pháp bảo vệ môi trường (giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường, các công trình xử lý và quản lý chất thải, các công trình xử lý môi trường đối với các yếu tố khác ngoài chất thải);

- Các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường;

- Kinh phí thực hiện, thời gian thực hiện và hoàn thành các công trình xử lý;

- Cơ quan thực hiện và cơ quan giám sát thực hiện chương trình quản lý môi trường của Dự án.

Bảng 5. 1. Chương trình quản lý môi trường

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	6
Giai đoạn lắp đặt thiết bị	- Hoạt động vận chuyển máy móc thiết bị - Hoạt động thi công lắp đặt thiết bị - Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân trên công trường	- Khí thải do các hoạt động vận chuyển	- Các xe tải vận chuyển nguyên vật liệu thi công cần phủ kín bạt - Các phương tiện vận tải sử dụng cần được kiểm tra sự phát thải khí theo Tiêu chuẩn Việt Nam. - Chủ dự án bố trí bãi tập kết xi măng, gạch được tập kết bên trong nhà xưởng; cát tập kết bên ngoài, mái che trước cửa nhà xưởng; bố trí bạt che phủ kín.	
		- Bụi và khí thải do thi công lắp đặt thiết bị	- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc gồm quần áo bảo hộ, khẩu trang, găng tay	
		- Nước thải sinh hoạt của công nhân; - Nước mưa chảy tràn.	- Sử dụng bể tự hoại 3,5 m^3 do công ty đã xây dựng. Nước thải sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được thu gom vào hệ thống XLNT sinh hoạt công suất 5 m^3/ngđ đạt TC KCN, sau đó xả thải ra hệ thống thoát	

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	6
			nước của KCN và dẫn về hệ thống XLNT công suất 6.000 m^3/ngđ Nước mưa chảy tràn được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa do công ty xây dựng	
		- Chất thải rắn công nghiệp thông thường - Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; - Chất thải nguy hại.	.Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom vào 01 kho chất thải diện tích 132,48, m^2 bên trong nhà xưởng. Toàn bộ chất thải công nghiệp phát sinh từ quá trình này được thu gom, phân loại, tập kết vào kho chứa này. Chất thải có thể tái chế gồm bao bì, thùng bìa Carton, palet được thu gom, bán phế liệu và chất thải không thể tái chế gồm bao bì rách, bìa Carton rách, palet gãy hỏng được thu gom, chuyển giao cho đơn vị xử lý định kỳ. Tần suất chuyển giao khoảng 1 tuần/lần. - Chất thải sinh hoạt được lưu giữ và ký hợp đồng vận chuyển với đơn vị có chức năng - CTNH: Thu gom vào nhà kho 132,48 m^2	

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	6
			trong nhà xưởng. Chủ đầu tư ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại với đơn vị có chức năng	
Giai đoạn vận hành chính thức	- Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào KCN; - Hoạt động sản xuất (nấu đồng, điện phân) - Hoạt động của cán bộ nhân viên	- Bụi và khí thải của các phương tiện tham gia giao thông - Bụi và khí thải	- Bố trí các làn đường hợp lý, phương tiện ra vào phải theo đúng quy định hướng dẫn của người quản lý; - Lắp đặt 04 hệ thống xử lý bụi, khí thải (dây chuyền sơn nước: 01 hệ thống xử lý khí thải với công suất 7.000 m^3/h; dây chuyền sơn bột bả: 01 hệ thống XLKT7.000 m^3/h; 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 30.000 m^3/h; 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 14.100 m^3/h) - Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân - Lắp đặt hệ thống thông gió nhà xưởng (máy điều hòa, cửa thông gió…)	02 hệ thống XLKT của sơn nước và bột bả đang vận hành; 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 30.000 m^3/h; 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 14.100 m^3/h; 01 hệ thống XLNT sinh hoạt công suất 5 m^3/ngđ lắp đặt quý I/2026;
		- CTR sinh hoạt	- Chủ đầu tư ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, với đơn vị có chức năng. Bố trí các thùng thu gom	

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	6
			rác tại văn phòng và khu ăn uống. Tần suất thu gom: hàng ngày.	
		- CTR công nghiệp thông thường	- Sử dụng khu vực lưu giữ CTR thông thường hiện códiện tích khoảng 132,48 m^2 bên trong nhà xưởng. Chủ đầu tư ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp	
		- CTNH	Bố trí kho CTNH có diện tích 132,48 m^2 để lưu giữ CTNH phát sinh. Tại kho có bố trí thùng dung tích 60 -120 lít, có ghi mã, tên CTNH. Bên ngoài kho có ghi biển cảnh cáo,. Kết cấu: Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có khay chống tràn CTNH dạng lỏng cho sự cố. Bố trí thiết bị PCCC như bình xịt chữa cháy xách tay, bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.	

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	6
			+ Chủ đầu tư ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng	
		- Nước thải sinh hoạt, NTSX	- Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bể tự hoại 3,5 m^3 do công ty đã xây dựng. Nước thải sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được thu gom vào hệ thống XLNT sinh hoạt công suất 5 m^3/ngđ đạt TC KCN, sau đó xả thải ra hệ thống thoát nước của KCN và dẫn về hệ thống XLNT công suất 6.000 m^3/ngđ - Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh tháp giải nhiệt, quá trình điện phân: ký hợp đồng chuyển giao với đơn vị có chức năng theo đúng quy định	

5.2. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án

5.2.1 Giai đoạn lắp đặt thiết bị: Không đề xuất

5.2.2. Giai đoạn vận hành

a. Giám sát nước thải: Căn cứ theo Khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ

b. Quan trắc khí thải định kỳ

Bảng 5. 2. Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu và phân tích khí thải

TT	Nguồn thải	Vị trí	Số lượng	Chỉ tiêu	Chủ dự án đề xuất	Tiêu chuẩn so sánh
1	Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống sơn, bột bả	Tại mỗi ống thoát khí sau của hệ thống xử lý khí thải công suất 7.000m^3/h	2	Lưu lượng, bụi PM 10, PM2,5 Bụi tổng	6tháng/lần	QCVN 19:2024/BTNMT, cột C
2	Hệ thống XLKT 30.000 m^3/h	Tại ống thoát khí	1	Lưu lượng, hơi H_2S0_4, NaOH, NH_3, SO_2	6 tháng/lần	QCVN 19:2024/BTNMT, cột C
3	Hệ thống XLKT 14.100 m^3/h	Tại ống thoát khí	1	Lưu lượng, bụi kim loại, SO_2, CO,	6 tháng/lần	QCVN 19:2024/BTNMT, cột C

b. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Không thuộc đối tượng

c. Giám sát chất thải rắn

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn

thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Chương 6: KẾT QUẢ THAM VẤN

6.1. Tham vấn cộng đồng

6.1.1 Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng:

6.1.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử:

Để đảm bảo thực hiện đầy đủ những nội dung yêu cầu về việc lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết về một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-P ngày 06/1/2025 của Chính phủ, Chủ đầu tư đã gửi văn bản đến Ban quản lý các Khu công nghệ cao và Khu Công nghiệp Thành phố Hà Nội về việc đăng tải thông tin tham vấn đánh giá tác động của Dự án.

- Cơ quan quản lý trang thông tin điện tử: Ban quản lý các Khu công nghệ cao và Khu Công nghiệp Thành phố Hà Nội

- Thời gian đăng tải: 03/9/2025

- Linh đăng tải tham vấn:

- Kết quả tham vấn:

6.1.1. 2. Tham vấn bằng văn bản

- Thực hiện theo luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/01/2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-P ngày 06/1/2025 của Chính phủ, Chủ dự án có văn bản số 1308/CV-Galaxy ngày 20/8/2025 gửi Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức

- Kết quả như sau được làm rõ tại các Văn bản sau:

+ Văn bản số 170/2025/CV-NĐ ngày 03/9/2025 của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức về việc ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện báo cáo ĐTM của Dự án "Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam".

6.1.2. Kết quả tham vấn

Bảng 6. 1. Kết quả tham vấn

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/ đối tượng tham vấn
I	**Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử**		
II	**Tham vấn bằng văn bản**		
	Ý kiến của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức		
	1. Về vị trí thực hiện dự án đầu tư: Đồng ý vị trí thực hiện dự án		
	2. Về tác động môi trường của dự án: Không có ý kiến		
	3. Về các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường: Yêu cầu công ty xây dựng hệ thống XLNT sinh hoạt, thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT theo hợp đồng dịch vụ XLNT số 68B/2024/HĐ-XLNT ngày 01/4/2024 ký với công ty Nam Đức - Đối với NTSX có chứa KLN, công ty Nam Đức yêu cầu công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam thu gom triệt để và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Trường hợp để rò rỉ nước thải sản xuất vào hệ thống thu gom sinh hoạt hoặc hệ thống thoát nước mưa, công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm với cơ quan quản lý nhà nước và công	Công ty sẽ xây dựng hệ thống XLNT sinh hoạt công suất 5 m^3/ngđ đảm bảo Tiêu chuẩn xả thải của KCN. Đối với nước thải sản xuất: Công ty cam kết sẽ chuyển giao toàn bộ nước thải phát sinh cho đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định; cam kết không xả nước thải hệ thống thu gom sinh hoạt hoặc hệ thống thoát nước mưa và cung cấp chứng từ vận chuyển cho	

	ty Nam Đức. Sau mỗi lần chuyển giao, công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam có trách nhiệm cung cấp chứng từ vận chuyển cho công ty Nam Đức.	công ty Nam Đức.	
	4. Về chương trình quản lý và giám sát môi trường, phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường Đề nghị công ty thực hiện đúng Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường sau khi được cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt.	Công ty cam kết thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động và chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cơ quan quản lý phê duyệt.	
	5. Về nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư Công ty Nam Đức đề nghị công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam thực hiện nghiêm túc các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường nêu trong Báo cáo.	Cổ phần Galaxy Việt Nam cam kết thực hiện nghiêm túc các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường nêu trong Báo cáo.	

6.2 Tham vấn ý kiến chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức chuyên môn

Theo quy định tại khoản 4, Điều 26, Nghị định 08/2022/NĐ-CP, dự án **không thuộc đối tượng** phải tham vấn ý kiến chuyên gia.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận:

Trên cơ sở phân tích đánh giá tác động dự án ***"Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam"*** tại lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, TP Hà Nội, có thể rút ra một số kết luận sau đây:

- Việc xây dựng dự án phù hợp quy hoạch của KCN phù hợp kế hoạch phát triển công nghiệp của địa phương.

- Dự án hoạt động lâu dài sẽ tạo điều kiện việc làm, nguồn thu nhập ổn định cho nhiều người dân trong khu vực, tiết kiệm tài nguyên.

- Song song với những lợi ích mà dự án đem lại cũng còn một số vấn đề cần quan tâm, đó là công tác bảo vệ môi trường. Hoạt động của dự án có thể gây ra một số tác động tiêu cực tới môi trường nếu không có các biện pháp khống chế ô nhiễm môi trường và hạn chế các tác động có hại. Các tác động đó là:

+ Ô nhiễm không khí do bụi, khí thải, tiếng ồn sinh ra từ các hoạt động của các phương tiện giao thông; từ hoạt động sản xuất.

+ Ô nhiễm môi trường từ nước thải sinh hoạt và sản xuất.

+ Phát sinh rác thải sinh hoạt; CTR công nghiệp thông thường, CTNH

+ Tai nạn, sự cố môi trường.

- Các ảnh hưởng tác động tổng hợp này có thể gây ảnh hưởng lâu dài đến môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội của khu vực nếu không có biện pháp giảm thiểu hiệu quả.

- Từ những tác động tiêu cực đã đưa ra chủ đầu tư dự án sẽ đầu tư kinh phí, thực hiện nghiêm chỉnh các phương án khống chế ô nhiễm và hạn chế các tác động có hại đã đề ra trong báo cáo này bao gồm:

+ Phương án khống chế ô nhiễm không khí.

+ Phương án thoát nước mưa và xử lý nước thải.

+ Phương án quản lý chất thải rắn, CTNH.

+ Các biện pháp vệ sinh an toàn lao động, phòng chống sự cố môi trường, phòng cháy chữa cháy và tai nạn.

2. Kiến nghị

Trên cơ sở các đánh giá, cam kết trong Báo cáo ĐTM này, Chủ đầu tư kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án. Đồng thời kính đề

nghị Bộ Nông nghiệp và môi trường hỗ trợ Chủ đầu tư trong công tác quản lý môi trường trong quá trình triển khai dự án.

3. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư cam kết thực hiện nghiêm túc các vấn đề sau:

Công ty hiểu rõ phát triển bền vững chính là tăng năng lực cạnh tranh của các sản phẩm của Dự án thông qua việc tăng hiệu quả sản xuất, sử dụng tài nguyên và giảm ô nhiễm để bảo vệ cán bộ công nhân viên nhà máy và cộng đồng xung quanh. Chủ đầu tư dự án xin cam kết bảo vệ môi trường như sau:

Cam kết thực hiện các nội dung đã nêu ra trong ĐTM;

Cam kết thực hiện quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường

Đảm bảo nước thải sản xuất đầu ra đạt TC của KCN Quang Minh;

Đảm bảo khí thải thoát ra đạt QCVN 19:2024/BTNMT cột C.

Định kỳ thực hiện quan trắc, giám sát chất lượng môi trường, báo cáo bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Định kỳ 1 năm 1 lần lập Báo cáo quản lý môi trường gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Tạm dừng hoạt động sản xuất khi xảy ra sự cố về môi trường;

Quản lý nghiêm ngặt việc thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng các quy định;

Thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy, duy trì áp dụng các biện pháp an toàn lao động;

Khi có nhu cầu mở rộng sản xuất, thay đổi công nghệ, nguyên liệu, nhiên liệu, sản phẩm và xây dựng những hạng mục công trình khác…không nằm trong nội dung của Báo cáo ĐTM đã được thẩm định thì Chủ đầu tư sẽ báo cáo bằng văn bản với Bộ Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn theo quy định của pháp luật;

Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam;

Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo quy định tại Mục 2 Chương X Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản quy định hiện hành.

Cam kết hoàn thành các biện pháp giảm thiểu, công trình bảo vệ môi trường trong Báo cáo ĐTM và lập hồ sơ đề xuất cấp GPMT trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt trước khi đi vào hoạt động chính thức theo đúng quy định.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc xây dựng, thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Trình*, Các phương pháp tiên tiến trong đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động tích hợp và đánh giá sự cố môi trường- Nhà xuất bản KH&KT, 2022*.
2. Lê Huy Bá, *Độc học môi trường*, 2000.
3. Đặng Kim Chi, *Hóa học môi trường*, 1998.
4. Nguyễn Duy Động, *Thông gió và kỹ thật xử lý khí thải* – NXB giáo dục, 1999.
5. Nguyễn Xuân Nguyên, *Nước thải và công nghệ xử lý nước thải* – NXB Khoa Học và Kỹ thuật Hà Nội, 2003.
6. Trịnh Xuân Lai, *Xử lý nước cấp cho dân dụng và công nghiệp*, 1998.
7. Pollution – *World Health Organization, Geneva*, 1993.
8. Wastewater *Engineering, Metcalf & Eddy*, 1991.
9. Industrial Water Pollution Control,W.Wesley Eckenfelder,Jr.
10. Environmental Impact Assessment, Canter.
11. Emission Inventories, *U.S Environmental Protection Agency*, 1995
12. Quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 2500230333

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 07 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 30 tháng 10 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GALAXY VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GALAXY.,JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô 48, khu Công nghiệp Quang Minh, Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *024.38182046* Fax: *024.38182048*

Email: Website:

3. Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 6.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: VŨ QUỐC HÙNG Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: *25/11/1966* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *034066000189*

Ngày cấp: *19/04/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *3-D4TT cục V26, Tổ 28, Phố Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *3-D4TT cục V26, Tổ 28, Phố Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trịnh Huy Tâm

VIỆT NAM

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2023

Số:

390431/23

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Thành phố Hà Nội*
Địa chỉ trụ sở: *Toà nhà Trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên Hà Nội - Khu liên cơ Võ Chí Công, số 258 đường Võ Chí Công, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Điện thoại: *024.37347512* Fax:
Email: *pdkkd_sokhdt@hanoi.gov.vn* Website: *www.hapi.gov.vn*

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 2500230333

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);	7310
2	In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm)	1811
3	Dịch vụ liên quan đến in	1812
4	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Mua bán đồ điện gia dụng, đồ kim khí điện máy, hàng trang trí nội ngoại thất, đồ gỗ; - Kinh doanh hàng điện lạnh; - Kinh doanh hàng gia dụng;	4759
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Mua bán thiết bị máy móc công nghiệp, khai khoáng và thiết bị máy móc lâm nghiệp; - Kinh doanh thiết bị điện;	4659
6	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Dịch vụ bảo trì, sửa chữa trang thiết bị điện, điện tử điện gia dụng, dụng cụ cầm tay;	3314

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Kinh doanh đồ điện dân dụng; - Kinh doanh văn phòng phẩm;	4649
8	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Kinh doanh hàng điện tử;	4652
9	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất	7410
10	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán hoá chất các loại;	4669
11	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;	4752
12	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;	2392
13	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất sơn, bột bả tường và các vật liệu che phủ bề mặt công trình;	2022
14	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh. (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
16	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
17	Đúc sắt, thép	2431
18	Đúc kim loại màu	2432
19	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
20	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
21	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
22	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
23	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
24	Xây dựng công trình điện	4221
25	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
26	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
27	Xây dựng công trình công ích khác	4229
28	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
29	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
30	Xây dựng nhà để ở	4101
31	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
32	Xây dựng nhà không để ở	4102
33	Xây dựng công trình đường sắt	4211

STT	Tên ngành	Mã ngành
34	Xây dựng công trình đường bộ	4212
35	Xây dựng công trình thủy	4291
36	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
37	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
38	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Không bao gồm chia tách đất và cải tạo đất)	4299
39	Phá dỡ Chi tiết: Dịch vụ tháo dỡ, bao gồm cả chuẩn bị mặt bằng thi công	4311
40	Chuẩn bị mặt bằng	4312

Thông tin đăng kí thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): VŨ QUỐC HÙNG Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: VŨ VĂN HÙNG Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: *Lô 48, khu Công nghiệp Quang Minh, Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam* Điện thoại: *024.38182046* Fax: *024.38182048* Email:
4	Hình thức hạch toán: *Hạch toán độc lập*
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày *1/1* đến ngày *31/12*
6	Tổng số lao động: *31*
7	Phương pháp tính thuế GTGT:
8	Có báo cáo tài chính hợp nhất: *Không*
9	Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh: *Không*

Nơi nhận:
-CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM. Địa chỉ:Lô 48, khu Công nghiệp Quang Minh, Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
-.....;
- Lưu: Nguyễn Thị Thủy.....

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trịnh Huy Tâm

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 8413630155

Chứng nhận lần đầu: Ngày 11 tháng 3 năm 2016
Chứng nhận thay đổi lần thứ 1: Ngày 11 tháng 02 năm 2025
Chứng nhận thay đổi lần thứ 2: Ngày 20 tháng 02 năm 2025
Chứng nhận thay đổi lần thứ 3: Ngày 06 tháng 6 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi Thông tư 03/2021/TT-BKHĐT;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị quyết 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 8413630155 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 20/02/2025;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam nộp ngày 29/5/2025,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chứng nhận:

Dự án đầu tư CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM, mã số dự án 8413630155 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp chứng nhận lần đầu ngày 11/3/2016, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 20/02/2025 được đăng ký điều chỉnh các nội dung: mục tiêu dự án, quy mô dự án; tổng vốn đầu tư của dự án; tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM

- Đăng ký kinh doanh mã số 2500230333 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/7/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 30/10/2023.

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: 024.38182046

- Email: ducnb.galaxy@gmail.com

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

+ Họ và tên: Ông Vũ Quốc Hùng;

+ Giới tính: Nam;

+ Sinh ngày: 25/11/1966;

+ Quốc tịch: Việt Nam;

+ Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

+ Căn cước công dân số 034066000189 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/4/2021;

+ Địa chỉ thường trú: 3-D4TT cục V26, Tổ 28, phố Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

+ Chỗ ở hiện tại: 3-D4TT cục V26, Tổ 28, phố Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

+ Điện thoại: 024.38182046

+ Email: ducnb.galaxy@gmail.com

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số 2500230333 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 20/7/2004, thay đổi lần thứ 10 ngày 30/10/2023. Mã số thuế: 2500230333.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM.

2. Mục tiêu dự án:

TT	**Mục tiêu hoạt động**	**Mã ngành theo VSIC** *(Mã ngành cấp 4)*	**Mã ngành CPC (*)** *(đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)*
1	Sản xuất sơn nước	2022	
2	Sản xuất bột bả tường	2022	
3	Thủy luyện Nickel, Đồng và các kim loại màu khác	2420	
4	Lọc và tái chế phế liệu và chất chứa Nickel, Đồng và các kim loại màu khác	3822	

5	Sản xuất kim loại màu - Hỏa luyện Nickel, đồng và các kim loại màu khác	3830	
6	Cho thuê nhà xưởng dư thừa	6810	

Công ty thực hiện mục tiêu cho thuê nhà xưởng dư thừa khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản và các quy định pháp luật liên quan trước khi đưa bất động sản vào kinh doanh.

3. Quy mô dự án:

- Sản xuất sơn nước, công suất tối đa 15.000 tấn sản phẩm/năm;

- Sản xuất bột bả tường, công suất tối đa 10.000 tấn sản phẩm/năm;

- Thủy luyện Nickel, Đồng và các kim loại màu khác, công suất tối đa 8.000 tấn sản phẩm/năm.

- Lọc và tái chế phế liệu và chất chứa Nickel, Đồng và các kim loại màu khác, công suất tối đa 8.000 tấn sản phẩm/năm.

- Sản xuất kim loại màu - Hỏa luyện Nickel, đồng và các kim loại màu khác, công suất tối đa 8.000 tấn sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô 48, Khu Công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

5. Diện tích đất sử dụng: 12.030 m2.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 98.000.000.000 đồng *(Chín mươi tám tỷ đồng)*. Trong đó:

- Vốn góp: 60.000.000.000 đồng *(Sáu mươi tỷ đồng)*. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam	60.000.000.000		61,22	Tiền mặt	Theo báo của Chủ đầu tư, nguồn vốn góp đã được góp đủ năm 2016.

- Vốn vay: 38.000.000.000 đồng *(Ba mươi tám tỷ đồng)*, chiếm 38,78% tổng vốn đầu tư đăng ký, Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam dự kiến vay vốn từ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 06/11/2052 (Căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 226565 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 16/3/2005).

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ góp vốn: Theo báo cáo, đã góp đủ.

- Tiến độ huy động các nguồn vốn: Đối với phần vốn vay là 38.000.000.000 đồng, Công ty dự kiến vay từ Ngân hàng TMCP Quân đội, phù hợp với tiến độ triển khai thực hiện dự án.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành:

- Dự án đã đi vào hoạt động từ năm 2005.

- Tiến độ xây dựng, cải tạo nhà xưởng:

+ Thực hiện thủ tục pháp lý về đầu tư, xây dựng, thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, môi trường: Quý I/2025.

+ Xây dựng công trình: Từ Quý I/2025 đến Quý III/2025.

+ Thực hiện thủ tục pháp lý về nghiệm thu phòng cháy chữa cháy: Quý III/2025.

+ Thực hiện thủ tục về môi trường: Quý IV/2025.

- Mua sắm máy móc, thiết bị: Quý IV/2025.

- Đối với các mục tiêu "Thủy luyện Nickel, Đồng và các kim loại màu khác; Lọc và tái chế phế liệu và chất chứa Nickel, Đồng và các kim loại màu khác; Sản xuất kim loại màu - Hỏa luyện Nickel, đồng và các kim loại màu khác": Dự kiến thực hiện từ Quý I/2026.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

- Đối với các mục tiêu đăng ký bổ sung (Thủy luyện Nickel, Đồng và các kim loại màu khác; Lọc và tái chế phế liệu và chất chứa Nickel, Đồng và các kim loại màu khác; Sản xuất kim loại màu - Hỏa luyện Nickel, đồng và các kim loại màu khác): Nhà đầu tư phải thực hiện đánh giá và đề xuất các biện pháp giảm thiểu môi trường phù hợp, báo cáo cơ quan thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai thực hiện; đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Nhà đầu tư phải tự chịu trách nhiệm và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến nguồn vốn, tiến độ, hình thức góp vốn đầu tư; tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định và điều kiện (nếu có) theo quy định của pháp luật.

3. Một số quy định khác:

- Chế độ báo cáo: Nhà đầu tư phải chấp hành đầy đủ chế độ Báo cáo theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư; thực hiện chế độ báo cáo giám sát đầu tư theo quy định tại các Mục 8, 11, Điều 100 và Điều 101 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

- Phòng cháy và chữa cháy: Dự án chỉ được phép hoạt động sau khi công trình xây dựng được nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy. Trong quá trình hoạt động phải tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, tính xác thực đối với các thông tin, số liệu kê khai trong hồ sơ đăng ký đầu tư/điều chỉnh dự án đầu tư và địa điểm đăng ký đầu tư; đồng thời chấp hành đúng các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư, môi trường, quy hoạch xây dựng, quản lý sử dụng lao động và các quy định khác liên quan.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 8413630155 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 20/02/2025.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 *(hai)* bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Sở: Tài chính; Công Thương; Chi cục Thuế khu vực 1, Công an TP Hà Nội;
- UBND huyện Mê Linh;
- Trưởng ban (để b/c);
- Các phòng: HTĐT, XDMT, QLDN, KHTC;
- Lưu VT.

KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Lê Thanh Sơn

BẢN SA

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC
***
Số: [illegible]/QĐ-UB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 9 năm 2004

CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Về việc cấp đổi giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam"

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND các cấp ngày 26-11-2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26-11-2003;

Căn cứ Quyết định số 3167/QĐ-UB ngày 9-9-2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc đổi tên chủ đầu tư dự án xây dựng Nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường Galaxy tại khu công nghiệp Quang Minh - Vĩnh Phúc từ Công ty TNHH Viễn Đông II sang Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 529/TT-TNMT ngày 30-9-2004,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00114QSD Đ/4125/QĐ-UB của Công ty TNHH Viễn Đông II đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 8-6-2004.

2. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam tại khu công nghiệp Quang Minh - xã Quang Minh - huyện Mê Linh - tỉnh Vĩnh Phúc với nội dung sau:

+ Tổng diện tích sử dụng: 16.376,0m^2

+ Mục đích sử dụng: xây dựng cơ bản

+ Vị trí, ranh giới khu đất cho thuê, thời hạn thuê đất có nội dung như trong Quyết định số 4125/QĐ-UB ngày 6-11-2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Viễn Đông II trước khi ký hợp đồng thuê đất và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam.

2. Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam có trách nhiệm:

- Sử dụng đất đúng vị trí, ranh giới, mục đích.

- Ký lại hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại UBND xã Quang Minh để đăng ký vào sổ địa chính Nhà nước và nộp lệ phí theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của chủ sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Trưởng ban quản lý Các khu công nghiệp và [illegible] Mê Linh; Chủ tịch UBND xã Quang Minh, Giám đốc Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

CHỨNG THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày: 02-03-2017
Số CT.....941.....Quyển số..01...SCT/BS

Nơi nhận:
- CPCT, CPVP,
- Như điều 3,
- Lưu VT, ĐC.
(M-18b)

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
K/T. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hoà

P.CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Thu Hiền

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC

Số: 473 /QĐ-UB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 02 năm 2005.

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

V/v: Thu hồi một phần đất đã giao cho Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH Viễn Đông II) để giao đất cho Công ty cổ phần Vĩnh Tường thuê đất xây dựng Nhà máy sản xuất khung trần, tấm trần nội thất tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26-11-2003;

Căn cứ Luật đất đai ngày 26-11-2003;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UB Ngày 8-1-2002 của UBND tỉnh Vĩnh phúc về việc phê duyệt đồ án quy hoạch định hướng phát triển không gian thị tứ khu vực Quang Minh, huyện Mê linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ Quyết định số 4215/QĐ-UB ngày 06-11-2003, về việc thu hồi và giao đất cho Công ty TNHH Viễn Đông II; Quyết định số 3167/QĐ-UB ngày 09-09-2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc đổi tên chủ đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường tại KCN Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ văn bản số 31/HC-UB ngày 11-01-2005 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc chấp thuận cho đầu tư dự án xây dựng Nhà máy sản xuất khung trần, tấm trần nội thất tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc; Công ty cổ phần Vĩnh Tường làm chủ đầu tư.

Xét đề nghị tại Tờ trình số 11/TT-UB ngày 31-01-2005 của UBND huyện Mê Linh, Tờ trình số 37/TT-TN&MT ngày 01-02-2005 của Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thu hồi và giao đất cho thuê gồm các nội dung chính như sau:

Thu hồi 4.346m² đất phi nông nghiệp (đất XDCB) đã giao cho Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH Viễn Đông II; Quyết định số 4215/QĐ-UB ngày 06-11-2003, về việc thu hồi và giao đất).

Tại khu Công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc để giao cho Công ty Cổ phần Vĩnh Tường thuê đất xây dựng Nhà máy sản xuất khung trần, tấm trần nội thất.

Diện tích đất của Công ty cổ phần Galaxy còn lại sau khi thu hồi tại quyết định này là: 12.030m².

Vị trí, ranh giới khu đất thu hồi và giao được xác định theo đường chỉ giới DEGH; thể hiện trong trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000, có xác nhận của Công ty cổ phần Vĩnh Tường, Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam,UBND xã Quang Minh, UBND huyện Mê Linh, Sở Tài nguyên & Môi Trường; được UBND tỉnh phê duyệt kèm theo Quyết định này.

Thời gian thuê đất: 48năm;

Giá thuê đất theo Quy định hiện hành của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Công ty cổ phần Vĩnh Tường có trách nhiệm:

a. Bồi thường cho các Chủ sử dụng đất có đất bị thu hồi, theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp quy định của Nhà nước hiện hành.

b. Sử dụng đất đúng mục đích, vị trí, ranh giới được giao và chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về đất đai.

c. Ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường, đăng ký sử dụng đất để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

e. Lập báo cáo tác động môi trường, Sở Tài nguyên và môi trường thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Nhà nước hiện hành.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thu hồi và giao đất cho Công ty cổ phần Vĩnh Tường sau khi đã thực hiện xong các nội dung nêu tại điểm a mục 1 điều 2 Quyết định này; Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam có trách nhiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường để ký lại hợp đồng thuê đất, đăng ký quyền sử dụng đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công nghiệp; Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp và thu hút đầu tư tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mê Linh, Chủ tịch UBND xã Quang Minh, Giám đốc Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam, Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Tường và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

CHỨNG THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 02-03-2017
Số CT 915 Quyển số 01 SCT/BS

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- CPCT, CPVP;
- Lưu VT, NĐ;CN (22b.)

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hoà

P.CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Thu Hiền

BẢN SAO

Mẫu số 10a/ĐĐ

Số: 674 / HĐ-TĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------- & ----------

Vĩnh Phúc, ngày 09 tháng 3 năm 2005

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

- Căn cứ Luật đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

- Căn cứ Thông tư số 29/2004/TT-BTNMT ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính;

- Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-UB ngày 02 tháng 6 năm 2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc V/v phê duyệt giá cho thuê đất đối với các dự án sản xuất công nghiệp đầu tư trực tiếp vào các khu, cụm công nghiệp và trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

- Căn cứ Quyết định số 4215/QĐ-UB ngày 06/11/2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc V/v thu hồi và giao đất cho Công ty TNHH Viễn Đông II thuê đất xây dựng Nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Căn cứ Quyết định số 3167/QĐ-UB ngày 09/9/2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc V/v đổi tên Chủ đầu tư dự án xây dựng Nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường Galaxy tại khu công nghiệp Quang Minh từ Công ty TNHH Viễn Đông II sang Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 473/QĐ-UB ngày 21 tháng 02 năm 2005 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc V/v thu hồi một phần đất đã giao cho Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam để giao cho Công ty Cổ phần Vĩnh Tường thuê đất xây dựng Nhà máy sản xuất khung trần, tấm trần nội thất tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh,

Hôm nay, ngày 09 tháng 3 năm 2005 tại Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Phúc chúng tôi gồm:

I- Bên cho thuê đất là: UBND tỉnh Vĩnh Phúc

Do ông **NGUYỄN VĂN LỘC** - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Phúc làm đại diện.

II- Bên thuê đất là: Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam.

Trụ sở: Lô 48, khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh.

Số tài khoản:

Do ông **NGUYỄN THÀNH NAM** - Giám đốc Công ty làm đại diện

III- Hai Bên thoả thuận ký Hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1 : Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1-Diện tích đất **12.030,0** m^2 *(Mười hai nghìn không trăm ba mươi mét vuông)*

Vị trí: Tại khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh.

Để sử dụng vào mục đích: Xây dựng Nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường.

2- Vị trí khu đất được xác định theo Trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000, được UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt kèm theo Quyết định số 473/QĐ-UB ngày 21 tháng 02 năm 2005.

3- Thời hạn thuê đất: 49 (Bốn mươi chín) năm, kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2003 đến ngày 06 tháng 11 năm 2052.

4- Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 2: Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1- Giá tiền thuê đất là : **1.440,0** đ / m^2 / năm.

(Giá thuê đất sẽ được điều chỉnh lại khi UBND Tỉnh ban hành giá đất mới).

2- Tiền thuê đất tính từ ngày 06 / 11 / 2003 và nộp tại Kho bạc Vĩnh Phúc.

3- Số tiền nộp hàng năm: **17.323.200,0** *(Mười bảy triệu ba trăm hai mươi ba nghìn hai trăm đồng)*

4- Phương thức nộp tiền thuê đất: Nộp hàng năm.

Điều 3 : Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích đã ghi trong điều 1 của Hợp đồng này .

Điều 4 : Trách nhiệm của mỗi bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho Bên thứ ba (trừ trường hợp phải thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 Luật Đất đai).

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất không được chuyển quyền sử dụng đất thuê; trường hợp Bên thuê đất bị chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp mà hình thành pháp nhân mới hoặc bán tài sản gắn liền với đất thuê cho tổ chức, cá nhân khác thì pháp nhân mới hoặc tổ chức, cá nhân mua tài sản được tiếp tục thuê đất trong thời gian còn lại của hợp đồng này.

3. Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

- Do đề nghị của một Bên hoặc các Bên và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;

- Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

- Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 của Luật Đất đai.

Điều 5 : Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 6 : Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 7 :

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế để xác định mức thu tiền thuê đất, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Hợp đồng thuê đất số 626/HĐ-TĐ ngày 14 tháng 10 năm 2004./.

CHỨNG THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày: 02-03-2017
Số CT: 909 Quyển số: 01 SCT/BS

BÊN THUÊ ĐẤT		BÊN CHO THUÊ ĐẤT
(Ký tên, đóng dấu - nếu có)		*(Ký tên, đóng dấu)*
		GIÁM ĐỐC
		Nguyễn Văn Lợi
GIÁM ĐỐC		
Nguyễn		
		P.CHỦ TỊCH
		Nguyễn Thị Thu Hiền

GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số AB 226563

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

UỶ BAN NHÂN DÂN

TỈNH VĨNH PHÚC

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Công ty cổ phần GaLaXy Việt Nam
Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 1903000093
Do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 20-7-2004
Địa chỉ: Xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số : 644 2. Tờ bản đồ số: 23
3. Địa chỉ thửa đất: Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Tỉnh Vĩnh Phúc.
4. Diện tích 12030,0 m^2
   Bằng chữ Mười hai nghìn không trăm ba mươi mét vuông.
5. Hình thức sử dụng:
   + Sử dụng riêng: 12030,0 m^2
   + Sử dụng chung: Không m^2
6. Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh.
7. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 06 tháng 11 năm 2052.
8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

Thửa đất được trích đo Địa chính

V- Sơ đồ thửa đất

Tỷ lệ :

Ngày 16 tháng 3 năm 2005
TM. Uỷ ban nhân dân
(Ký tên, đóng dấu)

P.CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hòa

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00130 QSDĐ/4215/QĐ-UB
Ngày 06-11-2003

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
09/6/2007	Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với phòng giao dịch Quang Minh - Chi nhánh Ngân hàng đầu tư và phát triển Phúc Yên theo hợp đồng số quyển số 01/TP-CC-SCC/GDPS ký kết ngày 31/5/2007.	VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT T. VĨNH PHÚC GIÁM ĐỐC Phạm Quang Tráu

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.

3. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.

4. Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

BẢN SAO

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH VĨNH PHÚC
Số: 42 /TD-PCCC(......)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số .... ngày 10 / 10 / 2005

của Công ty cổ phần GALAXY Việt Nam.
Người đại diện là ông / bà: NGUYỄN THÀNH NAM Chức danh: ....

(1) CÔNG AN TỈNH VĨNH PHÚC

CHỨNG NHẬN:

(2) NHÀ MÁY SƠN GALAXY
Địa điểm: Khu Công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Vĩnh Phúc
Chủ đầu tư / chủ phương tiện: Công ty cổ phần Galaxy
Đơn vị lập dự án / thiết kế: Trung tâm kỹ thuật các công trình đặc biệt.

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

1. Giải pháp mặt bằng
2. Giải pháp công nghệ
3. Giải pháp về PCCC.

.... theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo:(3)

1) Thi công đúng thiết kế, lắp đặt trang bị đầy đủ các phương tiện.
2) Thực hiện đầy đủ các quy định về PCCC trong thi công, nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng

CHỨNG THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 02-03-2011
Số CT ...... Quyển số 01 ... SCT/BS

Vĩnh Phúc, ngày 16 tháng 11 năm 2005

(4) TL. GIÁM ĐỐC
K/T TRƯỞNG PHÒNG CS.PCCC
P. TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Văn Huệ

P.CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Thu Hiền

Nơi nhận
+ Cơ sở
+ Đ vị T kế
+ Lưu CAT CS PCCC

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.
(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.
(4) Chức danh người ký giấy

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1.	Công văn đề nghị thẩm định và các giấy tờ kèm.		
2.	Mặt bằng tổng thể		
3.	Các bản vẽ phần điện		
4	Các bản vẽ về PCCC.		

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1384/QĐ-CT	*Vĩnh Yên, ngày 29 tháng 4 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH

V/v việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh giai đoạn 2 của Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển hạ tầng Nam Đức

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26-11-2003;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 29-11-2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09-8-2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 08/TT- BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Tài nguyên & Môi trường, hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên & Môi trường tại Tờ trình số 266/TT-HĐTĐ ngày 23-4-2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) - Dự án đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh giai đoạn 2 của Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển hạ tầng Nam Đức.

(Có nội dung báo cáo ĐTM chi tiết kèm theo quyết định này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh giai đoạn 2 của Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển hạ tầng Nam Đức là cơ sở để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường của đơn vị trong quá trình xây dựng và hoạt động sau này.

2. Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển hạ tầng Nam Đức chịu trách nhiệm:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã trình bày trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại điều 1.
- Tổ chức thực hiện kiểm soát ô nhiễm môi trường, số liệu kiểm soát phải được cập nhật thường xuyên, lưu trữ và định kỳ báo cáo về Sở Tài nguyên & Môi trường theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường .

- Mọi thay đổi so với nội dung đã phê duyệt tại quyết định này phải được Sở Tài nguyên &Môi trường cùng các cơ quan chức năng của tỉnh cho phép trước khi tổ chức thực hiện.

3. Giao cho Sở Tài nguyên & Môi trường, phối hợp với các Ngành liên quan tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra giám sát và đôn đốc thực hiện quyết định này. Đồng thời chịu tác nhiệm trước UBND tỉnh nếu để xảy ra tình trạng ô nhiễm và sự cố môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở: TN&MT, Xây dựng, Công nghiệp, Y tế, Khoa học & Công nghệ, Chủ tịch UBND huyện Mê Linh; Chủ tịch UBND Quang Minh ; Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển hạ tầng Nam Đức, các Thành viên Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- CPCT,CPVP;
- Như điều 3;
- CV: NN1,NN2:
- Lưu VT(K- 20b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phùng Quang Hùng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
NGÀY: 02 -06- 2009
SỐ CT: 5676 QUYỂN 02 TPX/CT - SCT

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2025

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 403 /GPXD

I. Cấp cho: Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam; Mã số doanh nghiệp: 2500230333.

Địa chỉ: Lô 48, khu công nghiệp Quang Minh I, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

II. Được phép xây dựng các công trình: Nhà xưởng điện phân số 5, Nhà xưởng điện phân số 1, thuộc "Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường".

1. Theo thiết kế: Bản vẽ thiết kế thi công.

2. Do Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hải Hà Việt Nam lập, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HAN-00076881, do Sở Xây dựng Hà Nội cấp ngày 23/10/2023. Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: ông Nguyễn Việt Cường, chứng chỉ hành nghề kiến trúc số HAD-00096701; ông Lê Văn Định, chứng chỉ hành nghề hạng mục kết cấu số HAD-00101696; ông Nguyễn Quang Đinh, chứng chỉ hành nghề thiết kế hạng mục cơ điện số HNT-00149841; ông Nguyễn Văn Phước, chứng chỉ hành nghề thiết kế cấp-thoát nước số HNT-00155456.

3. Đơn vị thẩm tra thiết kế: Công ty TNHH thương mại xây dựng A&T Việt Nam, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HCM-00080373, do Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2024. Chủ trì: ông Nguyễn Việt Cường, chứng chỉ hành nghề kiến trúc công trình số HAD-00096701; ông Lê Ngọc Anh, chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu công trình số HAN-00088884; ông Lê Quang Thành, chứng chỉ hành nghề thiết kế cấp thoát nước số HNT-00143042; ông Phạm Mạnh Hùng, chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ-điện công trình số HNT-00155457.

4. Loại cấp công trình: Công trình cấp III.

5.Gồm các nội dung sau:

- Vị trí xây dựng lô đất: Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh I, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

- Mật độ xây dựng: 55,89 %; Hệ số sử dụng đất: 0,56 lần

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng định vị công trình, TMB-02, được Chủ đầu tư xác nhận và phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng của Khu công nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Mầu sắc công trình: Phải hài hòa với các công trình hiện có và phù hợp với cảnh quan kiến trúc chung của khu công nghiệp.

- Khoảng lùi: Theo mặt bằng định vị công trình, TMB-02, được Chủ đầu tư xác nhận và phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng của Khu công nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5.1. Nhà xưởng số 5 (Ký hiệu số 01):

- Diện tích xây dựng là: 1.232,64m^2.
- Tổng diện tích sàn xây dựng là: 1.232,64m^2.
- Chiều cao công trình là 9,1 (từ cốt sân đường đến đỉnh mái).
- Quy mô: 1 tầng.

5.2. Nhà xưởng số 1 (Ký hiệu 7):

- Diện tích xây dựng là: 596m^2.
- Tổng diện tích sàn xây dựng là: 596m^2.
- Chiều cao công trình là 7,7m (từ cốt sân đường đến đỉnh cao nhất của mái).
- Quy mô: 1 tầng.

5.3 Các hạng mục khác: Nhà bảo vệ và nhà chờ lái xe:

- Diện tích xây dựng: 120,72m^2.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 120,72m^2
- Chiều cao công trình 3,5m (từ cốt sân đường đến đỉnh mái).
- Số tầng: 01 tầng.

5.4. Trạm điện:

- Diện tích xây dựng: 11,23m^2.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 11,23m^2.

5.5. Phòng bơm chữa cháy (ký hiệu PB):

- Diện tích xây dựng: 10,5m^2.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 10,5m^2.
- Chiều cao công trình 3,8m (từ cốt sân đường đến đỉnh mái).
- Số tầng: 01 tầng.

III. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 226565 ngày 16/3/2005 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc;

IV. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:
- UBND huyện Mê Linh;
- Công ty TNHH ĐT&PT hạ tầng Nam Đức;
- Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam;
- Trưởng Ban; (để báo cáo)
- Lưu: VT, QLQHXD (Toàn).

KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Hoài Nam

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

6. Trong quá trình thi công xây dựng và trước khi đưa công trình vào sử dụng phải thực hiện đúng, đầy đủ các quy định hiện hành về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

.....

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: .....

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

Số: 404 /TB - BQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v nộp lệ phí cấp Giấy phép xây dựng công trình Nhà xưởng số 5, Nhà xưởng số 1, thuộc "Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường"của Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam, tại Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh I, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh

Căn cứ Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của hội đồng nhân dân Thành phố.

Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Ban Quản lý) thông báo lệ phí cấp Giấy phép xây dựng công trình Nhà xưởng số 5, Nhà xưởng số 1 thuộc "Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường" của Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam, tại Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh I, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội, kèm theo kèm theo Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công do Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hải Hà Việt Nam lập, được Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam xác nhận, cụ thể như sau:

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam.

1. Lệ phí cấp phép xây dựng: 150.000đ/1 giấy.

2. Thông tin nộp lệ phí cấp phép xây dựng vào tài khoản sau:

- Tên chủ tài khoản: Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.
- Số tài khoản: 2200222208888 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hà Tây.

Ban Quản lý thông báo để Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam biết và thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:
- Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam; (để thực hiện)
- Đ/c Trưởng ban (để báo cáo);
- Bộ phận TCKT; (để theo dõi)
- Lưu VT, QLQHXD (Toàn).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Hoài Nam

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC *** Số: 3250 /QĐ-CT	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc *Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 9 năm 2004*

QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH UBNDTỈNH VĨNH PHÚC

"Về việc:Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường nhãn hiệu Galaxy của Công ty TNHH Viễn Đông II."

CHỦ TỊCH UBND TỈNH VĨNH PHÚC

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26-11-2003;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27 tháng 12 năm 1993;
- Căn cứ Nghị định số 175/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 1994 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên & Môi Trường, tại Tờ trình số 378/TT-TT&MT ngày 12-8-2004, có kèm theo biên bản của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất sơ nước và bột bả tường nhãn hiệu GALAXY của Công ty TNHH Viễn Đông II, đã được Hội đồng thẩm định nhất trí thông qua.

Điều 2:

a) Báo cáo đánh giá tác động môi trường này của Nhà máy sản xuất sơ nước và bột bả tường nhãn hiệu GALAXY của Công ty TNHH Viễn Đông II, là cơ sở để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra, giám sát và quản lý công tác bảo vệ môi trường của Công ty.

b) Giám đốc Công ty TNHH Viễn Đông II chịu trách nhiệm:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã trình bày trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các nội dung tại điều 1 của Quyết định này.
- Thường xuyên tăng cường các biện pháp làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
- Các số liệu giám sát môi trường phải được cập nhật, lưu trữ và báo cáo định kỳ (6 tháng/lần) theo đúng quy định.
- Mọi thay đổi so với nội dung đã phê duyệt tại quyết định này phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép trước khi tổ chức thực hiện.

c) Giao Sở Tài nguyên & Môi Trường phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện quyết định này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ông Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên&Môi trường, Sở Xây dựng, Chủ tịch UBND thị xã Phúc Yên, Giám đốc Công ty TNHH Viễn Đông II, các thành viên Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tỉnh Vĩnh Phúc và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:
- CPCT, CPVP,
- Như điều 3,
- Lưu VT, VX.
(T-15b)

KT. CHỦ TỊCH UBND TỈNH VĨNH PHÚC

PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Trường Kỳ

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
NGÀY: 15-07-2010
SỐ CT: 11590 QUYỂN: 06

PHÓ CHỦ TỊCH

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2009

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 01.000179.T

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: **Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam**
Địa chỉ văn phòng: Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
Điện thoại: 04.38182050 Fax: 04.38182048
Tài khoản số: 42710000001492
Tại: Ngân hàng đầu tư và phát triển Phúc Yên
Giấy đăng ký kinh doanh số: 0103028833
Cấp lại lần 3 ngày: 17/12/2008
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
Tên cơ sở phát sinh CTNH: **Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam**
Loại hình cơ sở: Công ty Cổ phần
Địa chỉ cơ sở: Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh. Hà Nội.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải đã đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội danh sách chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở và Danh sách chất thải khác phát sinh tại cơ sở (phụ lục kèm theo gồm 01 trang).

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường.
2. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật Bảo vệ môi trường và các qui định liên quan.
3. Thực hiện đúng trách nhiệm qui định tại Mục 1 Phần IV của Thông tư số: 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Thời hạn và hiệu lực:

Sổ đăng ký này có hiệu lực đến khi cần điều chỉnh trong các trường hợp sau:
- Thay đổi, bổ sung về chủng loại hoặc tăng từ 15% trở lên so với số lượng CTNH đã đăng ký.
- Thay đổi một trong các thông tin về địa điểm cơ sở hoặc chủ nguồn thải.

Khi chấm dứt hoạt động phải thông báo bằng văn bản và nộp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đăng Bình

PHỤ LỤC

(kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 01.000179.T
do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 8 tháng 02 năm 2009)

1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại cơ sở:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg)	Mã CTNH
1	Thùng chứa hóa chất các loại	Rắn	700	18 01 01
2	Vỏ bao các loại PVC, PP	Rắn	500	18 01 01
3	Giẻ lau, giấy dính hoá chất, thành phần nguy hại khác	Rắn	100	18 02 01
4	Bùn thải có nhiễm sơn, cặn sơn sau xử lý nước thải sản xuất	Bùn	200	08 01 02
	Tổng số lượng		**1.500**	

2. Danh sách chất thải khác đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại cơ sở:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg)
1	Rác thải sinh hoạt	Rắn	500
2	Bột bụi (cát, đá, xi măng)	Rắn	500

3. Bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải CTNH:

Danh sách các hồ sơ, giấy tờ trong bộ hồ sơ đăng ký:

- Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Quyết định đổi tên chủ đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường Galaxy.

Liên hệ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ - Chi cục bảo vệ Môi trường Hà Nội để nhận bản in Chứng từ CTNH.

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /GXN-CCMT	*Hà Nội, ngày tháng 1 năm 201*

GIẤY XÁC NHẬN

Hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường nhãn hiệu Galaxy"
Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 36/2010/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 của UBND Thành phố Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày [illegible]/6/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc uỷ quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; quyết định thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung; giấy xác nhận việc thực hiện nội dung của báo cáo và yêu cầu tại quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung;

Căn cứ kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường nhãn hiệu Galaxy" thực hiện vào ngày 27 tháng 10 năm 2011;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 1154/TTr-CCMT ngày 2[illegible] tháng 12 năm 2011 về việc xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường nhãn hiệu Galaxy"

XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất sơn nước và bột bả tường nhãn hiệu Galaxy" như sau:

- Chấp thuận cho Công ty điều chỉnh biện pháp xử lý nước thải đã phê duyệt tại báo cáo đánh giá tác động từ hệ thống lắng cát và bể lọc than hoạt tính sang

phương pháp tái sử dụng nước thải sản xuất hoàn toàn để giảm thiểu tác động của quá trình sản xuất đến môi trường. Công ty đã trám lấp toàn bộ đường dẫn nước trong xưởng sản xuất ra hệ thống thoát nước chung của nhà máy.

- Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất thiết kế 200m^3/ngày đêm. Các chỉ tiêu phân tích trong mẫu nước thải sinh hoạt sau xử lý đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B) trước khi xả vào cống thải chung của khu công nghiệp.

- Công ty đã xây dựng mạng lưới thu gom nước mưa cho toàn bộ nhà máy.

- Công ty đã được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 270/GP-UBND ngày 28/01/2008 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Thời hạn của giấy phép là 05 năm kể từ ngày ký giấy phép.

- Công ty đã ký hợp đồng sử dụng nước sạch với Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO – Nhà máy nước Quang Minh IDO-URBIZ và trám lấp giếng khoan theo quy trình của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

- Chất thải nguy hại đã được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại. Công ty đã được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 01.000179.T ngày 27/02/2009 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp.

- Công ty đã ký hợp đồng vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt với Xí nghiệp Môi trường Đô thị Đông Anh. Chất thải rắn thông thường được thu gom và xử lý theo đúng Quy định tại Nghị định 59/2007/NĐ-CP ngày 09/04/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn, Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của UBND Thành phố Hà Nội quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn Thành phố Hà Nội và Quyết định số 56/2010/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung Điều 13 của Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND.

- Công ty đã lắp đặt hệ thống thiết bị xử lý khí thải theo phương pháp lọc bụi túi vải tại dây chuyền sản xuất bột bả và dây chuyền sản xuất sơn.

- Công ty đã tiến hành quan trắc môi trường định kỳ theo đúng yêu cầu của báo cáo Đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Công ty đã bố trí 05 công nhân chuyên trách quét dọn làm vệ sinh môi trường.

- Trang bị các phương tiện an toàn lao động, bảo hộ lao động cho công nhân.

- Lắp đặt biển báo, nội quy vận hành thiết bị, an toàn thiết bị và con người.

- Các biện pháp phòng chống cháy nổ và sự cố môi trường.

- Trồng cây xanh trong khu vực nhà máy.

Điều 2. Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam và đơn vị tiếp nhận chuyển giao quản lý vận hành Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây trong giai đoạn tiếp theo của Dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALA VIỆT NA

1. Tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đã nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này, đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của pháp luật hiện hành.

2. Vận hành các công trình xử lý chất thải đã được nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này theo đúng thiết kế, đảm bảo các quy trình, quy phạm kỹ thuật.

3. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường có liên quan của pháp luật hiện hành.

4. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành Dự án và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam (để t.hiện);
- UBND Thành phố (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- PGĐ Sở Phạm Văn Khánh;
- Lưu: VP, CCMT(2);

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 46 /QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: "Mở rộng quy mô sản xuất Nhà máy sản xuất sơn và bột bả tường giai đoạn 2"
Địa điểm: Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Chủ dự án: Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: "Mở rộng quy mô sản xuất Nhà máy sản xuất sơn và bột bả tường giai đoạn 2" tại Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, họp ngày 13/10/2017;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: "Mở rộng quy mô sản xuất Nhà máy sản xuất sơn và bột bả tường giai đoạn 2" đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản giải trình nội dung bổ sung, chỉnh sửa số 1812/CV ngày 18/12/2017 của Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 11122/TTr-STNMT-CCBVMT ngày 25 /12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Mở rộng quy mô sản xuất Nhà máy sản xuất sơn và bột bả tường giai đoạn 2" tại Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

Công suất thiết kế:

- Sơn nước: 15.000 tấn sản phẩm/năm;

- Bột bả tường: 10.000 tấn sản phẩm/năm;

- Sơn dầu: 10.000 tấn sản phẩm/năm.

(Chi tiết được mô tả cụ thể trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kèm theo Quyết định này, báo cáo dự án đầu tư và Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của Dự án).

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án:

a) Quá trình thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị máy móc phải thực hiện đúng quy định tại Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội; các biện pháp giảm bụi theo quy định tại Quyết định số 02/2005/QĐ-UB ngày 10/01/2005 của UBND Thành phố và Quyết định số 241/2005/QĐ-UB ngày 30/12/2005 của UBND Thành phố về việc sửa đổi một số điều quy định về việc thực hiện các biện pháp làm giảm bụi trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố. Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05:2013/BTNMT về chất lượng không khí xung quanh.

b) Tiếng ồn và độ rung trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 – Khu vực thông thường) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

c) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội.

d) Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công và vận hành Dự án phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

đ) Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải được thu gom và xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định đầu vào của Khu công nghiệp Quang Minh theo điều kiện ghi trong văn bản thỏa thuận với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức trước khi đấu

nối vào hệ thống thu gom của Khu công nghiệp Quang Minh để tiếp tục xử lý tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quang Minh.

e) Xây dựng và vận hành hệ thống xử lý khí thải đảm bảo chất lượng khí thải sau hệ thống đạt QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất thải hữu cơ và QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

3. Các điều kiện kèm theo đối với Chủ dự án:

a) Phối hợp với các cơ quan chức năng đưa ra các giải pháp kỹ thuật phù hợp nhằm ngăn chặn và giảm thiểu sự cố ngập lụt trong giai đoạn hoạt động của dự án; lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường khác phát sinh trong quá trình lắp đặt thiết bị máy móc và vận hành dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Thực hiện, áp dụng triệt để các biện pháp nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực, xử lý các nguồn thải phát sinh có khả năng gây ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ sở xung quanh khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

c) Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kết quả giám sát môi trường định kỳ phải được cập nhật, lưu giữ tại đơn vị; gửi 01 bộ đến Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 01 bộ gửi đến Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội để kiểm tra, giám sát và thông báo kết quả quan trắc cho Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh.

d) Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

đ) Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

4. Lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án trên cơ sở báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các văn bản đề nghị điều chỉnh đã được chấp thuận (nếu có); gửi Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để tiến hành kiểm tra, xem xét cấp giấy xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án đi vào vận hành chính thức theo quy định Khoản 6 Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015; thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của Chủ dự án; kiểm tra, giám sát các nội dung thay đổi về các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, chương trình giám sát môi trường và các nội dung khác trong quá trình thực hiện Dự án.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan; Chủ tịch UBND huyện Mê Linh; Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; Giám đốc Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- PCT UBND TP Nguyễn Thế Hùng;
- VPUBTP: PCVP Phạm Văn Chiến, các phòng: TH, ĐT, TKBT;
- Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội;
- Lưu: VT, $ĐT_{Tr}$.

MSHS: 52036.CCMT

3893 - 19

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 601/2024/HĐ-XLNT

Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức, chúng tôi gồm các bên sau đây:

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ:

CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM

Địa chỉ	:	Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại	:	024 38182046
Mã số thuế	:	2500230333
Đại diện	:	*(Ông)***Nguyễn Bình Đức**
Chức vụ	:	Tổng giám đốc
		(Theo Giấy ủy quyền ngày 1/4/2024)

*(Sau đây gọi tắt là "**Bên A**")*

Và

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Địa chỉ	:	Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	:	024 3586 0478
Email	:	bqlkcnquangminh@tnsholdings.com.vn
Mã số thuế	:	2500222438
Tài khoản số	:	034 0101 0005862 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Long Biên
Đại diện	:	*(Ông)* **Nguyễn Khắc Sơn**
Chức vụ	:	Giám đốc

*(Sau đây gọi tắt là "**Bên B**")*

Bên A và Bên B trong Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải này được gọi chung là "***Hai Bên***", "***Các Bên***" và gọi riêng là "***Bên***" tùy theo ngữ cảnh.

XÉT RẰNG:

1. *Bên A là pháp nhân được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam và hiện là Nhà đầu tư thực hiện dự án tại Khu công nghiệp Quang Minh. Bên A có nhu cầu sử dụng dịch vụ thu gom, xử lý nước thải của Bên B.*
2. *Bên B là Chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh, có địa chỉ tại huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội. Bên B đáp ứng đầy đủ điều*

kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện việc thu gom, xử lý nước thải phát sinh trong quá trình Bên A thực hiện dự án đầu tư tại Khu công nghiệp Quang Minh.

NAY, VÌ VẬY, Hai Bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải này với những điều kiện và điều khoản như sau:

PHẦN I: CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Hợp Đồng**: là Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải này và toàn bộ các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung đính kèm được Hai Bên ký kết trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này.
2. **KCN**: là Khu công nghiệp Quang Minh, có địa chỉ tại thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.
3. **Hệ Thống XLNT:** là hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của toàn KCN.
4. **Điểm Đấu Nối:** là vị trí hố ga mà tại đó đường ống thoát nước thải của Bên A được nối vào Hệ Thống XLNT.
5. **Bên Thứ Ba**: là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào không tham gia ký kết Hợp Đồng này.
6. **Ngày**: là ngày dương lịch.
7. **Ngày Làm Việc**: là các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, không bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ, ngày lễ, ngày Tết theo quy định của pháp luật.
8. **Pháp Luật**: Được hiểu là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
9. **Cơ Quan Có Thẩm Quyền**: Được hiểu là một và/hoặc một số cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép, phê duyệt, chấp thuận, xác nhận hoặc ban hành các giấy tờ khác có liên quan và/hoặc có thẩm quyền phê duyệt đến phạm vi công việc theo Hợp Đồng.

PHẦN II: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 1. NỘI DUNG DỊCH VỤ

1.1. Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải đáp ứng yêu cầu về chất lượng quy định tại điểm a Điều 3.2 Hợp Đồng này do Bên A xả vào Hệ Thống XLNT, đảm bảo chất lượng nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định của Pháp Luật để xả thải vào nguồn nước tiếp nhận (sau đây gọi tắt là "***Dịch Vụ***").

1.2. Các Bên đồng ý rằng Bên B chỉ cung cấp Dịch Vụ đối với lượng nước thải phát sinh từ nhà máy sản xuất *("**Dự Án**")* của Bên A trong phạm vi KCN. Bên B sẽ không thực hiện việc thu gom, xử lý nước thải mà Bên A xả thải ra ngoài phạm vi KCN hoặc không xả thải vào Hệ Thống XLNT.

1.3. Các Bên đồng ý thời hạn Hợp Đồng này bắt đầu kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2023 đến hết ngày 15 tháng 12 năm 2027 ("***Thời Hạn Hợp Đồng***"). Thời Hạn Hợp Đồng được gia hạn theo thỏa thuận của Các Bên, đảm bảo phù hợp với thời hạn Dự Án của Bên A và/hoặc quyết định của Cơ Quan Có Thẩm Quyền.

ĐIỀU 2. ĐIỂM ĐẤU NỐI NƯỚC THẢI

2.1. Vị trí Điểm Đấu Nối sẽ do Bên B chỉ định theo thiết kế kỹ thuật để đảm bảo Hệ Thống XLNT vận hành an toàn và ổn định. Bên A có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu, hướng dẫn của Bên B liên quan đến việc đấu nối nước thải từ hệ thống thu gom xử lý nước thải riêng của Bên A tới Hệ Thống XLNT.

2.2. Để làm rõ, toàn bộ chi phí liên quan tới việc đấu nối, bao gồm nhưng không giới hạn chi phí đầu tư công trình xử lý nước thải sơ bộ của Bên A, tuyến ống thu gom và hạng mục, phụ kiện, phụ trợ khác sử dụng để vận chuyển nước thải từ nơi phát sinh đến Điểm Đấu Nối sẽ do Bên A tự chịu trách nhiệm thực hiện và chi trả.

ĐIỀU 3. KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CỦA BÊN A XẢ VÀO HỆ THỐNG XLNT

3.1. Khối lượng nước thải:

Khối lượng nước thải: Khối lượng nước thải thu phí được tính bằng 80% khối lượng sạch mà Bên A sử dụng theo hóa đơn tiền nước của Bên A cho mục đích sinh hoạt và sản xuất.

Trường hợp Bên A chỉ có nước thải sinh hoạt và dùng nước sạch tập trung thì lượng nước thải tính phí bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ. Trường hợp không dùng nước sạch tập trung thì Bên A phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải. Khi đó, khối lượng nước thải để tính Phí Dịch Vụ sẽ căn cứ theo chỉ số đồng hồ đo nước thải.

3.2. Chất lượng nước thải:

a. Nước thải của Bên A chỉ được xả vào Hệ Thống XLNT khi Bên A đã tự xử lý sơ bộ và đảm bảo các điều kiện ***("Chỉ Tiêu")*** sau:

- Các thông số ô nhiễm trong nước thải có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng giá trị C tại cột B của Bảng 1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT - Về nước thải công nghiệp (chi tiết trong Phụ lục 01 kèm theo Hợp Đồng này);
- Chỉ số COD≤150 mg/l;
- Phù hợp với Báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Giấy phép môi trường) Dự Án của Bên A tại KCN đã được Cơ Quan Có Thẩm Quyền phê duyệt.

b. Bên B có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên A tại bất kỳ thời điểm nào. Đồng thời, Bên A có nghĩa vụ cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường, Bản cam kết bảo vệ môi trường/Báo cáo đánh giá tác động môi trường/ hoặc Giấy phép môi trường đã được Cơ Quan Có Thẩm Quyền cấp cho Bên A để Bên B kiểm tra khi Bên B yêu cầu.

c. Trường hợp Bên B nghi ngờ Bên A xả nước thải vượt quá Chỉ Tiêu cho phép quy định tại điểm a Điều khoản này, Bên B có quyền lấy mẫu nước thải của Bên A tại bất kỳ thời điểm nào để xác định chính xác chất lượng nước thải của Bên A. Việc lấy mẫu nước thải được lập thành biên bản có chữ ký xác nhận của Các Bên và kết quả được lấy làm cơ sở tính Phí Dịch Vụ theo quy định tại Điều 4 Hợp Đồng này.

Trường hợp Bên A không hợp tác trong việc lấy mẫu nước thải, Bên B được quyền tự mình thực hiện việc lấy mẫu hoặc lấy mẫu với sự chứng kiến của Bên Thứ Ba do Bên B

lựa chọn. Kết quả kiểm định, quan trắc, thí nghiệm nước thải do Bên B thực hiện trong trường hợp này được coi là kết quả chính thức và là căn cứ để xác định Phí Dịch Vụ áp dụng đối với Bên A tại Điều 4 Hợp Đồng này.

ĐIỀU 4. PHÍ DỊCH VỤ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Đơn giá Dịch Vụ

a. Đơn giá Dịch Vụ được xác định là: 14.300 đồng/m^3.

Từ kỳ nước tháng 1/2026 đơn giá dịch vụ xử lý nước thải là 15.500 đồng/m^3.

b. **Cơ sở xác định Đơn giá Dịch Vụ:**

Đơn giá Dịch Vụ được xác định dựa trên chỉ tiêu COD (hàm lượng các chất gây ô nhiễm trong nước thải) của nước thải đầu ra của Bên A.

Căn cứ ban đầu để xác định chất lượng nước thải đầu ra của Bên A áp dụng cho việc tính Đơn giá Dịch Vụ là (i) Phiếu kết quả phân tích nước thải trong báo cáo kết quả quan trắc môi trường mới nhất của Bên A; hoặc (ii) Cam kết chỉ tiêu COD đầu ra của Bên A trong trường hợp nước thải đầu ra của Bên A có giá trị các thông số ô nhiễm nhỏ hơn hoặc bằng giá trị C tại cột B của Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; hoặc (iii) Chất lượng nước thải quy định tại Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Giấy phép môi trường hoặc văn bản khác có giá trị tương đương do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

c. **Điều chỉnh Đơn giá Dịch Vụ:** Bên B được quyền điều chỉnh tăng Đơn giá Dịch Vụ căn cứ vào biến động giá cả thị trường (bao gồm nhưng không giới hạn điện, nước, hoá chất, tiền lương, chính sách tiền tệ của Nhà nước, ...), với mỗi lần điều chỉnh tăng không quá 15% Đơn giá Dịch vụ kỳ trước liền kề. Khi điều chỉnh Đơn giá Dịch Vụ Bên B sẽ thông báo cho Bên A trong thời hạn 15 ngày trước ngày bắt đầu áp dụng Đơn giá Dịch Vụ điều chỉnh. Đơn giá Dịch Vụ được điều chỉnh định kỳ 02 năm môt lần.

4.2. Phí Dịch Vụ trong trường hợp nước thải đảm bảo Chỉ Tiêu

Trường hợp nước thải của Bên A xả vào hệ thống thu gom của KCN đảm bảo Chỉ Tiêu nêu tại điểm a Điều 3.2 Hợp Đồng này, Phí Dịch Vụ hàng tháng được tính căn cứ vào Đơn giá Dịch Vụ và khối lượng nước thải trong tháng đó xác định theo Điều 3.1 Hợp Đồng này, được tính theo công thức dưới đây:

[Phí Dịch Vụ hàng tháng] = (bằng) [Đơn giá Dịch Vụ] x (nhân với) [Khối lượng nước thải phát sinh trong tháng]

4.3. Phí Dịch Vụ trong các trường hợp nước thải vượt Chỉ Tiêu:

a. Trong quá trình Bên B kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện nghi vấn về chất lượng nước thải đầu ra của Bên A, thì Bên B sẽ lập biên bản lấy mẫu nước thải, gửi thông báo kết quả mẫu nước cho Bên A. Trường hợp nước thải của Bên A xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt cao hơn Chỉ Tiêu nêu tại điểm a Điều 3.2 Hợp Đồng này thì Bên A chịu trách nhiệm thanh toán như sau:

Đối với nước thải đầu ra của Bên A có các thông số ô nhiễm vượt cao hơn giá trị C tại cột B của Bảng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT Phụ lục 01 và/hoặc có chỉ số COD ở mức 150mg/l<COD≤400mg/l thì Bên A phải thanh toán chi phí phân

tích mẫu nước thải, Phí Dịch Vụ xử lý nước thải trong tháng Bên B lấy mẫu nước thải, được tính theo công thức dưới đây:

[GTtk] = [Đơn giá Dịch Vụ] x K x [Qtk]
Trong đó:
[GTtk] - là Phí Dịch Vụ và chi phí phân tích mẫu nước thải.
[Qtk] - là khối lượng nước thải phát sinh trong kỳ lấy mẫu nước thải để phân tích.
K - là hệ số điều chỉnh được quy định tại Thông tư 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng, hệ số K tại công thức trên có giá trị tối thiểu = 2 và sẽ được Bên B xác định giá trị cụ thể.

b. Trong các trường hợp nêu trên, Bên A đồng thời phải trả thêm phí xử lý nước thải bổ sung bằng 50% tổng số tiền Phí Dịch Vụ của tháng đó trong thời hạn Bên B yêu cầu.

4.4. Phí Dịch Vụ tại Khoản 4.2 và Khoản 4.3 Điều này chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng (thuế VAT). Bên A có trách nhiệm thanh toán tiền thuế VAT theo đúng quy định của pháp luật trong từng kỳ thanh toán tương ứng với số tiền Phí Dịch Vụ.

4.5. Phương thức thanh toán

a. Bên A sẽ thanh toán Phí Dịch Vụ và/hoặc bất kỳ nghĩa vụ tài chính khác đến hạn bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của Bên B tại phần đầu Hợp Đồng này hoặc vào một tài khoản khác do Bên B chỉ định bằng văn bản (nếu có) hoặc thanh toán bằng tiền mặt tại Văn phòng của Bên B.

b. Phí Dịch Vụ sẽ được Bên A thanh toán theo định kỳ một tháng một lần. Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày Bên A nhận được thông báo Phí Dịch Vụ trong tháng do Bên B phát hành, Bên A có trách nhiệm thanh toán Phí Dịch Vụ của tháng đó cho Bên B.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

5.1. Được sử dụng Dịch Vụ theo đúng quy định tại Hợp Đồng này;

5.2. Có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn Phí Dịch Vụ theo quy định tại Điều 4 của Hợp Đồng này;

5.3. Có trách nhiệm lấy mẫu nước thải và chịu chi phí kiểm định/quan trắc khi cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Hợp Đồng này; tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nước thải của Bên A.

5.4. Thông báo ngay cho Bên B bằng văn bản trong các trường hợp: Thay đổi chất lượng nước thải, thay đổi công nghệ sản xuất, tăng công suất nhà máy…

5.5. Cung cấp cho Bên B sơ đồ hệ thống thoát nước (gồm cả nước mưa và nước thải) trong nội bộ nhà máy và/hoặc công trình xây dựng khác của Bên A để Bên B kiểm tra giám sát. Bên A có trách nhiệm xây dựng tách biệt hệ thống thoát nước mưa với hệ thống thoát nước thải và không được để Bên Thứ Ba đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Bên A.

5.6. Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, quy định của KCN, quy định của Hợp Đồng này về chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, về công tác bảo vệ môi trường, việc đấu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước thải chung, sử dụng hạ tầng KCN và các quy định khác có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ

xử lý nước thải.

5.7. Chỉ xả nước thải vào vị trí theo chỉ định của Bên B. Trường hợp Bên A xả nước thải vào các vị trí khác ngoài vị trí do Bên B chỉ định thì Bên A được coi là vi phạm Hợp Đồng. Bên B không chịu bất kỳ trách nhiệm nào phát sinh từ hành vi vi phạm của Bên A.

5.8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

6.1. Bảo đảm duy trì các giấy phép cần thiết để thực hiện Dịch Vụ theo quy định của Pháp Luật.

6.2. Bảo đảm khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng Dịch Vụ cho Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này.

6.3. Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của Pháp Luật, quy định của KCN về công tác bảo vệ môi trường, về việc quản lý, vận hành, khai thác Hệ Thống XLNT.

6.4. Yêu cầu Bên A thanh toán Phí Dịch Vụ đầy đủ và đúng hạn. Đối với các khoản thanh toán theo quy định tại Hợp Đồng này mà chưa quy định thời hạn thanh toán, Bên A sẽ thanh toán trong thời hạn theo thông báo của Bên B.

6.5. Bên B có quyền kiểm tra giám sát hoạt động xả thải nước thải của Bên A vào Hệ Thống XLNT và yêu cầu Bên A xả nước thải đảm bảo Chỉ Tiêu vào hệ Thống XLNT của KCN.

6.6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 7. CÁC TRƯỜNG HỢP TẠM NGỪNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

7.1. Quyền tạm ngừng cung cấp Dịch Vụ của Bên B

Bên B có quyền tạm ngừng cung cấp Dịch Vụ khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Trường hợp nước thải của Bên A không đáp ứng được các Chỉ Tiêu quy định tại điểm a Điều 3.2 Hợp Đồng này, Bên B sẽ có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu Bên A chấm dứt, khắc phục vi phạm trong thời hạn tối đa 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo. Nếu quá thời hạn này Bên A không chấm dứt vi phạm và/hoặc hoàn thành việc khắc phục vi phạm để nước thải của Bên A đảm bảo đúng Chỉ Tiêu thì Bên B được quyền tạm ngừng cung cấp nước sạch và Dịch Vụ cho Bên A.

b. Bên A không thanh toán đầy đủ và/hoặc đúng hạn chi phí phân tích mẫu nước thải, Phí Dịch Vụ, phí xử lý nước thải bổ sung hoặc bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác trong thời hạn quy định tại Hợp Đồng này.

c. Bên B tiến hành sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom và bảo hành, bảo dưỡng Hệ Thống XLNT. Trường hợp này, Bên B sẽ có văn bản thông báo cho Bên A biết lý do, thời gian thực hiện. Đồng thời, Bên B sẽ có biện pháp phù hợp tạm thời nhằm hạn chế các tác động gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên A và môi trường.

d. Khi xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng theo quy định tại Điều 10 Hợp Đồng này.

7.2. Khôi phục việc cung cấp Dịch Vụ:

a. Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày Bên A chấm dứt vi phạm, khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi phạm gây ra và/hoặc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán và/hoặc hoàn thành các nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng này, Pháp Luật và/hoặc Sự Kiện Bất Khả Kháng theo quy định tại Điều 10 Hợp Đồng này chấm dứt, Bên B sẽ tiếp tục cung cấp Dịch Vụ cho Bên A.

b. Trừ trường hợp tại điểm c Điều 7.1 Hợp Đồng này, Bên A có nghĩa vụ thanh toán cho Bên B toàn bộ chi phí phát sinh từ về việc đóng/mở van cấp nước/thoát nước, các vật tư phát sinh sử dụng trong quá trình này (nếu có) để tiếp tục cung cấp Dịch Vụ cho Bên A, theo bảng tính do Bên B lập và trong thời hạn do Bên B yêu cầu.

c. Bên A chịu mọi trách nhiệm phát sinh (bao gồm nhưng không giới hạn ở nghĩa vụ thanh toán tiền phạt vi phạm hành chính, tiền bồi thường thiệt hại, ...) trước Cơ Quan Có Thẩm Quyền, Bên Thứ Ba (nếu có) liên quan đến khối lượng nước thải của Bên A phát sinh trong thời gian Bên B tạm ngừng cung cấp Dịch Vụ theo quy định tại Điều 7.1 Hợp Đồng này.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

8.1. Trong trường hợp Bên A chậm thanh toán bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào theo quy định tại Hợp Đồng này (bao gồm nhưng không giới hạn Phí Dịch Vụ, phí xử lý nước thải bổ sung, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, ...), Bên A phải trả lãi chậm trả với lãi suất là 0,05%/ngày cho số tiền chậm thanh toán và trong khoảng thời gian tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày Bên A đã thanh toán đầy đủ các khoản tiền đó. Việc Bên A thanh toán tiền lãi chậm trả không ảnh hưởng đến quyền của Bên B được áp dụng các biện pháp xử lý, khắc phục được quy định tại các điều khoản khác của Hợp Đồng này.

8.2. Trừ các trường hợp được quy định tại Hợp Đồng này, không Bên nào được đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này trước hạn. Trường hợp một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước hạn trái quy định tại Hợp Đồng này, Bên đó phải chịu phạt 08% (tám phần trăm) tổng Phí Dịch Vụ tương ứng với Thời Hạn Hợp Đồng còn lại, tính từ thời điểm Hợp Đồng bị đơn phương chấm dứt trái quy định, và được tính trên cơ sở mức Phí Dịch Vụ của tháng có Phí Dịch Vụ cao nhất trong thời gian Hợp Đồng đã được thực hiện trước đó và phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh.

8.3. Trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác, nếu Bên A và/hoặc bất kỳ nhân viên của Bên A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và không đầy đủ hoặc chậm thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào quy định trong Hợp Đồng, Bên A sẽ chịu phạt số tiền tương đương 08% (tám phần trăm) giá trị phần nghĩa vụ vi phạm và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên B.

8.4. Trong trường hợp một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào trong Hợp Đồng này ("**Bên Vi Phạm**") mà không khắc phục trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày có thông báo của Bên không vi phạm, Bên Vi Phạm sẽ bồi thường mọi tổn thất, thiệt hại thực tế mà Bên không vi phạm phải gánh chịu phát sinh do vi phạm Hợp Đồng này của Bên Vi Phạm.

ĐIỀU 9. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

9.1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày được Các Bên ký kết hợp lệ và chấm dứt khi xảy

ra một trong những trường hợp sau:

a. Hết Thời Hạn Hợp Đồng mà không được gia hạn, đồng thời Hai Bên đã hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng, trong trường hợp này Hợp Đồng sẽ tự động thanh lý;

b. Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng;

c. Trường hợp Bên A vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào quy định tại Hợp Đồng này mà không khắc phục trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bên B, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bằng cách gửi thông báo chấm dứt Hợp Đồng bằng văn bản cho Bên A và Hợp Đồng sẽ chấm dứt kể từ ngày theo thông báo của Bên B;

d. Xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng theo quy định tại Điều 10.3 Hợp Đồng này.

e. Khi một Bên bị giải thể, phá sản và/hoặc bị buộc chấm dứt hoạt động theo quyết định của Cơ Quan Có Thẩm Quyền và/hoặc quy định của Pháp Luật.

9.2. Hậu quả của việc chấm dứt Hợp Đồng:

a. Nếu Hợp Đồng này chấm dứt theo điểm a, điểm b Điều 9.1, quyền và nghĩa vụ của Các Bên sẽ thực hiện theo thỏa thuận của Các Bên;

b. Nếu Hợp Đồng này chấm dứt theo điểm c Điều 9.1, quyền và nghĩa vụ của Các Bên sẽ thực hiện như sau:

   i. Bên A chịu lãi chậm trả (nếu có), phạt vi phạm và có trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định tại Điều 8 Hợp Đồng này;

   ii. Bên A có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán tính đến ngày Hợp Đồng chấm dứt hiệu lực.

c. Nếu Hợp Đồng này chấm dứt theo điểm d Điều 9.1, quyền và nghĩa vụ của Các Bên sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 10.3 Hợp Đồng này;

d. Nếu Hợp Đồng này chấm dứt theo điểm e Điều 9.1, quyền và nghĩa vụ của Các Bên sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

e. Các Bên đồng ý rằng trong mọi trường hợp chấm dứt Hợp Đồng này:

   i. Bên B ngừng cung cấp Dịch Vụ cho Bên A tại ngày Hợp Đồng chấm dứt.

   ii. Bên A có trách nhiệm thanh toán đối với toàn bộ Phí Dịch Vụ phát sinh chưa được Bên A thanh toán, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và các khoản phải trả khác thuộc về nghĩa vụ của Bên A (nếu có) trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày Bên A nhận được thông báo của Bên B hoặc thời hạn khác theo thông báo của Bên B.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

10.1. Sự kiện bất khả kháng được hiểu là các sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và nằm ngoài tầm kiểm soát của Các Bên bao gồm nhưng không giới hạn bởi: động đất, bão, lũ lụt, sóng thần, dịch bệnh, chiến tranh, phong tỏa hoặc cấm vận theo quyết định của của Cơ Quan Có Thẩm Quyền hay xuất hiện sự thay đổi trong chính sách, pháp luật của Nhà nước mà mặc dù Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đã cố gắng hết sức trong khả năng có thể nhưng không thể ngăn cản, hạn chế được sự ảnh

hưởng của sự kiện bất khả kháng, là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng tới việc không thể tiếp tục thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp Đồng ("**Sự Kiện Bất Khả Kháng**").

Để làm rõ, mọi khó khăn về tài chính đơn thuần phát sinh từ bất kỳ nguyên nhân nào dẫn đến việc Bên A không có khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Bên B đều không được coi là Sự Kiện Bất Khả Kháng.

10.2. Khi xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, Bên bị ảnh hưởng phải:

a. Thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất nhưng không trễ hơn 03 *(ba)* ngày làm việc kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng để Các Bên cùng bàn bạc và thống nhất cách giải quyết và khắc phục hậu quả;

b. Sử dụng mọi nỗ lực hợp lý để giảm thiểu tác động của sự trì hoãn hay cản trở đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng;

c. Phục hồi việc thực hiện các nghĩa vụ của mình ngay khi lý do trì hoãn hay cản trở gây ra bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng được loại bỏ.

10.3 Nếu các Sự Kiện Bất Khả Kháng kéo dài hơn 30 *(ba mươi)* ngày và một Bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình do ảnh hưởng của Sự Kiện Bất Khả Kháng đó thì Các Bên có thể thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng. Theo đó, hậu quả của việc chấm dứt Hợp Đồng sẽ do Các Bên thỏa thuận.

ĐIỀU 11. PHÒNG CHỐNG GIAN LẬN

11.1. Hai Bên cam kết và đảm bảo rằng bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho mỗi Bên hoặc được mỗi Bên chỉ định (sau đây gọi tắt là "**Người Của Bên A**" và "**Người Của Bên B**") sẽ không có những hành vi hoặc hứa hẹn, đòi hỏi những hành vi giảm giá, trích thưởng, đưa tiền/tài sản hiện vật/lợi ích không minh bạch đối với bất kỳ đại diện nào của Bên còn lại hoặc có những hành vi chủ quan (cá nhân, cảm tính, vô trách nhiệm, ...) nhằm cản trở, gây khó khăn cho bất kỳ đại diện nào của Bên còn lại trong việc thực hiện Hợp đồng (các hành vi nói trên, sau đây được gọi tắt chung là "**Gian Lận**"), nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký kết Hợp đồng một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng, và/hoặc đạt được các lợi ích không công bằng khác.

11.2. Các hành vi Gian Lận theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp bất kỳ Người Của Bên A nào nhận thấy bất cứ Người Của Bên B nào có biểu hiện, hành vi Gian Lận thì Bên A có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên B theo địa chỉ email: thanhtra@rox.vn.

11.3. Trường hợp Bên B phát hiện bất kỳ bằng chứng, tài liệu nào thể hiện việc Người Của Bên A có hành vi Gian Lận, thì Bên B có toàn quyền nhưng không có nghĩa vụ chấm dứt Hợp Đồng này ngay lập tức sau khi gửi một thông báo bằng văn bản cho Bên A và không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền hoặc biện pháp khắc phục nào mà Bên B có quyền hưởng theo Hợp Đồng này hoặc pháp luật có liên quan. Đồng thời, Bên A có trách nhiệm: (i) thanh toán cho Bên B một khoản tiền có giá trị bằng 10 *(mười)* lần số tiền Gian Lận do Bên B xác định, hoặc 30% *(ba mươi phần trăm)* Tổng phí dịch vụ phát sinh tính đến thời điểm

phát hiện hành vi Gian Lận theo quy định tại Hợp Đồng này; và (ii) bồi thường cho Bên B tất cả các thiệt hại phát sinh từ việc Bên A vi phạm các nghĩa vụ đã đề cập ở trên và từ việc chấm dứt Hợp Đồng này, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Gian Lận của Bên A. Bên có hành vi Gian Lận sẽ miễn trừ cho Bên còn lại mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Gian Lận của Bên có hành vi Gian Lận vi phạm pháp luật Việt Nam.

11.4. Việc một Bên thanh toán cho Bên còn lại các khoản tiền phát sinh từ việc thực hiện/không thực hiện các quy định tại Điều này có thể được thực hiện dưới hình thức một khoản thanh toán riêng biệt so với các khoản thanh toán khác giữa Hai Bên theo Hợp Đồng này, và/hoặc dưới hình thức đối trừ công nợ giữa Hai Bên phát sinh từ Hợp Đồng này, và/hoặc kết hợp cả hai hình thức nói trên, tùy theo quyết định, thông báo bằng văn bản của Bên B.

ĐIỀU 12. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

12.1. Hợp Đồng này được giải thích và điều chỉnh bởi Pháp Luật Việt Nam.

12.2. Trong trường hợp có tranh chấp xảy ra, Hai Bên sẽ cùng nhau thương lượng trên tinh thần hợp tác để cùng nhau tìm ra hướng giải quyết có lợi cho cả Hai Bên.

Trong trường hợp Hai Bên không đạt được sự thỏa thuận chung thì bất kỳ Bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

12.3. Hợp Đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của điều khoản về giải quyết tranh chấp.

ĐIỀU 13. THÔNG BÁO

13.1. Mọi thông báo, thỏa thuận, yêu cầu, và các liên lạc khác *("**Thông Báo**")* cần thiết theo Hợp Đồng này sẽ được làm thành văn bản và phải được (i) gửi trực tiếp, hoặc (ii) gửi qua hệ thống bưu điện, hoặc (iii) chuyển bằng thư bảo đảm có báo phát, hoặc (iv) gửi bằng thư điện tử vào địa chỉ nhận thông báo của Bên còn lại; với điều kiện bản gốc phải được gửi cho Bên nhận bằng một trong các phương pháp tại mục (ii) và (iii) nêu trên trong thời gian không quá 03 *(ba)* ngày làm việc.

13.2. Thời điểm mà một Thông Báo hợp lệ như trên được coi là đã được nhận là:

a. Ngày mà người nhận ký xác nhận, trong trường hợp gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

b. Ngày được ghi trong báo phát, trong trường hợp thư bảo đảm; hoặc

c. Ngày mà hệ thống thư điện tử của Bên nhận báo nhận thành công.

13.3. Tất cả Thông Báo phải được gửi đến địa chỉ như đã quy định tại phần đầu Hợp Đồng. Mỗi Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận Thông Báo vào bất cứ thời điểm nào bằng cách thông báo về thay đổi đó cho Bên kia theo quy định tại Điều này.

ĐIỀU 14. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

14.1. Tất cả các điều khoản và từng phần của các điều khoản của Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực riêng và độc lập với các điều khoản khác. Nếu có bất kỳ điều khoản nào vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thực thi được theo luật pháp Việt Nam thì hiệu lực, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các điều khoản còn lại của Hợp Đồng này sẽ không bị ảnh hưởng

dưới bất kỳ hình thức nào. Trong phạm vi văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép, Các Bên sẽ từ bỏ các quyền và lợi ích theo bất kỳ quy định của văn bản quy phạm pháp luật nào có thể làm bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này bị cấm hoặc không có khả năng thi hành về bất kỳ khía cạnh nào.

14.2. Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung nào trong Hợp Đồng đều chỉ có hiệu lực khi được lập thành phụ lục và ký bởi đại diện hợp pháp của Các Bên.

14.3. Bên A không được quyền chuyển giao quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp Đồng cho bất kỳ Bên Thứ Ba nào mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên B.

14.4. Bên A đồng ý rằng Bên B có quyền chuyển giao các quyền và nghĩa vụ của Hợp Đồng này cho Bên Thứ Ba, hoặc trong trường hợp Bên B tổ chức lại doanh nghiệp, bao gồm sáp nhập vào một công ty khác hoặc được chia, hoặc tách hoặc được chuyển đổi, với điều kiện là việc chuyển giao các quyền và nghĩa vụ đó không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của Bên A theo Hợp Đồng này.

14.5. Hợp Đồng này được lập thành 04 *(bốn)* bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 02 *(hai)* bản để thực hiện.

14.6. Để xác nhận, Các Bên đã ký kết Hợp Đồng này vào ngày, tháng, năm được nêu tại phần đầu của Hợp Đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bình Đức	*Nguyễn Khắc Sơn*

PHỤ LỤC 01

Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải công nghiệp theo QCVN 40:2011/BTNMT

(Kèm theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số ...../2024/HĐ-XLNT)

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			A	B
1	Nhiệt độ	oC	40	40
2	Màu	Pt/Co	50	150
3	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD_5 (20^0C)	mg/l	30	50
5	COD	mg/l	75	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100
7	Asen	mg/l	0,05	0,1
8	Thuỷ ngân	mg/l	0,005	0,01
9	Chì	mg/l	0,1	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,05	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1
12	Crom (III)	mg/l	0,2	1
13	Đồng	mg/l	2	2
14	Kẽm	mg/l	3	3
15	Niken	mg/l	0,2	0,5
16	Mangan	mg/l	0,5	1
17	Sắt	mg/l	1	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,07	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	10
21	Sunfua	mg/l	0,2	0,5
22	Florua	mg/l	5	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10
24	Tổng nitơ	mg/l	20	40
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4	6
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	500	1000
27	Clo dư	mg/l	1	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3	1

30	Tổng PCB	mg/l	0,003	0,01
31	Coliform	vi khuẩn/100ml	3000	5000
32	Tổng hoạt độ phúng xạ α	Bq/l	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 03.06.25/HĐ/CNX-GALAXY

- Căn cứ Bộ luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Luật bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Môi trường;

- Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 05/2025/NĐ-CP);

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Thông tư Số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3.009.VX của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH môi trường Công nghiệp Xanh lần thứ 2 ngày 10/9/2021

- Căn cứ khả năng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày 03 tháng 06 năm 2025, hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải được lập bởi các Bên như sau:

I. CHỦ NGUỒN THẢI (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM

Địa chỉ công ty	:	Lô 48, Khu Công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	:	02438182046
Mã số thuế	:	2500230333
Người đại diện	:	Ông **Nguyễn Bình Đức** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

II. CHỦ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ (BÊN B): CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH

Địa chỉ công ty	:	Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh phúc, Việt Nam
Điện thoại	:	0211.2219010
Tài khoản	:	258389988 Tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Vĩnh Phúc - PGD Phúc Yên
Mã số thuế	:	0102169887
Người đại diện	:	Ông **Đỗ Huy Thắng** Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên cùng thống nhất thoả thuận nội dung hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại như sau:

Scanned with CamScanner

Điều 1. **Bên A thuê bên B thực hiện các công việc sau:**

Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại của bên A theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam về môi trường.

Điều 2. **Danh mục chất thải, phương án thu gom vận chuyển xử lý, địa điểm, thời gian giao nhận và đơn giá:**

1. **Danh mục và đơn giá** (*đã bao gồm thuế (GTGT)*:

TT	Danh mục	ĐVT	Mã chất thải	Đơn giá
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu	01kg	18 02 01	8.000
2	Bóng đèn huỳnh quang	01kg	16 01 06	8.000
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại chứa thành phần nguy hại	01kg	18 01 02	8.000
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa thành phần nguy hại	01kg	18 01 03	8.000
5	Bùn thải có nhiễm sơn, cặn sơn sau xử lý nước thải sản xuất	01kg	08 01 02	8.000
6	Vỏ bao các loại PVC,PP (bao bì mềm chứa thành phần nguy hại)	01kg	18 01 01	8.000

*** Phí vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại được tính như sau (đã bao gồm thuế GTGT):**

a) Nếu chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải tại một cơ sở phát sinh chất thải **≤8.000.000 đồng/01 lần vận chuyển** (*Tám triệu đồng trên 01 lần vận chuyển*) tương đương khối lượng ≤1000kg/1 lần vận chuyển thì Bên B vẫn tính là **8.000.000 đồng** (*Tám triệu đồng).*

b) Nếu chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải tại một cơ sở phát sinh chất thải lớn hơn **8.000.000 đồng/01 lần vận chuyển** (*Tám triệu đồng trên 01 lần vận chuyển*) tương đương >1000kg/1 lần vận chuyển thì đơn giá được tính cho từng kg vượt mức theo bảng giá trên.

2. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho lưu giữ chất thải của bên A – địa chỉ : Lô 48, Khu Công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

3. Thời gian giao nhận: Bên A thông báo lịch giao chất thải cho bên B trước 02 ngày để thu xếp phương tiện.

4. Địa điểm xử lý chất thải: Tại Trung tâm tái chế phế thải và xử lý chất thải – Thôn Thanh Cao – xã Ngọc Thanh – TP Phúc Yên – tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Giá trị hợp đồng tạm tính (đã bao gồm thuế GTGT) là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Bên A sẽ chịu chi phí duy trì hợp đồng tương đương giá trị hợp đồng tạm tính.

Điều 3. **Phương thức giao nhận và thanh toán:**

1. **Thời gian giao nhận**: từ 8 giờ sáng đến 17 giờ chiều cùng ngày. Sau mỗi đợt giao nhận hàng, hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến, lập bảng tổng hợp khối lượng cho từng đợt làm cơ sở quyết toán cho từng đợt.

Scanned with CamScanner

2. **Phương thức thanh toán**: Bên A thanh toán tiền tạm ứng cho bên B số tiền là: 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) ngay khi ký hợp đồng trọn gói; Khi Bên A nhận được đủ chứng từ xử lý định tại khoản 2 điều 4 hợp đồng này, có trách nhiệm thanh toán nốt số tiền còn lại của hợp đồng.

Trong trường hợp phát sinh thêm chi phí, số tiền phát sinh thêm bên A sẽ thanh toán cho bên B trong thời gian 30 ngày kể từ khi hai bên ký biên bản tổng hợp khối lượng chất thải và bên A nhận được hoá đơn tài chính hợp lệ.

3. **Hình thức thanh toán**: Bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên

1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A.

- Chịu trách nhiệm sắp xếp kho lưu giữ; đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau, ghi rõ tên, loại chất thải trên bao bì thu chứa. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.
- Chất thải công nghiệp, nguy hại phải được kiểm soát theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình xử lý chất thải của mình, việc giám sát, kiểm tra này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B sau khi đã có biên bản tổng hợp xác nhận khối lượng giao nhận được đại diện hai bên ký xác nhận và nhận đủ hoá đơn giá trị gia tăng hợp lệ.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của bên B.

- Cung cấp cho bên A các giấy phép cần thiết để thực hiện công việc trong hợp đồng
- Đảm bảo đủ yêu cầu về nhận lực, phương tiện thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển xử lý chất thải theo nội dung hợp đồng này
- Chịu trách nhiệm xử lý chất thải theo đúng các quy định của Việt Nam về bảo vệ môi trường hiện hành.
- Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải giao nhận để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hàng tháng.
- Thông tin đầy đủ cho Bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.
- Hoàn thiện Chứng từ xử lý chất thải nguy hại sau khi xử lý xong và trả lại cho bên A kèm theo biên bản nghiệm thu hoàn thành xử lý trong thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày nhận chất thải.
- Bên B có thể nghiên cứu áp dụng các phương án xử lý khác hoặc tái chế trên cơ sở tuân thủ các quy định về môi trường.
- Không thải bỏ chất thải bất hợp pháp, chỉ xử lý tại cơ sở xử lý quy định trong hợp đồng này
- Khi xử lý hàng cho bên A thì bên B phải cân, chụp ảnh và quay video quá trình huỷ hàng, có biên bản và gửi lại cho bên A.
- Bên B sau khi hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại sẽ phát hành hoá đơn giá trị gia tăng cho bên A.

Điều 5. Các điều khoản chung:

Scanned with CamScanner

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện có vấn đề gì vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết trên tinh thần thương lượng và hợp tác, không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên.
- Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt hợp đồng. Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng phải thông báo bằng văn bản trước cho bên kia 30 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng.
- Mọi sửa đổi bổ sung của hợp đồng phải được lập thành văn bản kèm theo hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên.
- Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nếu không được các bên thương lượng và hoà giải được với nhau sẽ được giải quyết tại toà án tỉnh Vĩnh Phúc.

<u>Điều 6.</u> Hiệu lực của hợp đồng:

- Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm, kể từ ngày ký.
- Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt Nam, mỗi bên giữ 02 bản, cùng có giá trị như nhau về mặt pháp lý và là cơ sở để hai bên làm nghiệm thu thanh toán hợp đồng.
- Hợp đồng này chỉ có giá trị đối với hai Bên (A và B), không có hiệu lực với bất cứ Bên thứ ba nào khác.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bình Dức	Đỗ Huy Thắng

Scanned with CamScanner

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: ..2108.../QĐ-BTNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

V/v: Phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Quang Minh, tỉnh Vĩnh Phúc

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Điều 18 Luật Bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;

Căn cứ Nghị định số 175/CP ngày 18 tháng 10 năm 1994 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Đơn xin thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 06 tháng 8 năm 2003 của Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Quang Minh, tỉnh Vĩnh Phúc họp ngày 21 tháng 10 năm 2003,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Quang Minh, tỉnh Vĩnh Phúc đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 21 tháng 10 năm 2003 và những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu tại Công văn số 898/TCT-ĐT ngày 09 tháng 12 năm 2003 của Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp (dưới đây gọi là Chủ dự án). Việc phê chuẩn này không bao gồm nội dung khai thác đất, cát phục vụ san lấp mặt bằng và khai thác, xử lý nước ngầm phục vụ nhu cầu cấp nước của Khu công nghiệp Quang Minh (dưới đây gọi tắt là Khu công nghiệp).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Chỉ được tiếp nhận vào Khu công nghiệp các dự án đầu tư thuộc những ngành công nghiệp như đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp muốn thu hút các dự án thuộc những ngành công nghiệp khác với đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường vào Khu công nghiệp, Chủ dự án phải báo cáo các cơ quan hữu quan, trong đó có Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường xem xét, quyết định.

2. Thực hiện phân khu chức năng trong Khu công nghiệp như đã được phê duyệt và bố trí các cụm công nghiệp theo yếu tố đặc trưng về khả năng gây ô nhiễm môi trường, nhằm tránh những tác động tương tác theo chiều hướng bất lợi giữa các cụm công nghiệp trong Khu công nghiệp với nhau và của Khu công nghiệp đối với khu vực dân cư; Diện tích đất trồng cây xanh phải được quy hoạch hợp lý và đảm bảo đạt ít nhất 15% diện tích đất của Khu chế xuất.

3. Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn trong quá trình thi công xây dựng cơ sở hạ tầng và giai đoạn hoạt động của Khu công nghiệp, bảo đảm các Tiêu chuẩn Việt Nam về Môi trường TCVN 5945-1995, cột A và TCVN 6984:2001 ứng với Q = 50–200 m^3/s, cột F3 trước khi thải vào sông Cà Lồ.

4. Trong quá trình thi công xây dựng cơ sở hạ tầng và vận hành Khu công nghiệp phải đảm bảo các Tiêu chuẩn Việt Nam về Môi trường liên quan đến chất lượng không khí: TCVN 5939-1995; 5940-1995; 6991-2001 và 6994-2001.

5. Thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp và rác thải sinh hoạt trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng và vận hành Khu công nghiệp, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường; Thu gom, vận chuyển, bảo quản và xử lý các loại chất thải nguy hại theo các quy định tại Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý chất thải nguy hại.

6. Thực hiện Chương trình giám sát môi trường như được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và lưu giữ số liệu để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra.

7. Thực hiện nghiêm túc Quy chế bảo vệ môi trường khu công nghiệp được ban hành kèm theo Quyết định số 62/2002/QĐ-BKHCNMT ngày 09 tháng 8 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ).

8. Báo cáo bằng văn bản về những thay đổi so với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý bằng văn bản của các cơ quan liên quan, trong đó có sự đồng ý của Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Định kỳ 06 tháng kể từ khi Quyết định này có hiệu lực và sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, Chủ dự án phải có báo cáo bằng văn bản gửi Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để theo dõi, kiểm tra.

Điều 5. Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc theo dõi, giám sát và kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường này; Xem xét và xác nhận Dự án đủ điều kiện được đi vào hoạt động chính thức.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Khôi Nguyên

Nơi nhận:
- Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp,
- UBND tỉnh Vĩnh Phúc (để chỉ đạo),
- Sở TN&MT tỉnh Vĩnh Phúc (để phối hợp),
- Lưu VT, HS, Vụ TĐ.

CHỨNG NHẬN
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 29 -06- 2005
Số: .... quyển .... TP/ĐD-SCC/SGT

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2808 /QĐ-UBND	*Vĩnh Yên, ngày 31 tháng 7 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt QHCT khu công nghiệp Quang minh I tại huyện Mê linh tỉnh Vĩnh Phúc - tỷ lệ 1/ 2000 .

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26-11-2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính Phủ về Quy hoạch Xây dựng và Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày07/4/2008 của Bộ Xây dựng V/v Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng.

Căn cứ văn bản số 805/CP-CN ngày 18-6-2003 của Chính phủ V/v chủ trương đầu tư xây dựng các khu công nghiệp Quang Minh và Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc và văn bản số 1186/CP-CN ngày 23-8-2004 của Chính phủ V/v dự án KCN Quang Minh, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ Quyết định số 4026/QĐ-UB ngày 23/10/2003 của UBND tỉnh Vĩnh phúc V/v Phê duyệt địa điểm lập dự án khả thi đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh, do Công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức làm chủ đầu tư.

Căn cứ quyết định số1807/QĐ-UB ngày 13-5-2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Quang Minh giai đoạn II.

Căn cứ văn bản số 158/BXD-KTQH ngày17/2/2004 của Bộ Xây dựng V/v QHCT Khu công nghiệp Quang Minh tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ Thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc về kết quả thực hiện kết luận thanh tra của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Khu công nghiệp Quang Minh.

Xét đề nghị tại tờ trình số 1020/SXD-QH ngày 27-06-2008 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt qui hoạch xây dựng KCN gồm các nội dung sau:

I. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Quang minh I tại huyện Mê linh - tỷ lệ 1/ 2000.

II. Chủ đầu tư : Công ty TNHH đầu tư và phát triển Nam Đức

III. Nội dung qui hoạch :

1. Thành phần hồ sơ : Theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính Phủ về Quy hoạch Xây dựng và Thông tư số

07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng V/v Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng.

2. Địa điểm thực hiện :

Đồ án quy hoạch Khu công nghiệp Quang Minh I được xác lập trên cơ sở đồ án quy hoạch Cụm công nghiệp Quang Minh (theo quy hoạch định hướng phát triển không gian thị tứ Quang Minh) và đồ án quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp Quang minh, đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt; Đồng thời căn cứ theo sự thay đổi về ranh giới, phạm vi nghiên cứu quy hoạch khu công nghiệp Quang minh của Bộ Xây dựng, tại văn bản số 158/BXD-KTQH ngày 17-2-2004.

Địa điểm: Thị trấn Quang Minh và thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc

Vị trí địa lý:

+Phía Đông Nam giáp đường giao thông Bắc Thăng Long-Nội Bài.

+Phía Tây Bắc giáp tuyến đường tỉnh lộ 35 từ ga Thạch Lỗi đi Kim Anh.

+Phía Đông Bắc giáp đất trồng cây xanh cách ly giữa KCN Quang Minh với khu dân cư Quang Minh.

+Phía Tây Nam giáp trục đường sắt Hà Nội- Lào Cai.

3. Tính chất, qui mô :

3.1- Tính chất :

Là khu công nghiệp đa nghành, không gây ô nhiễm môi trường, bao gồm các nghành công nghiệp, chế biến Nông-Lâm sản, thực phẩm, dệt may, phụ tùng xe máy, thiết bị y tế, dược liệu, dược phẩm, lắp máy, sản xuất vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và một số nghành công nghiệp khác.

3.2- Qui mô :

Tổng diện tích nghiên cứu QH : 3.444.000, 0 m2 (344,4 Ha)

(không tính diện tích phần cây xanh cách ly giữa khu công nghiệp với khu dân cư của thị trấn Quang Minh và thị trấn Chi Đông)

4. Qui hoạch sử dụng đất và kiến trúc cảnh quan :

4.1/ Qui hoạch sử dụng đất :

Các chỉ tiêu thành phần đất đai được tổng hợp theo bảng sau :

Số TT	Loại đất	TT Quang Minh		TT Chi Đông		Quy hoạch toàn khu	
		Hiện trạng (ha)	Quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Quy hoạch (ha)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công nghiệp	182,5304	182,5304	73,6243	73,6243	256,1547	74,38

	(CN)						
2	Đất CTCC (CC)	1,4884	1,4884	1,6168	2,1713	3,6597	1,06
3	Đất cây xanh + Nghĩa địa (CX) *không tính phần CX cách ly*	26,7700	23,9330	16,3700	10,4667	34,3970	9,98
4	Đất đầu mối HTKT (ĐM)	3,4759	3,4759	0	0	3,4759	1,01
5	Đất giao thông, bến bãi	30,2136	33,0500	8,3153	13,6600	46,7100	13,56
	Tổng cộng:	244,4777	244,4777	99,9223	99,9223	344,4000	100,0

4.2/ Qui hoạch chia lô :

*Đất công nghiệp: có tổng diện tích 256,1574 ha bao gồm 18 lô từ lô CN-01 đến lô CN-18, diện tích lô từ 3,9061 đến 26,2929 Ha.

*Đất XD công trình công cộng: tổng diện tích 3,6759 Ha, gồm 05 lô từ lô CC-01 đến lô CC-05, diện tích lô từ 0,15 Ha đến 1,6105 Ha.

*Đất đầu mối hạ tầng: tổng diện tích 3,4759 Ha gồm 052lô, lô ĐM-01 và ĐM-02, diện tích lô từ 1,6571 Ha đến 1,8188 Ha.

*Đất cây xanh: có tổng diện tích 34,397 Ha, gồm 07 lô từ lô CX-01 đến lô CX-07, diện tích lô từ 0,732 Ha đến 23,9587 Ha. Trong tổng diện tích cây xanh có 01 lô ký hiệu CX-07 với diện tích là 3,9759 Ha là khu đất nghĩa địa.

*Đất giao thông: có tổng diện tích: 46,71 Ha.

4.3/ Một số nội dung cơ bản về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất:

Sau khi đồ án quy hoạch định hướng phát triển thị tứ Quang Minh được phê duyệt năm 2002, trong đó có diện tích đất phát trển công nghiệp đợt đầu và đồ án quy hoạch cụm công nghiệp Quang Minh giai đoạn 2 được phê duyệt năm 2003, đến nay đã có trên 123 doanh nghiệp đã vào đầu tư xây dựng nhà máy, xí nghiệp, nhiều doanh nghiệp đã đi vào sản xuất ổn định; Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp đã cơ bản được xây dựng tương đối hoàn chỉnh. Nhưng để đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung phát triển, tuân thủ các tiêu chuẩn quy phạm trên cơ sở hiện trạng đã được xây dựng, đồ án quy hoạch Khu công nghiệp Quang Minh1 điều chỉnh một số lô đất trong quy hoạch cụm công nghiệp Quang Minh 1, cụm công nghiệp Quang Minh 2 và mặt cắt giao thông của một số tuyến giao thông trong khu công nghiệp (thể hiện trong quy hoạch giao thông).

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được thể hiện trong bảng sau:

Số TT	QH Quang Minh đợt đầu	QH Quang Minh giai đoạn 2	Điều chỉnh quy hoạch KCN Quang Minh 1
1	Lô 07- Đất cây xanh trung tâm		Lô 7A- Đất XD trụ sở Ban quản lý
2	Lô 08- Trung tâm quản lý KCN		Lô 08A- XD nhà máy cấp nước Quang Minh
3	Lô 35- Khu cây xanh mặt nước cách ly		Lô 35- C.ty Marumitsu Việt Nam
4	Lô 36- Khu thể thao		Lô33- C.ty TNHH INOAC Việt nam
5		Lô 45- Đất đầu mối kỹ thuật	-Lô 45A- C.ty TNHH Kangaroo -Lô 45-1- C.ty TNHH JPK (Việt Sinh)
6		Lô 48-Đất XD công trình công cộng	-Lô 48-C.ty CP GALAXY Việt nam -Lô 48A- Ct.ty CP Vĩnh Tường
7		Lô 47-Đất kho tàng	Lô 45-2- C.ty TNHH Tiến Mạnh
8	Một phần phía Bắc Lô 39-Đất dự kiến phát triển công nghiệp		Lô NT-01- Đất xây dựng Nghĩa trang nhân dân thôn Giai Lạc
9	Điều chỉnh mương tiêu nước giáp Lô 41A và Lô 40C thành đất cây xanh.		

4.3/ Định hướng kiến trúc cảnh quan :

- Khai thác triệt để yếu tố, điều kiện tự nhiên, tổ chức không gian kiến trúc hài hoà giữa trong và ngoài khu vực

-Không gian Kiến trúc cảnh quan: Một trục đường giao thông chính mặt cắt ngang 36 m của khu công nghiệp, chạy dọc từ Đông sang Tây xuyên suất giữa Khu công nghiệp, với điểm đầu xuất phát của đường được nối từ đường giao thông Bắc Thăng long-Nội Bài là cổng chính vào Khu công nghiệp. Các nhà máy, xí nghiệp được bố trí hai bên đường trục chính của khu công nghiệp, đã tạo nên không gian cảnh quan mang tính trật tự công nghiệp, các trục đường ngang nối với tuyến đường truc chính kiểu xương cá, tạo mối liên hệ thuận tiện về giao thông trong khu công nghiệp; Các dải cây xanh cách ly có bề rộng lớn phí Đông, phía Bắc và phía Nam khu công nghiệp đã góp phần tích cực trong

kiến trúc cảnh quan công nghiệp, đồng thời góp phần cải tạo vi khí hậu môi trường và giảm thiểu tiếng ồn .

- Các công trình của các xí nghiệp sản xuất được định hướng theo 2 khu vực chính là: khu vực phía Bắc đường trục chính và khu vực phía Nam đường trục chính, với các công trình kiến trúc đơn giản, hiện đại, mang mầu sắc công nghiệp.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật :

5.1.Qui hoạch hệ thống giao thông :

*Mạng lưới giao thông :

-Mặt cắt 1-1: 36 m (6+10,5+3+10,5+6)

-Mặt cắt 2-2: 30 m (9,75+10,5+9,75)

-Mặt cắt 3-3: 24 m (6,75+10,5+6,75)

-Mắt cắt 4-4: 13,5 m (3+7,5+3)

-Mặt cắt 5-5: 19,5 m (6+10,5+6)

*Điều chỉnh một số tuyến đường giao thông nội bộ so với QHCT 1/2000 đã được phê duyệt:

-Bỏ các tuyến đường:

+ Tuyến giao thông mặt cắt ngang 24 m (GĐ1) từ đỉnh A5 đến đỉnh Đ1

+ Tuyến giao thông từ đỉnh C4-Đ4-E4.

+ Đoạn đường mặt cắt ngang 36 m từ khu công nghiệp Quang Minh 1 nối với công nghiệp Quang Minh 2 và hệ thống cầu vượt đường sắt Hà Nội-Lào Cai.

-Bổ sung xây dựng mới: tuyến đường mặt cắt ngang 13,5 m từ đỉnh Y2 đến đỉnh Y3 với chiều dài 505 m.

-Điều chỉnh mặt cắt ngang một số tuyến đường gồm:

Ký hiệu mặt cắt	Quy hoạch đã phê duyệt (m)	Điều chỉnh quy hoạch (m)	Lộ giới (m)
2-2	30m (7,5+15+7,5) -Tuyến G1-G2-G3	30m (9,75+10,5+9,75)	30
3-3	24m (6+12+6) –Tuyến B1-B0-B2-B3; C1-C2; D1-D2-D3; F1-F2-F3; K1-K2-K3	24m (6,75+10,5+6,75)	24
5-5	24m (6+12+6)- Tuyến song song với đường sắt và giáp đất cây xanh cách ly với khu dân cư xã Quang Minh	19,5m (6+10,5+3)	19,5

Việc điều chỉnh các tuyến đường trên không ảnh hưởng đến cơ cấu sử dụng đất, phù hợp với nhu cầu sử dụng của khu công nghiệp.

-Điều chỉnh cao độ quy hoạch tại một số nút giao thông (số liệu cụ thể được thể hiện trên bản vẽ Quy hoạch hệ thống giao thông-QHML:10)

* Chỉ giới đường đỏ :

Tuân thủ theo bản vẽ QH QHMK-09 –Bản vẽ chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ.

* Chỉ giới XD công trình :

+ Đối với công trình chính: tất cả các công trình chính xây dựng hai bên các tuyến đường thì chỉ giới xây dựng đều cách chỉ giới đường đỏ (khoảng lùi) là 3 m.

+ Đối với công trình phụ trợ (ga ra xe đạp, xe máy, nhà bảo vệ...) được phép xây dựng sát chỉ giới đất được giao để XDCB.

5.2.Qui hoạch chuẩn bị kỹ thuật san nền, thoát nước mặt :

* Giải pháp san nền :

-Căn cứ theo địa hình tự nhiên, đảm bảo độ dốc dọc phục vụ các phương tiện giap thông đi lại an toàn, thuận tiện, hướng thoát nước chính chia ra 2 khu vực là 2 trạm sử lý nước thải trong khu công nghiệp.

-Cao độ san nền khu vực nghiên cứu dựa trên cao độ quy hoạch san nền chung đô thị Quang Minh, cmụ công nghiệp Quang Minh 1-tỷ lệ 1/2000 và cao độ hệ thống giao thông hiện trạng.

-Cao độ khống chế san nền được xác định tại các vị trí nút giao thông.

*Giải pháp thoát nước mặt :

Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng riêng với hệ thống thoát nước thải theo hình thức tự chảy; cấu tạo hệ thống thoát nước mưa là mương xây đặt dưới vỉa hè, mương có nắp đậy bằng tấm bê tông cốt thép; trên mạng lưới bố trí hệ thống giếng thu, giếng thăm; khoảng cách giếng đảm bảo theo qui phạm thiết kế hiện hành.

Hướng thoát nước chính được chia làm 2 lưu vực:

+Lưu vực 1: Phía Đông giáp đường Bắc Thăng Long-Nội Bài được thu gom theo hệ thống mương xây có B=800 mm, rồi thoát qua cống ngang coa B=1500 mm gần cửa hàng xăng dầu Quốc hội, sau đó thoát ra sông cà lồ.

+Lưu vực 2: Phía Tây và phía Tây Nam nước mưa được thu gom theo hệ thống mương có B=700 mm và B=1000 mm đặt trên vỉa hé và thoát qua cống ngang đường sắt rồi đổ ra Đầm Và.

5.3. Qui hoạch hệ thống cấp nước :

- Nguồn nước : được lấy từ nhà máy nước Quang Minh

-Tiêu chuẩn dùng nước : Được xác định theo tiêu chuẩn sử dụng lâu dài theo QHXDVN hiện hành.

-Mạng lưới cấp nước : Đường ống cấp nước chính dùng ống nhựa PVC D200 mm đặt trên vỉa hè đường trục chính khu côhh nghiệp (36 m), các tuyến ống nhánh có D=110 mm.

5.4. Qui hoạch hệ thống thoát nước bẩn và VSMT :

- Chỉ tiêu tính toán áp dụng theo QHXDVN hiện hành

- Hệ thống thoát nước bẩn trong khu vực QH được XD là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, nước thải sinh hoạt sau khi được sử lý sơ bộ qua bể tự hoại được thu gom vào hệ thống thoát chung, hệ thống thoát nước dùng ống PVC kết hợp cống BTCT để thu gom nước thải từ các hộ dùng nước dẫn về tram sử lý nước thải của khu công nghiệp. Công suất trạm sử lý nước thải là 12.000 m^3/ngđ.

-VSMT : Rác thải được thu gom hàng ngày và được phân loại trước khi đưa đến khu sử lý tập trung của khu vực.

5.5. Qui hoạch hệ thống cấp điện:

Nguồn điện : nguồn điện cao thế cấp cho khu công nghiệp Quang Minh 1 được lấy từ đường dây 22 kV lộ (472 & 473) –E 25.1 (hiện có) của trạm 110kV Phúc Yên cấp cho các trạm biến áp của các nhà máy, xí nghiệp trong khu công nghiệp Quang Minh 1.

- Đề nghị di chuyển đường dây 22kV và các cột điện 22kV gần trạm biến áp (22/0,4kV) nằm dưới lòng đường lên vỉa hè đường quy hoạch (được thể hiện trên bản vẽ QH cấp điện).

- Mạng điện cao thế cấp cho các trạm biến áp của các nhà máy, xí nghiệp trong khu công nghiệp Quang Minh 1 là đường dây 22kV đi trên không; Mạng điện hạ thế 0,4kV trong các nhà máy dungd cáp ngầm theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Chỉ tiêu tính toán : áp dụng theo QHXDVN hiện hành

-Hệ thống chiếu sáng đường:

+Đối với đường có giải phân cách: dùng đèn cao áp chiếu sáng 2 bên, cột đèn dùng cột thép bát sắt giác tráng kẽm, cột trồng trên dải phân cách.

+Đối với đường không có giải phân cách: dùng đèn cao áp chiếu sáng 1 bên , cột đèn dùng cột sắt bát giác tráng kẽm, cột trồng trên vỉa hè đường quy hoạch.

Hiện nay có các dãy đèn chiếu sáng 1 bên nằm bên dưới lòng đường quy hoạch, đề nghị di chuyển lên vỉa hè đường quy hoạch.

* Thông tin liên lạc :

-Nguồn cấp : thuộc tổng đài điều khiển của Bưu điện Vĩnh Phúc, nhu cầu sử dụng được tính toán đảm bảo phù hợp yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài.

- Đường dây thông tin liên lạc: dùng dây cáp thông tin luồn trong ống luồn cáp

-Vị trí, hướng tuyến theo hệ thống kỹ thuật chung được đặt trên hè phố theo các trục giao thông.

- Hình thức đầu tư : xây dựng đồng bộ với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng, Ban quản lý các KCN Vĩnh Phúc, UBND huyện Mê Linh, UBND thị trấn: Quang Minh, Chi Đông, Công ty TNHH Đầu tư, Phát triển hạ tầng Nam Đức công bố Quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN Vĩnh Phúc, Chủ tịch UBND huyện Mê Linh, Chủ tịch UBND thị trấn: Quang Minh, Chi Đông, Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư, Phát triển hạ tầng Nam Đức và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phùng Quang Hùng

Nơi nhận:
- CPCT, CPVP,
- Như điều 3,
- Lưu VT, NCTH.

(18b)

(25b)

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC

Số: 1384/QĐ-CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Yên, ngày 29 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

V/v việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh giai đoạn 2 của Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển hạ tầng Nam Đức

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26-11-2003;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 29-11-2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09-8-2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 08/TT- BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Tài nguyên & Môi trường, hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên & Môi trường tại Tờ trình số 266/TT-HĐTĐ ngày 23-4-2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) - Dự án đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh giai đoạn 2 của Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển hạ tầng Nam Đức.

(Có nội dung báo cáo ĐTM chi tiết kèm theo quyết định này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh giai đoạn 2 của Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển hạ tầng Nam Đức là cơ sở để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường của đơn vị trong quá trình xây dựng và hoạt động sau này.

2. Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển hạ tầng Nam Đức chịu trách nhiệm:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã trình bày trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại điều 1.
- Tổ chức thực hiện kiểm soát ô nhiễm môi trường, số liệu kiểm soát phải được cập nhật thường xuyên, lưu trữ và định kỳ báo cáo về Sở Tài nguyên & Môi trường theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường .

- Mọi thay đổi so với nội dung đã phê duyệt tại quyết định này phải được Sở Tài nguyên &Môi trường cùng các cơ quan chức năng của tỉnh cho phép trước khi tổ chức thực hiện.

3. Giao cho Sở Tài nguyên & Môi trường, phối hợp với các Ngành liên quan tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra giám sát và đôn đốc thực hiện quyết định này. Đồng thời chịu tác nhiệm trước UBND tỉnh nếu để xảy ra tình trạng ô nhiễm và sự cố môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở: TN&MT, Xây dựng, Công nghiệp, Y tế, Khoa học & Công nghệ, Chủ tịch UBND huyện Mê Linh; Chủ tịch UBND Quang Minh ; Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển hạ tầng Nam Đức, các Thành viên Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

***Nơi nhận*:**
- CPCT,CPVP;
- Như điều 3;
- CV: NN1,NN2:
- Lưu VT(K- 20b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phùng Quang Hùng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
NGÀY: 02 -06- 2009
SỐ CT: 5170 QUYỂN 02 TPX/CT - SCT

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trương Thế Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Thanh Liệt, TP Hà Nội
Đ/c PTN: Liền kề 16.31, KĐT Hinode Royal Park, xã Hoài Đức, TP. Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

HATICO VIỆT NAM

Số: 09192/2025/PKQ/25.4919

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ CÔNG NGHỆ JENCO
Địa chỉ : Lô số 1155, KDC Thành Xương Giang, P Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam - Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội
Vị trí lấy mẫu : - NT.120725-006- Tại hố ga đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Quang Minh., tọa độ VĐ=21,203090, KĐ=105,751823 (NTSH.01)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 12/07/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 22/07/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	TC KCN Quang Minh
				NTSH.01	
1	pH(b)	-	TCVN 6492:2011	7,24	***5,5 ÷ 9***
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(b)	mg/L	SOP.QT.TDS	428	-
3	Dầu mỡ động, thực vật(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,6	-
4	BOD_5 (20°C)(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	15,2	***50***
5	TSS(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	39,7	***100***
6	Sunfua (H_2S)(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,14	***0,5***
7	Amoni (tính theo N)(b)	mg/L	TCVN 5988:1995	3,6	***10***
8	Nitrat (NO_3^- tính theo N)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO_3-.E:2023	6,87	-
9	Chất hoạt động bề mặt(b)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	1,48	-
10	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,09	-
11	Tổng Coliforms(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	$2,1\times10^3$	***5.000***

Ghi chú:
Quy chuẩn so sánh: TC KCN Quang Minh: Tiêu chuẩn xả thải của khu công nghiệp Quang Minh

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Thanh Liệt, TP Hà Nội
Đ/c PTN: Liền kề 16.31, KĐT Hinode Royal Park, xã Hoài Đức, TP. Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 09193/2025/PKQ/25.4919

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ CÔNG NGHỆ JENCO
Địa chỉ : Lô số 1155, KDC Thành Xương Giang, P Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam - Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội
Vị trí lấy mẫu : - KXQ.120725-010- Tại cổng nhà máy, tọa độ VĐ=21,203285, KĐ=105,751668 (KXQ.01)
- KXQ.120725-011- Tại vị trí xây dựng nhà xưởng mới, tọa độ VĐ=21,203133, KĐ=105,751551 (KXQ.02)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 02
Ngày lấy mẫu : 12/07/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 22/07/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 05:2023/ BTNMT
				KXQ.01	KXQ.02	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	31,5	31,5	-
2	SO_2(b)	µg/Nm^3	TCVN 5971:1995	113	108	***350***
3	Tốc độ gió(b)	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,2	0,2	-
4	CO(b)	µg/Nm^3	HD.LM15/CO/KKXQ	4.178	3.990	***30.000***
5	NO_2(b)	µg/Nm^3	TCVN 6137:2009	100	104	***200***
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(b)	µg/Nm^3	TCVN 5067:1995	148	152	***300***

Ghi chú:
Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Không khí

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Thanh Liệt, TP Hà Nội
Đ/c PTN: Liền kề 16.31, KĐT Hinode Royal Park, xã Hoài Đức, TP. Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 09194/2025/PKQ/25.4919

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ CÔNG NGHỆ JENCO
Địa chỉ : Lô số 1155, KDC Thành Xương Giang, P Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam - Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội
Vị trí lấy mẫu : - KT.120725-002- Khí thải sau hệ thống xử lý xưởng bột bả tường., tọa độ VĐ=21,202273, KĐ=105,750331 (KT.01)
- KT.120725-003- Khí thải sau hệ thống xử lý khu vực nghiền xưởng sản xuất sơn nước., tọa độ VĐ=21,203133, KĐ=105,751551 (KT.02)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 02
Ngày lấy mẫu : 12/07/2025 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 22/07/2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		QCVN 19: 2024/ BTNMT
				KT.01	KT.02	Cột C
1	Lưu lượng(b)	m^3/h	US EPA Method 02	-	780	-
2	Bụi tổng (PM)(b)	mg/Nm^3	US EPA Method 05	23,7	13,6	≤100
3	Bụi chứa silic(d)	mg/Nm^3	US EPA Method 5+ SMEWW 4500-SiO_2-D:2023	-	KPH (MDL= 0,08)	-
4	Toluene(b)	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649: 2014	-	0,06	≤50
5	Xylen(b)	mg/Nm^3	PD CEN/TS 13649: 2014	-	KPH (MDL= 0,02)	≤150

Ghi chú:
+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp
Cột C quy định giá trị giới hạn cho phép thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở có địa điểm hoạt động không thuộc các trường hợp quy định tại Mục 1.3.13.1 và Mục 1.3.13.2 của QCVN 19:2024/BTNMT- các thiết bị xả thải khác

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2025

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
9. Các chỉ tiêu đánh dấu (d) được công nhận bởi bộ khoa học và công nghệ

HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, Phường Thanh Liệt, TP Hà Nội

ĐT: 0936175507 Email: Haticovietnam2016@gmail.com VIMCERTS 269 - VILAS 1349

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

BIÊN BẢN LẤY MẪU TẠI HIỆN TRƯỜNG

Số: 25.4919

Hôm nay, ngày 12 tháng 07 năm 2025

Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường:

Tên Cơ Sở/Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ CÔNG NGHỆ JENCO

Địa chỉ: Lô số 1155, Khu dân cư Thành Xương Giang, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa điểm quan trắc: Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam - Lô 48, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội

các bên tham gia bao gồm:

1. Đại diện đơn vị lấy mẫu: Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam

Đại diện: Ông (Bà)....Nguyễn Đoàn Vũ....Chức vụ:....NVQT....

Đại diện: Ông (Bà)........................Chức vụ:........................

2. Đại diện đơn vị được lấy mẫu:

Đại diện: Ông (Bà)....Nguyễn Anh Quang....Chức vụ:........................

Đại diện: Ông (Bà)........................Chức vụ:........................

3. Đại diện đơn vị chứng kiến/giám sát:

Đại diện: Ông (Bà)........................Chức vụ:........................

Đại diện: Ông (Bà)........................Chức vụ:........................

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường như sau:

I. Điều kiện hoạt động của cơ sở khi đo đạc, lấy mẫu:

....Hoạt động BT....

Điều kiện khí tượng khi đo đạc, lấy mẫu:

....Trời nắng....

II. Số lượng các loại mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Lượng mẫu	Tọa độ
Nước thải				
1	NTSH.01	Tại hố ga đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Quang Minh.	3 lít	KĐ: 105,751832 VĐ: 21,203090
2				KĐ: VĐ:

HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, Phường Thanh Liệt, TP Hà Nội

ĐT: 0936175507 Email: Haticovietnam2016@gmail.com VIMCERTS 269 - VILAS 1349

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Lượng mẫu	Tọa độ
Không khí xung quanh				
1	KXQ.01	Tại cổng nhà máy	04	KĐ : 105,751667 VĐ : 21,203285
2	KXQ.02	Tại vị trí xây dựng nhà xưởng mới	04	KĐ : 105,751551 VĐ : 21,203133
3				KĐ : VĐ :
Khí thải				
1	KT.01	Khí thải sau hệ thống xử lý xưởng bột bả tường.	01	KĐ : 105,750331 VĐ : 21,202273
2	KT.02	Khí thải sau hệ thống xử lý khu vực nghiền xưởng sản xuất sơn nước.	03	KĐ : 105,750351 VĐ : 21,201623
3				KĐ : VĐ :

Biên bản được lập ngày 12 tháng 7. năm 2025. Sau khi đọc nội dung đại diện các bên thống nhất ký và ghi rõ họ tên vào biên bản. Biên bản này được lập thành 2. bản, mỗi bên giữ 1. bản và có giá trị ngang nhau.

Đại diện Cơ sở được lấy mẫu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Anh Quang

Đại diện đơn vị lấy mẫu
Quan trắc viên
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Đình Lộc

Đại diện đơn vị yêu cầu lấy mẫu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đại diện đơn vị chứng kiến/giám sát
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 170 /2025/CV-NĐ	
V/v ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án "Công ty cổ phần Galaxy Việt Nam"	*Hà Nội, ngày 03 tháng 09 năm 2025*

Kính gửi: Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức (Công ty Nam Đức) nhận được công văn số 1308/CV-GALAXY ngày 20 tháng 08 năm 2025 của Công ty Cổ phần Galaxy Việt Nam, V/v lấy ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án "Công ty cổ phần Galaxy Viêt Nam" tại Lô 48, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội. Sau khi xem xét, Công ty Nam Đức có ý kiến như sau:

1. Về vị trí thực hiện dự án đầu tư:

Dự án "Công ty cổ phần Galaxy Viêt Nam" của Công ty cổ phần Galaxy Viêt Nam đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Nay là Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp TP Hà Nội) cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu ngày 11/03/2016, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 6/6/2025 được phép hoạt động trong Khu công nghiệp Quang Minh.

2. Về tác động môi trường của dự án đầu tư:

Công ty Nam Đức đề nghị Công ty cổ phần Galaxy Viêt Nam thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành và nội dung đánh giá, dự báo các tác động của Dự án đến môi trường; các tác động rủi ro, sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

3. Về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

Công ty Nam Đức yêu cầu Công ty cổ phần Galaxy Viêt Nam xây dựng hệ thống XLNT nước thải sinh hoạt, thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh xử lý đạt giá trị C, cột B, QCVN 40:2011/BTNMT theo Hợp đồng dịch vụ XLNT số 68B/2024/HĐ-XLNT ngày 1/4/2024 ký với công ty Nam Đức.

Đối với nước thải sản xuất có chứa kim loại nặng, Công ty Nam Đức yêu cầu Công ty cổ phần Galaxy Viêt Nam thu gom triệt để và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Trường hợp để rò rỉ nước thải sản xuất vào hệ thống thu gom nước sinh hoạt hoặc hệ thống thoát nước mưa, Công ty cổ phần Galaxy Viêt Nam phải chịu hoàn toán trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước và Công ty Nam Đức. Sau mỗi

lần chuyển giao, Công ty cổ phần Galaxy Viêt Nam có trách nhiệm cung cấp chứng từ vận chuyển cho Công ty Nam Đức.

4. Về Chương trình quản lý và giám sát môi trường; Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Công ty Nam Đức đề nghị Công ty cổ phần Galaxy Viêt Nam thực hiện đúng Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; Chương trình quản lý và giám sát môi trường; Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường sau khi được cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt.

5. Về các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư

Công ty Nam Đức đề nghị Công ty cổ phần Galaxy Viêt Nam thực hiện nghiêm túc các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường nêu trong Báo cáo.

Công ty Nam Đức phúc đáp tới Công ty cổ phần Galaxy Viêt Nam biết, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

M.S.D.N: 2500222438-C.T.
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
H. MÊ LINH - TP. HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khắc Sơn

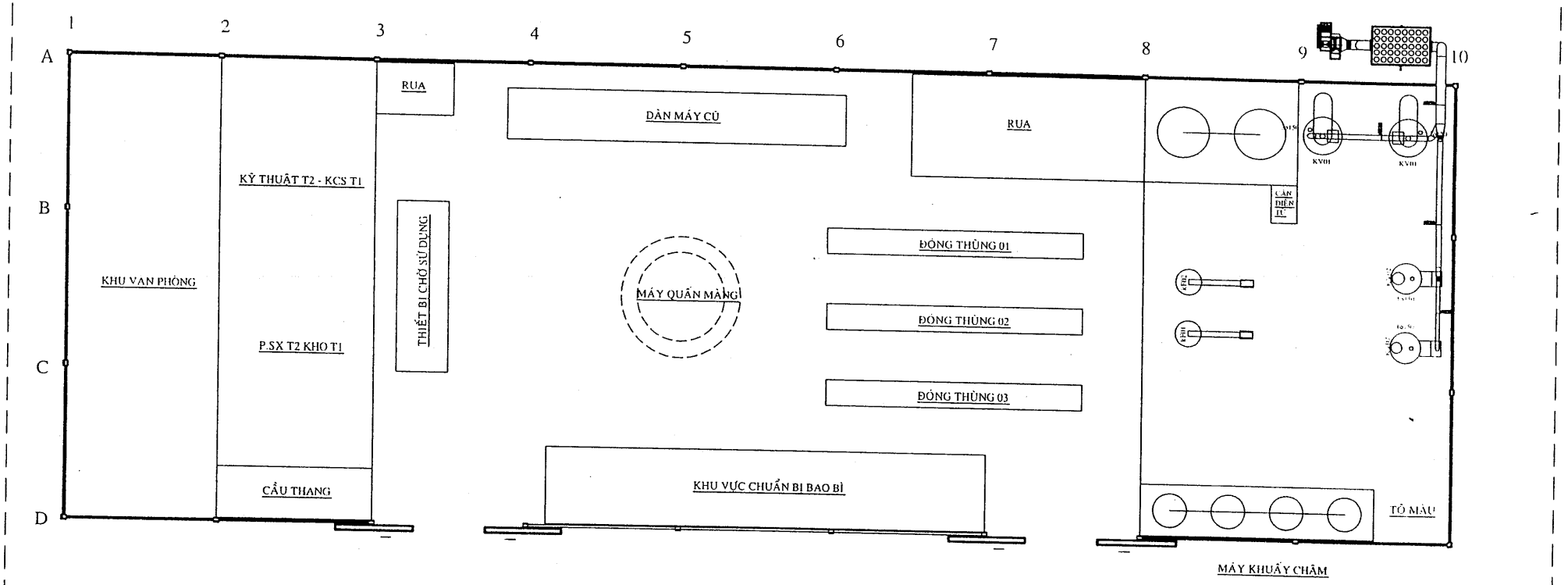

MẶT CẮT 9 - 10

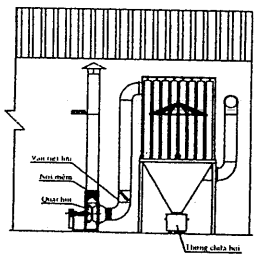

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

+Quạt ly tâm CCF-3032 N5,5
-Lưu lượng: Q = 7.000 m^3/h
-Áp suất: P = 190 kg/m^2
-Công suất: N = 7,5kW
-Số lượng: 01 cái

+Thiết bị rung giũ cơ khí CJC - 63.B
-Lưu lượng: Q = 7.000 m^3/h
-Tổng số lượng túi lọc:
40 cái Ø200 x 2500 mm
-Loại vải lọc: TZZ0500-HSAA
-Tổng diện tích vải lọc:63 m^2
-Số lượng: 01bộ

CÔNG TY TNHH TM - SX CHÂU PHÚ			CÔNG TY TNHH GALAXY		
Vẽ	Thiết kế	Duyệt	BẢN VẼ MẶT BẰNG HỆ THỐNG I (XƯỞNG SẢN XUẤT SƠN)		Duyệt
			Số lượng:	Tỷ lệ:	
Nguyễn Văn Tứ	Trần Minh Tuấn	Thanh Xuân	Ký hiệu:	Vật liệu:	Ngày:

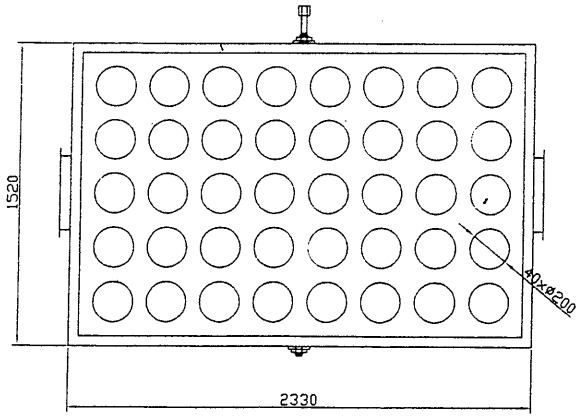

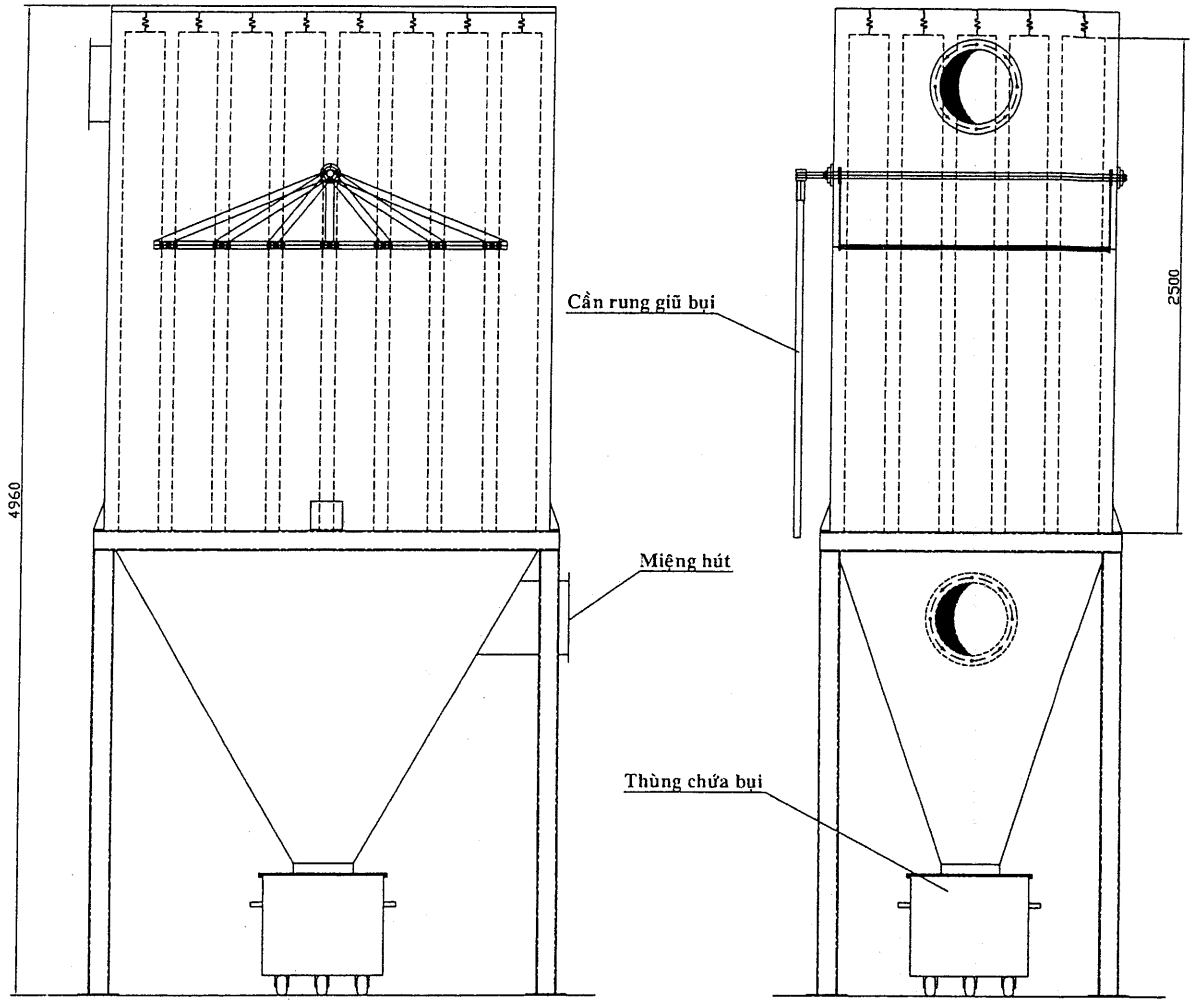

+Thiết bị rung giũ cơ khí

-Lưu lượng: Q = 7.000 m^3/h

-Tổng số lượng túi lọc:

40 cái Ø200 x 2500 mm

-Loại vải lọc: TZZ0500-HSAA

-Tổng diện tích vải lọc:63 m^2

-Số lượng: 01bộ

CÔNG TY TNHH TM - SX CHÂU PHÚ			CÔNG TY TNHH GALAXY	
Vẽ	Thiết kế	Duyệt	BẢN VẼ THIẾT BỊ LỌC	Duyệt

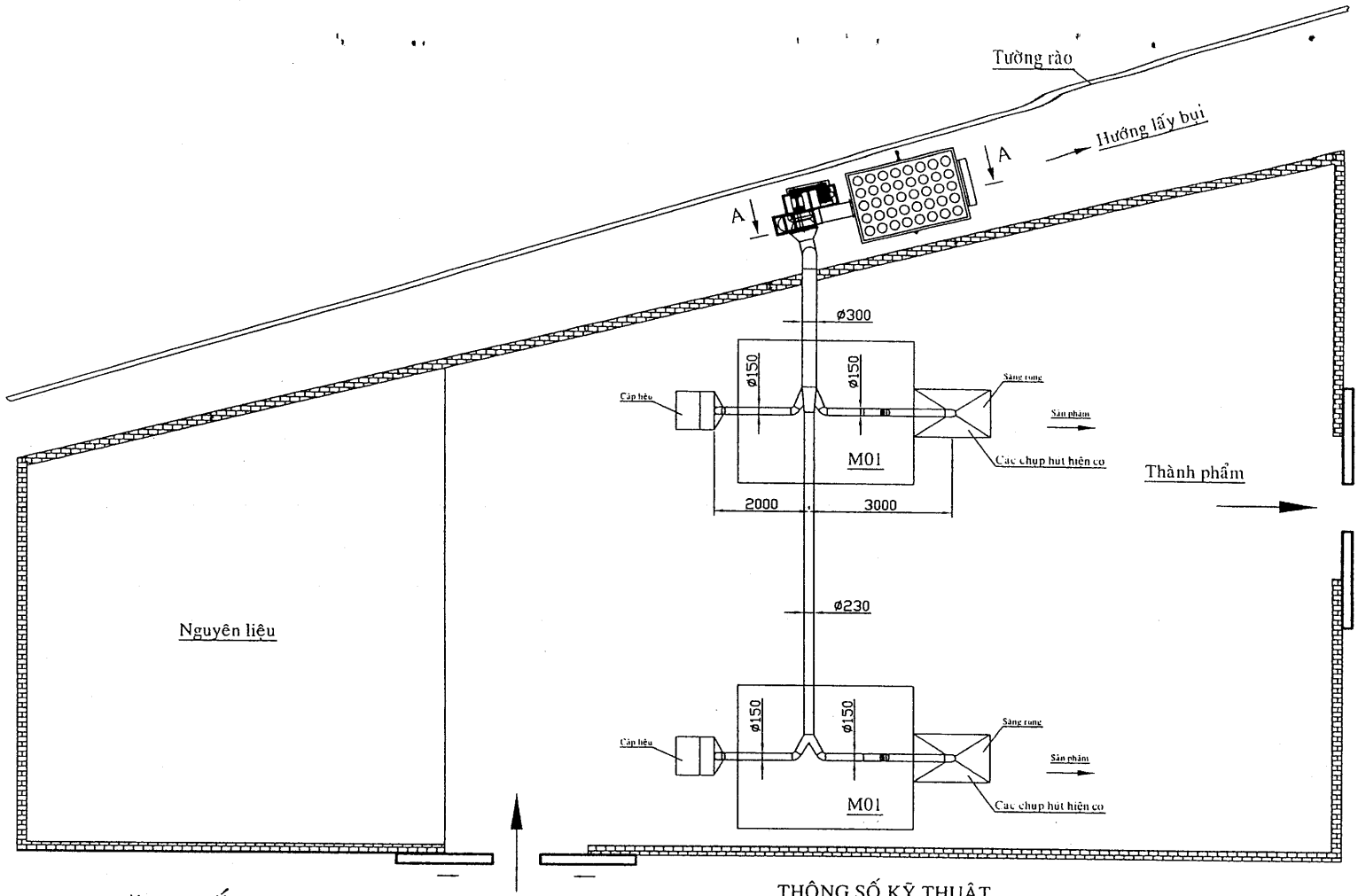

MẶT CẮT A-A

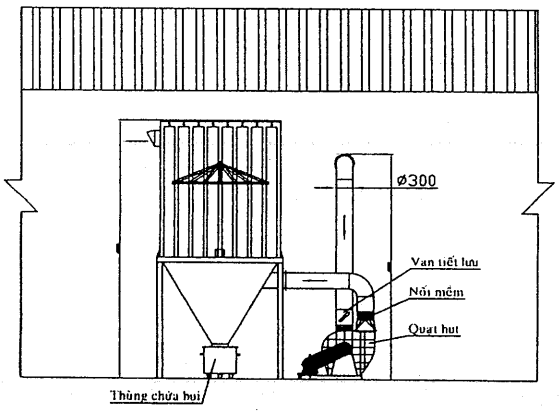

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

+ Quạt ly tâm CCF-3032 N5,5
- Lưu lượng: Q = 7.000 m^3/h
- Áp suất: P = 190 kg/m^2
- Công suất: N = 7,5kW
- Số lượng: 01 cái

+ Thiết bị rung giũ cơ khí CJC - 63.B
- Lưu lượng: Q = 7.000 m^3/h
- Tổng số lượng túi lọc: 40 cái Ø200 x 2500 mm
- Loại vải lọc: TZZ0500-HSAA
- Tổng diện tích vải lọc:63 m^2
- Số lượng: 01bộ

CÔNG TY TNHH TM - SX CHÂU PHÚ			CÔNG TY TNHH GALAXY		
Vẽ	Thiết kế	Duyệt	BẢN VẼ MẶT BẰNG HỆ THỐNG II (XƯỞNG BỘT BẢ)		Duyệt
			Số lượng:	Tỷ lệ:	
Nguyễn Văn Tứ	Trần Minh Tuấn	Lê Thanh Xuân	Ký hiệu:	Vật liệu:	Ngày:

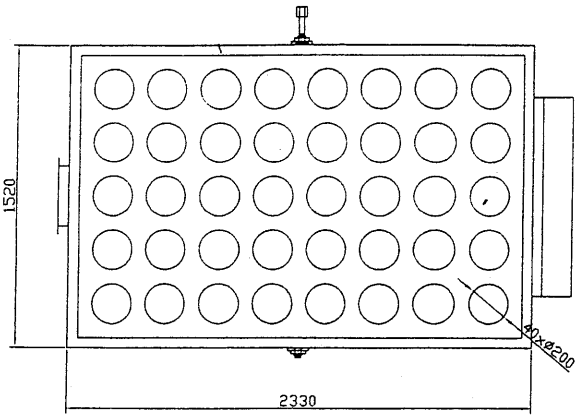

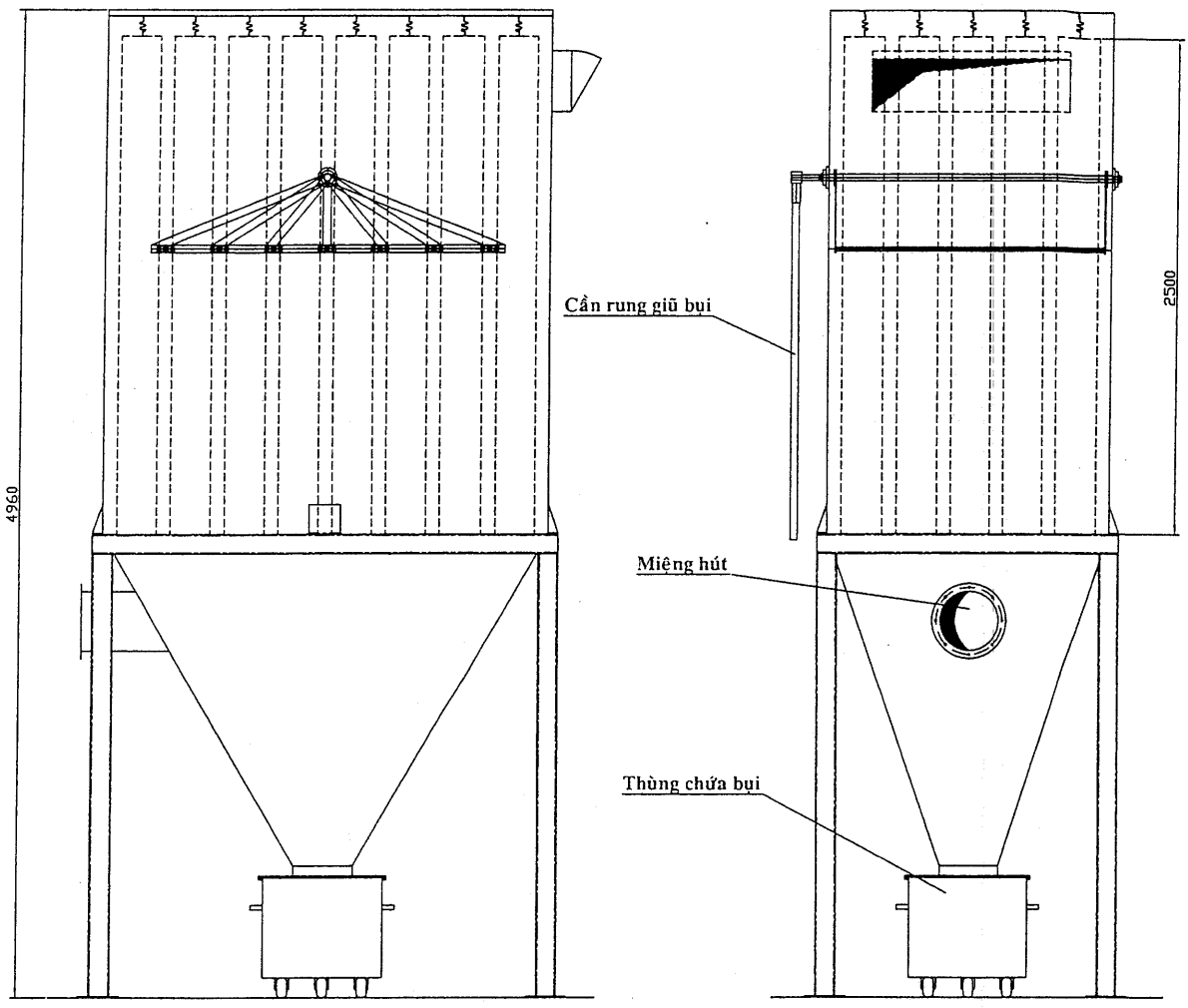

+Thiết bị rung giũ cơ khí

-Lưu lượng: Q = 7.000 m^3/h

-Tổng số lượng túi lọc:

40 cái Ø200 x 2500 mm

-Loại vải lọc: TZZ0500-HSAA

-Tổng diện tích vải lọc:63 m^2

-Số lượng: 01bộ

CÔNG TY TNHH TM - SX CHÂU PHÚ			CÔNG TY TNHH GALAXY	
Vẽ	Thiết kế	Duyệt	BẢN VẼ THIẾT BỊ LỌC	Duyệt

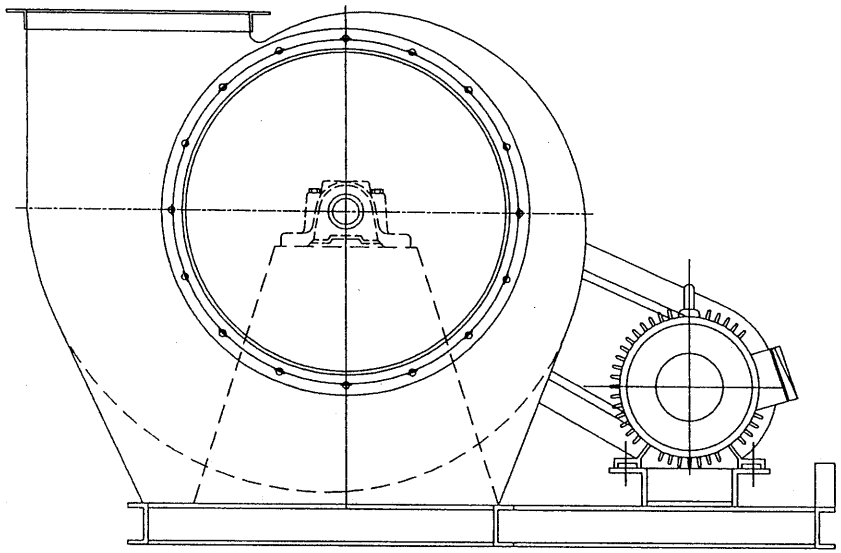

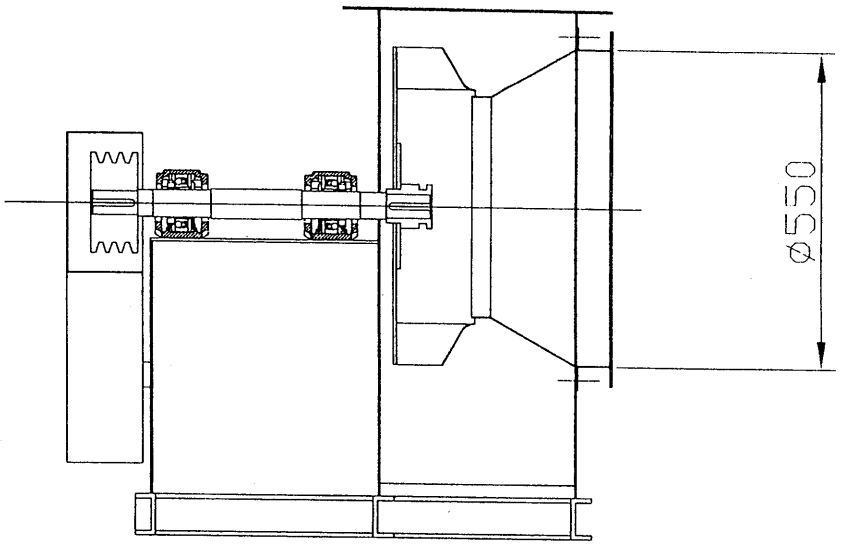

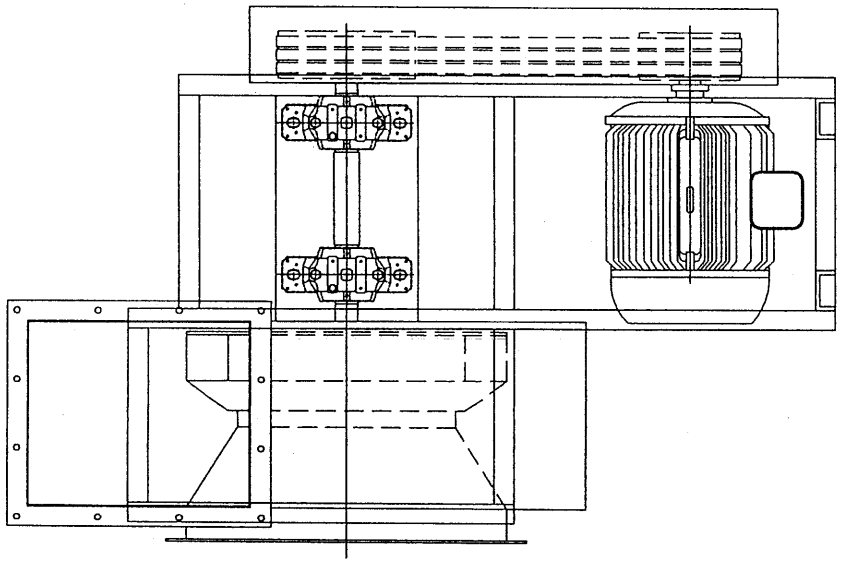

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

+Quạt ly tâm CCF-3032 N5,5
-Lưu lượng: Q = 7.000 m^3/h
-Áp suất: P = 190 kg/m^2
-Công suất: N = 7,5kW
-Số lượng: 02 cái

CÔNG TY TNHH TM - SX CHÂU PHÚ			CÔNG TY TNHH GALAXY		
Vẽ	Thiết kế	Duyệt	BẢN VẼ QUẠT LY TÂM		Duyệt
			Số lượng:	Tỷ lệ:	
Nguyễn Văn Tứ	Trần Minh Tuấn	Lê Thanh Xuân	Ký hiệu:	Vật liệu:	Ngày:

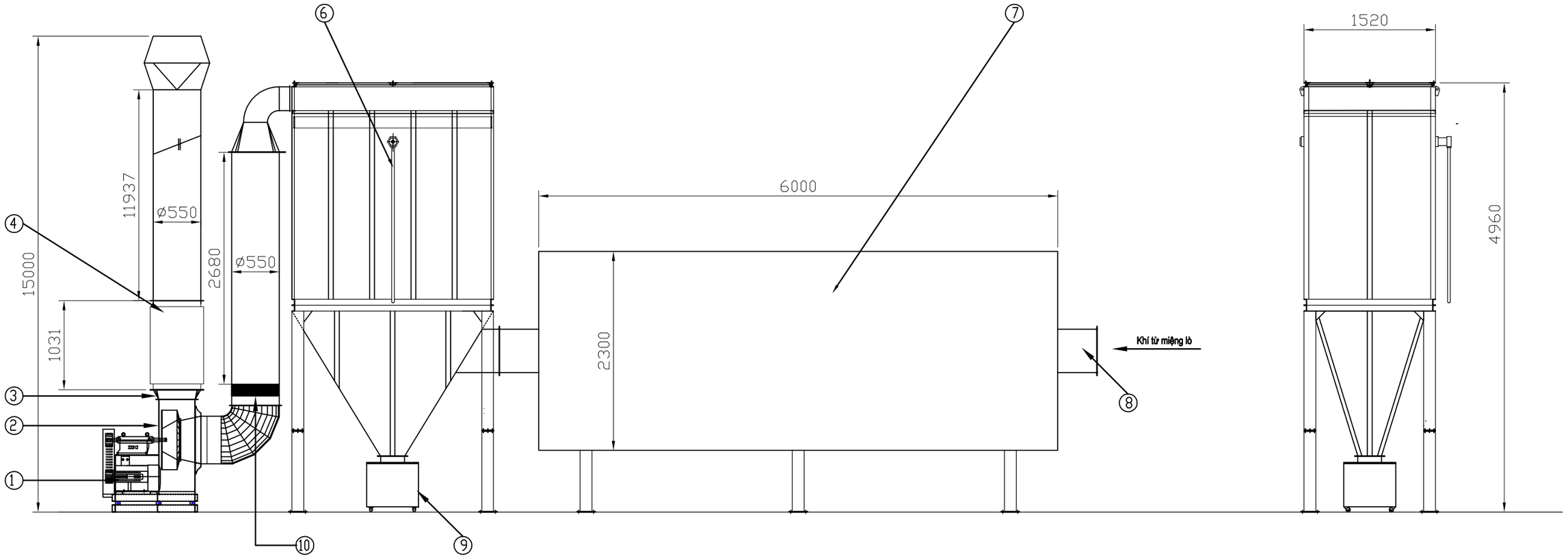

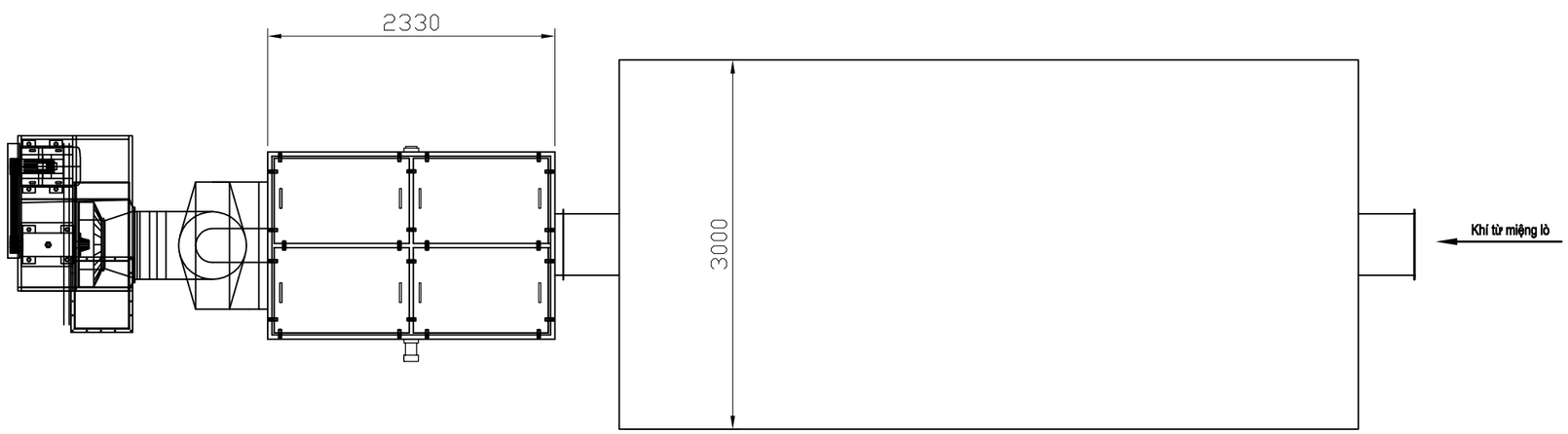

SPECIFICATION

STT	DANH MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SL
1	Động cơ quạt	7.5 KW	1
2	Quạt hút CCF-3032 N5.5	Q= 7000 m3/h, P = 190 kg/m2	1
3	Côn chuyển	THÉP SS400	1
4	Ống thoát khí	THÉP SS400	1
5	Nón thoát khí	THÉP SS400	1
6	Cần rũ bụi	D30 - SS400	1
7	Bộ làm mát	THÉP SS400	1
8	Ống đầu vào	D500 - SS400	1
9	Thùng chứa bụi	THÉP SS400	1
10	Bạt mềm	VẢI BẠT	1

GHI CHÚ
- Hệ thống đặt ngoài trời
- Sơn công nghiệp 2K
- Vật liệu thép SS400

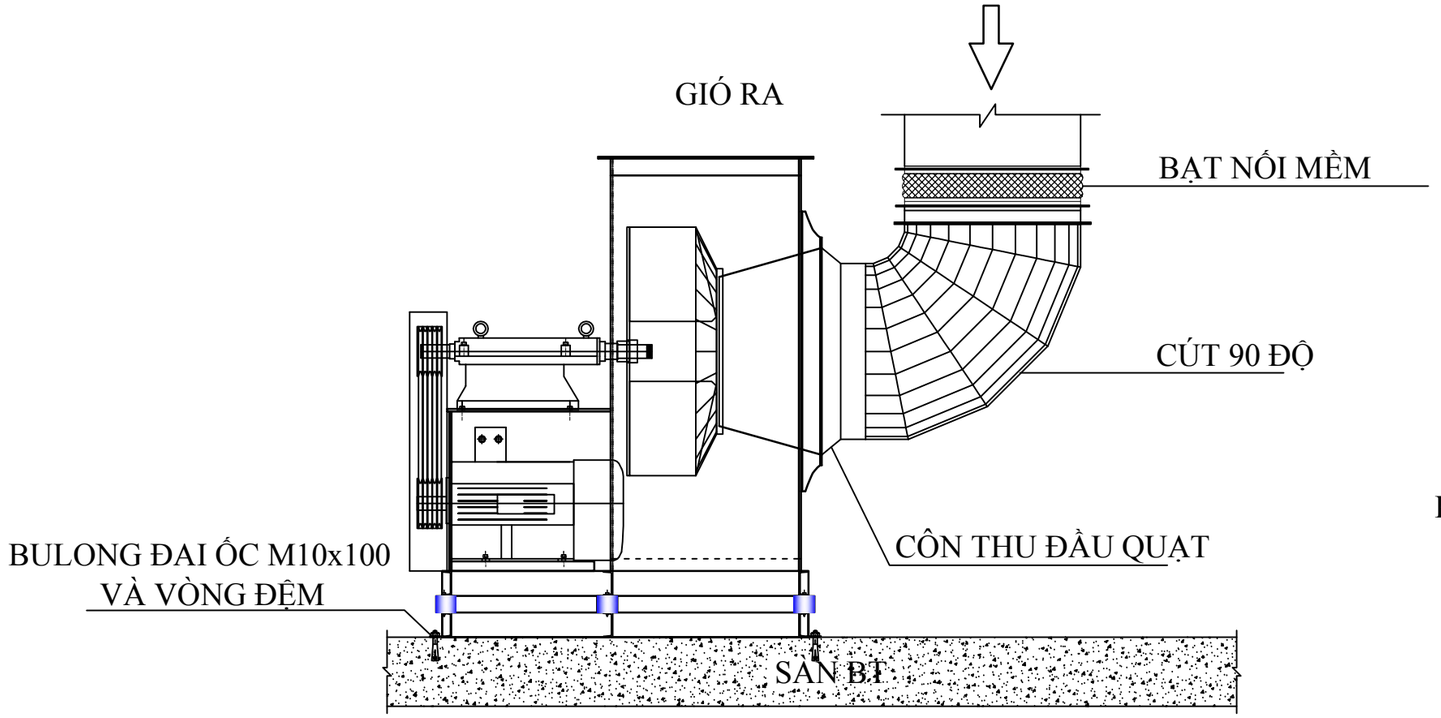

MẶT TRƯỚC

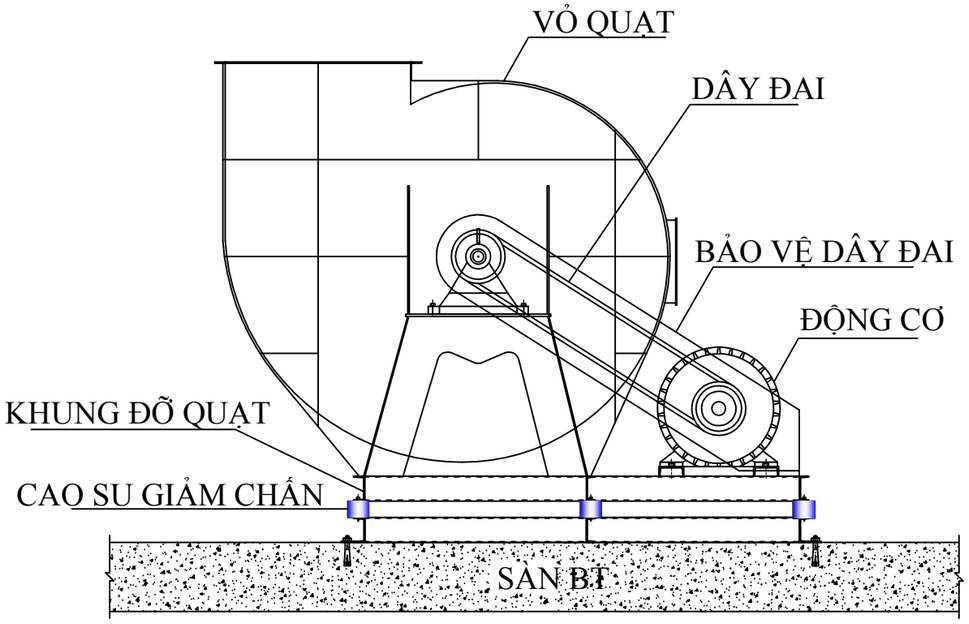

MẶT BÊN

THÔNG SỐ KỸ THUẬT QUẠT LY TÂM

- Lưu lượng: Q = 14.100 m3/h
- Áp suất: P = 600 kg/m2
- Công suất: N = 37 Kw

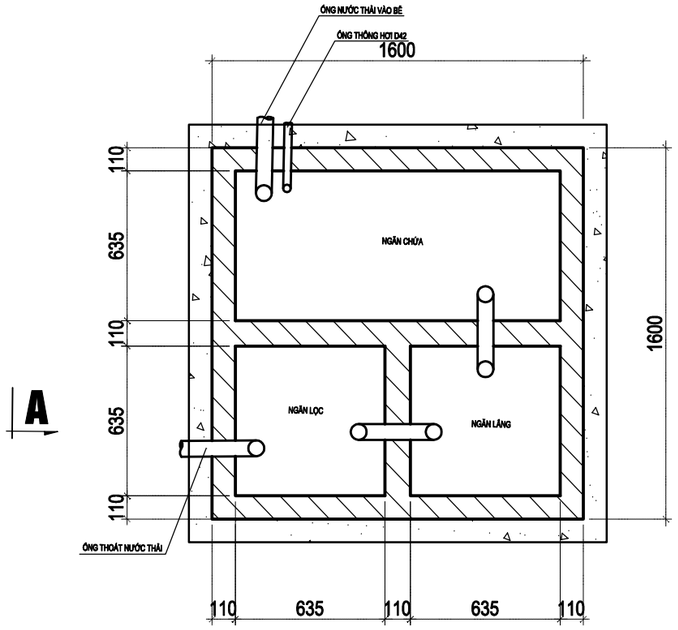

MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

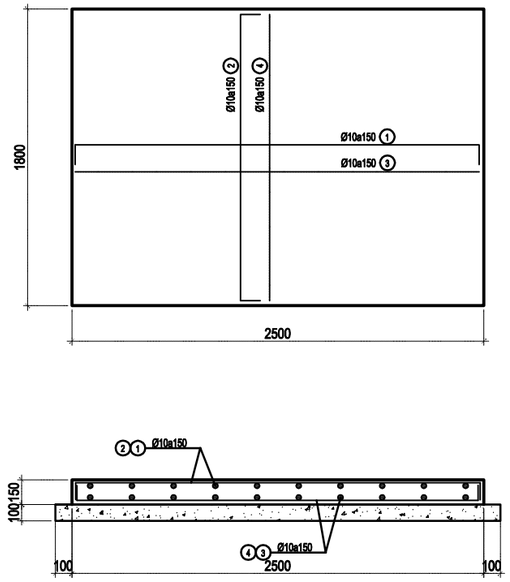

KẾT CẤU ĐÁY BỂ

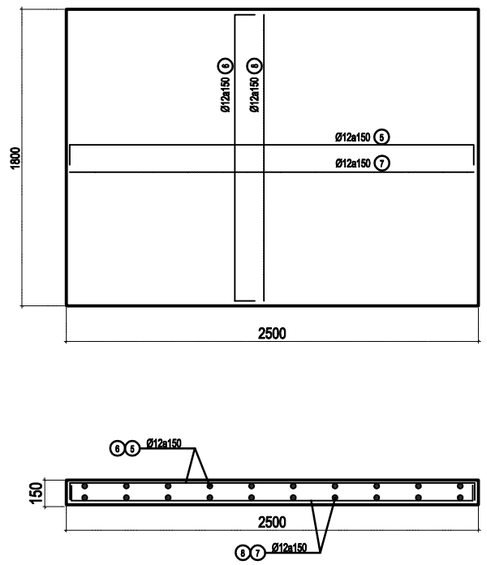

KẾT CẤU NẮP BỂ

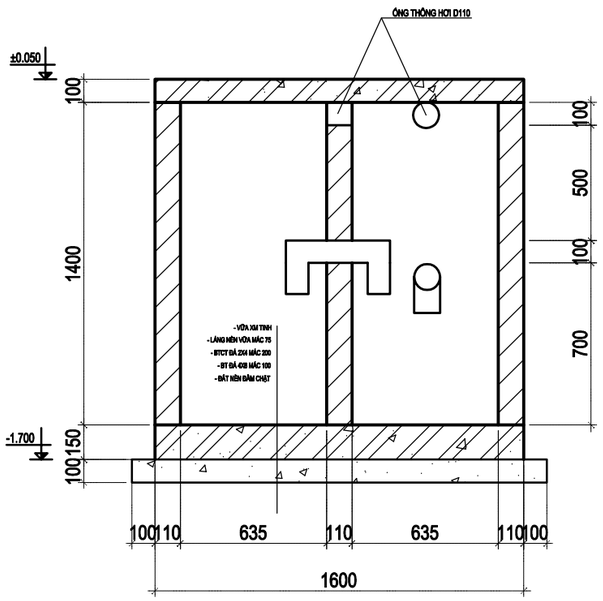

MẶT CẮT A - A

GHI CHÚ

- ĐÀO ĐẤT MỞ RỘNG MỖI BÊN 45CM SO VỚI TƯỜNG BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- BÊ TÔNG LÓT ĐÁ 2X4 MÁC 100. BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÁY, NẮP BỂ DÙNG ĐÁ 1X2 MÁC 250
- TƯỜNG BỂ XÂY GẠCH ĐẶC, VỮA XI MĂNG MÁC 75, PCB40
- TRÁT TƯỜNG BỂ TRONG, NGOÀI VỮA XI MĂNG MÁC 75, DÀY 2CM
- ĐÁNH BÓNG, CHỐNG THẤM TƯỜNG TRONG BỂ BẰNG SIKA TOP SEAL 107

KÝ HIỆU	NGÀY HOÀN THÀNH	NỘI DUNG

DỰ ÁN

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT SƠN NƯỚC VÀ BỘT BẢ TƯỜNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
LÔ 48, KCN QUANG MINH, XÃ QUANG MINH, HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM

NHÀ THẦU :
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN VÀ XÂY LẮP BILGROUP

CHỈ HUY TRƯỞNG		
NGƯỜI LẬP:	TRẦN VĂN VINH	

GÓI THẦU:

THI CÔNG BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ:

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

NGÀY LẬP	06/2025	KHỔ GIẤY : A3
BẢN VẼ SỐ	SHHC-01	HIỆU CHỈNH: REV-00

MẶT BẰNG HỆ THỐNG ỐNG BƠM HÓA CHẤT

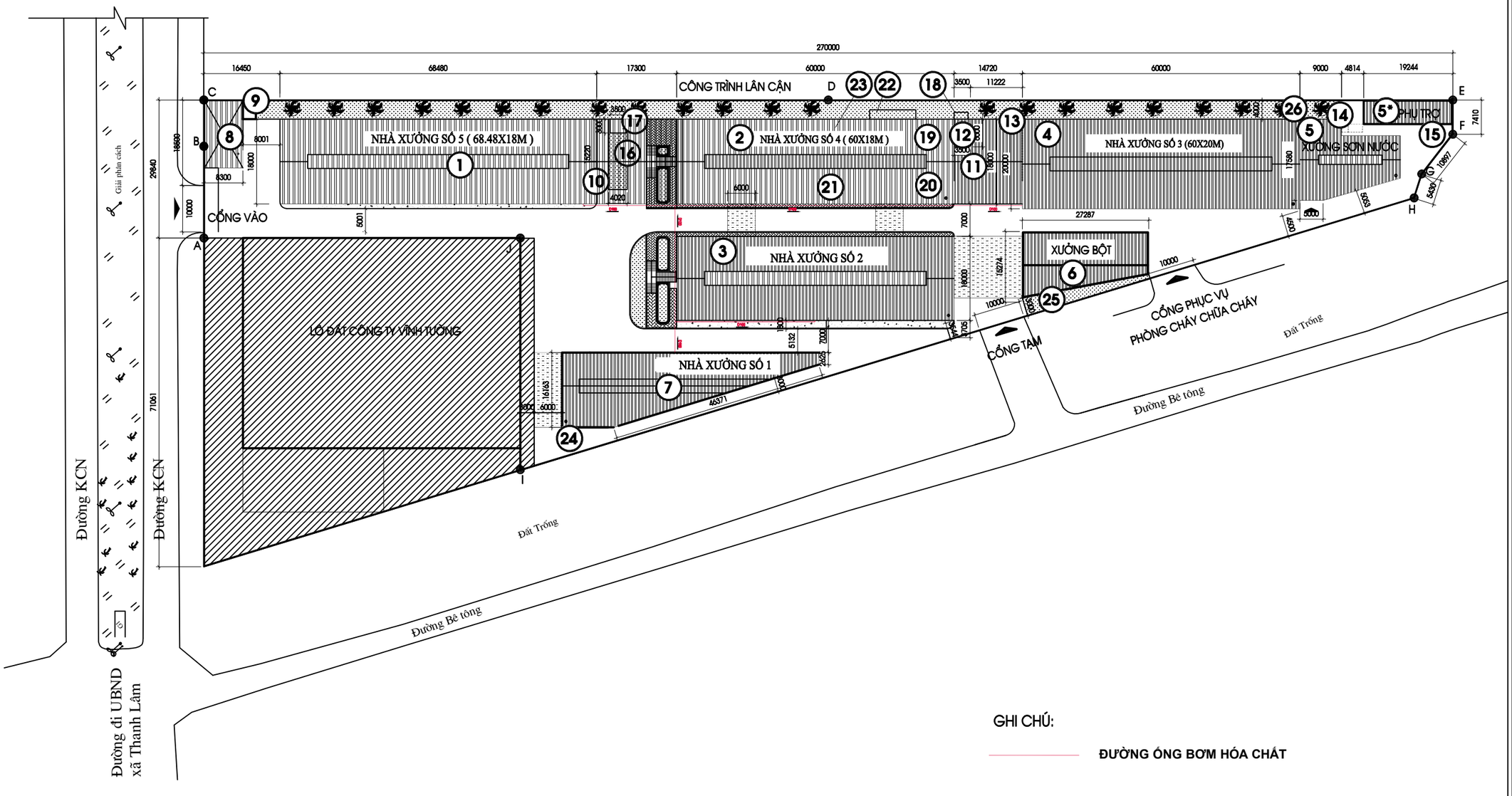

GHI CHÚ - NOTES

SỬA ĐỔI - REVISION

LẦN NO.	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT
1		
2		

DỰ ÁN - PROJECT:

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT SƠN NƯỚC VÀ BỘT BẢ TƯỜNG

ĐỊA ĐIỂM:
LÔ 48 - KCN QUANG MINH
HUYỆN MÊ LINH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER:

CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM

ĐỊA ĐIỂM:
LÔ 48 - KCN QUANG MINH
HUYỆN MÊ LINH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HẢI HÀ VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ - ADD:
SỐ 7 TT7 KHU ĐẤU GIÁ TỪ HIỆP-NGŨ HIỆP, THANH TRÌ, HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR:
VŨ ĐÌNH ĐOAN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - MAIN DESIGNER:
NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

THIẾT KẾ - DESIGN/DRAW BY:
NGUYỄN THÀNH CHUNG

KIỂM TRA - CHECK:
NGUYỄN PHƯƠNG DOANH

HỒ SƠ THIẾT KẾ - DESIGN STATUS:
THIẾT KẾ THI CÔNG

HẠNG MỤC - PART:
KIẾN TRÚC - KẾT CẤU

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

TỔNG MẶT BẰNG

TỶ LỆ - SCALE:	VERSION:	HOÀN THÀNH - ISSUE DATE:
1/100		2025
MÃ DỰ ÁN - PROJECT CODE:		SỐ HIỆU BẢN VẼ - DWG NO: TMB-01

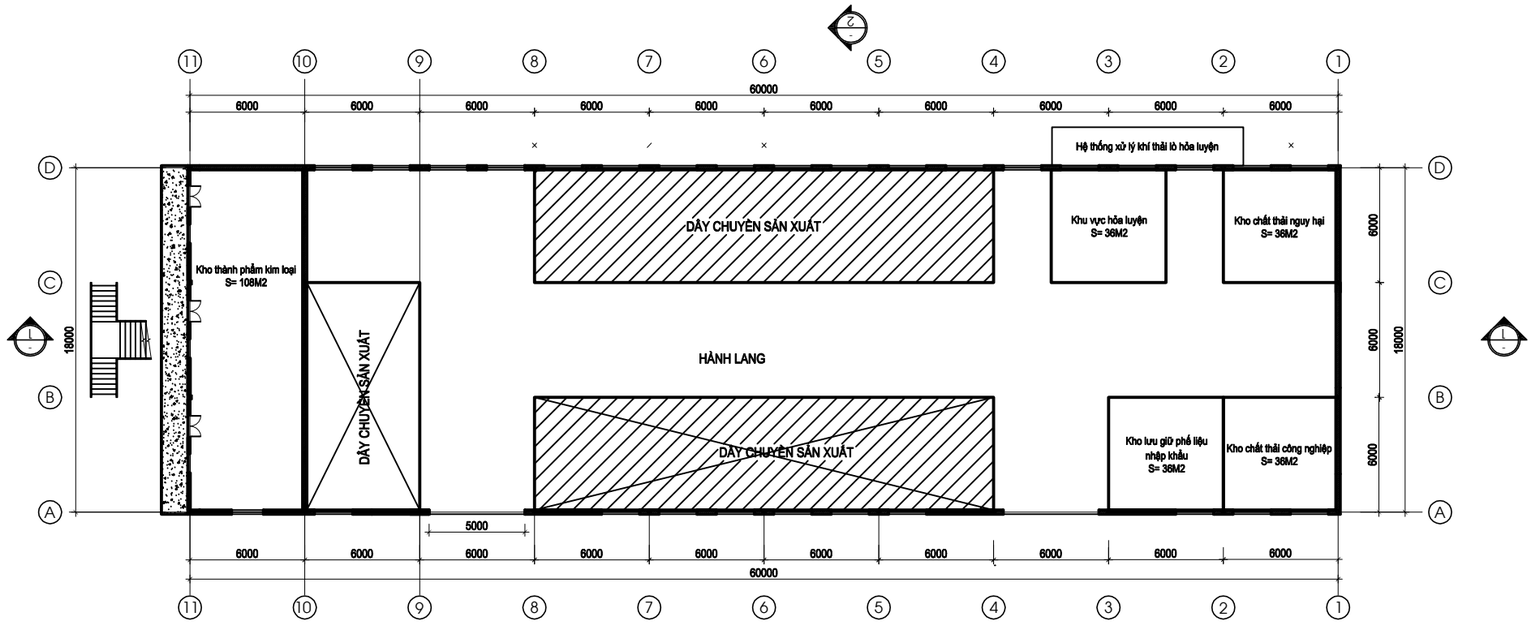

MẶT BẰNG TẦNG 1

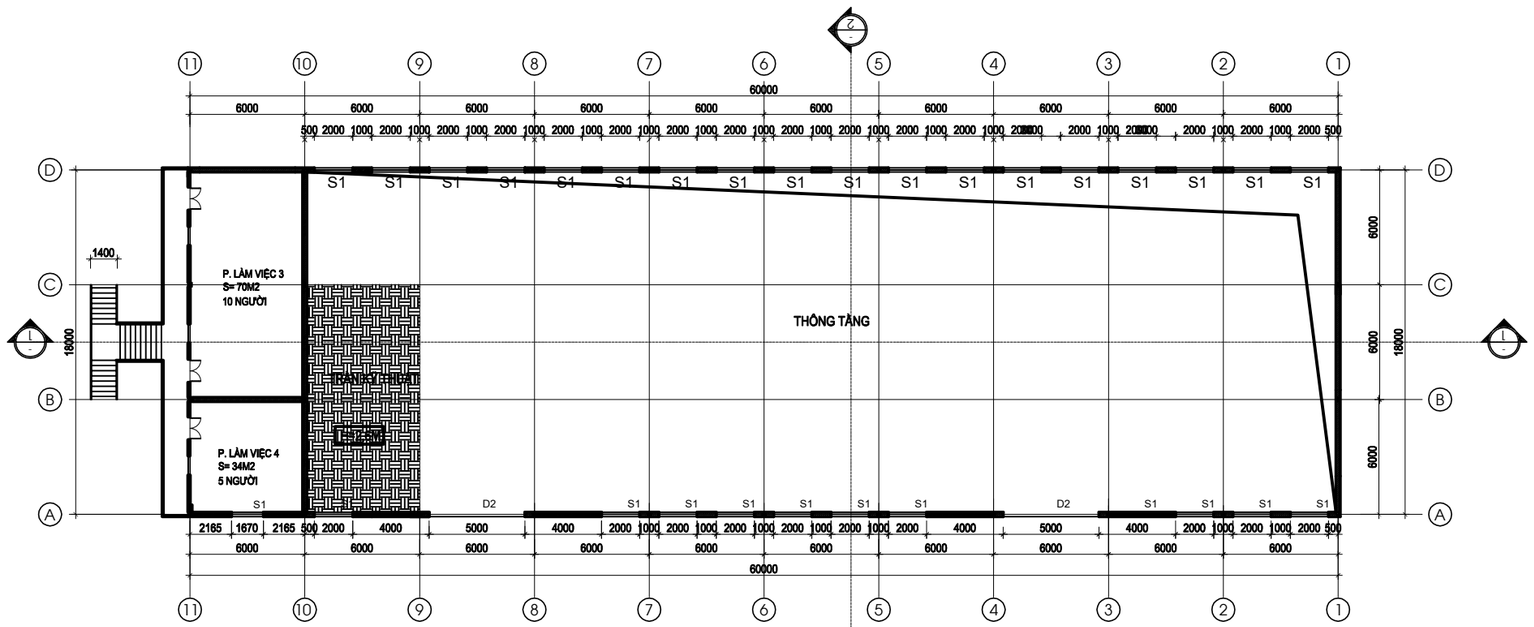

MẶT BẰNG SÀN LỬNG

KÍ HIỆU	NỘI DUNG
	TƯỜNG GẠCH
	VÁCH TÔN
	TÔN THƯỜNG KHÔNG CHÁY

GHI CHÚ:
- CÁC ĐƯỜNG ỐNG KỸ THUẬT XUYÊN SÀN, TƯỜNG VÁCH NGĂN CHÁY PHẢI ĐƯỢC CHÈN BỊT BẰNG VẬT LIỆU NGĂN CHÁY PHÙ HỢP NHƯ VỮA, BÊ TÔNG, XI MĂNG.....
+ TỔNG SỐ NGƯỜI TRÊN 1 TẦNG KHÔNG VƯỢT QUÁ 150 NGƯỜI.
+ CÁC TỦ ĐIỆN CÓ KHỐI TÍCH <1M3, ĐẢM BẢO KHOẢNG CÁCH AN TOÀN ĐẾN CÁC KHU VỰC KHÁC
GHI CHÚ:
- TRÊN TRẦN GIẢ KHÔNG BỐ TRÍ CÁC KÊNH, GIẾNG VÀ ĐƯỜNG VẬN CHUYỂN KHÍ CHÁY, HỖN HỢP BỤI - KHÍ CHÁY, CHẤT LỎNG CHÁY, CHẤT VÀ VẬT LIỆU CHÁY XUYÊN QUA CÁC TƯỜNG VÀ SÀN NGĂN CHÁY LOẠI 1.
- TRẦN GIẢ CÓ CẤU TẠO TỪ THẠCH CAO, LÀ VẬT LIỆU VÔ CƠ KHÔNG CHÁY, KHÓ CHÁY.
-ĐÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ XEM BẢN VẼ KÝ HIỆU: DCNN

GHI CHÚ - NOTES

SỬA ĐỔI - REVISION

LẦN NO.	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT
1		
2		

DỰ ÁN - PROJECT:

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT SƠN NƯỚC VÀ BỘT BẢ TƯỜNG

ĐỊA ĐIỂM:
LÔ 48 - KCN QUANG MINH
HUYỆN MÊ LINH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER:

CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM

ĐỊA ĐIỂM:
LÔ 48 - KCN QUANG MINH
HUYỆN MÊ LINH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HẢI HÀ VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ - ADD:
SỐ 7 TT7 KHU ĐẤU GIÁ TỪ HIỆP-NGŨ HIỆP, THANH TRÌ, HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR:
VŨ ĐÌNH ĐOAN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - MAIN DESIGNER:
NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

THIẾT KẾ - DESIGN/DRAW BY:
NGUYỄN THÀNH CHUNG

KIỂM TRA - CHECK:
NGUYỄN PHƯƠNG DOANH

HỒ SƠ THIẾT KẾ - DESIGN STATUS:
THIẾT KẾ THI CÔNG

HẠNG MỤC - PART:
KIẾN TRÚC - KẾT CẤU

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG NHÀ XƯỞNG

TỶ LỆ - SCALE:	VERSION:	HOÀN THÀNH - ISSUE DATE:
1/100		2025
MÃ DỰ ÁN - PROJECT CODE:		SỐ HIỆU BẢN VẼ - DWG NO: KT-12

TỔNG MẶT BẰNG

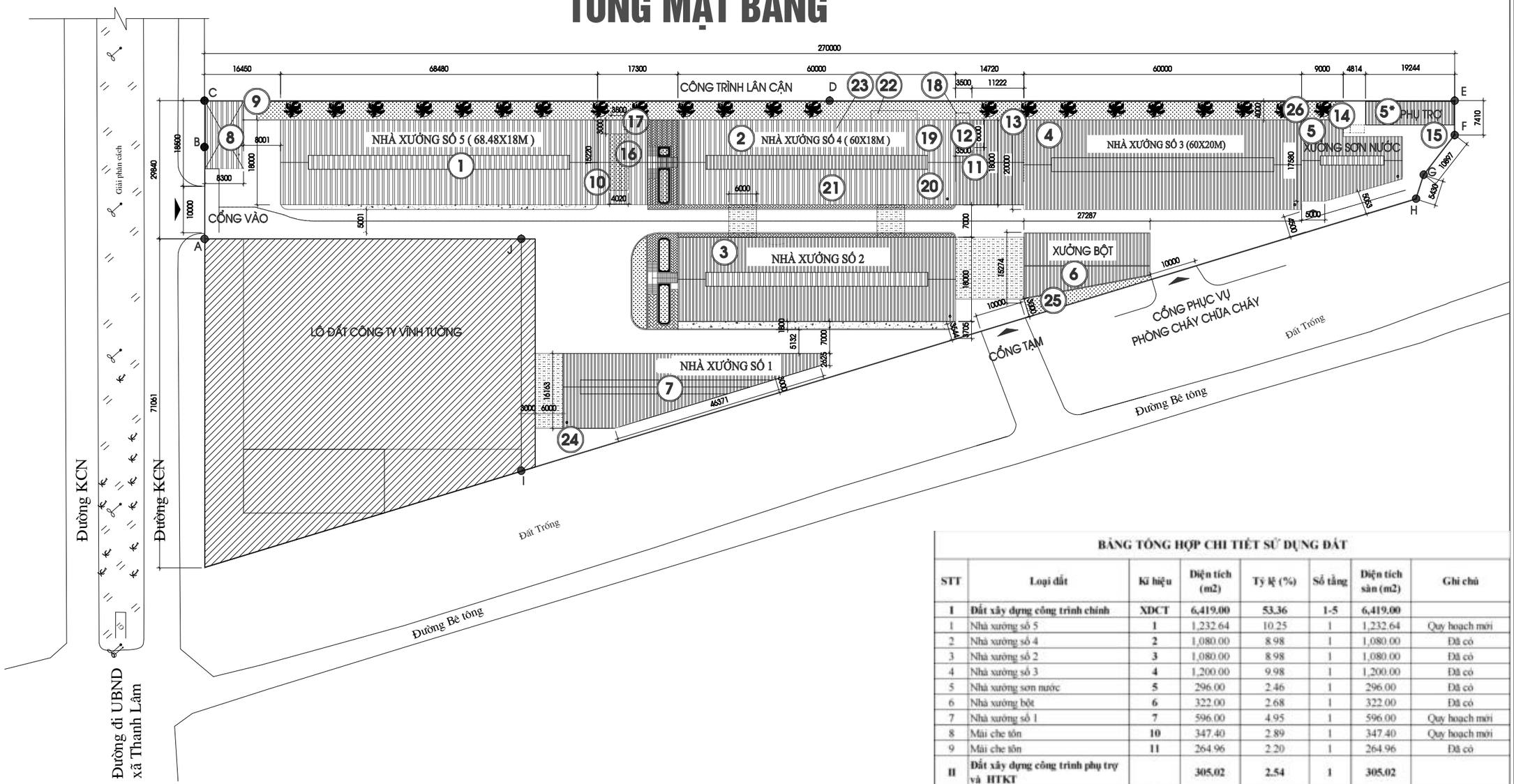

KÝ HIỆU

- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- HÀNG RÀO
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- CỔNG RA VÀO
- SỐ TẦNG
- ĐẤT GIAO THÔNG
- ĐẤT CÂY XANH
- MÁI HIÊN DI ĐỘNG

GHI CHÚ:
- MÁI NHÀ XƯỞNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Loại đất	Kí hiệu	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Số tầng	Diện tích sàn (m2)	Ghi chú
I	**Đất xây dựng công trình chính**	**XDCT**	**6,419.00**	**53.36**	**1-5**	**6,419.00**	
1	Nhà xưởng số 5	**1**	1,232.64	10.25	1	1,232.64	Quy hoạch mới
2	Nhà xưởng số 4	**2**	1,080.00	8.98	1	1,080.00	Đã có
3	Nhà xưởng số 2	**3**	1,080.00	8.98	1	1,080.00	Đã có
4	Nhà xưởng số 3	**4**	1,200.00	9.98	1	1,200.00	Đã có
5	Nhà xưởng sơn nước	**5**	296.00	2.46	1	296.00	Đã có
6	Nhà xưởng bột	**6**	322.00	2.68	1	322.00	Đã có
7	Nhà xưởng số 1	**7**	596.00	4.95	1	596.00	Quy hoạch mới
8	Mái che tôn	**10**	347.40	2.89	1	347.40	Quy hoạch mới
9	Mái che tôn	**11**	264.96	2.20	1	264.96	Đã có
II	**Đất xây dựng công trình phụ trợ và HTKT**		**305.02**	**2.54**	**1**	**305.02**	
10	Nhà phụ trợ sơn nước	**5***	97.00	0.81	1	97.00	Đã có
11	Nhà bảo vệ và nhà chờ lái xe kiêm phụ trợ	**8**	120.72	1.00	1	120.72	Quy hoạch mới
12	Trạm điện	**9**	11.23	0.09	1	11.23	Quy hoạch mới
13	Phòng kỹ thuật điện 1	**12**	21.00	0.17	1	21.00	Đã có
14	Phòng kỹ thuật điện 2	**13**	42.00	0.35	1	42.00	Đã có
15	Khu vực lọc nước	**14**	2.57	0.02	1	2.57	Đã có
16	Bể nước ngầm 1	**15**					Đã có
17	Bể nước ngầm 2	**16**					Quy hoạch mới
18	Phòng bơm chữa cháy	**17**	10.50	0.09	1	10.50	Quy hoạch mới
19	Bể thu gom phòng ngừa sự cố	**18**					Đã có
20	Kho chất thải nguy hại	**19**					Nằm trong xưởng 4
21	Kho chất thải công nghiệp	**20**					Nằm trong xưởng 4
22	Kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu	**21**					Nằm trong xưởng 4
23	Hệ thống xử lý khí thải lò hóa luyện	**22**					Quy hoạch mới
24	Khu vực hóa luyện	**23**					Nằm trong xưởng 4
25	Hệ thống xử lý khí thải nhà hóa chất	**24**					Quy hoạch mới
26	Hệ thống xử lý bụi xưởng bột bả	**25**					Đã có
27	Hệ thống xử lý bụi xưởng sơn nước	**26**					Đã có
III	**Đất cây xanh**		**2,425.00**	**20.16**	-	-	
IV	**Đất giao thông, sân bãi**		**2,880.98**	**23.95**	-	-	
Tổng			**12,030.0**	**100**	**1 - 2**	**6,724.02**	
Mật độ xây dựng			6,724.02/12,030.0 x 100 = **55.89 %**				
Hệ số sử dụng đất			6,724.02/12,030.0 = **0,56 (lần)**				

GHI CHÚ - NOTES

SỬA ĐỔI - REVISION

LẦN NO.	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT
1		
2		

DỰ ÁN - PROJECT:

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT SƠN NƯỚC VÀ BỘT BẢ TƯỜNG

ĐỊA ĐIỂM:
LÔ 48 - KCN QUANG MINH
HUYỆN MÊ LINH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER:

CÔNG TY CỔ PHẦN GALAXY VIỆT NAM

ĐỊA ĐIỂM:
LÔ 48 - KCN QUANG MINH
HUYỆN MÊ LINH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HẢI HÀ VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ - ADD:
SỐ 7 T17 KHU ĐẤU GIÁ TỪ HIỆP-NGŨ HIỆP, THANH TRÌ, HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR:
VŨ ĐÌNH ĐOAN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - MAIN DESIGNER:
NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

THIẾT KẾ - DESIGN/DRAW BY:
NGUYỄN THÀNH CHUNG

KIỂM TRA - CHECK:
NGUYỄN PHƯƠNG DOANH

HỒ SƠ THIẾT KẾ - DESIGN STATUS:
THIẾT KẾ THI CÔNG

HẠNG MỤC - PART:
KIẾN TRÚC - KẾT CẤU

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:
TỔNG MẶT BẰNG

TỶ LỆ - SCALE:	VERSION:	HOÀN THÀNH - ISSUE DATE:
1/100		2025
MÃ DỰ ÁN - PROJECT CODE:		SỐ HIỆU BẢN VẼ - DWG NO: TMB-01